**MỤC LỤC**

**ĐỀ MỤC** **TRANG**

THÁNH TỰA 1

**CHƯƠNG I** 5

**VŨ TRỤ NHẤT NGUYÊN**

TIẾT I. BẢN NGUYÊN SƠ THỈ LÀ NGUYÊN LÝ VŨ TRỤ 5

 Mục 1. Vì sao cuốn Đạo Học Chỉ Nam ra đời? 5

Mục 2. Nghĩa chữ Đạo Học Chỉ Nam 6

Mục 3. Minh Lý là công cụ của Đạo để hiệp Trời và Người 7

Mục 4. Đạo vô hình nên phải mượn tượng trưng để giải thích 7

TIẾT II. TỰ DO CON NGƯỜI ĐỐI VỚI DỊCH HÓA – THỜI 10

VÔ THỂ VÀ HỮU THỂ

Mục 1. Con người có tự do không? 10

Mục 2. Tại sao mất tự do? Vô minh 11

Mục 3. Ở trong thời gian và không gian, phải chịu phần

dịch hóa, tức là luân hồi sanh tử 12

 Mục 4. Trời vô thể và hữu thể 13

TIẾT III. SỰ BIẾN HÓA CỦA TRỜI ĐẤT LÀ MỘT CUỘC TUẦN

HOÀN TO TÁT, ĐẦY CẢ SỰ RẮC RỐI, BÍ HIỂM 16

Mục 1. Có động tức có phản 16

Mục 2. Muôn hình ngàn trạng cũng gốc ở âm dương 17

Mục 3. Thường nhân nghiên cứu ở ngọn thì thấy có hai, có nhiều 18

Mục 4. Thánh nhân dụng cả hai bên: hiển chư nhân tàng chư dụng 19

Bài trùng tụng 20

TIẾT IV. BIẾT LUẬT SANH HÓA MỚI CÓ THỂ TIẾN HÓA VÀ

ĐỒNG NHẤT CÙNG TRỜI, LÀ ĐẶNG GIẢI THOÁT 23

Mục 1. Thái Cực 23

Mục 2. Âm dương, Vũ trụ, Thời gian và không gian 24

Mục 3. Tứ tượng 25

Mục 4. Ngũ hành (Tứ tượng hiệp với Thổ ở giữa trung ương

là NGŨ HÀNH) 26

Mục 5. Bát quái 28

Mục 6. Tự do giải thoát là Trung đạo ở trong cuộc biến hóa 29

**CHƯƠNG II** 34

**NHÂN SINH NHỨT QUÁN**

TIẾT I. LỜI NÓI ĐẦU 34

 Mục 1. Cảnh nguy vong của nhân loại hiện thời 34

Mục 2. Làm sao để giải thoát cho con người 35

Mục 3. Các Thánh nhân đã tìm nhiều phương xây dựng loài người 36

TIẾT II. GIÁ TRỊ CON NGƯỜI 37

Mục 1. Nghĩa con người theo sách Lễ Ký, Đại học 37

Mục 2. Nghĩa con người theo thuyết Vương Dương Minh,

Tuân Tử 39

Mục 3. Nghĩa theo giáo lý Lão Tử Thích Ca 40

Mục 4. Giá trị con người là do người tự tạo 41

TIẾT III. TÁNH LÀ NHÂN BẢN 42

Mục 1. Nghĩa chữ TÁNH, tuyệt đối và tương đối 42

(theo nghĩa chiết tự)

Mục 2. Sanh và tâm hậu thiên (đời) 44

Mục 3. Biến dịch sanh tử 47

Mục 4. Sanh và Tâm Tiên Thiên (đạo) 50

TIẾT IV. Ý HƯỚNG CỦA CÁC TÔN GIÁO VÀ HỌC THUYẾT

VỀ NHÂN SANH 57

Mục 1. Tổng luận 57

1. Về tình trạng giáo thuyết hiện kim 57
2. Về Đạo học Đông Phương và Tây phương 59

Mục 2. Giản lược về giáo lý của các tôn giáo và học thuyết 61

1. Nói về ba giáo Đông phương: THÍCH, LÃO, NHO 61

1/ Phật giáo 61

2/ Lão giáo 63

3/ Nho giáo 64

1. Nói về các tôn giáo mới xuất hiện tại nước

VIỆT NAM 66

1/ Đạo Hòa Hảo 66

Tổng luận các Đạo họ Minh 66

2/ Đạo Minh Lý 67

3/ Đạo Cao Đài 69

Mục 3. Giản lược các học thuyết Âu tây 71

 1/ Tổng luận về văn minh âu tây 72

 2/ Học thuyết Descattes (1596 – 1650) 71

 3/ Học thuyết của Hégel với sự chuyển biến của nó 74

4/ Học thuyết của Karl Marx 77

5/ Hành động đấu tranh của thuyết Karl Marx

về con người 79

 Mục 4. Lý trí học thuyết ngày nay như thế nào? 83

1. Đạo học và khoa học khác nhau ở căn bản

Đạo Học căn cứ vào Tâm linh và Khoa học

căn cứ vào lý trí 83

1. Kết quả hành động của lý trí học thuyết là tiêu

diệt lẫn nhau 84

 Bài văn vần 86

 **CHƯƠNG III** 91

**ĐẠO PHÁP NHỨT ĐƠN** 91

TIẾT I. THIÊN MẠNG 91

Mục 1. Công dụng của Đạo Pháp chỉ là nhứt đơn 91

a) Kinh văn 91

 b) Trùng tụng (không có)

Mục 2. Đơn chẳng riêng ngoài Thiên mạng, là Lý tuyệt đối

của Vũ trụ 92

1. Kinh văn 92
2. Trùng tụng 96

Mục 3. Thiên mạng trong người là Bát Nhã 97

1. Kinh văn 97
2. Trùng tụng 102

TIẾT II. ĐẠO TÂM 107

Mục 1. Đạo tâm hướng ngoại, Mất tánh hồn nhiên 107

1. Kinh văn 107
2. Trùng tụng 108

Mục 2. Giữa tâm động và bất động, là hoảng hốt yểu minh 112

1. Kinh văn 112
2. Trùng tụng 113

Mục 3. Ngược dòng Cơ vi, là phương tu nhập thánh 117

1. Kinh văn 117
2. Trùng tụng 118

TIẾT III. HOÀNG CỰC 121

Mục 1. Thượng Đế hữu thể 121

1. Kinh văn 121
2. Trùng tụng (không có bài)

Mục 2. Thượng Đế vô thể 124

1. Kinh văn 124
2. Trùng tụng 128

Mục 3. Hoàng Cực Đại Trung 131

1. Kinh văn 131
2. Trùng tụng (không có bài)

TIẾT IV. PHƯƠNG MÔN TU LUYỆN 137

Mục 1. Tu Kim đơn là hiệp thần khí, nhật nguyệt 137

1. Kinh văn 137
2. Trùng tụng (không có bài)

Mục 2. Tam ngũ hiệp nhất 138

1. Bắc Tây sanh kim tình (phách). Đông Nam sanh

mộc tánh (Hồn) 138

1. Tứ phương qui trung, là Lý là Mồ Kỷ môn,

là Chơn Lý 140

1. Chơn ý xuất hiện trung ương thổ: Vạn thù

qui nhứt bổn 142

Mục 3. Nghĩa Kim đơn theo các quẻ Châu Dịch 143

 **CHƯƠNG IV 147**

**DUNG HÒA NHỨT LÝ** 147

TIẾT I. KHÁI QUÁT 147

 Mục độc nhứt. Thời gian và không gian 147

1. Kinh văn 147
2. Trùng tụng 150

TIẾT II. VŨ TRỤ VÀ CON NGƯỜI 151

Mục 1. Vũ trụ trong màn đêm giới luận 151

1. Kinh văn 151
2. Trùng tụng 155

Mục 2. Sự chi phối của Vũ trụ vào con người 157

1. Kinh văn 157
2. Trùng tụng 161

Mục 3. Dung hòa con người giữa thế giới Vũ trụ 163

1. Kinh văn 163
2. Trùng tụng 167

TIẾT III. NHÂN SINH VÀ CON NGƯỜI 169

 Mục 1. Nhơn sinh trong màn đêm huệ thức 170

1. Kinh văn 170
2. Quán định nhân sinh trên cương vị không gian

hiện hữu của chính nhân sinh 170

1. Quán định nhân sinh trên cương vị thời gian

luân chuyển 171

1. Trùng tụng 173

Mục 2. Tác động nhân sinh trên con người hiện hữu 175

1. Kinh văn 175

1/ Vấn đề tinh thần gồm hai phần: trí thức

và tình cảm 176

2/ Sang khía cạnh vật chất 177

1. Trùng tụng 178

Mục 3. Hiệp hòa con người trong thế giới nhân sinh 180

1. Kinh văn 180

 Quan niệm trên tiêu chuẩn hiệp hòa 181

1. Vấn đề thực hành thứ nhứt được nêu

lên là hiệp hòa, để giải quyết cái màn

đêm u tối của tinh thần nhân loại 182

1. Vấn đề thứ hai là hiệp hòa đề giải

Quyết vấn đề vật chất của nhân loại 183

 b) Trùng tụng 184

TIẾT IV. ĐẠO PHÁP VÀ CON NGƯỜI 186

 Mục 1. Đạo pháp trong màn đêm tâm thức 186

 a) Kinh văn 186

 b) Trùng tụng 190

 Mục 2. Luân động Đạo pháp trên con người thực hữu 191

 a) Kinh văn 191

 b) Trùng tụng 195

 Mục 3. Minh triết con người trong Vũ pháp Đạo học 197

 a) Kinh văn 197

 b) Trùng tụng 202

TIẾT V. QUI KẾT 204

 1/ Trên đối tượng Vũ trụ 206

 2/ Trên đối tượng nhân sinh 206

 3/ Trên đối tượng Đạo pháp 207

 4/ Ba vấn đề Vũ trụ, Nhân sinh và Đạo pháp trên con người 208

 Mục độc nhứt 211

**CHƯƠNG V**  214

**LINH TINH** 214

TIẾT I. ĐỒ THƠ TRUNG NHỨT 214

TIẾT II. HỒNG PHẠM CỬU TRÙ 221

 Trù thứ nhất là NGŨ HÀNH 223

 Trù thứ hai là NGŨ SỰ 223

Trù thứ ba là BÁT CHÁNH 224

 Trù thứ tư là NGŨ KỶ 224 Trù thứ năm là HOÀNG CỰC 225

 Trù thứ sáu là TAM ĐỨC 225

Trù thứ bảy là KÊ NGHI 226

 Trù thứ tám là THỨ TRUNG 226

Trù thứ chín là NGŨ PHÚC LỤC CỰC 227

**KẾT LUẬN** 228

TIẾT ĐỘC NHỨT 228

1. Kinh văn 228
2. Trùng tụng 231

**MINH LÝ ĐẠO**

**TAM TÔNG MIẾU**

**🕮**

**ĐẠO HỌC CHỈ NAM**

**DO**

**ĐỨC TRẦN HƯNG ĐẠO ĐẠI VƯƠNG**

**ĐỨC VẠN HẠNH THIỀN SƯ GIÁNG BÚT**

**VÀ CỤ NGUYỄN MINH THIỆN KẾT TẬP**

**CÁC THÁNH GIÁO VÀ PHÂN RA CÁC TIẾT MỤC**

**NĂM TÂN HỢI**

**(1971)**

**THÁNH TỰA**

**THÁI** bình lập lại đời chơn tu,

**THƯỢNG** đạt hồi minh khử ám mù.

**ĐẠO** Học Chỉ Nam tua lãnh hội,

**TỔ** truyền chơn khuyết, gắng công phu.

 Bần Đạo chào chư hiền đồ, chư môn sanh nam nữ. Hôm nay, Bần Đạo thừa lịnh Chí Tôn, thay mặt **TAM GIÁO ĐẠO SƯ** lâm đàn, chứng lễ Hoàn Kinh và chào mừng sự hiện diện lưỡng đài nữ nam các Hội Thánh. Chư thiên đồ nam nữ môn sanh, thanh tịnh nghe Thánh Tựa.

 **THÁNH** tri tiến thoái trí trung hòa,

 **TỰA** ở tâm thành, chẳng vọng tha.

 **ĐẠO** pháp lưu hành hưng vạn thế,

 **HỌC** tu cải tạo dựng muôn nhà.

 **CHỈ** phương giải thoát, chơn thanh phước,

 **NAM** hướng huyền đồng, lạc thánh ca.

 **BỬU** phiệt đưa người sang giác ngạn,

 **KINH** truyền tỉnh thế độ kỳ ba.

 Từ ngàn xưa, vấn đề Đạo Học kinh điển, đông tây kim cổ bàn giải rất nhiều, tưởng cũng đủ cho người tham khảo lãnh hội chỗ chí đạo chí chơn, tìm phương giải thoát cho con người đạt đến cõi bất sinh bất diệt. Nhưng các kinh điển ấy, hoặc vì dụng ý của cổ nhơn, hoặc vì thời gian hoàn cảnh và trình độ con người, hoặc vì văn tự mỗi thời đại diễn tả khác nhau, chưa đủ làm thỏa mãn cho sự lãnh hội giữa buổi gặp mặt năm châu bốn biển ngày nay, để tài thành một phương châm tổng hợp giữa Đạo Học và Khoa học, giữa Tân Học và Vật Học, tạo nên một thể cộng đồng sinh hoạt cho con người. Vì vậy Đạo Học Chỉ Nam ra đời cốt yếu vạch ra một lối tiến đồng nhứt về Đạo Học, hòng góp phần thực thi sứ mạng ấy.

 Sứ Mạng ấy thực thi tích cực,

 Đạo nguyên lai thuần nhứt hồn nhiên;

 Diệu trong trong diệu, trong huyền,

 Huyền trong huyền diệu, thiêng liêng nhiệm mầu.

Bản căn khởi nguyên đầu một khí,

 Động tịnh nguồn khai thỉ Kiền Khôn;

 Tự nhiên là luật sinh tồn,

 Đất Trời, Người vật ti tôn chương bày.

 Vũ Trụ do bàn tay Tạo Hoá,

 Nắn đúc nên tất cả thành toàn;

 Kho Trời vô tận kỳ quan,

 Thiên hình vạn trạng, cơ mang đủ loài.

 Không sắc hiện, ân oai tỏ rõ,

 Âm dương phân, muôn ngõ ra vào;

 Dọc ngang rộng hẹp, thấp cao,

 Nắng mưa, nóng lạnh, trăng sao vận hành.

 Một nguyên lý sanh thành biến hóa,

 Một luật chung tất cả thuận tùng;

 Bao la lẽ sống cộng đồng,

 Tự do Thượng Đế đặt trong muôn loài.

 Người tối linh tam tài đồng thể,

 Chủng chủng sinh, Thượng Đế phân thân;

 Quyền năng diệu ứng như thần,

 Tham thiên, tán địa, góp phần công lao.

 Tâm thanh tịnh khác nào Trời Đất,

 Tánh hóa sanh, muôn vật nương nhờ;

 Dữ lành ý gốc động cơ,

 Hồi quang phản chiếu phá mơ tỉnh đời.

 Đạo Học cốt dạy người nhiêu đó,

 Tu tập thường sáng tỏ tâm nguyên;

 Hi Hiền, hi Thánh, hi Thiên,

 Tài thành, phụ tướng, thay quyền Hóa Công.

 Cởi mở lòng không không man mác,

 Tình lâng lâng bàng bạc khắp nơi;

Khi Ta đồng nhứt cùng Trời,

 Trời trên, trong giữa, loài người thênh thang.

 Học cái thể rổng rang của Đạo,

 Học vô vi thiện giác không lời;

 Đức hay cảm chúng hoá thời,

 Không tranh với thế thì đời kỉnh tôn.

 Rèn luyện cho tâm hồn minh lãng,

 Vun trồng cho nhơn bản vững sâu;

 Tinh chuyên phản tỉnh nội cầu,

 Lo gì không có pháp mầu nơi tay.

 Tâm là cái điện đài vô tuyến,

 Cách thông giao phương tiện lẹ làng;

 Vượt ngoài thần thức ngũ quan,

 Vị lai, quá khứ, hàm tàng trong thân.

 Chỉ Nam trỏ Thiên chân chủ thể,

 Tuyệt đối quyền Thượng Đế tại tâm;

 Chơn thuần, quỉ phục thần khâm,

 Đổi phàm ra Thánh, phương châm đã bày.

 Vạn năng còn ngủ say chưa tỉnh,

 Nên bước đời vô định phiêu lưu;

 Vương vòng khổ não, bi ưu,

 Đắm trong ái dục, vô mưu bất thành.

 Chỉ Nam dạy tri hành hiệp nhứt,

 Chỉ Nam bày đánh thức vạn năng;

 Dung hòa, tổng hợp, qui căn,

 Vẹt mây sẽ thấy vừng trăng đêm rằm.

 Khỏi dò dẫm nhiều năm phân tích,

 Nhắm thẳng vào mục đích Chơn tâm;

 Địa bàn kim hướng nam châm,

 Huyền quan nhứt khiếu, chỗ âm dương hòa.

 Hòa cùng Trời đất, giữa ta người,

San sẻ tình thương trải khắp nơi;

Nhơn đạo chưa tu, Thiên đạo khó,

Có nên Hiền Thánh, mới nên người.

 Tam Tông Miếu, ngày mồng 1 tháng 3 năm Tân Hợi.

 (27–3–1971)

**ĐẠO HỌC CHỈ NAM**

**CHƯƠNG THỨ NHỨT**

**VŨ TRỤ NHỨT NGUYÊN**

**TIẾT I. BẢN NGUYÊN SƠ THỈ HAY LÀ NGUYÊN LÝ VŨ TRỤ**

**THI**

 **ĐẠO** nghĩa chi môn tối diệu huyền,

 **HỌC** nhi thời tận, đạt thâm uyên;

 **CHỈ** minh chánh thị qui Nguyên lý,

 **NAM** Thiệm Bộ Châu đạo quảng truyền.

**a) Kinh văn**

**Mục I: Vì sao cuốn Đạo Học Chỉ Nam ra đời?**

 Nhơn loại hiện thời đứng trước hoàn cảnh đảo lộn cả một trật tự, làm cho tâm hồn đảo điên. Khác nào con thuyền trôi dạt ngoài bể đại dương, trập trùng sóng gió, sương phủ tuyết bao, đương lúc lay quay chưa biết lối nào để trở lại bến bờ. Nếu không có một “la bàn”, thì làm sao biết hướng nào mà về?

 Ôi! không lẽ để mặc cho sóng to gió lớn xô đẩy, chờ lúc không còn chịu đựng nổi với sự uy hiếp đó, chắc phải sa vào miệng của tử thần. Thiên hạ vì quá hăng hái với thú thích, nào khác chi đám thợ săn mãi đeo đuổi theo con mồi, lạc vào rừng rậm núi sâu, không thấy có đường nào ra.

 Cũng như giữa thời đại ngày nay, muôn ngàn học thuyết, bá vạn đường lối ngược xuôi, kẻ nói thế nọ, người bảo thế kia, ai ai cũng tự mãn, tự tín ở mình, vét hết trí, đổ hết thần, cố để đưa ra một giải pháp hơn đời, hầu thâu tóm hoàn vũ vào tay, chỉ nhận có ta đây là cứu cánh, là an toàn hạnh phúc, nào đông nào tây, xưa nay mới cũ, như khách rao hàng. Nhưng thực tâm của các học thuyết, các tôn giáo đó, cũng vì thương người đời mà thôi.

 Đó phải chăng do nhận thức mà nảy ra muôn đường nghìn lối? Đường lối nhiều nên nhân loại chẳng biết đường nào nên đi, lối nào nên tránh. Mỗi người cũng toan giải thoát lấy thân, tìm lối an toàn. Bởi vậy, nhiều đường mà không đường để tới, nhiều lối nên biết lối nào đi.

 Ôi! Sự mỏi mong đương giục thúc con người để được trở lại nguồn lành cội phúc, sớm xa nơi thảm họa của thời gian, ảo mê của hoàn cảnh. Vì lẽ trên mà hôm nay Minh Lý có tập Đạo Học Chỉ Nam này ra đời.

 Đạo Học Chỉ Nam là một chương trình duy nhứt làm công cụ cho chư đạo tâm, bất cứ ở giáo phái nào, đạt đến “bản nguyên sơ thỉ”, hầu tự độ độ tha.

**Mục IINghĩa chữ “ĐẠO HỌC CHỈ NAM”**

 Đạo Học Chỉ Nam với nghĩa gần của nó là: chỉ dẫn cho loài người nói chung, Minh Lý nói riêng, để thấy bản thể của Trời Đất, bản tâm của con người, bản năng của vạn vật ba thứ đó đều do một nguyên lý phát xuất mà thôi.

Nguyên lý đó gọi là: ĐẠO.

 Muốn tìm về với Đạo, thì phải nhờ ở Học. Học là noi theo, là bắt chước lấy. Có noi theo đó, bắt chước lấy đó thì mới đồng nhứt với Đạo được.

Trung Dung gọi là: “Suất tánh chi vị Đạo” (đoạn này sau sẽ giải).

 **CHỈ NAM** là cái la bàn của người hàng hải dùng để lấy hướng đi biển. Ở dây, Chỉ Nam có nghĩa là: Cuốn Kinh chỉ hướng nhắm thẳng vào chỗ bản thể tuyệt đối.

 Bản thể ấy là trung tâm của vũ trụ, mà cũng là Chơn Tánh của con người hàm chứa từ vật nhỏ như mảy bụi, lớn như Trời Đất, không một vật nào thiếu nó. Nó hiện diện trong từng động tác, mỗi hành vi, mà ta thấy được hay không thấy được. Nó là mầm sống vô biên bất tuyệt. Nó cũng không phải tâm, cũng không phải vật, mà tâm vật cũng đều là nó.

 Thật vậy! Hiện tình nhơn loại, bất cứ ở đông hay tây, đám bình dân hay người thượng trí, cũng thiết tha mong muốn, cốt có một con đường để giải thoát ngoài ảo hóa biến thiên. Nó làm cho tâm hồn đảo điên, mê loạn. Tình trạng xã hội ngày nay nào khác một y viện đầy những bệnh nhân nằm la liệt kêu rên. Thầy thuốc thì nhiều, thầy nào cũng có một chuyên môn bí truyền, nhưng bệnh mỗi người mỗi lúc mỗi khác, lúc nọ đâu giống lúc kia.

 Vì vậy, dầu cho thuốc hay mà không lành bịnh. Bịnh có tạm yên, nhưng rồi một lúc sẽ trở lại hơn xưa, là vì chưa tìm căn do của gốc bịnh. Bịnh có hàn nhiệt, có thực có hư. Tuy không một chứng nhứt đầu, đau bụng, mà bởi hàn nhiệt khác nhau, nên hoàn thuốc hôm qua chữa lành, mà hôm nay không thành công hiệu.

 Vì vậy, nên cần thăm dò căn bịnh, tìm hiểu thời hậu mỗi nơi. Không phải bịnh nào như bịnh nấy, bữa nọ giống bữa kia, mà phải nhận rằng: tất cả vũ trụ vạn hữu là một trường dịch hóa miên miên bất tuyệt. Linh động vô cùng: Phải với trái, có với không, tất thảy từ phút, từ giây đều biến chuyển hình thái đến tâm linh. Nhỏ như đơn tử, lớn như Trời Đất, không một vật nào chẳng động, chẳng thay chiều đổi hướng. Vì vậy, người tìm Đạo, học Đạo cần biết chỗ động chỗ tịnh.

1. Mà động tịnh là đâu?
2. Ấy là phải bước vào sâu hơn nữa, để cùng Trời mà đồng hóa, để cùng Đạo mà ứng thông.

**Mục III: Minh Lý là công cụ của Đạo để hiệp Trời Người.**

 Vậy tập ĐẠO HỌC CHỈ NAM lấy hai chữ MINH LÝ làm công cụ khai thác nguồn lạch tự nhiên, để nối chặt tự nhiên cùng lẽ đương nhiên cho Trời Người là một.

 Mỗi người, mỗi vật, Trời đã ban cho một gia bảo để làm hương hỏa muôn đời. Sự nghiệp ấy, được đem ra sử dụng phát huy hầu trở nên thịnh đức đại nghiệp, tức là Đạo, mà theo đoàn thể MINH LÝ đây, nó là chữ MINH, chữ LÝ, được giải vào chương sau.

 Chư đạo tâm nên hiểu nghĩa sơ của chữ Đạo.

 “ĐẠO” là gì? Như thế nào? Hình dung có được trông thấy không?

“ĐẠO” là không hình danh sắc tướng đâu dễ lấy lý trí khôn ngoan mà dò xét được, lấy lời nói mà diễn tả được.

 Nó không tâm dạng, nên không thể nghe bằng tai, ngửi bằng mũi, nếm bằng lưỡi, mó bằng tay, hay dùng khí cụ tối tân để khám phá nó nổi. Nó không danh, mà Thánh Nhân gượng đặt (tên) để làm mô dạng mà men dò, các Thánh đều đặt một tên riêng:

 Phật thì gọi là PHÁP,

Lão thì gọi là ĐẠO,

Nho xưng THIÊN …….

 Nhưng tên thì nhiều, đông hay tây, xưa và nay các Thánh Nhân hiền triết đều xây quanh chỗ trung tâm mầu nhiệm đó, mà dò xét tăm hơi, mà phát huy đường hướng, để đưa người hướng về đông phương, các Thánh hiền đều nhận chung một lối giống nhau. Gần đây khoa học tân vật lý cũng đã nhìn bằng trực quan, mà có thể đông tây gặp gỡ một ngày không xa.

**Mục IV: Đạo vô hình, nên phải có tượng trưng để giải thích.**

 Muốn nhập thánh siêu phàm, muốn sống thanh bình, thoát ngoài mê vọng đảo điên, hưởng lại cảnh Trời Nghiêu đất Thuấn mà không tìm cho ra cội rễ vui khổ bởi vì đâu, thì khó lòng hưởng được do ý muốn.

 Xưa nay, đông tây, Hiền triết Thánh Nhân đều bàn luận về vấn đền nguyên lý của Trời Đất. Người ta giả định hai đồ biểu: “Vô cực” là một vòng tròn O như số không và hình thái cực thì trong có nửa đen nứa trắng hay là một vòng tròn trắng có một chấm đen.

 Hôm nay, quyển ĐẠO HỌC CHỈ NAM, về chương Đạo Pháp, há không đem ra mà xác định hư thực như thế nào sao?

 Bản thể của Đạo đã là huyền vi bí mật, nên khó hình dung, mới tạm mượn phù hiệu đó làm tượng trưng.

 Lúc ban sơ, ngôi Vô Cực nầy còn trong thể tiềm tàng nên trống không, im lìm lặng lẽ, không gợn mảy hào. Khởi kỳ thỉ, Vô Cực gom tụ Chơn nguyên làm một điểm tại trung tâm, nên Dịch gọi là Thái Cực.

Hình đồ Thái Cực thì bên trong cho ta thấy ôm kín một âm một dương.

Tuy có hai tên Vô Cực và Thái Cực, nhưng không phải là hai ngôi riêng biệt mà đó chỉ là hai trạng thái của một tư thế (hai mặt của một vật) (nhứt thể lưỡng diện).

 Đây là phần luận giải, chương này không bàn xa hơn là căn cứ vào Dịch thơ, để mở một lối vào cửa Đạo.

**b) Trùng tụng**

**THI**

 Vẹt chín từng mây lộ ánh hồng,

 Núi sông hiểm trở được khai thông;

 Con đường lui tới không ngăn ngại,

 Bốn biển chung trong cảnh đại đồng.

**BÀI**

 Đạo mầu nhiệm muốn vào chẳng dễ,

 Quá mênh mông như bể như rừng;

 Thoạt trước mặt, thoạt sau lưng,

 Như chừng là có, như chừng là không.

 Vô hình danh, vô tông, vô tích,

 Biết lấy đâu làm đích mà phăng;

 Nhận cho suốt lẽ tri, năng,

 Mối manh, gút mắt, tằn mằn mở ra.

 Đạo là chi mà ta tha thiết?

 Giữ hay buông có thiệt gì không?

 Đạo là muôn mối cộng thông!

 Đất Trời nhân vật gồm trong Đạo này.

 Lắm cần thiết từng giây từng phút,

 Không thể lìa một chút sát na (ngắn ngủi);

 Nơi thân cơ cấu điều hòa,

 Hành vi động tịnh, điều là chủ trương.

 Ngoài xã hội, kỷ cương trật tự,

 Giữa Kiền Khôn chống giữ quân phân;

 Ngày đêm thời tiết xoay vần,

 Bớt quyền kẻ bạo, thêm phần người thua. (lấy dư bỏ thiếu)

 Quyền thống ngự trên vua tất cả,

 Ngôi trung tâm Tạo Hóa đất trời;

 Tuy là chẳng lộ tâm hơi,

 Mà đâu đâu cũng bày phơi hiển trình.

 Trong chữ Minh () ấn hình Nhựt () Nguyệt ()

 Ẩn chưa trình, Lý thiệt Viên minh;

 Tiên thiên Thái nhứt vô hình,

 Thể trung () chưa động, ý tình tịch liêu (vắng lặng).

 Động mà thể không điêu, không động,

 Hóa trở nên hệ thống cơ quan;

 Chấp kỳ cơ ngẫu lưỡng đoan,

 Phân nghi, lập tượng, mở mang đất trời.

 Quang vinh ai kẻ được huyền đồng,

 Siêu vượt không thời, mọi mối thông;

 Chẳng sắc, chẳng không, ngoài đối đãi,

 Cùng Trời đồng Nhứt để ghi công.

**TIẾT II. TỰ DO CON NGƯỜI ĐỐI VỚI DỊCH HÓA.**

**TRỜI HỮU THỂ VÀ VÔ THỂ**

**THI**

 Vẹt bụi xua mây, mở lối vào,

 Thử nhìn vạn pháp, rõ âm hao;

 Con đường ngăn cách vì đâu thế?

 Mà cảnh trần hoàn lắm thấp cao?

**Mục 1. Con người có thể đặng tự do không?**

 Các bậc Thánh nhơn Hiền triết lần lượt xuất hiện xưa nay, từ đông sang tây, mà chúng ta và mọi người đều biết. Các Ngài vì tâm thương đời cứu độ chúng sanh, nên sớm giác ngộ, tự thấy được cõi thế gian này, ví như một lao tù mà loài người đều chịu giam hám trong hỏa ngục tối tăm, không cách nào thoát khỏi nhiều bức thành kiên cố, mà đành an phận với hành phạt khổ đau.

 Ôi! Trò biến hóa đã diễn những tấn kịch vô cùng ảo diệu, làm cho tâm hồn đảo điên mê mẫn, chẳng còn thấy gì, biết gì cao quí hạnh phúc tự do, về cả tinh thần lẫn xác thịt. Các Ngài đã sớm vượt khỏi sự ràng buộc của hoàn cảnh, trấn ngự được dục vọng, ở lòng im lặng, một mình nơi thâm sơn mật thất, chú định duy nhứt ở chơn tâm, mà trầm tư mặc tưởng. Các Ngài nhờ lấy trực quan (trực giác), mà khám phá cơ mầu nhiệm của đất trời, để thăm dò nguồn sống linh động, phổ biến trôi chảy của vạn vật, nhuần thấm cho vũ trụ bao la, để được đồng nhứt cùng Trời.

 Các Thánh triết ở Ấn Độ và Trung Hoa, cũng như Do Thái, La Mã, Hy Lạp đều nhận bản thể của vũ trụ là tự tánh hằng hữu, tồn tại bất biến. Tự tánh đó là nguồn sống vô biên, tràn ngập, trở nên thiên sai vạn biệt, muôn hình ngàn trạng. Bản nguyên tự thể đó là tự do, ngoài không gian và thời gian, im lặng không bị một vật nào câu thúc. Chỉ có đồng nhứt với tự thể đó mới có tự do, mới không còn bị Vũ trụ ảo hóa, phỉnh phờ, ám ảnh được.

**Các Ngài đã trực quan, nhận thấy tự thể ở trong Hư Vô đó, là một vật nằm ở trong Hư Vô, đương vươn lên hiện thể mà sáng tạo, hóa sanh ra Vũ Trụ và người vật. Thế là Vũ Trụ và người vật từ nơi tự do mà ra, đứng trong sự tự do và trở về với tự do. Ấy là Đạo.**

**Mục 2. Tại sao mất tự do? Vô minh**

**Đã nói xuất sanh nơi tự do, người vật đều được tự do mà đến, tự do mà hình thành, thế mà nhìn lại thế có gì tự do đâu? Chi chi cũng đều bị dưới quyền sai xử của trò ảo hóa, biến thiên di dịch, sống khổ, sống đau trong vòng xiềng xích luân hồi, không đầu không cuối.**

**Nhưng đã sanh làm người, bị ảo giác sinh lý của giá quan trong vòng ảo hóa của lý trí, tâm tư ý tưởng phối hợp với ngoại giới, gây xáo trộn đảo điên. Đó phải chăng vì lửa dục vọng tràn lên, che khuất tự tánh, bị vô minh ám ảnh không còn trông thấy được bản thể thì làm gì có được tự do?**

**Một vật hồn nhứt trong Hư Vô (coi nghĩa phía sau mục 4), đương vươn lên hiện thể. Đó là Thái Cực mà các tôn giáo gọi chung là Trời hay Thượng Đế hay Thái Cực, là nguồn sống tự do, chân thật tồn tại. Tự thể đó nối liền với tự nhiên và đương nhiên, vô và hữu, là ngôi Đại Trung chuyển thân ứng hóa trong mỗi vật, mỗi hình, đâu đâu, ở đâu và lúc nào cũng hiện diện.**

**Thái Cực phân âm dương làm cơ cấu sáng tạo.**

**Nguồn gốc Vũ Trụ người vật, đông tây, nay và xưa, ai cũng công nhận trong Kiền Khôn thế giới, có một bản nguyên chủ tể làm trung tâm điều lý. Người vật bởi đó mà ra, vạn đức bởi đó mà vào. Thái Cực chủ tể tự thân gồm cả các pháp vô lậu, nghĩa là tự thể của Đạo chơn thiệt hằng hữu, thanh tịnh tuyệt đối.**

**Về phần dụng (thì cái bản nguyên đó) hiện ra Vũ Trụ người vật, sự mầu nhiệm cực kỳ thâm vi, cực kỳ ảo diệu, không thể lấy ngôn ngữ để diễn tả, lấy tư tưởng mà hình dung. Nếu cố cưỡng mà nói, cố cưỡng mà vẽ vời thì càng làm cho mờ xa với lẽ thật. Nếu Thiền tông chỉ lấy tâm mà truyền tâm, không lập văn tự, vì bản sơ nguyên thỉ là tuyệt đối, vượt ra ngoài không gian thời gian, nhân và quả.**

**Dầu loài người có Thánh trí thông minh cũng nằm trong hữu hạn của căn trần mà thôi, đâu có thể đem cái hữu hạn mà đo được cái vô cùng, nên càng nói nhiều lại càng lầm lỗi lớn. Muốn nhận thấu lẽ Một suốt tận kia, phải nhìn bằng trực giác, nghĩa là bằng cái Chơn Tâm thực thể của mình, mới mong hội thông cùng Chơn lý.**

**Đây xin giả lập một vài cụ thể, theo sự nhận thức bằng giác quan của người, để tiện đi sâu vào chơn tướng của Đạo. Ví như đám trẻ chưa hề thấy được con rồng, nên phải chỉ cho nó bằng một con rắn. Song con rồng có chân, có gạc chẳng những bò như rắn, mà còn bay được lặn được, muốn nhỏ thì thâu hình, muốn to thì phóng khí, để làm mây làm mưa.**

**Vì sự nhận biết hằng ngày ở trí người phương đông về phần hình nhi thượng, chỉ có Đạo dịch là hình dung được phần lớn cả hai phương diện của một thực thể là Đạo. Vậy chữ Dịch () giống như chữ Minh () hay gần như chữ Đơn () vì ba chữ nầy đều ghép lại có chữ nhựt () và chữ nguyệt ().**

**Đây là chữ Dịch làm Đạo hiện thể, sáng tạo theo như Hà Đồ, lấy chữ Minh làm chỗ “vạn thù qui nhứt” theo như Lạc Thơ.**

**Đó là “nguyên thỉ phản chung”. Hệ Từ nói: “*Bảo hợp Thái Hòa*”, ở Lạc Thơ là Hoàng Cực. Đó chưa phải rốt ráo của công phu, mà còn một từng sâu hơn nữa, không còn thấy một dấu vết nào, của hai thể nhựt nguyệt. Đó là hình chữ Đơn. Hình nầy là kết chung của Vũ Trụ.**

**Về phần Hoàng Cực qui tông, sẽ nói chương sau, như luyện đạo tu đơn, cũng sẽ bàn tới.**

**Đây mượn chữ Dịch để dẫn nhập vào cửa Đạo, hầu mọi người thông thấu cơ mầu nhiệm của đất trời.**

Mục 3. Ở trong thời gian không gian, phải chịu phần dịch hóa, tức là luân hồi sanh tử.

**Dịch là biến đổi, song sự biến đổi có cái sở dĩ nhiên, nằm sâu hai mối động tịnh là âm với dương, nên thể của Dịch là Thái Cực, dụng của Dịch là âm dương. Hệ Từ nói: “Dịch hữu Thái Cực”, thế là Dịch có một thể “bất dịch” làm Thái Cực, còn âm dương về phần dụng, luôn luôn di dịch, biến hóa “biến dịch” sâu kín không lường.**

**Đây về chương V của Hệ Từ, có câu: “Nhứt âm nhứt dương chi vị Đạo”. Thế là Đạo có một âm một dương. Dương là động, âm là tịnh. Về không gian thì âm dương đối nhau, về thời gian thì âm đắp đổi nhau.**

**Vũ Trụ, người vật không có một pháp trần nào mà chẳng có âm dương. Dầu to lớn hay nhỏ bé đến đâu, cũng bởi âm dương mà hình thành cả.**

 **Xưa nay, các nhà Hiền triết cũng như các Đấng Thánh Hiền, đều bàn cải về vấn đề âm dương không ngớt. Đứng về không gian, thấy nó như đối lập, luôn luôn có sự mâu thuẫn, xô xát nhau mãnh liệt. Về thời gian thì nó lại tương quan nối tiếp (quan liên) trau đổi nhau.**

**Song đã là Dịch thì luôn luôn dịch hóa, có dịch hóa mới sanh thành, có tương đồng mới tồn tại. Nhưng đã hiện ra âm hay dương thì lẽ cố nhiên ai cũng nhận là hai phương diện động tịnh, sắc không, tâm vật, phải trái, hơn thua, thiện ác,..v…v…**

 Song ta đã xét kỹ câu: “Nhứt âm nhứt dương”. Chữ Nhứt nó rất mầu nhiệm. Nếu âm dương không có chữ Nhứt thì làm chi gọi được Đạo. Thái Cực là Nhứt, thì Nhứt nầy hiện ở dương thì gọi là Nhứt dương, hiện ở âm gọi là Nhứt âm. Nhứt nọ, Nhứt kia cũng là Nhứt, nghĩa là đầu ở phương diện nào cũng có cái Nhứt trong phương diện đó.

1. Nhứt là gì?
2. Nhứt hay một là tất cả, cũng như nói sắc tức thị không, tất thảy đều do một đó mà ra. Một đó có thể là vật nọ vật kia, thiên hình vạn trạng, thay đổi biến hóa, không sao nhận được. Vì vậy, mà đông tây cãi vã nhau xưa nay, tranh luận nhau cũng do chữ Nhứt mà người thấy thế nọ, kẻ thấy thế kia. Đã là Dịch, thì có khi nào đứng yên một chỗ, mà luôn luôn thay đổi.

Lấy một vật để chứng minh sự nhận định của từng người. Vật kỳ quái ấy, là con kỳ nhông. Người nhận thấy nó xanh, người nhận thấy nó đỏ, người lại nhận nó vàng. Mỗi người thấy mỗi cách mà cải vả nhau. Song có người được sống gần nó, biết nó luôn luôn thay đổi hình thái: khi thì xanh, khi lại đỏ, lúc hiện ra vàng, nhưng còn có hồi lại không thấy màu sắc chi cả. Như chừng không còn thấy ở đâu, vì nó sáp nhập cùng da cây. Nếu mắt không tinh thì làm sao nhận được nó hay đã đi đâu mất.

 Cũng con kỳ nhông, mà kẻ gọi kỳ đà, cắc ké, chẳng biết nó ở địa vị nào: là ông, là cha, là mẹ? Con nào ông, con nào cháu, con nào mẹ, mà con nào là con? Khó tìm hiểu được tông tích được như câu:

 “Kỳ nhông là ông kỳ đà

 Kỳ đà là cha cắc ké

 Cắc ké là mẹ kỳ nhông.”

**Mục 4. Trời vô thể và hữu thể (Hồn Nhứt trong Hư Vô)**

 Trong bài trước các Đấng Giáo Chủ nhận thấy bản thể của Vũ Trụ:

 Nho Giáo gọi là Thiên hay Đế,

Lão Giáo gọi là Đạo hay Đức,

Thích gọi bằng Pháp hay Phật,

Dịch thì nói Vô Cực hay Thái Cực.

 Theo nhận xét chung, Đạo Học Chỉ Nam được trình bày đơn giản: Thiên hay Thiên Lý, cũng như Đạo hay Pháp, đều theo Dịch là Vô Cực.

Vô Cực chưa phải là Bản nguyên tự thể của Vũ Trụ. Vô Cực hay Thiên, hay Pháp, hay Đạo, là Thiên Tắc, Thiên Điều. Nó là cái luật mà Vũ Trụ vạn pháp phải theo nó.

Đó là cái khuôn đúc nên con hình Càn Khôn vạn hữu. Luật ấy rất linh động, ấn ký vào tâm tư của người vật đất trời. Cũng như một quốc gia, một thế giới, đều có một bản hiến chương, một bản Công Pháp để nhân dân, nhân loại theo luật ấy mà thi hành. Luật, tắc, hay Hiến Chương cũng phải có người nắm giữ mà điều hành. Về đạo pháp, gọi là Thái Cực hay Đế, hoặc Chúa..v…v….

 Đạo Đức kinh có nói:

Nhơn pháp Địa,

Địa pháp Thiên,

Thiên pháp Đạo,

Đạo pháp Tự Nhiên.

Tự nhiên hay Thiên Lý, Vô Cực, Pháp là một nghĩa như nhau. Song không phải nhận hiểu như thế nhơn: Hiến Chương, luật, tắc là bản giấy mà có người cầm quyền lấy đó, để giữ nước yên dân. Mà phải nhận rằng: Vô Cực là Thái Cực, Thiên là Đế là một. Nên đã nói trên: Một vật “Hồn Nhứt nằm trong Hư Vô”.

 Nếu con người không tu niệm để đồng nhứt với Trời, vào cõi Hư Vô, thì phải chịu phần Dịch hóa, cũng như Phật, Lão gọi là: “luân hồi sanh tử”, khó thoát ra ngoài vòng xiềng xích đó được.

**BÀI**

 Đời nhiều đạo, nhiều phe, nhiều phái,

 Luận thuyết thôi phải trái ngổn ngang;

 Tuy là trái phải đôi đàng,

 Cũng cùng một thể, hoàn toàn siêu nhiên.

 Người quân tử không thiên, không chấp,

 Kẻ tài mưu hay vấp, hay lầm;

 Kỳ trung chỉ một chữ “Tâm”,

 Quay vào liền thấy, lựa tầm đâu xa.

 Thử đơn cử vài ba cụ thể,

 Vạch lối vào ắt dễ dàng hơn;

Chữ Minh () chữ Dịch () chữ Đơn (),

 Để rồi ý thức, men chơn vào nhà.

 Minh qui Nhứt, ấy là “Hoàng Cực”,

 Hiện thể là “Thái Cực” Dịch sanh;

 Chữ Đơn “Vô Cực” đại thành,

 Không còn dấu vết, tuyệt lành Tâm ta.

Tâm Vũ Trụ Tâm Ta vẫn một,

 Lạ lùng chi, đường đột cực đoan;

 Nhìn Trời bằng sáu giác quan,

 Dễ đâu được thấy trong hang nhiệm mầu.

 Tuy là Đạo không đâu chẳng có,

 Ẩn núp sau cái vỏ vạn thù;

 Nhìn bằng nội tỉnh công phu,

 Phải đâu hình sắc lù lù ngổn ngang.

 Dẹp cái ta, mới toan giải thoát,

 Chủ được lòng thì đạt cơ vi;

 Chánh tâm, diệt dục tu trì,

 Ngàn xưa cũng một ngàn xưa lối vào.

 Không tu niệm làm sao đến đích?

 Đành nằm trong lẽ Dịch biến dời;

 Lờ đờ như đám ma trơi,

 Ngàn năm muôn kiếp lơi bơi nổi chìm.

 Người đời hay tị hiềm, ưa ghét,

 Không nghĩ suy tìm xét ngọn nguồn;

 Ngày ngày chụp bắt bỏ buông,

 Vui theo ảo ảnh, trò tuồng trớ trêu.

 Khổ sanh tử cứ gieo, cứ gặt,

 Xích luân hồi trói chặt lôi đi;

 Chuỗi đời khổ não, ưu bi,

 Cũng do chấp ngã, cũng vì vọng tâm.

 Lấy chữ Dịch mà làm hiện thể,

 Như “Hà Đồ” xuất thế, li tâm;

 Chữ “Minh” dùng để cầu tâm,

 Vạn thù qui nhứt, phản tầm “Lạc thơ”.

Quày bước lại thăm dò tiêu tức,

 Hội qui cùng Hoàng Cực Đại Trung;

 Bao la nguồn sống vô cùng,

 Tự do tuyệt đối thung dung không bờ.

Vào được đó, nương nhờ với đó,

 Mắt nhìn trông tỏ rõ xa gần;

 Vạn năng thông ứng như thần,

 Không còn đối đãi, chia phân ta người.

 Chừng được thấy quyền Trời, pháp Đạo,

 Tất cả đều một Tạo Hóa sanh;

 Chấp ta, nảy sự dữ lành,

 Xôn xao hình tướng, đen, xanh, đỏ, vàng.

**THI**

 Đạo là nguồn sống, gốc sanh thành,

 Chớ khá tách rời khỏi cội sanh;

 Muôn thuở vững bền lòng thỏa thích,

 Lìa trong giây khắc mất an lành.

**TIẾT III: SỰ SANH HÓA CỦA TRỜI ĐẤT LÀ MỘT CUỘC TUẦN HƯỜN TO TÁT, ĐẦY CẢ SỰ RẮC RỐI VÀ BÍ MẬT.**

**Mục 1. Có động tức có phản.**

 Đây xin hé mở cửa Dịch Đạo cho chúng ta nhận thấy sự “Nhứt bổn tán vạn thù” là: Thái Cực sanh ra hai Nghi, sanh bốn tượng, sanh tám quẻ.

Nhưng kỳ trung “VẠN THÙ CŨNG QUI NHỨT BỔN” là: tám quẻ, bốn tượng cũng bởi hai Nghi mà ra, rồi về gốc Đạo là một âm, một dương.

 Nói rộng nữa, âm dương trao đổi nhau mà thành bốn tượng, tám quẻ. Tám quẻ luân chuyển, cùng chồng lẫn lên nhau, mà thành 64 quẻ, ra 384 hào. Đó là nói thể trao đổi nhau, chỉ có một hào mà thành ra bấy nhiêu hào, chỉ có một quẻ mà thành ra bấy nhiêu quẻ.

Quẻ quẻ tương giao, hào hào tương động, thì lại biến hóa vô cùng, không biết bao nhiêu là hào, là quẻ. Mỗi một quẻ là một trạng thái, mỗi một hào là một động cơ. Thế cho nên càng biến càng hóa, càng phồn thịnh, càng đổi thay.

 Cuốn Đạo Đức kinh 1 nói: “Phản giả Đạo chi động”, nghĩa là: Đạo động thì có phản, phản là trở về. (Đừng hiểu Phản là trái ngược).

 Ông Lưu Tu Khê: “Phản giả động chi cực tất qui dã, thị kỳ phản dã, chánh dĩ kỳ động dã, phi động vô phản”. Nghĩa là: Phản (trở về) là động hết sức động rồi trở lộn về. Cho nên cái phản đó, chánh bởi động mà ra, chớ không có động nào mà không có phản bao giờ.

 Hệ Từ có câu: “*Sinh sinh chi vị Dịch*”. Dịch là biến động, đổi thay, sanh thành vạn vật. Song không phải sanh một lần mà thôi, sinh sản mãi từng giờ phút, không cùng tận, nên mới nói: sinh sinh (hai tiếng đi đôi). Nhưng sinh sinh hóa hóa của Đạo Trời trong muôn vật, trong không gian, trên mặt đất mỗi vật khác nhau, mà vật nào vật nấy sống trong điều hòa trật tự, thuận theo máy động tịnh của Trời Đất, mà trên dưới được yên ngôi, chưa từng loạn trái.

Đạo Đức Kinh tiếp nói: “*Nhược giả Đạo chi dụng*”, nghĩa là: công dụng của Đạo là ở nhu nhược, điều hòa. Phải chữ nhược đó có nghĩa như chữ tịnh, là điều hòa trật tự nói đây chăng? Cho nên Dịch nói: Thái Cực, tức là Đạo, sanh lưỡng nghi. Lưỡng nghi là âm tịnh, dương động.

 Thái Cực động sanh dương, tịnh sanh âm, âm dương là hai mặt của Thái Cực: Dương thì phát, âm thì thu. Dương thì tán, âm thì tụ. Tán thì thành khí, tụ lại thì thành hình. Mà hình tán ra thì thành khí, khí tụ lại thì thành hình. Tuy nói âm, nói dương, nhưng âm dương cũng là một mối.

Lúc thì dương, chỗ phát xuất chuyển động mà có sanh hóa, có luân lưu. Lúc lại âm, thu nạp mà thành hình trở nên muôn vàn trạng thái. Nên khoa học đã chứng nhận: vật chất là khí năng tụ lại mà thành hình, vật chất khi phân tán ra là thành khí. Thế thì khí hay hình, tâm hay vật cũng cùng một lẽ Thái Cực, biến hóa ra đó mà thôi.

**Mục 2. Muôn hình ngàn trạng cũng gốc ở âm dương**

 Ôi! Cả một sự khó khăn như rừng rậm, như cuộn tơ rối, dầu cho Thánh trí Thần mưu, cũng không có cách nào quyết đoán được sự mầu nhiệm biến hóa của âm dương. Xưa nay người ta thường cãi vã nhau: Đạo như thế nọ, như thế kia. Ai cũng chủ quan, mà sao không chủ quan được?

 Vì chính tai tự nghe, mắt tự thấy, như con kỳ nhông hiện tướng kia mà. Thử hỏi con nào lớn, con nào nhỏ, thì chắc ai cũng không tài nào xác định một cách rõ ràng. Thế cho nên gây cớ tranh giành phải, mà lắm lúc xô xát rất hùng hồn, rất ngụy biện, trưng đủ chứng từ. Song chứng từ đó chẳng qua là xác đáng ở một cạnh khía nào. Nếu không nắm được gốc nguồn, làm chi trông thấu toàn diện.

 Nên sự biến hóa của âm dương không bờ bến, không đứng hẳn một chiều hướng, mà lúc hiện lúc ẩn, khi thì dương, khi thì âm, âm dương đưa đẩy nhau, lại phát sinh muôn vàn trạng thái: có trạng thái bát ngát bao la như biển, có cái cao vút như núi Thái Sơn, có cái sáng sủa như mặt Nhựt ban ngày, có cái tối tăm như sương mù đêm tối, có trạng thái lờ mờ khó biết, có trạng thái rỏ rệt phân minh, có cái thì bỉ ổi nhỏ nhen, có cái thì mỹ miều to lớn.

 Dầu thiên hình vạn trạng như thế nào: hoặc xuất hiện, hoặc ẩn tàng, hoặc mới đó rồi mất đi, hoặc như hư mà thực, có thứ thì bay, thứ lại chạy, thứ nằm yên một chỗ, thứ lại lặn lội tung hoành. Nhưng tất cả sơn hà, đại địa, Vũ Trụ, sanh linh, cũng gốc ở một âm một dương mà thôi.

 “*Âm dương mạc trắc vị chi thần*” (nghĩa là: âm dương biến hóa không thể đo lường được, thì gọi là thần). Đã là thần, thì làm sao lường được? Đã là mạc trắc, thì lại qua không cửa, nữa thiệt nữa hư: trong âm có dương, trong dương có âm, hóa hóa sanh sanh, vô cùng vô tận.

**Mục 3. Thường nhơn nghiên cứu ở ngọn thì thấy có hai, có nhiều**

 Xưa nay các nhà Đạo Học cho tâm sinh ra vật, còn các nhà Khoa học cho vật sanh ra tâm. Đó là chưa tìm đến tận gốc. Ai nấy cũng loanh quanh ở ngọn, thì sao tránh khỏi sự hiểu lầm?

 Hệ Từ nói: “*Nhân giả kiến chi vị chi nhân, trí giả kiến chi vị chi trí, bách tính nhựt dụng nhi bất tri chi. Cố Quân tử chi Đạo tiễn hỉ*”. Nghĩa là: Bậc nhơn giả trong thiên hạ thọ bẩm phần **dương khí** gọi là nhân, thì thấy Đạo bằng nhân. Bậc trí giả trong thiên hạ thọ bẩm phần **âm khí**, cho nên gọi là trí, thì trí giả thấy Đạo bằng trí. Đó là hai hạng người cao quí của thiên hạ, mà chỉ thấy Đạo một phương diện trí hay nhân. Huống hồ là bách tính, đã không được nhân, cũng không được trí, phần lớn thọ bẩm khí chất hậu thiên, thì làm gì thấy được nhân hay trí?

 Âm dương là một mở một đóng, một ra một vào, nên Hệ Từ có nói: “*Hiển chư nhân, tàng chư dụng. Cổ vạn vật bất dữ Thánh nhơn đồng ưu, thạnh đức đại nghiệp chí hỉ tai*”. (Hệ Từ Thượng truyện, Chương V).

 Đã là mở khắp như một mạch sống tung tỏa lan rộng khắp Càn Khôn thế giới, sanh sanh hóa hóa vô cùng tận, ấy là thể của dương. Dương đã thể hiện muôn tượng muôn hình, trưởng thành cho Vũ Trụ, chúng sanh, từ vật hữu tri được thông qua, trở nên cực cao cực diệu đến nơi cứu cánh, mà tất cả vật vật lần lượt hoạch đắc nhơn lý mà thành Đại giác, nhập cùng Đại ngã bao la. Đó là: “Hiển chư nhân”.

 Nhân là sự sống, là đức lành, là ngôi tuyệt đối, phổ biến rộng sâu. Kiền Khôn thiết lập, thế giới an bài, sự nghiệp đó tất cả chúng sanh đều nương nhờ, đều cộng hưởng mà không biết do đâu mà có, bởi đâu mà nên. Làm ra mà không đứng nhận sanh, tạo lập mà không làm chủ, ấy là “*tàng chư dụng*”.

 “*Tàng*” là dấu kín công nghiệp vào trong. Đó là âm thâu liễm, nên việc của Đạo, công của Trời làm bằng vô tâm, không giữ quyền làm chủ, mà quyền chủ ấy đều trao cho cả vạn vật, tự khai thác khả năng của nó mà hưởng lấy hạnh phúc tự do. Nên nói “*Cổ vạn vật bất dữ Thánh nhơn đồng ưu*”, nghĩa là: Trời khác với Thánh nhơn chỗ đó. Thánh nhơn còn dụng tâm, còn lưu truyền công đức mà sự nghiệp của Thánh nhơn, thạnh đức của Trời cũng khó so sánh kịp.

 **Mục 4. Khác với thường nhơn, Thánh Nhơn thấy được cái một hồn nhứt**

 Chỉ có bậc quân tử là đấng Thần Nhơn Thánh trí mới nhận được toàn diện của Đạo mà thôi, thì hạng nầy quân tử nầy lại được mấy ai?

 “Đạo Học Chỉ Nam” cho ta thấy rằng nhân hay trí, vật hay tâm, cũng cùng một thể, không chấp nhứt, không chia lìa. Nếu chấp nhứt chia lìa, thì chẳng những thấy bằng nhân hay trí, mà còn bị muôn vàn trạng thái ám ảnh, làm sao cho tâm thức không còn phân biệt phải trái, gốc ngọn ra sao.

 Nếu đứng bên nầy trông bên kia, đó là người, đây là ta, đó với đây tương đối. Người với ta khác biệt, lòng mới sanh ưa ghét mà gây sự được thua. Hóa cho nên hoàn vũ đều trông thấy nhau xa lạ vô cùng, nào nhận được đó cũng là ta, thì đâu phải trở nên thân thù khác biệt, làm cho tâm thức bất an, cảnh vật trớ trêu, gây nên huyễn hoặc, mà lưới vô minh thành không lối thoát.

 “Đạo Học Chỉ Nam” nhận Một là tất cả, tất cả là Một. Chỉ có Một mà Thiên Đạo, nhơn đạo khác nhau, chỉ có Một mà muôn tượng, muôn hình chia phân rõ rệt. Tượng tượng đổi thay, hình hình sai biệt, phi, tiềm, động, thực, đã đành hình thù không giống, nhưng mỗi giống nào có vật nào y nhau, vật vật người người hóa khác hẳn.

Kìa trông lên muôn tượng, dòm xuống vạn hình. Hình tượng có khác nhau, mà đạo lý không hề phân chia: phần nầy là tâm, phần kia là vật, tâm hay vật, Thần hay hình, cũng cùng là một Thái Cực bổn sơ. Nếu lấy con mắt thường của thế nhơn mà xem, làm sao cho nó là Một được?

 Cơ mầu nhiệm đã sáng tạo nên Trời Đất, sanh hóa muôn loài, tuy mắt phàm không nhận thấu sự đơn thuần giản dị của âm dương, trong có một hệ thống trật tự, đâu phải tâm phân rối rít như người nhận đó là sự ly cách phân tranh. Sự cách ly phân tranh là tâm thức, bị vô minh vọng chấp, mà gây nên đối đãi dị biệt, rồi trông thấy tất cả những gì cũng thù địch, cũng xáo trộn bất an. Mà sự xáo trộn bất an đó cũng do người chia lìa Vũ Trụ làm đôi, thời gian không gian cách biệt, như ta thấy ở quẻ Khuê (Hỏa Trạch): sự sự vật vật không còn hỗ tương, mà chỉ thấy nhau là thù địch.

 Đó là thấy hữu hình hữu tướng, nhưng bên trong nó có một sự điều hòa tương dung mật thiết vô cùng. Nếu không chứng được chỗ tự bản tự căn, thì đành nằm trong lưới của giác quan, chịu nhận bao nhiêu đảo điên phiền não. Nên chỗ thấy biết theo giác quan của người thường, có khác với chỗ thấy biết theo trực giác của Thánh Hiền: một bên là hiện tượng, một bên là bản thể. Nếu biết qui hiện tượng về bản thể là Hồn Nhứt, còn chi phân tranh, hết vọng chấp nữa thì sẽ đi tới cõi thế giới thanh bình, an lạc.

 Đó là thuyết: đồng hành mà chẳng tương bội; chẳng những không tương bội, mà còn đặng tương thành nữa là khác.

**Bài trùng tụng**

Đạo Học Chỉ Nam mở cửa lành,

 Dẫn người vào đó, hưởng nhàn thanh;

 Con đường duy nhứt không ngăn ngại,

 Xây đắp trần gian cảnh thái bình.

 Trước thế giới phong ba mâu thuẫn,

 Giữa phái phe tranh luận được thua;

 Cuộc đời khổ não chát chua,

 Nhơn sanh trong cảnh như cua gãy càng.

 Dầu muốn tiến, không đàng để tới,

 Dầu muốn lui, không lối thoát thân;

 Ngẩn ngơ trong giấc mộng trần,

 Giả chơn chưa biết đoán phân lẽ nào?

 Nhắm mắt cho phong trào lôi cuốn,

 Thác vô minh cuộn cuộn đẩy xô;

 Nhưng vì thế yếu, sức cô,

 Cũng đành an phận, phú cho đất trời.

 Ai gặp phải bước đời ly loạn,

 Chắc nỗi lòng đòi đoạn xót xa;

 Nào thân, nào nước, nào nhà,

 Nỡ đâu ngơ điếc, bỏ qua cho đành.

Truy nguyên lại gốc sanh bịnh chứng,

 Xét vì đâu phản ứng lạ thường;

 Biết rồi, đối chứng lập phương,

 Tùy nghi gia giảm, mở đường độ sanh.

 Biểu hay lý, cho rành cho trúng,

 Bổ hay công, nhận đúng căn đề;

 Bịnh tình sốt loạn, tỉnh mê,

 Mở thông lối uất, lo bề trừ căn.

 Trước thế hệ, khó khăn lắm nỗi,

 Nhìn trào lưu, thay đổi lẹ làng;

 Lòng người ngờ vực hoang mang,

 Phái phe tân cựu, biết đàng nào đây?

 Nào kim cổ, đông tây đủ mặt,

 Dù dở hay, chưa chắc ai toàn;

 Chi bằng hợp trí mưu toan,

 Họa hay thấy được vinh quang thanh bình.

 Tích cực vị nhân sinh thế đạo,

 Chung sức nhau, hoài bão tiền đồ;

 Tương lai cộng sự mưu mô,

 Chớm nên chia rẽ, Việt Ngô tương tàn.

 Nói vì nước, mà toan hại nước,

 Nói vì dân, mà ngược đãi dân;

 Hô hào bác ái, nghĩa nhân,

 Mà đem đồng loại phân thân chiến trường.

 Phải san sẻ tình thương, sự sống,

 Bảo vệ cho nòi giống sinh tồn;

 Dân có Đạo, nước có Hồn,

 Dùng tài thao lược, khéo khôn giúp đời.

 Đọc quốc sử những thời oanh liệt,

 Có lắm trang hào kiệt, anh hùng;

 Nuôi dân giữ nước tận trung,

 Đắp xây bờ cõi, vẫy vùng bốn phương.

 Quí ở chỗ yêu thương đùm bọc.

 Mà non sông gấm vóc mỹ miều;

 Tinh thần dân tộc cao siêu,

 Biết phần nên giữ, biết điều nên theo.

 Theo để học những điều cao quí,

 Theo mà không li dị vong thân;

 Trách ai buôn Sở, bán Tần,

 Lui về tàn sát nhân dân đồng bào.

 Hạnh phúc đâu? Máu đào cứ đổ!

 Tự do đâu? Thống khổ chồng cao!

 Cứ tán thưởng, cứ hô hào,

 Đạn bom, khói lửa ào ào tràn lan.

 Không lẽ ngồi mà than, mà khóc,

 Trách giận ai? Hằn học với ai?

 Nước non một khoảnh chia hai,

 Bên trong xâu xé, bên ngoài giục xua.

 Được xương máu, mà thua xương máu,

 Hậu quả nầy con cháu nghĩ sao?

 Đạo người, hạnh phúc biết bao!

 Lẫn thương nhân loại, đồng bào quốc dân,

 Đạo người mất, chia phân giai cấp,

 Đạo người suy, thành lập phái phe;

 Đặt người trên búa, dưới đe,

 Muôn vàn thống khổ, áp đè không thôi.

 Trời động lòng lìa ngôi xuống thế,

 Giải cứu đời u trệ lầm than;

 Dung hòa trăm mối cực đoan,

 Nhơn sanh thẳng bước trên đàng tự do.

 Giếng có mạch, khỏi lo cạn nước,

 Nước có nguồn, dòng được lưu thông;

 Hỏi người: ai chủ nhơn ông?

 Đội trời, đạp đất, huyền đồng tương tham.

**THI**

Đốt đuốc chong lên dẫn dắt đường,

 Khêu to ngọn lửa rọi mười phương;

 Ai ai cũng được trông về Một,

 Cùng sống, cùng tu, một lập trường.

**TIẾT IV. BIẾT LUẬT SANH HÓA MỚI CÓ THỂ TIẾN HÓA VÀ ĐỒNG NHỨT CÙNG TRỜI, LÀ ĐẶNG GIẢI THOÁT.**

**THI**

 Số, tượng hình dung lẽ nhiệm mầu,

 Tinh thần Đạo Học rất cao sâu;

 Tìm ngoài văn tự, lìa tai mắt,

 Dẫn lối, đưa chân một bước đầu.

**Mục 1. Thái Cực**

 Thái Cực ban sơ là nguyên lý của cuộc sanh hóa. Mầm sanh hóa đó khởi dậy, mà diễn đạt qua nhiều giai đoạn, để cho người người có một ý thức, liên hệ giữa Trời Đất và chúng sanh. Vũ Trụ là hình thể của Trời Đất. Hình thể được xây dựng bởi một âm một dương.

**Mục 2. Âm dương – Vũ trụ – Thời gian và không gian**.

 Âm là Vũ, dương là Trụ.

Vũ thì đóng khép trong gầm Trời. Trụ thì mở rộng.

Trụ cũng là thời gian, là âm dương nối tiếp với nhau. Còn Vũ là không gian, là âm dương đồng thời tương đối.

 Bước qua vòng thời gian, không gian, ta còn thấy rộng hơn, như họa đồ tròn, họa đồ vuông trong châu dịch. Tròn vuông được đúc kết nên một thể, nhưng không ngoài sự tiêu trưởng của âm dương.

 Xét như đồ tròn: từ chính bắc đông chí nhứt dương có quẻ PHỤC. PHỤC (bắc) đến KIỀN (Nam) 32 quẻ, cũng từ một dương mà trưởng mãi cho đến 6 dương, thì dương cực thịnh, tất phải sanh âm.

Âm bắt đầu quẻ CẤU (Nam) tiến lên, trưởng mãi trong 32 quẻ, thì đến quẻ KHÔN (Bắc) thuần âm(thì âm cực thạnh tất phải sanh dương).

Đó là vòng âm dương tranh nhau từng bước từng giây. Cứ vậy mà thời gian cứ tới: Vận (360 năm), Thế (30 năm), Hội (10.800 năm), Ngươn (129.600 năm), Xuân, Hạ, Thu, Đông (mỗi mùa 90 ngày), vòng trong 24 tiết (tiết: 15 ngày), đã đặt sự tương quan trong không gian, làm cho vạn vật có một sự mạnh mẽ vô cùng.

Ấy là đường dọc của thời gian, hình tròn bao bọc tất cả không gian vô tận.

 Không gian thì có hình vuông nằm ngang, mà 64 quẻ là 64 trạng thái.

Hình ảnh của Vũ Trụ vạn vật đương hiện hữu muôn vàn, cũng đều chịu ảnh huởng thời tiết mà thay đổi.

 Như đồ vuông có 8 từng:

4 lớp trên từ KHÔN đến CẤU,

4 lớp dưới từ PHỤC đến KIỀN,

một đàng qua, một đàng lại; một lần trưởng, một lần tiêu. Thế thì ai bảo: Không gian, Thời gian không tương quan, không trực tiếp từng giây từng phút?

 Xưa nay, người ta chia Không, Thời làm hai đối cực. Tôn giáo, Khoa học tranh luận, ai cũng giành phần phải, mà chưa nhận được nguyên lý duy nhứt, cứ chấp lưỡng nguyên, thiện ác, đông tây làm hai lối, mà nhìn nhau, ở giữa có một cái hố sâu.

 Nên Đạo Học Chỉ Nam lấp bằng cái hố ấy, đặt lại vấn đề cho đôi bên gặp gỡ dễ dàng. Ấy là Không Thời chung đúc nên một khối, hầu kiến tạo một đời sống lành mạnh, gồm đủ Khoa học, Sinh lý, Tâm lý, đời Đạo tương dung, mà phát triển tinh thần nhân loại, dựng nên một Tân kỷ nguyên Thánh Đức, chơn thật tự do.

 Đây nói đại lược về âm dương, sau còn nhiều lần gặp gỡ lại.

Bây giờ xin bước qua một giai đoạn nữa, là giai đoạn hai nghi thành “bốn tượng”.

**Mục 3. Tứ tượng.**

 Bốn tượng là: Thái Dương, Thiếu Âm, Thái Âm, Thiếu Dương.

Dầu nói bốn tượng, cũng gốc hai nghi. Hai nghi chồng lẫn nhau, thành chữ thập (). Chữ thập là bản Hà Đồ, mà Phục Hy đã vạch ra bằng số để tượng trưng.

 Số của Hà Đồ nguyên là Phục Hy thấy con Long Mã hiện ở sông Mạnh Hà mà vẽ nên đồ, mô hình Đạo Pháp. Long là rồng thiêng, biến hóa mầu nhiệm không lường. Đó là tượng hình của dương nghi. Mã là tượng âm nghi đi trên mặt đất, mà quẻ KHÔN gọi là “tẩn mả chi trinh”. Long Mã là ý nói Không Thời hiệp nhứt, Vũ Trụ đúc kết thành một khối bất phân.

 Nên hình chữ thập là dồn đúc hai nghi, thành bốn tượng luân hành, làm cơ cấu cho Vũ Trụ Kiền Khôn.

Trời thì tròn, đất thì vuông. Tròn vuông phối ngẫu, nên hình thập có bốn cạnh, chia làm Đông Tây Nam Bắc, phân bổ năm hành, một dọc một ngang, một lên một xuống.

Năm hành thì:

 Thủy 1 (6) điểm ở phương bắc,

 Hỏa 1 (7) điểm ở phương nam,

 Mộc 1 (8) điểm ở phương đông,

 Kim 1 (9) điểm ở phương tây.

 Thổ 5 (10) điểm ở trung ương.

 Thủy, Hỏa, Kim, Mộc cũng như âm dương đã nói đoạn đầu. Thủy với Hỏa, Mộc với Kim là 4 ngôi, tưởng chừng tương khắc tương hại với nhau, như âm với dương là hai thể cương nhu bất đồng. Nhưng luật tương khắc, tức là con đường hóa hóa sanh sanh. Lửa hay bốc lên, nước hay chảy xuống. Lửa gặp nước thì lửa tắt, nước gặp lửa thì nước khô. Song hai đàng chống nhau, mà hai đàng cũng nhờ đỡ lẫn nhau. Nếu không nước thì lấy gì chế được lửa. Nếu không lửa thì làm sao nung được nước cho thành hơi?

 Mặc dầu tánh cách hai bên có chống chỏi nhau như tương tàn tương hại nhau mà không thể được, vì ở trung ương có hành thổ là trung gian điều chỉnh, để cho đôi bên tương ứng tương thành, mà hành thổ là Thái Cực Chúa Tể ở Hà Đồ, còn bốn hành xây quanh được sắp xếp theo mỗi mùa gọi là khí vận. Tuy trong không có chữ thổ, vì thổ vô hình, mà nó đã xuất khởi ở mỗi hành, bốn mùa đều có Thổ.

 Để ta mượn một hình hoa thị, vẽ cho thấy được công dụng của hành thổ lớn lao, mà quan trọng vô cùng. Không có thổ cũng không có hành, không có thổ thì Càn Khôn Vũ Trụ nầy không thể nào đứng vững, mà vạn vật cũng như tro nguội, củi mục mà thôi. Không có thổ, cũng không có đường ra Trụ, lối vào là Vũ. Không có thổ thì bổn hành sẽ loạn xạ, khắc hại mà tiêu diệt lẫn nhau.

 Vậy hoa thị nầy không phải là hai số tám chéo nhau, mà một nét bút đi liền, bắt đầu từ trung ương trở ra hành thủy. Mỗi hành chia làm 3 chi. Hành nào cũng bắt đầu từ Thổ ở Trung ương mà ra, rồi cũng về với trung ương.

Hành Thủy khởi đầu, đi ra Hợi(bên trái), xuất hiện ở Tý, trở vào Sửu. Hành Mộc thì Dần ra, đến Mẹo, Thìn là về. Hành Hỏa thì Tỵ ra, đến Ngọ, Mùi là về. Hành Kim thì Thân ra, đến Dậu, Tuất là về. Nghĩa là: bốn hành Kim, Mộc, Thủy, Hỏa (liên hệ đến) bốn mùa, mỗi mùa (Xuân, Hạ, Thu, Đông) chủ một hành. Hành nào cũng khởi từ trung ương, rồi cũng về với trung ương.

 Bắt đầu hành Thủy thì: Hợi, Tý, Sửu.

Kế hành Mộc thì: Dần, Mẹo, Thìn.

 Hành Hỏa thì: Tị, Ngọ, Mùi.

 Hành Kim thì: Thân, Dậu, Tuất.

Thìn, Tuất, Sửu, Mùi là tứ quí, nghĩa là 4 tháng cuối của mỗi mùa.

Mùa nào cũng có Thổ, không Thổ chẳng thành Xuân, thành Hạ, thành Thu, thành Đông.

**Mục 4. Tứ tượng hiệp với thổ ở trung ương là ngũ hành.**

 Thổ là nguyên lý của vạn vật, tánh mạng cả muôn loài, con người. Người nhờ có thổ mà có xác có hồn, mà thổ là cửa “Đạo Nghĩa chi môn”

Đạo ở đó mà ra, Nghĩa bởi đó mà vào.

Đạo là thần, Nghĩa là khí. Thần Khí phải tương dung, đạo đời mới tương đắc.

Mà thổ còn có danh là “Hoàng Cực” (sẽ giải ở chương sau).

 Thổ là chữ tín, làm linh hồn cho Nhân, Nghĩa, Lễ, Trí. Nếu đánh lạc linh hồn nầy, thì dầu có nói nhân, nói nghĩa, nói lễ, nói trí, cũng là giả nhân, lễ giả, trí giả, nghĩa giả mà thôi.

Tất cả tư tưởng, ý chí, ngôn ngữ, hành động đều có tín, thì việc đó là chơn. Bằng mất tín rồi, thì vạn sự, ô hô! đều là mê vọng.

 Tóm lại, mọi người, mọi vật, sự lý trong Vũ Trụ đều bởi âm dương ngũ hành mà ra. Dầu vật hay người đều có đủ (âm dương ngũ hành), song người được linh hơn, là vì người đứng trong tam tài chi đạo, nên gồm đủ ngũ đức, ngũ thường. Mà đức được hiện ra, thường được đứng vững, là nhờ gốc bên trong có thổ.

 Vũ Trụ vạn vật nương cậy ở ngôi Trung mà đứng vững. Ngôi Trung đã sanh khởi và trưởng thành vạn hữu, vạn hữu đều có Ngôi nầy làm chủ tể ở tâm, nên hằng sống và thăng hoa. Tất cả chung qui cũng được trở về đồng nhứt cùng Tạo Hóa, nên gọi: “vạn vật giai cụ Thái Cực”, để thấy sư quan trọng của hành thổ ở Trung–ương, mà tìm hiểu số tượng ở Hà Đồ.

 Trước những ngày vĩ đại trong khoảng hồng mông, trong bầu không khí, có hai khí âm dương ấy ta gọi bằng “Trời”. Âm dương giao hợp mà dựng nên quả Địa Cầu, ta gọi là “Đất”. Trời đất đã xuất hiện.

1. Đầu tiên sinh ra nước (thủy), gọi là:

“Thiên Nhứt sanh Thủy, địa lục thành chi”.

1. Nước đã có, thì nhiệt khí ở quả đất cũng khởi lên, gọi là:

“Địa Nhị sanh Hỏa, thiên Thất thành chi”.

1. Thủy, Hỏa đã có, thì cây cỏ thực vật cũng khởi lên, gọi là

“Thiên Tam sanh Mộc, địa bát thành chi”

1. Kế đến trong quả đất cũng kết nên khoáng chất, gọi là:

“Địa Tứ sanh Kim, thiên Cửu thành chi”

1. Thủy, Hỏa, Mộc, Kim, bốn chất đều bấu díu vào quả Địa cầu. Trên mặt đất, vạn vật được thành hình, thành sắc, đều hấp thụ sinh khí của âm dương, nên trung tâm của bốn hành đều mang theo số Ngũ của đất, số đó là: “Thiên Ngũ địa Ngũ, thành Thập ngũ Thổ”

Thế là số Hà Đồ gồm 55 số, có

25 số cơ (dương số):1+3+5+7+9 =25.

30 số ngẫu là âm số: 2+4+6+8+10=30.

Thế là Thủy, Hỏa, Mộc, Kim, Thổ cũng là âm dương mà thôi.

Song quan trọng là số nào cũng mang theo số ngũ, như:

1+5 thành 6

2+5 thành 7

3+5 thành 8

4+5 thành 9.

Thì bắc nam đông tây đều có ngũ thổ ở trung ương.

Nói tóm lại, không có một vật nào trong Vũ Trụ, mà không ẩn bên trong con số 5 đó. Số đó là Thái Cực, tánh mạng làm nồng cốt.(Khoa học cũng công nhận thuyết ngũ hành như ở phương đông trong không khí có dưỡng khí, thân khí, thủy khí, đạm khí, khinh khí, hỏa khí. Dưỡng khí, thân khí hợp lại thành thân toan phong mộc Thủy–khí là hàn thủy, đạm khí là thấp thổ, khinh khí là táo kim, hỏa khí là nhiệt hỏa)

**Mục 5. Bát quái**

Để bước thêm một bước nữa là “Tượng”, cho ta thấy được hình dung thô thiển, đôi sự giả thuyết, để men mò vào Đạo Học. Có phần dễ dàng hơn, là Tứ Tượng sanh Bát Quái.

1. Thái Cực động sanh dương, tịnh sanh âm. Âm dương được tượng trưng bằng

một gạch liền (dương)

một gạch đứt (âm) .

2. Đến Tứ Tượng, thì mỗi tượng có hai gạch như

Thái âm (), nhứt lục Thủy,

Thái dương (), nhì thất Hỏa,

Thiếu âm (), tam bát Mộc,

Thiếu dương (), tứ cửu Kim.

3. Đến Bát Quái, thì mỗi quẻ lên ba gạch, như

Kiền () là Lão dương,

Khôn () là Lão âm,

Đó là một gạch sanh hai là tứ tượng, hai gạch sanh ba gạch là Bát Quái, rồi ba sanh vạn vật là Bát Quái biến hóa vô cùng.

Vạn vật cũng qui về Một, ấy là “nguyên thỉ phản chung”.

Số của Bát Quái là: nhứt Kiền, nhì Đoài, tam Ly, tứ Chấn, ngũ Tốn, lục Khảm, thất Cấn, bát Khôn.

**Phương hướng là: Kiền nam, Khôn bắc, Ly đông, Khảm tây, Đoài đông nam, Chấn đông bắc, Tốn tây nam, Cấn tây bắc.**

Tượng thì: Kiền là Trời, Khôn là đất, Ly là mặt trời, Khảm là mặt trăng, Đoài là đầm chầm ở đông nam, Chấn là sấm, sấm động ở đông bắc, Tốn là gió, gió thổi ở tây nam, Cấn là núi, núi trấn ở tây bắc

Trung ương của Bát Quái có một hình Thái Cực.

Thái Cực lấy Ly Khảm làm sự tấn thối, vận hành, ngày đêm tiêu trưởng, mùa tiết định phân, không gian, thời gian, thiết lập. Nên mặt trời mọc từ phương đông, lên đỉnh đầu là dương khí trưởng, mặt trời xé hạ, vào phương tây là âm trưởng.

Dương lấy từ quẻ Chấn là một dương, Chấn lên đến Đoài là hai dương, Đoài lên đến Kiền là 3 dương. Ấy là dương trưởng.

Dương cực thịnh thì sanh âm, nên thối xuống là Tốn 1 âm, rồi đến Cấn 2 âm, lùi xuống nữa là Khôn 3 âm. Đó là âm cực thịnh, thì sanh dương.

Cũng như ta thấy ở mặt trăng, từ mồng một đến rằm thì lần lần tròn, từ rằm đến 30 lại khuyến mòn lần. Mòn rồi lại sanh. Cứ vậy mà tuần hườn, thì lẽ dinh hư, tiêu trưởng cho ta biết: âm dương cứ luân chuyển, tiếp nối mãi, thế thì bảo sao tinh thần vật chất là hai, cương nhu biệt lập (làm đôi) được?

**Mục 6. Tự do giải thoát là Trung Đạo ở trong cuộc biến hóa.**

Tự do là nguồn sống, muốn nhận được, thấy được nó thì chính nó ở trong hiện hữu. Như ta đã thấy sự xuất khởi đợt âm dương và tứ tượng, ngũ hành, bằng đủ mọi hình thức và muôn vàn trạng thái khác nhau.

Như ở năm hành có năm đức: Nhân, Lễ, Nghĩa, Trí, Tín,

hoặc năm vị: chua, cay, ngọt, mặn, đắng

hay năm màu: đen, đỏ, vàng, trắng, xanh

đều bởi do tự tánh hiển trình, đồng hóa với thể chất. Như: mắt thì thấy, tai thì nghe, chơn tay thì cử động,..v..v.. NhưKiền thì cương kiện, Khôn nhu thuận, Chấn khởi, Tốn nhập, Cấn chỉ, Đoài duyệt. Ly tung tỏa, Khảm hãm, co rút.

Đó là tùy ở mỗi sự, mỗi vật mà thấy không giống nhau, nhưng cũng do bản thể làm nồng cốt, nên tất cả vạn vật đều bởi một nguyên lý mà thôi.

Để đúc kết chương Đạo pháp này, Đạo Học Chỉ Nam trình bày một nguyên lý Tạo Hóa, phát khởi muôn vàn trạng thái, xuất hiện đủ mọi hình thức, thiên sai vạn thù, không Thần Thánh nào đo lường nổi.

Sự mầu nhiệm ấy, làm sao dùng lý trí mà thông hiểu được? Dùng tai mắt mà nghe thấy được? Phải trầm tư mặc tưởng, dẹp bỏ cái ta chật hẹp, thành kiến của tai mắt trí lự ngăn che. Khi ấy được đồng nhứt với bản thể tự tánh, rồi thì được trọn tự do, được mở nhãn giới thấy khắp Ba ngàn thế giới trước mắt, như nằm ở trong lòng bàn tay.

Mà muốn tìm tự thể nguyên lý đó, không ở đâu xa, ở trong tâm ta, ở trong tất cả sự sự vật vật, không một cử chỉ nào mà không bởi tự thể đó điều khiển chủ động. Nhưng vạn hữu đều ở trong vòng tương đối, có khổ có vui, có sanh có diệt, thì lấy chi để chứng minh trong đó là tự thể trường tồn? Vạn vật đều biến thiên, dầu lớn như sơn hà đại địa, tinh tú, nhựt cầu, cũng theo công lệ có khởi sanh, tức có ngày hủy diệt, thì cái gì là tự do, cái gì là hằng hữu?

Ta thấy ở vòng châu thiên của hai gọng kiềm âm dương tranh nhau mà trưởng, tranh nhau mà đối khắc tương hại, tương hình. Người sống cũng như hiện hữu của Vũ Trụ đều bị bao vây, làm sao tránh được sự kìm hãm trong công lệ Tạo Hóa, để được tự do để trở nên hiện hữu tồn tại, thì dầu cho tự thể đã đồng hóa cùng hiện tượng, thì tự thể cũng chung chịu sự sanh diệt với vạn hữu, thì làm gì có tự do, được tự tại:

Đó là chưa ý thức nổi chỗ Chơn lý bất di bất dịch: Thái Cực là nguyên lý Vũ Trụ, xuất hiện hai nghi, bốn tượng, tám quẻ, như đã dẫn giải trên. Trong cuộc vận hành Tạo Hóa, một ra một vào, một tiêu một trưởng, tất nhiên có một thực một hư, một sanh một diệt. Người quân tử cần chủ tri cho được lẽ mầu nhiệm, thì được tự tại tự do. Bằng buông xuôi mặc cho mê vọng, thì phải chịu khổ đau, lăn theo bánh xe luân hồi, hì hục trong bể khổ.

Nên quẻ Kiền, Văn Ngôn nói: “Tri tấn thối tồn vong bất thất kỳ chánh” thì ở đâu lại không được an lạc, không phải phiền não là Niết Bàn? Nếu chẳng biết chỗ dùng, cũng “Kháng Long hữu hối”, thì dương lên đến cực, thì sanh âm, hết vui đến khổ, mà chẳng biết quay về cùng bản thể, như hình hoa thị ở trên, làm sao tránh được vòng tròn của thời tiết, hết xuân đến hạ, kế bước sang thu đông.

Đó là nói tự thể, nguyên gốc nó là tự do, mà đồng hóa cùng hiện tượng, thì tự thể cũng chung chịu sự sanh diệt cùng vạn hữu chúng sanh. Vậy tự thể phải biết quay về bằng cách nào?

Bằng “Trung đạo”, nghĩa là: bất thiên bất ỷ, không thái quá bất cập. Nói một cách khác, là bằng: “**HOÀNG CỰC ĐẠI TRUNG”**

(thỉnh xem chương thứ ba của sách này).

**Trùng tụng**

 Một gốc sinh hai, bốn, tám cành,

 Lá chen hoa quả đậm đà xanh;

 Tược chồi nức nở, cơ nan kế,

 Lớp lớp chung qui lại cội lành.

**BÀI**

 Tác bát quái, dựng đời mở đạo,

 “Tu đạo chi vị giáo” là đây;

 Sáu mươi tư quẻ an bài,

 Đạo đời tương đắc, tam tài tương than.

 Hỏi tại sao Thánh phàm phải trái?

 Hỏi bởi đâu khôn dại đua ca?

 Đạo là bộ máy điều hòa,

 Có chi vui khổ, xảy ra liền liền?

 Ta nên hiểu, thông quyền đạt biến,

 Sớm kiến cơ, uyển chuyển theo thời;

 Âm dương hai lối đạo trời,

 Dinh hư, tiêu trưởng, đổi dời diễn phô.

 “Trung” chua phát tuyệt vô thiện ác,

 Phải tùy chiều: một giác một mê;

 Mê gây loạn xạ mọi bề,

 Giác theo thiên lý để huề phân minh.

 Ác hay thiện do tình chơn vọng,

 Vọng dục lên, gió sóng bồi bồi;

 Tình chon tâm ý tỏ ngời,

 Ví như ánh sáng mặt trời lên cao.

 Chủ được tâm thì vào được Thánh,

 Rong theo tình ấm lạnh chát chua;

 Tình người được mất hơn thua,

 Tình Trời hanh lợi, bốn mùa phong quang.

 Này “Đạo Học Chỉ Nam” nhận kỹ,

 Vũ trụ do nguyên lý tạo thành;

 Mười phương tam thế chúng sanh,

 Đạo mầu biến hóa, vận hành mà ra.

 Đạo nguyên lý cũng là Thái Cực,

 Ngôi Trung tâm duy nhứt Kiền Khôn;

 Thường hằng, tự hữu Chí Tôn,

 Cầm quyền Tạo Hóa, ngự hồn vạn linh.

 Phân hai nghi: âm hình, dương khí,

 Rất đơn thuần, giản dị phân minh;

 Tương giao, tương đối, phân minh,

 Khai thiên tịch địa, hóa sanh muôn loài.

 Thảy, tất thảy, không ngoài lẽ đó,

 Đó là đây, là có, là không;

 Có không, đây đó công thông,

 Công thông sẽ được huyền đồng tự do.

 Luật tiêu trưởng, duỗi co tự tán,

 Máy vần xây, tối sáng ẩn bày;

 Tùy thời biến hóa đổi thay,

 Trong ngoài, trên dưới, an bài khít khao.

Ở đâu, vào lúc nào cũng có,

 Có ở đây, ở đó, ở kia;

 Trong như đoạn cách phân lìa,

 Nhưng mà một khối, không chia, không rời.

 Như kỳ nhông, những người thấy đó,

 Tranh cãi nhau, xanh đỏ trắng vàng;

 Có người biết rõ giải oan,

 Nó mang màu sắc nghi trang liền liền.

 Dịch sinh sinh, đạo Kiền biến hóa,

Thần vô phương, thông thả mười phương;

 Chí nhu mà cũng chí cương,

 Đổi thay, nhưng cũng hằng thường siêu nhiên.

 “Trung” bản nhứt, vô thiên, vô ỷ,

 Hòa ứng thông, tình ý tương than;

 Cho hay trong Thánh có phàm,

 Trong phàm có Thánh, bao hàm rộng sâu.

 Không ở đâu mà đâu cũng có,

 Lớn trong ngoài mà nhỏ mà trong;

 Khuếch nhiên, rất mực thái công,

 Tinh tuyền, tịch chiếu, cảm thông muôn loài.

 Thiên địa nhơn, tam tài nhứt thể,

 Thể Trung hòa, liên hệ thiết tha;

 Thể Trung, bộc phát thể Hòa,

 Thể Hòa xuất hiện, manh nha sanh thành.

 Lý và Khí, lưỡng danh nhứt vật,

 Trung và Hòa, hai trật một dòng;

 Khí hình hiện, Lý chủ trong,

 Trong ngoài, tâm vật, sắc không hỗn thành.

Tuyệt đối thể, không lành không dữ,

 Ngoài Thời, Không, sanh tử, vật hình;

 Âm dương biến hóa hiển trình,

 Hai nghi, bốn tượng, năm hành phân khai.

 Dựng trời đất, muôn loài muôn giống,

 Tiên, hậu thiên, qui thống vào tâm;

 Động cơ, thuận ác sẵn mầm,

 Thiệt hư, chơn vọng, ngấm ngầm chờ cơ.

 Ấy Hoàng cực, giờ giờ thận độc,

 Sách Trung dung khá đọc hiểu qua;

 Làm phương bảo hợp Thái hòa,

 Cùng Trời đồng nhứt, đâu mà diệt sanh …!

**CHƯƠNG THỨ HAI**

**NHÂN SINH NHỨT QUÁN**

**TIẾT I. LỜI NÓI ĐẦU**

**THI**

**Nhơn** bản vun trồng lớn tốt tươi,

 **Sinh** minh (1) triển tận lượng nơi người;

 **Nhứt** như tâm ấy ngang Trời đất,

 **Quán** triệt Càn Khôn lớn lắm ôi!

(1). Mặt trăng từ mồng một đến rằm, tròn đầy viên hoạt.

**Mục 1. Cảnh nguy vong của nhơn loại hiện thời.**

 Vấn đề nhơn sanh, mà chương Đạo Học Chỉ Nam nầy đem ra bàn giải, là một việc làm có thể dư công vô ích, vì từ xưa nay, khắp đông tây, biết bao Hiền triết Thánh Nhơn đã bàn tính rất nhiều. Nhưng xét lại, hiện tình nhơn loại sống trên quả đất, con người không thấy có một giá trị nào đáng yêu, đáng kính.

 Người như vong thân mất gốc, sống ích kỷ lẻ loi, tình nghĩa giữa nhau trong một xã hội, một gia đình lợt lạt, không còn đầm ấm duy nhứt một đường. Thậm chí, cha con, chồng vợ, thầy trò cũng thiếu thành thật. Mỗi người tự có một đường hướng, không ai nhường nhịn ai, đến nỗi chống đối bằng ngôn ngữ, bằng súng gươm, chắc sẽ đến một ngày tương tàn mà tận diệt.

 Mặt khác, xã hội loài người hiện nay không phải thiếu đường hướng đi. Tôn giáo học thuyết nhiều, nhưng tinh thần vẫn đói. Cơ khí khoa học thay người mà sản xuất dồi dào, nhưng thiên hạ cũng thiếu mặc thiếu ăn, giặc cướp sanh ra tham lam, vơ vét lan tràn, khổ xác thịt, khổ linh hồn, đời sống ê chề. Con người hủy thân, tự sát bằng đủ phương, để tránh cuộc đời ngược xuôi, bạc bẽo.

1. Tại sao con người phải lâm vào tình trạng khốn đốn, nguy ngập như thế nầy?
2. Đó phải chăng con người đã tách rời sự sống, là cội rễ của nó, nên tâm địa không quân bình, mà tâm địa mất quân bình rồi, thì không có một sự việc gì mà không đảo lộn. Sự vật bị đảo lộn, thì xã hội làm gì có được an toàn, con người có được tự do hạnh phúc!

Nên khi tâm địa không quân bình, thì lòng tham dục mới khởi lên, lòng thiên lệch với vật nọ vật kia nảy ra, thương không đáng thương, ghét không đáng ghét. Vì vậy, mà xã hội loài người như một bẫy đầy sóng gió, ầm ĩ luôn luôn, cặn cáo quấy mờ, đời sống không thấy một phút yên lành, mà tâm tư tai mắt trở nên bãi chiến trường. Khổ ơi là khổ!

Tình trạng xã hội ngày nay là thế, thì con người là động cơ của xã hội, mà động cơ đã thiên lệch, bảo sao xã hội không khỏi sụp đổ hư ngụy. Nhưng cần xét lại nguyên nhân cấu tạo con người, vì cớ nào có những nông nổi đáng ghét, mà cũng có cái đáng thương.

Thánh nhơn cũng người, chúng ta cũng người, Nghiêu Thuấn cũng người, mà Đạo Chích, Tần Cối, lưu manh, đàng điếm cũng người. Nhưng người nọ được ưu tú thanh cao, người kia dáng khinh khi bỉ ổi, là tại sao?

**Mục 2. – Làm sao để giải thoát cho con người?**

Đó là vấn đề hóc hiển, oái oăm, nhưng dầu khó đến đâu cũng phải gắng công mở một lối thoát, (cho) tương lai thấy một (bầu) trời mới, của con người thế hệ mới, cùng sống trong cảnh thanh bình.

 Con người mới là con người thế nào?

 Nói con người mới, là nói con người có một tâm tánh sáng suốt, không vong bản vong thân, thì con người đó được sống dư thừa mạnh mẽ, dưới có gốc rễ, trên có tán lá chở che. Ấy là người thiệt, người ở trong tam tài đồng đẳng.

 Người ở trong tam tài đồng đẳng là người thế nào?

 Tam tài là: Trời, Đất, Người. Người tuy là thấy nhỏ bé hơn Trời Đất, nhưng cũng có đủ điều kiện để mà có thể sánh ngang cùng Trời Đất, vì cũng đồng có một bổn tánh sáng suốt, không phải khác với Trời Đất đâu!

Sách Trung Dung nói rằng: “Duy thiên hạ chí thành …năng tận vật chi tánh tắc khả dĩ tán thiên địa chi hóa dục, khã dĩ tán thiên địa chi hóa dục, tắc khả dĩ thiên địa tham hỉ”. Nghĩa là: Trong thiên hạ, duy có người chí thành ….hay tận được cái tánh của vật, thì có thể giúp được sự hóa dục (hóa là sanh ra, dục là nuôi dưỡng) của Trời Đất, có thể trợ giúp việc hóa dục của Trời Đất, thì sẽ đồng hành cùng Trời Đất.

 Ai làm được ba việc là:

Phát huy cái đức chí thành của mình,

Khoách sung cái lượng chí của người khác,

Dùng hết năng lực chí thành của mỗi vật,

để trợ giúp việc hóa dục của Trời Đất, thì có khác chi Trời Đất.

Nói một cách khác, ai có lòng lo tu niệm, sửa mình, phụng thiên sự dân, thì đồng đẳng với Trời Đất.

 Mà thành tắc minh, minh là Thánh vậy. Nên gọi chí thành là chỉ bản thể của con người, còn gọi chí Thánh là chỉ công dụng của con người. Tuy hai tên khác nhau, mà đồng một hạng người là Thánh Nhơn. Cho nên người ta cũng nói: Thánh Nhơn là cái Đạo hữu hình, nhờ đó mà người ta biết đến cái đạo vô hình của Trời Đất. Thế thì con người tâm tánh sáng suốt, có phải là sánh ngang với Đạo; đồng đẳng với tam tài đó chăng?

**Mục 3. Các Thánh Nhơn đã tìm nhiều phương xây dựng cho loài người.**

 Cũng vì lẽ trên, mà các bậc ưu thời mẫn thế, các đấng Minh chủ Thánh Nhơn nhận thấy nguy cơ, nên luôn luôn đặt vấn đề nhơn loại là trọng tâm. Liên tiếp các thời đại khắp đông tây, xuất hiện các bậc Giáo Chủ, các nhà đạo đức dẫn lối đưa đường, tìm đủ giải pháp xậy dựng con người, bảo toàn quốc gia, thế giới.

Người là chi?

Xưa nay không ngớt đặt lại vấn đề, lo lo, nghĩ nghĩ, ngồi không yên, đứng không vững, lòng dạ xót xa bận rộn, như đánh mất một vật gì quí báu, mà các Ngài quên cả thân, vất cả vợ yêu con quí, quyền lớn vị cao, lo phương cứu vớt đồng loại, không quản khó khăn.

Như đức THẾ TÔN thế phát vào nơi núi Tuyết để trầm tư mặc tưởng, chứng ngộ Đạo mầu hầu cứu độ chúng sanh.

Đức THÁNH KHỔNG lang thang vất vả nước Thái, nước Trần, chu du nơi nầy nơi nọ, như kiếm đám con đi lạc, suốt một cuộc đời của Ngài, trông cho gặp vua hiền, để thi thiết đường lối, lập lại xã hội con người.

Như Chúa KI TÔ cũng nhận sứ mạng vì người, đến để chuộc tội thế gian, mà chịu treo mình trên Thánh Giá.

Ôi! Biết bao nhiêu Hiền Nhơn quân tử, đã hy sinh phụng sự cho người, và các Ngài thông cảm sâu rộng, trông thấy xa xăm, yêu thương nhân loại như mẹ thương con. Nhơn loại như đám con đau, trăn trở rên la, như gần hấp hối. Các Ngài là mẹ không nỡ ôm con mà khóc, sao bằng chạy đầu làng xó chợ, tìm thầy kiếm thuốc để cứu đàn con. Nhưng bịnh tình nhơn loại, cũng thuốc hay thầy giỏi, song chưa hẳn được lành, đôi lúc trở lại trở đi. Còn xã hội gia đình là nơi nhà đau giường bịnh.

Như trên đã nói, bịnh thân thể có nhiều hình thức, do bẩm chất, do phong thổ, do thời kỳ, nên phải có nhiều thứ thuốc, tùy theo trường hợp mà trị, mới lành mạnh. Thì bịnh tinh thần có trạng thái khác nhau còn nhiều hơn nữa, cũng chẳng phải phương pháp xưa mà trị lành được tâm tánh con người đời nay.

Tuy biết nguồn đầu tâm tánh có một, mà con người phần nhiều chỉ nghe nói sơ qua, chớ đâu đạt tới mục đích đó được. Vì vậy mà các lời dạy của các Giáo Chủ, về phần **thật giáo**, chỉ độ một số ít người. Còn phải theo trình độ của mỗi người, mỗi nhóm, mỗi xứ, mỗi nước, phân hóa mà dạy khác nhau, nên gọi là **quyền giáo**.

Con người đời nay đọc qua giáo lý xưa khó biết mình phải làm theo lời dạy nào: người thấp học giáo lý cao, người cao học giáo lý thấp, hoặc người học Đạo không theo pháp môn hạp với giáo lý thấp, hoặc người học Đạo không theo pháp môn hạp với bổn tánh mình, thì biết chừng nào mới đạt đến mục đích cứu cánh của Đạo.

Hôm nay là thời kỳ qui nguyên. Nếu chẳng có Ơn Trên dung hòa, uyển chuyển dìu dắt chúng sanh mà đem về một mối tổng hợp, thì chúng sanh vẫn còn chống đối nhau mãi, thân sống còn không yên, thì có trông mông gì điều hòa tinh thần, để đi tới một cảnh thái bình an lạc, cùng tịnh tâm vui vẻ, mà trở về nguồn gốc của Đạo.

Huống chi Đạo chẳng phải có lý thuyết suông! Bằng không có Chơn Sư thân truyền, thiếu phần thực hành, thì làm gì nên được? Sau một thời kỳ học hỏi về tâm tánh, còn phải tu thực hành, để đi đến mức cứu cánh của nó, là minh tâm kiến tánh, đồng nhứt cùng Trời. Chưa đến đó, thì chưa phải là người thành Đạo, hay là chứng quả vị Tiên Phật chi cả. Có thể gọi là người học Đạo, hay là tu Đạo mà thôi.

Cuốn sách nầy trước chỉ rõ nguồn đầu của tâm tánh, sau là chỉ phương pháp thực hành vừa nói trên đó, mới là phần cốt yếu. Nếu tri (biết) mà không hành (tập), thì cũng như bất tri (không biết). Đó là lời răn của các vị Giáo Chủ, các bực Thánh Nhơn, người hành giả há dám xem thường mà bỏ qua đi chăng?

**TIẾT II. GIÁ–TRỊ CON NGƯỜI**.

**Mục 1. Nghĩa con người theo sách Lễ Ký, Đại học.**

 Chương I đã nói về sự cấu tạo của Vũ Trụ và con người. Nguyên lý của Vũ Trụ là Trời, của người là Tâm, hai bên đồng một nguyên lý, thế là Trời và người đồng một Đạo vậy.

 Sự cấu tạo của Vũ Trụ thế nào, thì sự cấu tạo của con người cũng y như thế đó. Vũ Trụ là thể lớn, con người là thể nhỏ. Dầu nhỏ, dầu lớn, cũng nhận ở nơi Tạo Hóa một bản nguyên bất tử. Hình hài, hồn phách do âm dương, tứ tượng mà có ra.

Vậy người là chi?

Theo Nho Giáo ở Lễ Ký thì “Nhơn giả, kỳ Thiên địa chi đức, âm dương chi giao, quỉ thần chi hội, ngũ hành chi tú khí”. Nghĩa là: Con người có cái đức của Trời đất, chỗ giao điểm của âm dương, nơi hội tụ của quỉ thần, cái tinh túy của ngũ hành.

Đây nói con người là đức của Trời đất, vậy đức là nghĩa gì?

“Đức” là Minh đức ở sách Đại học. “Minh đức” là cái tánh **Bản nhiên Trời ban phú** ở nơi người. Đức ấy rất hồn hồn, Viên Minh, Diệu Giác, như ở bản thể chia ra.

Thái Cực là nguyên lý dựng nên Trời đất, sanh thành muôn vật, lưu hành biến hóa, làm cho Vũ Trụ ngày một hoàn mãn, phát hiện hết bản tánh chi năng của chúng sanh. Thì Minh đức của người cũng có thể triển chuyển mạnh mẽ, nào khác chi Trời.

Cái đức “Minh đức” được sung mãn nơi người, thì thông đồng cùng Trời đất, gánh nổi việc thiên hạ dễ dàng. Đức ấy được lan tỏa ra, làm cho đâu đâu cũng sáng rỡ huy hoàng, như ngọn lửa thiên chong các cây đèn, mà đèn nào cũng tỏ. Đó là Minh đức mà tân dân, vừa lợi nhơn lợi kỷ. Người đã được cái đức ấy của Trời đất, là phần Thiên mạng kỳ giữ ở ta, đồng thời với lúc đó có thân nầy.

Thân nầy lại là nơi **giao điểm của âm dương**. Âm dương đã tác lập gồm đủ hình thể và tinh thần. Thế thì thân nầy có đủ những hoạt lực để biến hóa, để thông đồng tận trên cùng Trời, dưới tận cùng đất. Thì thân nầy tự có cương kiện viên hoạt của Kiền, nhu thuận hậu đức của Khôn, mạnh mẽ mà nhu hòa, giản dị mà thông biến.

**Chẳng những thế, mà con người đứng giữa chỗ giao điểm của Vũ Trụ, ngang dọc chồng nhau, thời gian và không gian nối tiếp thành con người ở chỗ trung tâm: Trời xuống đất lên, dương qua âm lại. Thật là quan yếu biết ngần nào!**

**Con người sống động mà tiến luôn, không ngừng không nghỉ, biến hóa để thay cũ đổi mới, tô tạo cho được hoàn toàn. Song biến là biến cái hình hài, hồn phách, chớ cái chơn tâm tự hữu vẫn duy nhứt, mà điều lý để quân bình, cho thấy thêm một phần quan trọng ở người là nơi quỉ thần hội tụ.**

Đặc điểm là người do **quỉ thần hội tụ** chẳng những xây dựng được hình thức, trông biết được hiện hữu của thời gian, mà còn thông đồng giao cảm ở nơi u minh mầu nhiệm, thấy bằng trực giác Chơn tâm, khám phá được việc bí mật của Thần, truy nguyên thấu ngọn nguồn cơ nhiệm .

Nhưng đã có Thần bên cạnh, Thần lại có quỉ. Quỉ là thần ô trọc, yếu đuối, thấp hèn, thì tránh sao khỏi con người không đắm sa vào nơi mờ đục, mà đua rong theo ảo ảnh mê dục, giả trò. Nên Tâm con người chứa đựng cả tánh và tình, hạt giống lành dữ, ngụy chơn, chờ dịp mà khởi sanh, hễ nghiêng bên nào thì bên ấy thắng. Nên sách Nho có câu

 Tam điểm như tinh tượng,

Hoành câu tợ nguyệt tà.

 Phi mao tùng thử đắc,

Tác Phật giả do tha.

Nghĩa là: Chữ Tâm () trên có ba chấm như ba ngôi sao trên Trời, còn ở dưới mật vòng câu như mặt trăng non (mồng 3 âm lịch). Mang lông đội sừng cũng tại đó, làm Phật làm Tiên cũng chẳng ai khác.

Đã là quỉ, thì chỉ hợp với âm, hay hàm chứa những sự khôn ngoan tích tụ bằng kinh nghiệm nhiều những việc đã qua. Còn Thần thì suốt tận quá khứ, hiện tại và vị lai, những gì con ẩn khuất, những việc chưa xảy ra, mà chỗ u minh thiện ác, không đâu mà không thấu được. Đó là âm dương, thần quỉ gồm đủ ở nơi người.

Người lại còn được **cái tinh túy của ngũ hành**, nên không thấu vật tình, gồm có bốn đức: Nguyên, Hạnh, Lợi, Trinh,

 bốn mối; Nhân, Nghĩa, Lễ, Trí,

có đủ tánh thường hay ứng thông cùng vạn vật, mà Kinh Thơ nói: “Hội kỳ hữu cực, qui kỳ hữu cực”, chẳng những thông hội với hiện tượng thế giới bên ngoài, mà còn đồng nhứt với Hoàng Cực là ngôi trung ương bên trong.

**Mục 2. Nghĩa con người theo thuyết Vương Dương Kinh, Tuân Tử**

 Người là đức của Trời đất, mà cũng là tâm của Trời đất. Bây giờ ta thử xét cái tâm người xác nghĩa như thế nào?

 Vương Dương Minh nói:

Lấy hình thể bao la mà nói, thì gọi là Trời.

Lấy sự chủ thể sai khiến mà nói, thì gọi là Thương Đế.

Lấy chỗ lưu hành vận dụng mà nói, thì gọi là mạng.

Lấy chỗ phú bẩm nơi người mà nói, thì gọi là tánh.

Lấy chỗ chủ sự sai khiến mà nói, thì gọi là tâm.

 Đó là tùy theo mỗi trạng thái để phân định cái danh, kỳ thật cũng là Một. “Một” nghĩa là không hai, thì bất cứ hình thái nào cũng trong lẽ Một mà phát sanh, lưu truyền khắp đó đây. Nhưng Một đã phân hóa, thì vạn tượng có nhiều hình thái khác biệt. Chỉ có bậc Thánh mới đạt cái lẽ Một đó, mà suốt thông vạn pháp, không sót một vật nào. Nhưng đã là người thì nằm trong cái vỏ kình cợm, bị tình thức bao che, làm cho Chơn Tâm mờ lấp, mà trông ra muôn vàn hình thức khác nhau, nên mới có nhiều sai biệt.

 Sai biệt đó ta cần nhận kỹ (sẽ giải tiếp sau).

Đây chỉ nói cái Một của tâm. Nó bao la mầu nhiệm, không có một vật nào không bởi tâm mà xuất hiện. Cũng chẳng có vật nào chẳng trở về với tâm.

 Luân Tử nói: Tâm là vua của hình thể, chủ tể của thần minh, ra lịnh mà không chịu một mạng của lịnh ở nơi nào: Tự cấm lấy, tự khiến lấy, tự cướp lấy, tự làm lấy, tự thôi lấy.

Thế cho ta thấy quyền hạn của tâm vô cùng to lớn: Vua của thân thể là chủ của thần minh. Ra lịnh cho tứ chi bá hài mà không chịu một mạng lịnh ở nơi nào, vì tâm là chủ thể có quyền bắt buộc tai, mắt, miệng, mũi, chân tay, ý chí phải nghe. Biểu co thì co, biểu duỗi thì duỗi, khiến câm phải câm, bảo nói thì nói, mà ngũ quan không quyền điều khiển được tâm.

 Ông nói: Cái tâm rộng lớn bàng bạc khắp Vũ Trụ, rất thiêng liêng mầu nhiệm, hàm chứa vạn sự vạn vật, không sót một vật nào, đâu phải cái quả tim máu thịt ứ đọng, hẹp chật nhỏ nhen. Nó là tri giác, nên tai mắt biết nghe ngóng, chân tay biết duỗi co, tâm ấy rổng rang, mang mác như hư không, sáng suốt như mặt trời mặt trăng, không chỗ nào chẳng soi chiếu vào. Vạn vật đầy đủ ở tâm, lý lý sự sự đều do nơi tâm mà phát xuất. Ngoài tâm không có sự (hư linh bất muội, lý cụ nhi vạn xuất, tâm ngoại vô lý, tâm ngoại vô sự).

 Thế thì tác dụng cả tâm không quá nghĩ bàn, rộng lớn mà thiêng liêng. Nên Tuân Tử cũng thấy cái tâm oai hùng mạnh mẽ, độc lập mà tự do.

 Quyền năng của tâm không hạn định biên giới. Song tâm còn có ý làm động cơ, cố tình rong ruổi theo ngủ trần, có thể gây nhiều bất lợi cho tâm, đôi lúc còn che mờ, có thể khiến tâm nghiêng ngã.

 Khi tâm đã nghiêng lệch về bên nào, thì chỉ thấy được bên ấy, mà các mặt khác không thể biết được. Hoặc có biết, cũng chỉ biết được cái đối tượng của sự mờ quáng, đâu tìm thấy cái hay của sự vật, mà xét được cái dở của nơi mình. Tâm không giữ được thăng bằng, thì dầu cho đen trắng ở trước mắt, sấm sét ở bên tai, cũng không hề nghe thấy.

 Đó là chưa bị ngoại vật nhiễu loạn mà còn thế, huống hồ tâm đã trôi dạt ngoài hiện tượng, bị hình thức ngăn che, lúc ấy chỉ còn là đối lập. Tâm lý của con người đến đây đã chia làm hai: là nhơn tâm và đạo tâm. Nhơn tâm thì nguy hiểm, mà đạo tâm thì vi diệu (Nhơn tâm duy nguy, Đạo tâm duy vi).

Nên xưa các Thánh Vương truyền kế cho nhau đời đời: Đường, Ngu, Hạ chỉ trao mật quyết về cách giữ tâm cho tinh ròng chuyên nhứt, lấy đạo Trung thủy thổ, nhơn dân.

**Mục 3. Nghĩa theo Giáo Lý Lão Tử, Thích Ca**

 Đã nói người là đức của Trời. Thật vậy! Lão Tử có nói: Vạn vật sanh do nơi Đạo. Vật nào cũng có cái đức của nó, gọi là Đạo tâm. Vì Đạo và đức, hay tánh và mạng cũng cùng một nghĩa như nhau.

 Tâm đạo sáng suốt nhưng tế vi (Đạo tâm duy vi), giữ thì còn, buông thì mất. Nên Cổ nhơn giới cụ, thận độc, mà tinh ròng, chuyên nhứt, giứ lấy đạo Trung, không để cho động cơ phát xuất, rồi mới ngăn ngừa, mà cẩn mật lúc cơ vi vừa chớm động. Nếu Đạo tâm phát động mà không biết ngăn ngừa, thì nó biết thành Nhơn tâm.

 Nhơn tâm là tâm cấu nhiễm, tâm khí chất do máu huyết cấu sanh, đắm mê lầm lạc theo bảy tình, dong ruổi theo sắc trần. Sóng dục vọng ở biển tâm không lúc nào yên ổn, nên nói: Tâm người nguy hiểm, tráo trở đa đoan (Nhơn tâm duy nguy).

 Thế thì nhân bản của con người, nếu là cái tâm lợi hại ấy, làm sao giữ cái gốc cho vững, kết quả nhánh nhóc được tươi tốt? Tâm đã nói là kho chứa hạt giống Thánh phàm, nó là cái cửa hai cánh, đóng mở ra vào do đấy. Nên cổ nhơn lấy làm lo sợ cho cái tâm, sai một li đi một dặm. Đã có Thánh có phàm, tất là nhơn tâm đạo tâm chia làm hai mối.

 Theo nhà Phật, tâm ấy gọi là “A Lại Da” (Alaya), có hàm chứa chủng tử sanh diệt, Thánh phàm, mà thức hay nhóm khởi, nên vọng động nảy ra ý, đẻ ra tình. Còn tánh là bổn thể Chơn như thì vẫn sáng suốt. Song nó đã nằm trong vòng vọng động của ý thức, tỉ như sóng gió nổi lên, làm mở đục cái tâm vậy.

 Nhà Phật cũng vì cái tâm rộng lớn như hư không, bao hàm vạn pháp , xuất sanh Vũ Trụ, vạn vật. Tâm chứa các pháp thế gian và xuất thế gian, đủ các chủng tử sanh diệt. Thánh phàm bởi đó, chư Tổ chư Thánh nương đó mà đắc Đạo. Chúng sanh cũng do đó, mà quanh quẩn trong sáu nẻo luân hồi sanh tử.

 Tâm ấy đã gây nên biết bao cuộc sóng gió cho đời, mà cũng là khởi điểm, mở đường cho chúng sanh nhập vào cảnh An lạc Niết Bàn tự tại. Nên Khế kinh có câu

 Vô bất tùng thử pháp giới lưu,

 Mạc bất hoàn qui thử pháp giới.

 Chữ pháp giới nói đây là pháp giới tánh, là cái tâm của Vũ Trụ, mà cũng là tâm của con người.

 Thế là “Tam giới duy tâm, vạn pháp duy thức”. Tâm thức là cái kho chứa các hạt giống Thánh phàm. Nếu tâm thức không quân bình, có thể đảo lộn cả trật tự của Trời đất, nhứt là lúc tâm thức bị thiên về một góc, thì chỉ biết cái góc của Bản Ngã chật hẹp của một thân. Đã chấp cứng, rồi thì không còn thấy cái hay cái quí ở đâu nữa. Nên nói: Lúc bị chinh lệch, dầu bạch hắc để trước mặt, cũng không thấy được trắng hay đen; trống vang sấm nổ bên tai, cũng hông nghe được tiếng.

**Mục 4. Giá trị con người là do con người tự tạo**

Ôi! con người vĩ đại cao quí thay. So với Trời, sánh với đất, người lại được ưu tú, làm trung gian tham dự vào cuộc Tạo Hóa sanh thành.

 Nhưng đứng về cá nhân mà xét, thật hoàn cảnh xã hội và con người hiện nay, nhận thấy gì xứng đáng đâu? Con người là một hạt sương trên ngọn cỏ, một lượng sóng giữa trùng dương, thoạt mất, thoạt còn, yếu ớt đến nỗi một con vi trùng, một ngọn gió phớt qua cũng đủ tiêu diệt, trong một giờ hằng trăm, hằng vạn người.

 Vậy thì có nghĩa lý gì đâu! Quanh quẩn thâu năm, vẩn vơ một kiếp, bụng chưa no, thân không đủ ấm, làm gì có được sự vĩ đại như câu nói ở trên?

 Đó là con người tự bạo tự khí, không nhận thấy tầm quan trọng tự hữu ở nơi mình. Ta cần trông xa, thấy kỹ, khắp trên thế giới, xưa qua nay lại, kiến thiết một cuộc đời bao la xảo diệu, sự nghiệp lớn lao hùng hậu, đã trang trải khắp nơi, thiết lập một đời sống, nào tôn giáo, triết học, khoa học, chủ nghĩa, văn hóa, kỷ luật,..v..v.., nào minh quân lương tướng, hào hiệp anh hùng đã vang trời dậy đất, nào hội họa thi ca, cơ khí kỳ tình, bay trên mây, ngầm dưới biển, chạy trên bộ, giao thông bằng gió, bằng hơi?

Có phải đó là người không?

Chẳng những bao nhiêu đó, mà còn thông đồng ngoài các cõi, đi lại với thế giới bên kia, cũng có thể thay trời mà tài thành công hóa Vũ Trụ. Song quyền năng con người còn rời rạc lẻ loi, chưa phát triển tận khả năng, mới một vài cạnh khía phôi thai, chưa lấy chi là toàn diện.

Một mặt khác, con người phải luôn luôn nhớ rằng: mình là

“âm dương chi giao, quỉ thần chi hội”

nghĩa là: mình đứng giữa âm dương, phân nửa là thần, phân nửa là quỉ, có phải mà cũng có quấy, có thiện mà cũng có ác, vậy con người phải chọn con đường mà đi. Đi trúng con đường lành thì lên, bằng sái con lành thì xuống. Con người còn có thể tu nên Tiên, nên Phật, làm sư biểu cho muôn đời. Như thế giá trị con người không phải là con người tự tạo cho mình sao?

Vậy vấn đề nhơn bản là vấn đề hóc hiểm mà quan yếu. Nếu bản (là gốc) không lập, thì Đạo không sanh. Người không gốc, thì người không đứng vững. Mà người là tâm, gốc của tâm là tánh. Biết vun trồng bản tánh, mới thiệt chỗ căn cơ, tông tổ của người.

**TIẾT III: TÁNH LÀ NHÂN BẢN**

**Mục 1. Nghĩa chữ tánh, tuyệt đối và tương đối (theo nghĩa chiết tự)**

 Tánh là bản thể, là căn bản của con người, viên minh thường trụ, hồn nhiên Thiên Lý, vốn có một không hai, chơn thật mà thiêng liêng, ở Thánh không thêm, ở phàm không bớt.

 Phật Giáo gọi là: Chơn như, Pháp giới tánh, Như Lai tạng, Diệu Giác Ngươn Minh,..v…v…

 Đạo Giáo gọi là: Thiên lương bổn tánh, Thiên mạng chi tánh, Minh Đức, Lương tri, Lương năng, Tánh Lý,..v…v…

 Nho Giáo gọi là: Thiên lương bổn tánh, Thiên mạng chi tánh, Minh đức, Lương tri, Lương năng, Tánh lý,..v..v….

 Đó là tánh tuyệt đối, bao hàm ý nghĩa cùng tột cao siêu.

Còn theo nghĩa tương đối, tánh do chữ tâm () và chữ sanh () hiệp lại mà thành, gồm hai phương diện:

**Sanh** hay là khí, là sự sống

 và **Tâm** hay là lý, là lẽ thật.

 Theo nghĩa sau nầy, cũng có sách giải tánh là gốc, sanh ra tâm, vì tánh thuộc mộc, tâm thuộc hỏa, mộc sanh hỏa, thì nói như thế cũng có lý. Nếu muốn tu phản bổn, thì phải mộc đem tâm trở lại tánh, gọi là: Hỏa Lý tài liên (hỏa hườn sanh tánh). Có người không hiểu cái lý nầy, nên nói: trong lửa không bao giờ trồng sen được.

 Khi tánh tuyệt đối chưa phát hiện, thì vốn có một, vô vi, là phần tiên thiên, vạn tượng còn ngấm ngầm bên trong. Mà khi nó phát hiện ra rồi, thì có đủ lý trí (tức là hai chữ **sanh** và một chữ **tâm** nói trên), hữu vi, là phần hậu thiên, sanh ra vạn hình vạn trạng. Tu là hậu thiên, phản tiên thiên, nói một cách khác là: do thiên hình vạn trạng mà trở lại nguyên lý tối sơ. Cho nên mới có câu: “Nhứt bổn tán vạn thù” (là lúc đi ra ngoài), “vạn thù qui nhứt bổn” (là trở về gốc).

 Lúc cha mẹ chưa sanh (vị sanh thân dĩ tiền), thì tánh con người thuộc về tiên thiên. Khi còn nằm trong thai bào, thì thai thở theo dây rốn của mẹ, gọi là thai tức, chớ chưa có gì liên lạc với bên ngoài.

 Đến khi lọt lòng mẹ, lên tiếng khóc oa oa, thì đứa trẻ mớt bắt đầu khai khiếu ở miệng mũi, mà hít khí hậu thiên ngoài trời. Nhưng khí hậu thiên là phần phàm trược, lần lần nó làm lu mờ cái chơn tánh, như tấm gương bị đóng bụi, như dòng nước bị sóng gió quấy mờ. Con người vì nhân duyên đó mà tập hợp vào một cảnh đời, để rồi diễn những tấm tuồng oái ăm, chua chát.

 Thành thử chữ tánh, ban sơ vốn có một, rồi sau phân làm hai là tâm (lý) và sanh (khí). Sau nữa, lại phân ra tâm và sanh mỗi bên lại có phần tiên thiên và hậu thiên, như biểu sau đây

Tâm (lý) Tâm tiên thiên (đạo)

 Tâm hậu thiên (đời)

Tánh

 Sanh (khí) Sanh tiên thiên (đạo)

 Sanh hậu thiên (đời)

**Mục 2. Sanh và tâm hậu thiên (đời)**

 Sanh là đời sống của con người. Ta cũng cần biết qua đời là chi, để nhận lại những gì, đâu chơn đâu vọng. Còn tâm đây là tâm thức, thuộc về phàm trược, nên sự xét đoán cũng cạn cợt, chỉ biết điều hiện tượng bên ngoài mà thôi.

 Đã vào đời, thì chỉ biết đời như thế nào, để làm chi? Thân phận của con người liệu sao mà phải. Đời là một cảnh tượng trong Vũ Trụ, gồm có trạng huống sanh tồn là quan hệ và tâm thức (sẽ nói rõ sau). Thân phận cả đời là thế. Đời là một sân khấu diễn màn vô định, thay đổi biến dời rộng lớn mênh mang.

 Đại ý, đời là thế, để mọi người ý thức cho được sự lợi hại, để tránh hay theo. Hằng ngày chúng ta sống ở đâu, trên đất nầy được thấy những gì? Có phải núi, bể, rừng, sông, chim muôn, súc vật, vườn ruộng, nhà cửa và người ta không?

 Đó là cảnh sắc của đời. Cảnh sắc đó được khu biệt thành quốc tế, quốc gia, xã hội, gia đình, đoàn thể, cha con, vợ chồng, bè bạn, anh em, chánh phủ, triều nghi ……

 Dựa vào cảnh tượng đó mà khởi lên, lúc đầu chỉ thấy hiến chương, pháp luật, luân lý, phong nghi… rồi đến những nước giàu dân mạnh, tướng giỏi, quần hùng, dậy trời, dậy đất, gươm súng choản rền, mạnh được yếu thua. Kế theo mới thấy giàu sang với nghèo hàn, oai quyền với nhược tiểu, sung túc với bần cùng, tự do với chế độ độc tài. Bên thắng thì vui cười hỉ hả, bên thua thì khổ sở nghèo nàn.

 Cảnh tượng và trạng huống sanh tồn đã xáo trộn biết bao, nào một mớ kẻ cai quyền thì dưới tay cả hàng vạn người bị đè đầu bóp cổ, một mớ người được cái diễm phúc gia quyền sum vầy, áo cơm no ấm, thì bên cạnh có ngàn vạn người khổ sở lầm than, ăn cặn uống thừa, nằm đình ngủ chợ.

 Cảnh tượng và trạng huống sanh tồn đã trở nên giấc mộng liên miên. Tâm thức con người luôn suy nghĩ ước ao, nào quyền, nào vị, nào lợi, nào danh. Trông hết toàn bộ, đâu đâu ai cũng mơ mộng đến ăn, đến mặc, đến chức cao vị lớn, nào là phước họa rủi may, yêu đương tình tứ, xô đẩy con người nhào trộn trong cảnh tượng thôi miên, đeo đuổi chứng kiến những lẽ trên mà người người cảm giác sự nọ việc kia, thâu nhặt gom góp thành một tâm thức, tích lũy ở lòng. Tâm thức ấy đưa cõi đời vào sâu hơn nữa.

 Ấy là cảm giác trạng huống sanh tồn và cảnh tượng của đời. Đời dưới sự chỉ huy của thức, thức động biến ra thiên hình vạn trạng trong tâm điền, lại còn quá chừng oái ăm xảo diệu, làm cho cảnh đời thêm mặn lạt ngọt chua, làm cho người đời kẻ khóc kẻ cười, bóp méo nặn tròn, ghét trở nên thương, thương thành hóa ghét.

 Cảnh đã lung lạc tâm hồn khiến cho đời trở thành lò lửa để thiêu, bể nước để dìm, rìu búa giáo gươm, để tề chặt đẽo bào, không một giờ ổn yên. Giá trị cả đời là tình cảm, kết quả của tình cảm là đau khổ.

 Bởi một niệm bất giác khởi lên, mà tâm thành thức mới tạo duyên tác nghiệp. Nhứt ba động, vạn ba tùy, một lượn sóng khởi lên thì muôn lượn sóng do đó mà khởi động. Nên vấn đề sanh tử là một vấn đề quan trọng. Ta cần biết chỗ khởi niệm phát ra lành hay dữ, mà vòng xích luân hồi phải đưa đẩy vào chỗ tối tăm, hay ra nơi sáng suốt.

 Đã nói như trên, con người chung đúc bởi lý khí của trời đất mà hình thành, thành thể. Hình trở thành luật, luật trở nên sự. Thể thì thành tướng, tướng lại thành vật. Hình là thể thường, thể là thể biến. Hình là thể có, thì phải chịu sanh diệt thay đổi, tự thể của Vũ Trụ hay bản tánh của con người vẫn được tồn tại.

 Con người nhờ linh giác chiếu nhiên cách cảm, mà có lương tri và lương năng. Lương tri không cần suy nghĩ mà biết, lương năng không cần học tập mà hay, nên suốt được sự sự vật vật. Nhưng khi bị tâm thức rung động làm bế tắc, nên phải dùng lý trí đo lường sự vật. Muốn đo lường, phải đủ chứng nghiệm làm mẫu mực, thì sao thấu tận chỗ tinh vi. Mà lý trí lại do tâm thức phóng ra, thì sự biết có cũng mức nào trong lẽ hữu vi.

 Tâm thức tùy trường hợp cũng gọi là ý thức, tình thức.

 Bây giờ cũng cần đi sâu vào một bước nữa, để biết đại lược nghĩa chữ thức, các loại thức.

1. Thức là gì?
2. Thức là sự biết. Biết của thức không phải biết thường, mà kết cấu từ vô thỉ dĩ lai, ngậm chứa đủ các hạt giống: thức vô lậu và hữu lậu. Thức do tự tánh phóng ra. Thức ấy lưu tán khắp Vũ Trụ, vạn vật, không nơi nào chẳng có thức, không vật nào chẳng bởi thức, không sự nào chẳng phải thức mà ra. Thức ấy sâu rộng, linh hoạt lạ thường, hay rung động nhóm khởi.

Cảm tưởng ghi nhớ trải qua nhiều thời gian và xuyên vào không gian, nên sự nghe thấy hiểu biết từ cõi thần đến cõi người. Đó là thức **lưu truyền**. Thức ấy lồng vào thân người, kết hợp với thức di truyền và thức tập truyền, thành ra bà con nhà thức ngày ngày thêm đông.

Thức **di truyền**, ta không sao phăng tới nguồn mạch của nó. Nó theo dòng hệ tộc, mà chảy theo Thất Tổ Cửu Huyền. Tinh khí cha mẹ cầu nên hình người, là một giọt máu thức chảy ngầm trong thân thể. Nếu giọt máu ấy bởi nguồn trong sáng, sinh ra con người được khôn lành. Bằng nhơ đục thì trở nên rù rờ, ngây dại.

Chẳng những hai dòng thức trên, mà quan hệ hơn là dòng thức **tập truyền**, ở trong các con thú vật và thực vật. Khi ta ăn chúng vào mình, sinh tố tế bào của các vật đã trộn lộn vào máu huyết nơi thân ta, thì bè đảng của thức lại được kết nạp mỗi ngày mỗi đông, càng đông càng mạnh, nên có thể làm ngăn ngại cho tự tánh thiếu phần linh động tự ác. Đến lúc bỏ xác nầy, tự tánh cũng không đủ sức độc lập.

Dòng thức nghiệp cứ lôi đi đầu thai kiếp nầy sang kiếp khác, hoặc lên, hoặc xuống, hoặc trả, hoặc vay. Song thức đó không chỉ ở nơi người, mà cả Vũ Trụ vạn vật cũng đều có thức. Cây cỏ biết vươn mình ra ánh sáng, có thức cây mới biết bắt muỗi bắt chim mà ăn, như cây carnivore ở Phi Châu biết thâu tóm cả con người mà ăn thịt. Đó không phải là thức sao? Như con ong, con mối biết kiến trúc rất tài tình. Con chim biết gáy trở canh (lúc giao thừa: nhứt dương sơ động), con gà biết gáy lúc đầu thân (tam dương khai thái). Tuy vạn vật ngang dọc tự do, song sinh hoạt rất nên trật tự.

Tóm lại, muôn loài đều có thức làm chủ động. Thức nhóm lên thì có ý. Ý là động cơ của tâm, rất lưu loát lạ thường, thoạt ẩn, thoạt hiện, thoạt vào, thoạt ra. Nó là một sự lợi hại nhứt, gây duyên tác nghiệp bởi nó, điều lý quân phân cũng đó. Đó được tự tánh soi dần, thì đó là ý chí. Ở trời, ở đất, ở vạn vật, cũng có ý đó. Như vậy ở dưới nước thì thở bằng mang, vật đẻ trứng thì bớt bộ vú, vật không biết mặc áo quần thì da dày, lông nhiều. Thứ có cánh lại bớt tay, thứ không sừng lại thêm nanh vuốt. Thứ hung dữ lại có tánh nhát, để bớt khứu giác. Lúc đáng mưa thì cứ mưa, đáng nắng thì cứ nắng. Trăng phải tròn thì cứ tròn, đêm phải tối thì cứ tối.

Thế thì trời đất vạn vật đều có ý đó cả. Thức vọng thì có tình. Tình là lưu dục, gặp vật bên ngoài thì động vọng lên liên miên. Vạn vật không giờ phút nào ngưng nghỉ. Tình thì luôn luôn chủ ý vào sự họa phước, vui buồn, nên tình người là: hỉ, nộ, ái, ố, ai, lạc, cụ.

1. Nhưng người chỉ mới có tình sao?
2. Vũ Trụ, vạn vật cũng đều có tình: mùa xuân khí trời ấm áp, vạn vật sinh nở; mùa hạ khí trời nóng bức, vạn vật trưởng thành; mùa thu khí trời mát mẻ, nguyên khí thu liễm; mùa đông khí trời lạnh lẽo, vạn vật linh lạc, tàn tạ.

Trên khoảng không có chim bay, dưới nước có cá lội. Gò đống có cây cỏ mọc, trên đất có động vật đi, đồng ruộng mọc lên đủ năm thứ lúa. Dưới trên đều có sự sống, bốn phương tám hướng đều có sự sống. Sự sống tràn ngập trong lòng người, trong Vũ Trụ. Mặt trời mặt trăng, các tinh tú xoay vần theo độ số. Trời đất bao la, nhưng bốn mùa tám tiết không bao giờ sai chạy.

Đó không phải tình tứ lắm sao?

Tâm và sanh hậu thiên, vì hữu tình hữu chất, nên bị khép vào luật nhân quả, phải lên xuống trả vay, gọi là luân hồi sanh tử.

Đời gần đây là thế. Ở trong cảnh xáo trộn lầm than, lúc nào cũng thấy sự đau khổ chán chường. Loài người nhào trộn, thử thách đủ điều, đã thấy mặt thật của đời. Ta cũng cần lật bề trái của nó, để thấy đâu là chơn thiện mỹ, đâu là biến trá, lầm than.

Đã bước vào đời, loài người bất cứ ở địa vị nào, tuy biết có lý do trả vay theo nghiệp báo, mà cũng là để đào luyện. Nó có một cái cửa, ai ai cũng phải trải qua để học hỏi để thi thiết, thì nó đâu phải là hoàn toàn hư giả, mà là một sự thành công, một trường thi để tiến hóa.

**Mục 3. Biến dịch sanh tử**

 Biến dịch sanh tử là lẽ biến hóa, mà ai ai cũng đều nhận thấy được. Vũ Trụ và nhơn sanh đều nằm trong công lệ đổi thay của trời đất đó. Nhưng sự biến hóa nầy chẳng phải ngẫu nhiên, vô căn cứ. Nó là kết quả của sự sanh sống, của tâm tư con người, vừa nói trước đó. Hễ tạo nhân thế nào, thì phải chịu quả thế đó, như bóng theo hình.

 Vấn đề sống là vấn đề quan trọng, nên từ xưa đến nay, khắp đông tây hiền triết đều nhắm vào đó, để xác định công lệ biến dịch, giải quyết một phần âu lo thắc mắc của con người. Đã ý thức qua những chương trên về sự cấu tạo Vũ Trụ và thân thể con người, nguyên lý Vũ Trụ hay bản tánh nhơn sanh là một khối hồn nhiên, chơn thật bất biến, lúc nào và ở đâu cũng thực tại thường trụ, không giảm không tăng.

 Nhưng tự thể phóng ra ở nơi người nơi vật, cũng phải xuyên qua thời gian vô tận, không gian vô cùng, bị các lớp tinh khí ở các cõi bao bọc nhiều lớp, nên chơn tánh bị che mờ. Mà hình thể kết hợp biến chất: đất, nước, gió, lửa, nên Chơn tánh hỗn hợp với hình chất mà thành người.

 Người luôn luôn cảm thức qua nhiều giai đoạn của cảnh tượng và trạng huống sanh tồn của đời. Nên thức nháng lên, động khí mà sanh tình, tình tác pháp mà gây nên nghiệp.

 Tánh, thức, nghiệp ở trong thể xác già hợp nầy mà phải tử sanh, luân chuyển trong vòng biến hóa. Nhưng nói đến vấn đề chết sống, thì người ai cũng nghĩ đến, ai cũng muốn sống mà không ưng chết, ai ai đều thấy cái chết đáng ghê sợ rùng mình, nên mới van vái cầu xin, hay trốn tránh.

 Xét về Đạo Học thì, trong nguyên lý sáng tạo, chỉ có sự sống mà không có sự chết, duy có sự âm dương biến hóa mà thôi. Chữ tánh gồm hai bộ phận tâm và sanh để ám chỉ cơ mầu nhiệm bất di bất dịch, ở trong lẽ biến hóa của âm dương. Âm dương là hai đối đãi mà tương thành, đối đãi để chuyển dịch biến hóa, từ thể nọ sang thể kia, một trưởng một tiêu, một thành một hoại, hết hiện đến ẩn, không thấy chỗ nào không xen kẽ để nó gián cách nhau, mà luôn luôn sống động, hoặc đứng về thể dương thấy là sanh, đứng về thể âm thấy là diệt.

Song có gì sanh thêm hay diệt mất, trong Vũ Trụ không hề có một vật nào thêm vô, hoặc mất đi. Từ vô thỉ đến nay, hoặc phải trải qua vô cùng, đến đâu cũng chẳng có gì thêm được. Thêm bớt là ý người nhận thức, chớ lẽ Trời chưa hề tăng thêm hay suy giảm. Nên người đời nói chết là mất mà ý thức, ai cũng lo sợ. Nhưng có mất đi đâu!

 Đây, bất đắc dĩ, Bản Thánh cũng tạm nói theo quan niệm của người đời, là chết sống để bàn sơ cho rõ nghĩa. Con người từ lúc sinh ra cho đến lúc già nua rồi chết, thời gian tùy theo sức lực, hoặc dài đôi ba mươi năm, hoặc năm bảy mươi tuổi. Đó là một đời. Đến khi hết thở, trút linh hồn, thì người ta gọi là chết.

1. Chết rồi đi đâu và còn có linh thiêng như ngày còn sống không?

Đó là một vấn đề sẽ bàn tới, nhưng sự chết sống theo đạo lý, thì nhận chết là mất. Mà đó là sự biến dịch, từ thể nọ sang thể kia. Nhưng thời gian sáu bảy mươi năm mới có một lần chết, mà từ ngày lọt lòng ra chào đời đến già, ta đã chết trăm trăm, ngàn ngàn lần rồi. Trong một giây, một phút, một giờ, biết bao sự chết đi sống lại, sống chết liên miên.

Như ta ăn uống thực vật vào trong bụng, vật thực đó tiêu hóa ra khí, ra huyết. khí huyết làm bổ dưỡng cho cơ nhục tế bào, mà gân xương mạnh mẽ, da thịt hồng hào. Đó là sự sống. Nhưng ta vận động hô hấp, dưỡng khí vào phổi, vào tâm can, mà dưỡng khí là lửa cháy ngầm. Nó đốt những tinh trùng, huyết cầu, cơ nhục, bài tiết ra ngoài.

Đó là luật đào thải ở bên trong, làm cho thân thể yếu gầy. Đó là một lần chết, thì một giờ, một ngày, biết bao sự thay đổi trong người liên miên chết sống. Sự thay đổi lớn lao là một khi thân thể nầy bị hủy hoại, biến tan ra đất nước gió lửa. Nhưng rồi đất nước gió lửa cũng nhồi trộn lại, mà làm hình thể cho thân sau.

Sự thay đổi chẳng những thân xác nầy, mà cho chí tinh thần cũng đều thay đổi, thể cũ qua thể mới, cõi nọ đến cõi kia. Khi xác hình bị hủy hoại, thì tánh, thức, bị nghiệp lôi đi vào một hình thể mới. Cứ mãi biến hóa, biến hóa để rồi không biến hóa nữa. Chết sống để rồi không chết sống nữa. thay đổi để rồi không thay đổi nữa.

Sự biến hóa thay đổi là một sự gạn lọc để thăng hoa, để thành công , thành tựu được hoàn mỹ, chí chơn, chí thiện. Khác nào vàng còn trong khoáng, phải có sự luyện lọc qua nhiều lần.

Nhưng nói biến đổi là nói cái khu xác nầy, chớ tự tánh không hề biến đổi. Có khu xác nầy, nên có tình thức. Thế là tình thức thuộc về giả tâm, là hậu thiên khí chất, mà tánh là chơn tâm. Chơn tâm hợp cùng giả tâm thành một cái tâm, cũng gọi là tâm. Xác là thể động, tánh là thể tịnh. Tịnh động giao nhau mà có thân người.

Người là chi? Thân xác tứ đại giả hiệp nầy phải không?

1. Không phải. Vì nó là giả hợp không phải người.
2. Cái tâm có phải người không?
3. Vì tâm là vô thường, tâm ấy không phải người.
4. Tánh có phải người không?
5. Vì tánh là vô vi, tánh không phải người.

Người là tâm tánh và thể hiệp lại, nên trong người có chơn, có giả, có sáng sủa, có mê lầm, có động diêu, có tịnh lặng. Nên có đủ thành phần, hoặc lôi trì bó buộc, hoặc cởi mở thoát ly. Tóm lại, không ngoài công lệ âm dương biến dịch.

1. Biến dịch là chi?
2. Đó là một vấn đề ta nên tìm hiểu. Nếu nói sanh ra rồi chết, chết lại rồi sanh, thì con người có thấy được nghĩa lý gì, thú vị gì đâu? Mà còn có gì bổ ích?

Sự thay đổi chết sống kia, theo Lão Tử thấy, vạn vật từ trong chỗ không mà sanh ra có, từ chỗ có mà sanh sanh. Sự sanh sanh ấy, Ngài không cho đó là đi ra, mà cho đó là sự trở về. Thật vậy, bất cứ nhứt thiết một sự vật nào, cũng phải trải qua một vòng trời vô định, hết vòng chuyển hóa, thì lại nhập vào với đại thể bao la.

Về chỗ bí yếu nầy sẽ giải ở đoạn sau, Đây ta cần biết tại sao sanh, tại sao tử?

1. Sanh tử để làm gì?
2. Bao nhiêu vấn đề, mà cần giải quyết, không có sự đáp ứng nào rõ ràng, hơn là âm dương dịch hóa.

Theo Nho Giáo, quan niệm sanh tử ở Dịch Lý, hễ có sanh ra tức phải có tử. Sanh là sự bắt đầu, tử là sự cuối cùng của lẽ Đạo. Nên nói: khi hồn phách hiệp lại là sanh, mà tan ra là tử. Sanh tử là lẽ tất nhiên, hễ có sự bắt đầu, thì có ngày phải chung kết.

1. Nhưng chết rồi còn hiểu biết không?
2. Cổ nhơn đều tin chết là cái thể xác tan rã, chớ cái linh hồn vẫn được tồn tại và tinh anh. “Chết là thể phách, còn tinh anh”. Cổ nhơn tin tưởng: “Tam hậu tại thiên”. (Ba vua chết được về ở trên Trời Kinh Thi)

Lão giáo cũng nhận như đạo Dịch, nhưng bảo người đã sanh ra, trời đặt ở đâu, làm người hay làm vật, cứ yên vui an thuận với lẽ sống Trời, giữ tròn cái Chơn tâm không câu nệ, không lo sợ, chẳng thấy sống mà mừng, chẳng thấy sự chết mà buồn. Biết đâu đến chỗ mới lại vui đẹp hơn, mà lúc sắp lìa chỗ cũ lại luyến mê đau khổ.

Về Phật Giáo, thì vấn đề sanh tử cũng coi là quan trọng, nên đặt vấn đề giải thoát trên tất cả đạo sống con người. Vì con người bởi nghiệp thức vô minh lôi cuốn mãi trong vòng xích Nhân duyên, sinh diệt vô thường.

**Mục 4. Sanh và tâm tiên thiên (đạo)**

 Sanh đây cũng là khí, mà khí thuộc về tiên thiên, vô hình vô tướng, nên không có gì ngăn ngại cuộc sống. Sự sống chơn thiệt do đây mà xuất hiện, không bị ràng buộc trong luật Nhân quả, luân hồi. Nó cách với sanh là khí hậu thiên, chỉ có một đường tơ, một sợi tóc mà thôi.

 Người tu hậu thiên phản tiên thiên, thì liền đặng giải thoát. Tạo sao? Vì cái chi phát trong khí tiên thiên, đầu tùng theo luật tự nhiên của Đạo. Cho nên người tu vô niệm, mà không trở về với khí tiên thiên, thì không làm sao đạt mục đích được.

 Sự sống nói đây chẳng những ở trong người, mà nó bàn bạc khắp trời đất, đâu đâu cũng đầy dẫy, ví như dòng nước tuôn trào, miên miên trường cửu, sự sống là đức lớn của Trời (Thiên địa đại đức viết: Sinh). nguồn suối sanh thành Tạo Hóa cứ liên tục lớp lớp, không hề gián đoạn, trông đâu cũng thấy sung thiện mỹ miều. Đức sinh sinh hóa hóa vô cùng, từ cỏ cây đến động vật và con người, luôn luôn được nảy nở đủ mọi mặt, làm cho ngày ngày được mới, triển chuyển từ hẹp đến rộng, từ rộng đến sâu, mà tinh thần phát đạt cao cực, sự nghiệp lớn lao. Đức sinh sinh ấy là nguyên khí của đạo trời, là nhân, là thiện ở nơi người, là xuân, là tình của muôn vật.

 Đây chữ Tâm ví như Chơn lý Bác Nhã, soi rọi khắp nơi. Sự sáng của Chơn lý suốt quá khứ, vị lai, xuyên qua các vật không chỗ nào ngăn che được. Mặt trời, mặt trăng dầu sáng, cũng không lồng qua chậu úp (nhựt nguyện chi minh, nan chiếu phúc bồn chi hạ).

 Cái Diệu giác Viên minh của Chơn tánh rất vi diệu không lường. Tánh ấy đã có đủ các thứ công đức, tuy ngậm chứa một âm một dương, mà thể còn nằm trong Hư Vô. Đây cần đôn đốc để cho bản tánh con người được phát huy, xuất hiện cho trọn vẹn hết khả năng làm người, mà tiến vào cõi Thánh.

 Muốn vậy, phải “tận kỳ tánh để tận nhơn chi tánh, tận vật chi tánh”, được khả dĩ tán thiên địa chi hóa dục, mà người dự đứng vào hành tam tài.

 “Tận kỳ tánh dĩ chí ư mạng”, nghĩa là: thể hiện cái mình (âm), để đi tìm cái mạng (dương), tức là tánh mạng song tu. Đó là một công phu giác ngộ, suốt thông cội rễ con người, để dính liền cùng Đạo. Được như thế, khác nào một vừng trăng tròn sáng, chiếu rọi mười phương, không đâu mà chẳng thấu tận. Vì vậy, nên người và Trời đất được ngang bằng, giữa vạn tượng và tự thân, không thấy gì cách biệt.

 Được thế là chủ được tình thức, thì quyền năng sáng hóa có thể như Trời, vì trời và người cùng một Đạo, một tâm. Trời rộng lớn bao nhiêu, thì Tâm con người cũng trải khắp chẳng thiếu, không thừa, ra vào tụ tại: ở trong âm dương mà không bị âm dương câu thúc, ở trong thể xác chẳng hệ lụy được tâm.

 Có vậy, Chư Thánh Chư Tổ mới đủ thần thông diệu dụng sử dịch chư Thần, thay quyền Tạo Hóa, làm một bậc tiên tri đoán định cuộc đời, biết rõ chỗ u ẩn ở lòng người, đoán được việc đã qua và điều sắp đến. Thế là tâm lượng bao la hàm tàng, không một động tịnh nào, không một cơ vi nào, mà chẳng hiển trình trước mắt, thì tánh người lòng vật có khó gì, mà chẳng thông thấu đến chỗ u ẩn, sâu xa.

 Nếu người mà không được cái bản tánh nầy, thì làm sao khám phá nổi cơ trời việc thế, trăm vạn lần ngăn ngại phủ lên. Vậy Tánh là đầu mối của con người, nguồn sống bất tuyệt, lẽ thật hằng thường, rất thiêng liêng mầu nhiệm.

 Đó là nhơn bản, là nguồn cội của con người, mà người chẳng lo vun trồng bồi dưỡng, để bu theo cành lá, cầu lấy quả chua chát, làm sao trồng được yên toàn. Ấy gọi là người bị bật rễ, mất gốc, rồi lấy lý trí hẹp chật của cái bản ngã phàm phu, tự cho là khôn ngoan. Dẫu có biết đến đâu, cũng cái biết quẩn quanh thế tục, nhai đi nhai lại sách vở, lời tóm góp của người xưa, hoặc kinh nghiệm bản thân trong vòng thức giác được mang theo nhiều kiếp, thấy biết khoảng đường năm ba cây số mà cho đó là đầy đủ.

 Nào dè Vũ Trụ mênh mông, dầu trải a tăng kỳ kiếp, nhiều gấp triệu lần cát sông Hằng, cũng không sao biết khắp. Dầu có biết bằng cách đó đi nữa, những kiếp kể trên cũng chỉ là biết cái trạng thái hiện quanh, làm sao thấu chỗ căn cơ Tạo Hóa? Chỉ có khi nào người được dừng bước quay về với tâm mình, lấy công phu nội tỉnh mà rọi vào chơn tánh, dầu một kiếp một ngày, cũng có thể trực nhập cùng Chơn Lý, thông suốt toàn diện bản thể chẳng sót mảy hào.

 Nghĩa là: ngó ra ngoài, chỉ trông thấy vạn tượng, những vạn tượng nào tương quan, còn kỳ dư hiện tượng thì cũng nằm trong bí mật. Còn quay vào trong, thì gặp được Chơn Tâm, mà Chơn Tâm mới là đầy đủ. Chơn Tâm như một quả hồng chứa nhiều hạt, đem một hạt mà mổ ra, thì trong hạt có sẵn cái mầm, mà cái mầm ấy là nguyên nhân để sáng hóa. Tuy rất nhỏ bé, nhưng cụ túc, đủ gốc rễ cây nhánh lá trái, hương vị màu sắc, không thiếu một thứ nào mà chẳng ở trong mầm nầy. Thì dầu cho Vũ Trụ có bao la, thiên hình vạn trạng, cũng một mầm nầy. Một hay muôn vàn đều giống nhau như một.

 Đến đây, thì tâm và sanh tiên thiên (đạo) đã hiệp thành Nhứt khí, gọi là khí Chơn Nhứt, khí Chơn Nguyên, cũng như khí Thái Hòa trong câu Kinh Châu Dịch: “Kiền đạo biến hóa, các chánh tánh mạng bảo Thái Hòa, nải lợi trinh”, nghĩa là: đạo Kiền biến Hóa, tánh và mạng (như tâm và sanh tiên thiên nói đây) đặng trung chánh rồi, hai bên hiệp thành khí Thái Hòa, thì sẽ đặng chánh bền (thẳng ngay, bền bỉ, đúng theo lẽ Đạo).

 Nói về người, người tu hành đặng như thế thì chứng quả Tiên Phật. Tuy nhiên, còn phải công phu tịnh tịnh lâu nữa, gọi là mạt hậu hườn hư, mới là đi tới đồng nhứt cùng nguyên lý bản sơ của mình là Đạo.

 Ấy là nhơn bản, ấy Trời người một đạo. Tánh Trời là **tánh** người, tánh bản thể của Vũ Trụ. Pháp Trời là **pháp** người, pháp là hình thể cả Vũ Trụ. Thức Trời là **thức** người, thức là thân thể của Vũ Trụ. Ý trời là **ý** người, ý là cơ chỉ của Vũ Trụ. Tâm Trời là **tâm** người, tâm là lý của Vũ Trụ. Tánh, pháp, thức, ý, tâm chỉ là có một.

 Lẽ biến hóa là công lệ của trời đất. Sự biến hóa nầy theo một nhịp độ điều hòa, tinh tú vần xoay, bốn mùa thay đổi, luôn luôn đều thuận thời, thuận nhơn ích vật. Càng biến hóa càng mới mẻ, thông đạt tươi vui, đổi thay khí hậu, giải thoát mọi ràng buộc hẹp chật của cảnh thế và lòng người. Cho nên việc Trời người luôn luôn an thuận, là do Nguyên lý làm nồng cốt, trực tiếp điều lý, lúc nào cũng giữ đúng quân bình giữa trời đất vạn vật, làm cho Trời đất vạn vật đặng sống trong cảnh thanh bình, trật tự và yên vui. Đó phải là cõi Niết Bàn, Cực Lạc của nhà Phật chăng?

**BÀI VĂN VẦN**

**THI**

Địa vị nhơn sanh chẳng phải thường,

 Tại người chưa nhận lẽ âm dương;

 Ở trong điều lý tâm là chủ,

 Trời đất cùng ta một chủ trương.

**BÀI**

 Trời đất người cùng chung nguyên lý,

 Gồm âm dương tu khí ngũ hành;

 Bản lai Chơn tánh trọn lành,

 Đóng vai phụ tướng, tài thành Hóa Công.

 Tâm vô ngại huyền đồng nhứt thể,

 Tâm bao la từ huệ viêm dung;

 Tam tài nhơn vị hồ trung,

 Thánh phàm, sanh diệt, đủ trong tâm nầy.

 Tâm trải khắp tràn đầy lẽ sống,

 Tâm nhiệm mầu, linh động vạn năng;

 Hằng thường, bất giảm bất tăng,

 Bất thiên bất ỷ, công bằng vô tư.

 Đó là thể Nhứt như, Chơn tánh,

 Chứng tâm nầy, nhập Thánh lên Tiên;

 Tự do, Tạo Hóa đồng quyền,

 Thiên đường, Cực Lạc, có riêng ai nào?

 Tại vì người lãng xao, buông bỏ,

 Bám sát nơi cái vỏ đa thù;

 Chơn tâm ngày một lấp lu,

 Ngàn sai, muôn khác, lù lù chường ra.

 Mà thấy người mà ta riêng biệt,

 Mới sanh lòng quỉ quyệt ghét thương;

 Mưu đồ mở rộng biên cương,

 Hơn thua, lý sự, môi trường cạnh tranh.

 Cảm tưởng cứ lanh quanh nảy nở,

 Mà mãi lo bồi dở, gắn hàn;

 Suốt đời mưu kế tính toan,

 Trông đi, ngó lại, ngổn ngang chẳng rồi.

 Thân phận người nổi trôi lặn hụp,

 Rong ruổi, toan bắt chụp bóng mồi;

 Vui buồn, họa phước đi đôi,

 Nghiệp duyên ngang trái kéo lôi không ngừng.

 Đời bởi đấy tưng bừng sóng gió,

 Hóa ngọt chua đen đỏ thân thù;

 Thủ màu tan tác, âm u,

 Trở thành địa ngục, ao tù cầm giam.

Ai ai cũng tham lam ích kỷ,

 Nào mấy ai dung dị cho ai;

 Sống còn, chẳng có ngày mai,

 Đắm mê tửu khí sắc tài đáng kinh.

 Tâm mất hẳn quân bình lẽ sống,

 Còn biết đâu nòi giống thân yêu;

 Quốc phong, luân lý đổ xiêu,

 Đạo người như đã biến tiêu bao giờ.

 Hồn dân tộc lờ đờ phiêu bạt,

 Mối nhơn luân rời rạc lạnh tê;

 Hóa nên trầm trọng nặng nề,

 Diễn bao tấn kịch ê chề, ngán ngao.

 Bình tĩnh hỏi: Vì sao đến thế?

 Do bởi đâu, tình tệ ngày nay?

 Tai ai, ai đọa, ai dày?

 Để cho nhơn loại ngậm cay nuốt hờn.

 Giờ muốn biết, dừng chơn lại đã,

 Thì rõ ngay thiệt giả dễ dàng;

 Lập tâm mạnh mẽ phá tan,

 Thoát ngoài ảo vọng, lên đàng tự do.

 Cảnh cảnh hiện ấm no hạnh phúc,

 Nhà nhà đều hòa mục, thân yêu;

 Tháng ngày đất Thuấn, trời Nghiêu,

 Thanh bình trỗi khúc nhạc thiều ca xang.

 Không còn thấy hợp tan, bồi lở,

 Không nhọc lòng, lo sợ bất công;

 Tinh thần thế giới giao thông,

Mối tình nhơn loại cộng đồng thâm sâu.

Đó phải chăng nguồn đầu xuất hiện,

 Đó phải chăng thánh thiện bản sơ;

 Bấy lâu tâm ấy che mờ,

Bởi chưng tình thức phất cờ chủ trương.

 Vọng động lên nhiễu nhương ám ảnh,

 Xúi cho tâm, cho cảnh chia lìa;

 Trùng trùng sắc thái nọ kia,

Khởi lòng yêu ghét, sớm khuya vận trù.

 Liệu kế toan đoạt thu cho được,

 Đó là đây, đủ chước thi hành;

 Bày trò dối gạt đấu tranh,

Miếng mồi chung đỉnh hôi tanh ruồi lằng.

 Tâm đã mất thăng bằng trung chánh,

 Còn thấy đâu Bản tánh, Chơn tâm;

 Chiếc thân, mạng vận ai cầm?

Bù nhìn nơm nớp, tuân khâm thầy phù.

 Làm sau những việc ngu, như dại,

 Ưng hay không, chẳng phải do lòng;

 Biết rằng trái đạo, bại phong,

Cũng đành nhắm mắt, theo dòng trào lưu.

 Chớ học thói đoàn cừu, lũ kiến,

 Phải biết tự ta thực hiện lấy ta;

 Biện phân cho rõ chánh tà,

Lợi thân, ích chúng, đều hòa đôi bên.

 Lấy đạo đức, xây nền văn hóa,

 Lấy chơn tâm, phác họa chương trình;

 Xây đời thịnh vượng, văn minh,

Đặt tâm vào chỗ quân bình vô tư.

**TIẾT IV: Ý HƯỚNG CỦA CÁC TÔN GIÁO VÀ HỌC THUYẾT VỀ NHƠN SANH.**

**Mục 1. Tổng luận**

**a) Về tình trạng giáo thuyết hiện kim**

Về vấn đề Vũ Trụ và nhơn sanh, hôm nay ta cần xét lại. Xét lại để có một sự dung hòa, dầu đông hay tây, xưa qua nay lại, các tư tưởng gia về tôn giáo, học thuyết hay chính trị, cũng đồng nhìn chung nơi uyên nguyên cứu cánh làm mục đích, để hướng nhơn loại đến chỗ thực tướng và tự do. Nhưng về phương châm, mỗi người có một lập luận, một đường lối như chừng khác nhau, mà tựu trung cũng qui về nguồn sống yên vui cho nhơn loại.

 Đã nhận thấy nguyên lý của Vũ Trụ là thường tịch tuyệt đối, làm trung tâm nòng cốt cho vạn sự vạn vật, mà sự vật nằm trong công lệ sanh tử chuyển dịch của Tạo Hóa, không nghỉ không ngừng. Sự biến dịch đó là phần dụng của lẽ Đạo.

 Nếu nhận rằng Đạo là Hư Vô thường tịch, thì xưa nay khỏi phải bàn đến Vũ Trụ, vạn vật làm gì. Vì có đâu mà bàn! Sở dĩ đông tây bàn cải nhau là vì có người, có hiện tượng, có cảnh giới tương quan. Sự tương quan ấy luôn luôn tác dụng vào người, mà nảy sanh biết bao trạng huống thế nọ thế kia, nào vui nào khổ, nào tử nào sanh. Mà sự vui khổ, tử sanh không phải vô cớ.

 Đó là một cuộc tuần hườn, không phải một việc chơi đùa của Tạo Hóa, để đặt con người trong cảnh hành phạt khổ đau dưới trần thế nầy. Chính nó là một cuộc xây dựng, rèn đúc, tạo lập cho mỗi cá thể một sự nghiệp thiêng liêng, một nguồn sống tự do trên con đường diễn tiến.Nhưng sự việc Tạo Hóa rất thâm (u, mầu) nhiệm, chẳng khá suy bàn.

 Đã dành luật mâu thuẫn là sự rắc rối, đau khổ vô cùng, bởi con người luôn luôn bị đụng chạm, xô xát nhau, gây nên biết bao nhiêu quanh co, gai gốc. Nhưng luật ấy mà mất đi, thì con người không còn chút gì giá trị, lại cũng không có gì để tồn tại, tiến bộ, thăng hoa. Nếu âm dương chẳng cọ xát nhau, thì không hề sanh hóa, không được nảy nở lâu dài, vì trong cái mâu thuẫn kia, có một sự tương quan tương thành, hỗ trợ lẫn nhau.

 Âm dương là sự cố định. Có Trời có đất, có Vũ Trụ chúng sanh, thì phải có âm dương. Mà Trời đất đứng vững, bốn mùa chuyển xoay, Không có nó làm gì được yên. Nhưng cũng bởi nó mà gây ra biết bao sự tướng, làm cho sự nhận định của con người đủ cỡ, đủ cách, hoặc tâm, hoặc vật, hoặc có, hoặc không, lối nầy là nhầm, lối kia là trật. Sự có không, tâm vật, trật hay nhằm, là do người nhận thấy một khía cạnh nào của một phương diện, bỏ xót các mặt khác, nên chấp lấy ý kiến của mình, mà không thừa nhận bao nhiêu ý kiến cùng trong toàn bộ.

 Theo Đạo Học Chỉ Nam, đứng về đạo lý mà xét, thì không có một sự vật nào có dương mà không âm, hoặc có âm mà không dương. Nếu trong loài người về cá nhân, hay đoàn thể, xã hội, quốc gia nào cũng có nhiều tổ chức như tôn giáo, học thuyết, ….v….v… để hướng dẫn quần chúng, tư tưởng về tinh thần hay đời sống, đều có một phần hay. Song phải nhắm tổ chức đó ở hoàn cảnh nào, thời gian lúc ấy ra sao. Không thể đánh giá một cách dễ dàng, rồi cho đó là tuyệt hay, hay là thiệt dở.

 Thời thì mỗi lúc mỗi khác, lòng người thì biến chuyển phi thường. Tất cả tổ chức trong xã hội phải biết ứng dụng theo thời, để được hợp tình hợp lý. Đó là một tổ chức sống, tổ chức có nguồn lạch thông lưu. Nếu đường hướng chẳng tùy khúc mà quanh co, phương pháp chẳng theo thời mà linh động, thì tổ chức đó phải khô khan, ngưng đọng.

 Phương chi đứng trước tình thế hiện nay, hoàn cảnh con người không phải là như xưa, mà là hoàn toàn đổi mới. Thế thì phải làm sao để cho hợp tình hợp lý, trúng đạo, không để đem cái cũ kỹ, mà bắt buộc con người mới phải theo. Nhưng cũng không thể gột sạch hết cái xưa, có kỷ cương bất dịch được.

 Còn vấn đề nhơn sanh là một tràng rối ren, gút mắt. Con người hiện nay sống mất thăng bằng, tâm tư cuồng loạn, không còn tin cậy vào đâu. Đã mất cậy dựa vào đoàn thể ch
ánh trị, nên lỏng chỏng, bình bồng, như bèo trôi trên mặt nước. Thật là nguy hiểm biết mấy!

1. Sự mất đức tin, vì sao? Tại bởi đâu?
2. Ta cần trưng bày một ít tôn giáo, học thuyết ra đây, để có một sự xác nhận minh bạch hơn.
3. Vấn đề nhơn sanh trong các tôn giáo thế nào? Có thể làm sống lại cuộc đời, mà hiện tại đang mỏi mong, tương lai đương đón đợi?
4. Các tôn giáo xưa nay về Đông Nam Á là Phật Giáo, Lão Giáo và Nho Giáo đã đem lại cho nhơn loại một nguồn sống lành mạnh, một xã hội thịnh cường, một nền văn hóa đạo đức thâm trầm, tốt đẹp, hầu hết con người ai cũng đặt lòng tin tưởng, nương nhờ. Nhưng tóm lại, ngày nay dường như con người cho đó là một trở ngại, phải chăng vì trào lưu thay đổi, mà lòng người cũng thay đổi?

Đổi thay là một sự phải. Nhưng phải đổi thay cho đúng hướng với lẽ biến dịch, mà không mất đạo Trung, không xa cốt chính. Nếu đổi thay mà không buông bỏ căn bổn con người, tách lìa đạo sống, thì thay đổi những không ích lợi gì, mà còn rưới lấy họa khổ thân, mua phần máu xương tiêu diệt.

**b) Về Đạo Học đông phương và Tây Âu**

Về Đạo Học đông phương hay triết học tây phương, đông tây cũng đồng một mục đích, là tìm hiểu giải quyết vấn đề giữa Vũ Trụ và nhơn sanh.

 Trong hai hệ thống đông phương và tây phương, cần tìm biết lối giải quyết của mỗi bên. Về đông phương thì nền Đạo Học có hai nền văn hóa: Ấn Độ và Trung Hoa. Về triết học tây phương, thì cũng chia làm hai khối: Hy Lạp và Do Thái. Bốn mối quan hệ có ảnh hưởng sâu rộng trong nhơn gian.

 Vì hoàn cảnh, địa dư, khí hậu, lịch sử, xã hội, mà mỗi nơi phát xuất có chỗ dị đồng. Song thế gian mỗi ngày được ban giao để gặp gỡ, nên cũng thông cảm được các mối liên hệ. Vì vậy mà trở thành một hệ thống tương quan, như ta đã thấy ở phương tây Triết học Do Thái được sáp nhập cùng Hy Lạp, làm một văn hóa của phương tây. Cũng như giữa Đạo Học Ấn Độ và văn hóa Trung Hoa, hai bên hòa đồng với nhau, thành một mối đạo thống.

 Chắc rồi đây, giữa thế giới đông tây, không còn nhìn nhau là khách chủ, mà sẽ hỗn hợp một khối, để đưa nhơn loại đến chỗ tự do cứu cánh. Thật vậy! Điều Thánh Khổng Tử đã tiên tri: thiên hạ có lo gì, nghĩ gì. Tuy muôn đường nghìn lối khác nhau, nhưng chung về một mục đích.

 Về phương đông, Đạo Học nhận thấu chỗ nguyên lý cùng tột của Vũ Trụ và của con người, cùng chung một khối, rất tương quan mật thiết. Bởi cớ đó, người phương đông thấy trời đất và người có một hòa điệu, huyền đồng nhứt thể, như mẹ với con, nên sự sống rất bình thản, thung dung. Trái lại, Đạo Học phương tây coi con người và Vũ Trụ tự nhiên, như đối thù cách biệt, nên người phương tây luôn luôn tìm cách để khắc phục, cướp lấy, đoạt lấy.

 Thầy Trang Tử nói: “Thiên hạ dữ ngã tịnh sanh, vạn vật dữ ngã duy nhứt”. Nghĩa là: Trời đất với ta cùng sanh, vạn vật cùng ta làm một, không bao giờ cách đoạn làm đôi.

 Trình Y Xuyên cũng nói: “Nhứt nhơn chi tâm, tức thiên địa chi tâm.Nhứt vật chi lý, tức vạn vật chi lý. Nhứt nhựt chi vận, tức nhứt tức chi vận”. Nghĩa là: Tâm của một người tức là tâm của trời đất. Lý của một vật là lý chung của vạn vật. Vận khí một ngày tức là một hơi thở.

 Mạnh Tử nói: “Vạn vật từ giai bị ư ngã, phản thân nhi thành, lạc mạc đại diên”. Nghĩa là: Trời đất vạn vật có đủ nơi ta. Quay về mà thành thật với lòng mình, thì có chi vui bằng.

 Ôi! Tinh thần Đạo Học đông phương giữa Trời người, cả Vũ Trụ và vạn vật đồng có một thể, một tính, một sự sống. Cho nên người phương đông khác với người phương tây ở chỗ Vũ Trụ ở nơi lòng mình, mình là tiểu Vũ Trụ (microcosme). Biết mình rồi, thì biết được tất cả vạn vật trời đất. Đâu phải trông nhìn ở trước mắt, như người phương tây, dường như bị mất hẳn sự sống, lẽ thật, mà luôn luôn quanh quẩn tìm ở bên ngoài. Nhưng bên ngoài chính lại là cái vỏ kình cợm, thô thiển, ảo vọng, thì bảo sao không gặp phải đối thủ bất mãn, rồi lo chinh phục thiên nhiên, khai thác vạn tượng.

 Đạo Học đông phương đều nhận một nguyên lý thường tịch, tuyệt đối là bản thể tồn tại, tự do và cứu cánh, mà Ấn Độ đã chứng kiến được bằng phương kiến tánh thiền định. Về thời Phệ đà kinh Upanisad (dịch nghĩa là: Ao nghĩa thơ), cho đến Phật Thích Ca, đầu nhắm thẳng mục đích là giải thoát, để trở lại đồng nhứt cùng đại thể.

 Người dân Ấn Độ đều tin tưởng, trông cậy vào bản thể. Khi nào đến đó, mới được tự do. Đến đó rồi thì con người suốt tận lẻ huyền vi, an vui tồn tại. Nên họ đặt hết thân tâm, để sáp nhập cùng Tạo Hóa. Hướng đi của họ là trở về với tự nhiên toàn giác, chứng minh ở bài thi Phệ đà: “Từ chỗ mê ảo, dắc tôi đến chỗ chơn tri. Từ nơi tối tăm, dẫn tôi ra nơi ánh sáng. Từ nơi tử vong, đưa tôi đến cảnh bất tử”.

 Phương châm đó, mục đích đó đã nâng cao tinh thần Ấn Độ lên đến tột đỉnh, giải quyết vấn đề chết sống, khổ đau con người một cách dễ dàng. Cả một qui mô cho nền văn hóa Ấn Độ, không có một hệ thống nào mà họ không gỡ được rối, tìm được mối manh, đưa nhơn loại đến cửa tự do, dưới sự che chở của lòng từ bi, binh đẳng, giác ngộ.

 Trái lại, bên kia Hy Mã Lạp Sơn (Himalaya) có một tinh thần Đạo Học của Nho Giáo, lấy NHÂN làm bản thể, khai lạch sống chảy đến cho loài người, bằng cách nhập thế theo tinh thần “sinh sinh chi vị dịch”.

Nho Giáo lại đóng vai nhơn quần xã hội, luôn luôn coi Trời đất vạn vật là một thể, nên thấy thiên hạ như một người. Lấy sự hành động làm phương châm để tiến tới, gây cho xã hội một đời sống đồng nhịp độ với tự nhiên, đem từ Trời đến cho người, thiết lập một xã hội đại đồng. Trái lại, ở Ấn Độ thì tinh thần xuất thế đem cá nhân hiệp cùng đại thể.

 Hai bên, giữa Ấn Độ và Trung Hoa, một bên thì đi xa (nhập thế), một bên thì đi vào (xuất thế). Xuất thế và nhập thế không khác chi con tim có hai dòng huyết quản: một đàng thì ly tâm, để ban bố máu sống cho cả thân người, một đàng là hướng tâm hay là cầu tâm, để trở lại nguồn sống mà phục sinh.

 Bên tri bên hành, bên nhân bên trí, cả một sự chia nhau mà gánh lấy Đạo lớn, giải quyết tự thân và xã hội loài người. Hi hữu thay! Ngọn đèn chơn lý bừng lên, vẹt được tối tăm, cho cõi đời trở nên sáng tỏ.

**Mục 2. Giản lược về giáo lý của các tôn giáo và học thuyết**

**a) Nói về ba giáo Đông phương: Thích, Lão, Nho**

 Bây giờ, ta nên biết sơ qua về ba nền Đạo Học Đông phương là: Thích, Lão, Nho, để làm đà phăng tới sự Nhứt quán của Đạo Học Chỉ Nam nầy.

**1.Phật Giáo**

Trước khi Phật Giáo chưa ra đời, tại lục địa Ấn Độ, đã có một nền Đạo Học sâu rộng. Dân tộc nầy được sống trong lẽ hòa đồng giữa Vũ Trụ và con người. Nền Đạo Học ấy kết cấu, trải qua nhiều thời kỳ. Họ được đi sâu vào nội giới, thiết lập một tôn giáo, qui điều rất nghiêm mật, ảnh hưởng ăn sâu đến tới tâm não, với một đức tin rắn rỏi.

Giáo lý Bà La Môn xứ ấy nhận rằng: ngoài thế giới hữu hình, có một ngôi độc nhứt tuyệt đối, thường tại, vạn năng, sáng tạo và thống ngự Vũ Trụ muôn loài, tức là Brahma(Xin đừng lộn với chữ Brahma không dấu mũ, với chữ Brahmâ có dấu mũ. Chữ Brahma là Trời vô thệ, còn Brahmâ là Trời hữu thể, có hình tướng), khởi thỉ chuyển thân dựng nên trời đất.

Hiện tượng bắt nguồn từ thể Brahma, chuyển hóa qua nhiều thời kỳ, từ khoáng chất đến thực vật, động vật, mà thăng hoa đến con người. Trong vòng chuyển thức, trên bước hành trình, phải trải qua để học hỏi, kinh nghiệm, cảm giác càng nức nở, thì biến độ tự do càng được rộng lớn. Tiềm thức được phát triển lần lần, cho đến khi giải thoát sạch những mê muội, đoạn đứt được lậu nghiệp, thì sẽ nhập cùng Đại Ngã làm một.

Mỗi cá nhân con người, bên trong hình thức thô kịch nầy, đầu có ẩn một linh tánh (Âtman). Linh tánh ấy đồng một thể với Brahma.

Tôn giáo Ấn Độ đều nhận sự động cơ tác dụng, của con người lành hay dữ là nguyên nhân, đều có một sự quả báo và phải luân hồi để trả vay cho nhau. Đạo thống lúc ban sơ, các nước trên hoàn cầu đều có một tư tưởng giống nhau, tuy không giao hảo mà tinh thần vẫn một.

Tôn giáo Bà La Môn chia làm bốn đẳng cấp. Quyền cao cả ở nơi tay tu sĩ được đại diện cho Trời. Ngoài ra, bất cứ đẳng vị nào cũng nương núp dưới bóng thiêng thiêng được che chở, hoặc thay mặt mà cầu xin ban ơn hay quở trách.

Trong xứ nầy, hầu hết con người được dưới quyền thần linh, song cũng có nhiều pháp môn giải thoát để đồng nhứt cùng Tạo Hóa như Yoga (phiên âm: du già). Vì đức tin hướng mạnh về quyền Thần, nên không tránh khỏi lắm điều mê hoặc dị đoan. Vì cớ ấy mà có Phật giáo ra đời.

Phật Giáo do Thái tử Tất Đạt Đa tu chứng quả thành Đại Giác, hiệu là Thích Ca Mâu Ni, làm giáo chủ.

Phật Giáo là nền kết tinh của nền xã hội Ấn Độ, đã thâm uyên mà lại thâm vi. Nền Đạo Học đã tiếp nhận một phần lớn của giáo lý Phệ đà và Bà La Môn, là một nguồn sống linh động, nhiệm mầu, bắt nguồn từ BRAHMA như trên đã nói. Bản thể đó thường tịch, tuyệt đối, tự hữu bất biến. Vũ Trụ vạn vật khởi thỉ tại đó, rồi cũng qui hoàn tại đó. Nhưng đức Thích Ca Thế Tôn ít khi bàn nói đến nguyên lý tự tánh của Vũ Trụ, mà Ngài nặng về phần nhơn sanh, cần cấp là giải thoát loài nguời khỏi ngục khổ trần gian, ra ngoài vòng sáu nẻo luân hồi, xuống lên sanh tử.

Cho nên giáo lý của Ngài lấy từ bi, bình đẳng làm chánh yếu, phá các giai cấp của Đạo Bà La Môn, mà chủ trương của Ngài là giải khổ cho chúng sanh, bàn rộng các sự khổ ở đời, bởi tánh vô minh, cho người ta chuyên theo một đường tu thân, là chánh tâm diệt dục.

Giáo lý của Ngài căn cứ trên bốn Thánh Đế là: Khổ, Tập, Diệt, Đạo.

Đời là khổ, đó là Khổ đế. Con người vì vô minh nghiệp thức, cứ tập nhiễm đắm mê, mà vòng xích Nhân duyên lôi cuốn hết kiếp nọ đến kiếp kia. Đó là nguyên nhân sự khổ là Tập đế. Muốn thoát khổ, thì cắt đoạn các vòng xích Nhân duyên, không để gây nhân tạo quả. Đó là chơn lý Diệt đế. Tập đế là duyên hà mãn, Diệt đế là duyên hà khuynh, tức là được thoát ra ngoài ảo hóa mà chứng Đạo.

Diệu đế thứ tư là Đạo đế, nói đủ là Bát Chánh Đạo, con đường phải đi, con đường để siêu phàm nhập thánh. Thế thì Phật Giáo và Bà La Môn, về đường tư tưởng, cũng như nhau. Song Phật phát minh một nền giáo lý căn bản cần thiết là Tứ đế, Thập Nhị Nhân Duyên, Bát Chánh Đạo, đứng trên lập trường bình đẳng, lấy lòng từ bi mà cứu độ chúng sanh.

Sau đức Thế Tôn tịch diệt, đạo Phật chia làm hai phái: Bắc Tông và Nam Tông. Đó là lý do về nội bộ, giữa phái Thượng Tọa (hay là Trưởng Lão) với phái Đại Chúng, mỗi bên tranh chấp nhau về giáo lý. Một là bảo thủ về phái Thượng Tọa Trưởng Lão, hai là tiến thủ bên Đại Chúng. Đã mấy lần đại hội, mà hai bên cũng không giải quyết được. Nhưng cũng nhờ sự chia rẽ đó, mà Phật Giáo đôi bên tranh nhau để bành trướng.

Về Bắc Tông, con đường truyền giáo dung hóa, nên kết hợp được nhiều tinh hoa, mở rộng và xây dựng nhiều môn phái Đại Thặng nên vĩ đại.

Về Nam Tông thì không thêm bớt điều gì, giữ phần tu kỷ. Cũng về đường nhơn sanh, thì Phật Giáo nguyên thỉ coi cõi đời là mộng ảo, khổ đau, tất cả như phù du, bọt bóng, bất đắc dĩ phải chấp nhận, nên ít quan thiết về đời sống con người. Nên cho các tổ chức xây dựng xã hội nhơn dân là một sự tạm thời. Cẩn cấp hơn là giải thoát ngoài sự ràng buộc ân ái thế gian, ngộ nhập chơn lý, mới được tự do, mới là hạnh phúc.

Nhưng về Phật Giáo Đại Thặng, người tu sĩ cũng đủ đầy lòng thương đời, cứu người. Muốn gánh vác, che chở nhơn loại, trước giải thoát ngoài ràng buộc, buông bỏ tất cả lợi danh, giủ sạch lòng ham muốn, tâm tư được bình tĩnh, sáng suốt, thấu được lẽ oan ưng, trái phải, mọi việc không lầm. Chừng ấy, hòa sự sống với đời, để giải quyết được khổ đau, mê vọng cho người, mà chính thân cũng không lo ngại phải nhiễm ô, rồi đắm tục.

**2. Lão Giáo**

 Về lục địa Trung Hoa, Lão Giáo cũng như Phật Giáo, đều nhận một bản thể có trước, ngoài không gian thời gian. Bản thể ấy Lão Giáo cưỡng đặt tên là Đạo. Đạo thì vô danh.

 Đức Lão Tử sống giữa thời nhà Châu bị suy yếu, vương bá tranh quyền đoạt vị, nhơn dân thống khổ lầm than. Ngài nhìn cuộc đời như giấc mộng, vạn tượng là luồng mê ảo, chẳng có gì đáng lưu tâm. Chỉ có Đạo là chơn thật, thường còn.

 Đạo ấy sinh hóa muôn loài, rồi muôn loài cũng trở về với Đạo. Lão Tử cũng theo tinh thần ở bộ Dịch Kinh, nhận ngôi tuyệt đối như Khổng Tử. Song đức Khổng nhận bản thể của Trời là Thái Cực, mà Lão Tử thì nhận bản thể là Vô Cực, là Đạo.

 Nên đầu bài ở Đạo đức Kinh Ngài nói đến: “Đạo khả đạo phi thường đạo, Danh khả danh vô thường danh” và “Vô danh thiên địa chi thỉ, hữu danh vạn vật chi mẩu”, cho ta thấy bản căn đạo Lão là một nền triết lý thâm huyền chí diệu.

 Muốn nhận thấy Đạo, không lấy lý trí (trí thức) mà biết được. Sự khôn ngoan con người đến đâu cũng có hữu hạn, dầu có dùng cách chi mà khám nghiệm cũng không sao hiểu hết được, vì Đạo là ngoài và trước Thời Không, mà phải lấy tinh thần nội tỉnh, trầm lặng trong Hư Vô, mới thấy được Hư Vô. Dầu đã lấy những gì mà hình dung, cũng không sao hiểu được.

 Đạo không giống những gì ở cõi sắc giới nầy mà đem so đo. Nếu ghép vào một danh từ, thì bị hạn hẹp, hay phân chia thể Đạo ra nhiều mảnh.

 Đạo sanh ra muôn loài mà Đức thì nuôi nấng, nên chữ Đạo đây là Vô Cực (Bản thể Đạo hay là Vô Cực), bản thể lặng trang, huyền nhiệm, mà đức là Thái Cực mầm động, hóa sanh, nên nói là mẹ đẻ của muôn vật.

 Tóm lại, đạo Lão Tử tin như đạo Phật và đạo Khổng, sự khởi sanh cũng như lúc chung (phục) quay cuồng trong vòng chuyển thức, nên Ngài nói phải (trở về) là do Đạo động (phản giả, Đạo chi động). Ngài nhận Đạo là lẽ Một, nên nói: Một sanh hai, hai sanh ba, ba sanh vạn vật. Vạn vật cõng âm mà bồng dương, hai khí xung hòa (nhờ trống không như chữ trung mà đặng hòa hiệp).

 Một là Thái Cực, Thái Cực là Chánh đề. Trong Thái Cực có chứa sẵn mầm sanh khí là âm dương. Âm dương là một sanh hai. Hai đây là cơ động tịnh, xung đột nhau mà luôn luôn mâu thuẫn, đảo điên. Ấy là Phản đề.

 Trong sự mâu thuẫn đó, có một mối dung hòa làm cho hai thể trái nghịch đó, được tương quan giao hỗ với nhau, mà sanh cái thể thứ ba là Tổng đề. Thể ba mới sanh hóa vạn vật.

 Vạn vật, vật nào cũng gồm có hai thể âm và dương, nên người gồm có hai mặt: Một là châm sâu vào Vũ Trụ hữu hình (hữu vi), một là trở về nguồn bản thể Hư Vô (vô vi). Nên đứng trên nhân vị làm người, Ngài thấy tất cả hữu vi là gây nên đau khổ mờ mịt. Chỉ có vô vi mới được Chơn phúc trọn vẹn.

 Vô vi không phải là không làm, mà làm bằng cách vô tâm. Làm như Trời, như Đạo, không mong hưởng, hay để cho ai biết. Không làm mà làm, là làm vô vi. Làm như mặt trời lên cứ lên, xuống cứ xuống, soi sáng cứ soi, không có ý soi, hay vì một lý do nào thúc giục.

 Đó là theo cái Đạo vô danh, đính chính là trở về được với Đạo. Muốn trở về được với Đạo, thì phải làm như Ngài, truất bỏ khôn ngoan vụn vặt của lý trí, hình thái của Thánh Thần, để lặng được kiêu khí, đứng vào chỗ mà người ta không thích đứng, giữ phần thua, nhượng phần hơn, cốt được huyền đồng cùng Tạo Hóa, vạn vật làm Một.

 Về đường nhơn sanh, cần có một con người thủ lĩnh mô phạm, đạo đức, hành động nhịp nhành cùng lẽ tự nhiên, không khiến sai mà thiên hạ cùng làm, không dạy đời mà thiên hạ theo học. Ấy là áp dụng một đường lối đạo đức vô vi, vào thực tế nhơn sanh, thì cuộc đời mới trở nên an thuận.

 Về đường giải thoát, Ngài bí truyền những đệ tử một phương tu nội tĩnh, để sớm qui căn phục mạng, là phương khử dục điều nhiếp tam bảo, để kết tụ nhơn chủng tại huyền quan, làm cho thân tâm không còn bị một sức mạnh nào của ngoại cảnh mê hoặc được, mà trải thần khắp nơi, hầu chan hòa sự sống cùng Trời đất. Đó là con đường cứu cánh.

 Đạo Ngài chỉ dành riêng cho thiểu số, giác ngộ chơn lý, còn đại chúng ít người theo nổi. Nhưng còn về đường điều nhiếp dưỡng tâm, an thần định trí, thì ai tu cũng được.

**3. Nho Giáo**

 Về Đạo Khổng, đã dẫn giải nhiều lần trong bản Dịch Kinh. Tư tưởng Nho Giáo, quan niệm Vũ Trụ và vấn đề nhơn sanh, gồm trong bộ Dịch, thật đầy đủ và sự thực hiện cũng dễ dàng. Đã sẵn một đường lối, tùy sự biến hóa ứng thông, tùy thời mà canh tân cải tiến.

 Đạo Nho về đường tin tưởng cũng như đạo Phật, đạo Lão, nhận định bản thể như nhau. riêng về đường nhơn sanh, thì Nho Giáo tự thấy là một trọng trách của con người, đem đạo để áp dụng vào đời, hướng nhơn sanh đến một xã hội đại đồng.

Đời sống khiến cho ai nấy cũng được ăn ở nhịp nhàng theo lẽ Trời, vui với bổn phận hằng ngày, trau sửa thân tâm, để tiến lên gánh lấy đạo tề gia, trị quốc, cốt ai nấy cũng làm hết phận mình. Lấy lòng thương yêu mà chan lẫn cho nhau, giữ tình hòa mục và nhứt là kẻ trên, người quân tử phải biết mạng Trời mà tu sửa, cho trở nên Hiền Thánh, để tham tán hóa dục cùng trời đất.

 Về Nho Giáo, phần triết lý là bộ kinh Châu Dịch. Phần Thiên Đạo, để đồng nhứt cùng Trời, vạn vật với ta một thể, là bộ sách Trung dung.

 Về đường xử thế trị bình là bộ Đại học, Mạnh tử, luận ngữ, áp dụng Thiên Đạo, Nhơn Đạo, cả hai mặt đạt đạo và giáo hóa.

 Khổng Giáo khác với Phật, Lão ở điểm: không hề nói vạn vật Vũ Trụ là ảo vọng, dối giả. Chỉ nhận: lệch về nhơn tâm thì chìm đắm bất cập, lệch về đạo tâm thì sáng suốt an lành.

 Đạo Nho có ảnh hưởng sâu rộng trong nhơn gian, đã gây được một nền luân lý ở lòng người, mà trải qua bao nhiêu thời gian thăng trầm, trị loạn, không vì đó mà đổi thay. Lại còn thấy rõ trong trường hợp đặc biệt, lúc gia vong quốc biến, người tôi, người con đầy những khí tiết anh hùng trinh chính. Thật là một sự hữu hiệu cao quí với nền văn hóa đông phương.

 Các môn đồ của tôn giáo được kế tiếp mở mang, làm cho Đạo Học mỗi ngày mỗi sâu rộng, lan khắp các nước trên hoàn cầu. Nhứt là người Đông Nam Á thâm nhiễm giáo lý ấy, nhập tận tâm can. Nên một cử chỉ, một ý hướng, đều hiện rõ tinh thần như mực thước.

 Về đường tu thân hay xử thế, giữa Ấn Độ và Trung Hoa, thì hai nền văn hóa ấy gặp lại ở nước Việt Nam, với tinh thần dân tộc dung hòa. Nên Tam Giáo lại được đồng nhứt một cách rõ rệt ở mỗi người dân Việt.

 Chứng minh vào đời mà Lý, nhà Trần, kẻ theo Phật trong gồm đó gồm có Lão và Nho, mà kẻ ở Nho cũng có bao hàm Phật, Lão. Nên đời có các nhà sư, các đạo sĩ, những Nho Giáo đều giúp việc tại triều đình mà đều tham trợ lẫn nhau trên con đường cứu độ độ thân, gây một văn hóa rộng sâu trong quần chúng.

 Mãi đến đời nay, người Việt Nam sẵn có một tinh thần dân tộc, mà được dung hòa các học thuyết, các tư tưởng đông tây. Tuy một nước nhỏ nhen, song giữ được bản lãnh tự cường độc lập, không chịu sáp nhập với Trung Hoa, không đầu hàng với quân Nam Chiếu Chiêm Thành, là đại diện cho tinh thần Ấn Độ.

 Tam Giáo đồng nguyên một cách dễ dàng, do ở người Việt sẵn tin con người một linh hồn bất diệt. Nên sau khi chết, Người Việt còn tin anh linh đi lại gia hộ cho cháu con. Cũng như tin tưởng ngoài thế giới thiên nhiên, có các Thần sấm sét gió mưa, mặt trời, mặt trăng, tinh tú. Ấy là Nho Giáo nhận tinh thần con người không chết, mà dạy thờ phụng tổ tiên.

 Lão Giáo tin ở thiên nhiên vạn tượng, mà có tinh thần ma thuật.

 Về hai phần này thì Phật Giáo lại tin ở tâm linh trường cửu thông biến, mà người Việt Nam gồm đủ.

 Người Việt Nam gom góp các phần tinh túy, tự tạo cho một nền Đạo Học. Trực tiếp cùng thiên địa tự nhiên, đến và dung hòa tiếp nhận những tinh hoa giữa Tàu và Ấn Độ, xây dựng một dân tộc hệ lành mạnh, một quốc gia thuần phác, tương quan. Dân có quyền dân, vua và triều nghi chỉ giữ địa vị thông nom, điều hòa và bảo vệ.

**b) Nói về các tông giáo mới xuất hiện tại nước Việt Nam**

**ĐẠO HÒA HẢO**

Gần đây, vào thế kỷ 19, ở miền Nam xuất hiện một tinh thần dân tộc, một mối đạo “Bửu Sơn Kỳ Hương” do Đoàn Minh Huyên, gọi là: Phật Thầy Tây An chủ trương. Mối đạo nầy có ý nghĩa về dân tộc tính. Sau năm 1939, Hòa Hảo thực hiện đường lối đã gây cho miền tây Nam Việt, đồng bào đứng lên tranh thủ để giải phóng nhân dân, mạng danh là: Phật Giáo Hòa Hảo.

 Phật Giáo Hòa Hảo không có tánh cách tôn giáo. Nói là Phật, mà kỳ trung đã giữ hai chữ Hiếu Nghĩa của Nho, chuyên nặng về phần nhơn đạo. Về siêu hình, chưa thấy được tổ chức như thế nào, nhưng tin tưởng vào Trời và linh hồn bất diệt. Mối đạo nầy đứng trước hoàn cảnh nước nhà đang bị đe dọa, để khuyến độ nhân dân bằng nhiều huyền diệu, hầu giữ bản tánh dân tộc, để đón ngày vinh quang.

**1. – Tổng luận các đạo họ Minh.**

 Cũng đồng thời, các nơi, khắp trong nước, Thần Tiên vận chuyển quyền pháp đủ mọi hình thức, mà giác ngộ quần dân, dọn đường đón ơn thiên khải. Nhiều nhóm đứng ra khích động đồng bào đủ các lớp dân: hoặc cho thuốc chữa bịnh, ứng đồng tiên tri hoặc cầu cơ chấm bút xây bàn, tiến độ nhơn sanh hầu như trọn lòng tin. Chớ không để cho gió vật chất văn minh Âu Mỹ lôi cuốn con người, đắm chìm theo sóng dục, trước cảnh nước nhà nằm trong tay thực dân Pháp.

 Đọc lại đoạn sử trên một trăm năm về trước ta thấy: nếu dân tộc Việt Nam không có sẳn một bản lĩnh đạo đức của ông cha để lại, và không nhờ các cuộc vận hóa của Thần Tiên để hâm nóng máu nhiệt thành, hướng dẫn nhơn sanh với một niềm hy vọng, làm cho các giới sĩ phu trong nước say thích với thi ca, đối luận của vô hình; lại nâng đỡ quần dân một niềm tin về huyền diệu, thì tránh không khỏi văn minh vật chất làm lòa mắt, mà đổi dạ thay lòng.

 Đó là phong trào vận chuyển để báo tin nền Đại Đạo ra đời, Phật Tiên Thánh Thần lâm phàm cứu độ chúng sanh. Các tiên tri đã rao khắp hoàn cầu, không nước nào chẳng có huyền diệu lan đến.

 Sau đại chiến 1914 - 1918, thế giới bước vào cảnh người người kinh hoàng ghê sợ, ai không phập phồng liên tưởng bao sự khổ đau, chết chóc. Đó là một tiếng sét vang trời, cảnh cáo và báo tin: Nếu không ăn năn chừa lỗi, thì cuộc tiêu diệt sẽ bước tới không lâu.

 Trời Phật động lòng từ bi, cho chư Thần rảo khắp đông tây, báo tin lành Thượng Đế thị hiện tại thế gian, mở Đạo cứu đời, chuyển ngươn tiêu diệt, trở lại ngươn Bảo tồn, gây dựng cuộc đời thanh bình, thánh đức. Nên trong xứ, các mối Đạo được thiết lập bằng nhiều phương tiện, tùy theo hoàn cảnh và trình độ nhơn sanh. Mục đích không ngoài sự giải thoát và tái tạo cuộc đời an lạc cho loài người.

 Minh Lý, cũng như Minh Tân, Minh Thiện, Minh Sư, đều nhận lấy sứ mạng quyền pháp nơi Trời, đặt con người trong sự hướng dẫn của vị Giáo Chủ mà tiến tu, tự độ, tự tha, gây một tinh thần đồng nhứt, không phân màu sắc dân tộc và tín ngưỡng, để đi đến một sự đồng nhứt, bình đẳng và tự do thật sự.

**2. Đạo Minh Lý**

 Sứ mạng đã ban cho Minh Lý, với một Quyền pháp tối trọng là làm sống lại tất cả những tâm hồn đương rên rỉ kêu la, đương bị trào lưu vật chất ám ảnh, phục hồi cái chơn tinh thần đạo đức đã chìm lắp bởi thời gian, hoàn cảnh.

 Sứ mạng cao cả ấy, người đạo Minh Lý được cảm nhận, là:

1. Thiết lập một thư viện gồm đủ kinh điển của các tôn giáo, học thuyết đông tây, xưa nay.

Lại Đạo Minh Lý có bổn phận tập đại thành, tìm các mối quan hệ của loài người, cho đâu đấy cũng tương quan, mà xây đắp nền tự do bình đẳng, không còn chống trái. Sự tương quan ấy cốt để đi đến dung hòa, duy nhứt một đường hướng, đến mục đích cứu cánh của loài người.

b) Thư viện chẳng những kết hợp những tinh hoa, mà còn được xét lại trên hai phương diện

Một mặt là vào Tu viện để khảo nghiệm cho được thực chứng, rồi mới lấy đó làm pháp môn, đưa ra dựng đời độ chứng.

Mặt khác là được các Thánh giáo hướng dẫn của Thần cơ, chọn lọc và kết hợp thành một qui củ, lấy đó tùy thời mà áp dụng vào thế đạo, để tiếp độ kẻ chơn tu.

Về vấn đề Thiên Đạo, Minh Lý cũng như các nền Đạo Học xưa nay, nhận cho Vũ Trụ vạn vật đều do Đạo phát xuất sanh thành, rồi chung cuộc vật nào cũng trở về với Đạo.

Về thế đạo, Minh Lý lấy con người làm đích chính. Người là đại diện cho Trời đất, giữ mối tương quan, làm cho sáng tỏ và rộng bày đại Đạo. Nếu trời đất có ra, mà không có con người, thì Trời đất cũng không cần có để làm gì.

Vậy là người là sự kết tinh của trời đất, giao điểm giữa âm dương, nhờ có lương tri tâm khảm, nên đã làm cho cõi đời có môt sự tươi đẹp. Đâu đâu cũng được bàn tay bộ óc của người tài thành thiên địa chi đạo, phụ tướng thiên hạ chi nghi.

Thì con người thật là trọng hệ! Chẳng những đào sông xẻ núi, dựng nước yên dân, mà còn đủ thuật hay tài giỏi, tự tạo mà sáng tác mọi ngành, mọi mặt trên thế gian. Lại còn xuất quỉ nhập thần, lên Tiên vào Thánh, mà xưa nay chỉ thấy có người đó thôi!

Nhưng bàn tay ấy, bộ óc kia, một khi ám ảnh bởi lòng tham dục, mà sa đắm với hoàn cảnh, thì gây ra biết bao sự đổ nát hư hại, làm cho đất bằng sóng dậy chẳng vừa! Nên đặt trúng vấn đề là một việc, còn việc quan trọng hơn, là phải có con người lành mạnh tượng trưng, đủ trí tuệ, đủ từ tâm, mới có thể đặt tay vào đời, mà không làm cho đời hư hại.

Muốn có con người ấy, không phải học giỏi tài cao, mà ra gánh đời độ chúng được. Muốn đòi hỏi cho đời đặng trở nên thanh bình thánh đức, phải có con người chơn tu chứng đạo, nội Thánh ngoại Vương, tự giải thoát được thân, để giải phóng loài người ra ngoài đau khổ. Con người ấy phải vào tu viện để chứng cho được cái Đạo đồng nhứt, giữa Trời và người cùng vạn vật, hòa điệu tương quan.

Nên Minh Lý đứng trên tinh thần xây dựng nhơn sanh, là mở một lối vào, để thực hiện con người có căn bản, là chơn tri và thực hành. Muốn chơn tri phải vào Thư viện tham khảo giữa các mối quan hệ của Vũ Trụ và nhơn sanh. Nhưng muốn chắc chắn, như một với một là hai, thì phải vào Thiền Viện (Tu Viện) mà thực hành, thì việc biết, việc làm được tương quan. Đâu phải nói xuông làm bướng!

Thư Viện hay Tu Viện không phải dành riêng cho bổn đạo Minh Lý, mà là nơi công cộng của các mối đạo trên hoàn cầu. Mục đích để cho người tự giải quyết vấn đề nhơn vị làm người, hầu thay Trời mà gánh lấy quyền pháp tại thế gian.

Sự nghiệp đó được Trời và Người ủy trao, thì chính mình là tu sĩ phải được trực tiếp cùng Trời, để đi đúng với thiên cơ. Có Tha tâm thông mới cảm thông sự tình thiên hạ. Nghĩa là: người tu sĩ hay giáo sĩ cả một mối đạo nào, cũng phải chứng đạo, có đủ thần thông, mới tránh sự sai lầm, mà đưa loài người vào nơi nguy hiểm.

Muốn rõ thêm phương châm và mục đích, xin coi tập “Đạo Học Chơn Truyền” sẽ giải tiếp sau.

**3. Đạo Cao Đài**

Trong buổi Tam Kỳ Phổ Độ, Đức Chí Tôn dùng huyền cơ diệu bút, hiện thân nơi trần thế, chọn nước Việt Nam làm Thánh Địa, để hoằng khai Đại Đạo, qui Tam Giáo hiệp ngũ chi lần chót, trong buổi hạ ngươn, mà các lời tiên tri về trước đã báo cho biết. Ngày tốt, Thần lẽ thật sẽ đến cùng loài người, làm sáng tỏ Chơn Lý, đem con cái Ngài hiệp Một. Thế gian trở lại đời Nghiêu Thuấn thanh bình.

Đại Đạo Tam Kỳ Phổ Độ, hay là Đạo Cao Đài, đứng trên lập trường thuần chơn vô ngã, thể nhận các tôn giáo cũng do một Chơn Lý, nhưng tùy hoàn cảnh, địa phương và trình độ nhơn loại mỗi nơi, mà hiện ra Quyền Pháp, cho hợp thời thế, để cứu độ chúng sanh.

Hình thức có sai biệt, nhưng bổn thể của Đạo không hề thay đổi. Tôn chỉ Đại Đạo dung hòa, không phân màu sắc tín ngưỡng, bình hành tâm vật, xu hướng đông tây kim cổ, vạn giáo nhứt lý. Mục đích cứu cánh: Thiên Đạo giải thoát, Thế đạo đại đồng, độ cả phần xác lẫn phần hồn, làm cho đời sống của loài người trên thế gian, năm châu chung chợ, bốn biển chung nhà. Lấy sự yêu thương, bình đẳng cột chặt lẫn nhau, chẳng những riêng loài người, mà cho tất cả chúng sanh, cả thảy đều được che chở trong Quyền Pháp.

Đức Cao Đài đã dạy

 Bửu Tòa thơ thới trổ thêm hoa,

 Mấy nhánh rồi sau cũng một nhà;

 Chung hiệp rán vun nền đạo đức,

 Bền lòng son sắc đến cùng Ta.

Thật là một lời khẳng định tỏ cho chúng ta được thấy, không hề chấp nhứt mà dung thông, không ranh giới phân chia mà được lấp bằng các hố sâu, giữa loài người, được cọng thông duy nhứt. Về bản thể và sự tạo thành Kiền Khôn vạn vật, đều giống y các tôn giáo trên hoàn cầu.

Ngày 15 tháng 9 năm Bính Dần, đức Thích Ca Mâu Ni Phật tá danh Cao Đài Tiên Ông Đại Bồ Tát Ma Ha Tát, dạy rằng:

 Khai thiên địa vốn Thầy,

 Sanh Tiên Phật cũng Thầy.

Thầy đã nói một chơn thần mà biến Kiền Khôn thế giới và cả nhơn loại, Thầy là Chư Phật, chư Phật là Thầy. Các con là chư Phật, chư Phật là các con. Có các con rồi mới có Thần, Thánh, Tiên, Phật.

Thầy khai Bát Quái mà tác thành Kiền Khôn thế giới. Đó là Pháp, Pháp tạo dựng Kiền Khôn vạn vật. Sau hết đến người, người là Tăng. Và luôn luôn khi Ngài lâm đàn đều xưng Thầy là các con, các con là Thầy.

Khí Hư Vô sanh ra một mình Thầy. Có Thầy mới có các con, có các con rồi mới có Thần, Thánh, Tiên, Phật. Đó là lẽ Một trong Cao Đài. Bởi lẽ Một đó mà biến hóa sanh thành. Một chơn thần được phân tán khắp Kiền Khôn vạn vật, triển chuyển trong cuộc tuần hoàn, từ đất đá, cỏ cây và động vật, cho đến con người đã thăng hoa trọn vẹn, cho bao nhiêu công trình sự nghiệp về tinh thần được kết cấu, nhiều thời gian kinh nghiệm học hỏi, để trở thành một công đức xứng với địa vị trong Tam Tài.

Từ vật chất đến con người, tuy chuỗi đời dài dằng dặc nhưng chỉ có một chiều. Ngặt đến người thăng hoa mà trở thành Tiên Phật, lại là cái khó khăn. Khó khăn vì con người giàu lý trí, tự do lựa chọn, nên có thể hướng về phần lý trí, thì con hẹp chật và lầm lạc sa ngã. Nên có tánh tự phụ, mà phân cách giữa ngã và nhơn. Hoặc may được gặp bạn tốt thầy hay, hoàn cảnh thuận lợi làm cho tâm hồn sáng suốt, nên được nhập cùng Chơn lý mà thông triệt chỗ Nhứt quán giữa trời đất, vạn vật và con người.

May gặp được Đạo Pháp thì có thể tu một kiếp là chứng Đạo thành Phật, mà nhập vào Niết Bàn. Bằng không gặp một nền đạo thì phải trải qua hằng sa số kiếp, mà lần lên nấc tang tiến hóa, từ tứ Đại Bộ Châu đến Tam Thiên đại thiên thế giới, từ thất thập nhị địa cầu (72) rồi lên Tam thập lục thiên, mới vào được Bạch Ngọc Kinh mà hiệp một cùng Đạo. Như vậy bất cứ vật nào và loài nào cũng được thành Phật, song một chóng một chầy, tại chỗ giác ngộ, đắc pháp hay không, mà hóa ra hai đường đốn tiệm.

Nên pháp cứu cánh nền Đại Đạo nhắm vào hai yếu điểm

1. Tịnh luyện và hành đạo đi đôi.
2. Sự tu tiến lập công mà cũng để lòng cầu chánh tâm diệt dục, đồng nhứt với Thiên Lý. Về con đường nhập Thánh siêu phàm, bỏ hai phương pháp trên, thì không còn cửa nào để thành quả vị.

Về tổ chức, theo một nguyên lý, lấy thiên nhơn hiệp nhứt, đẳng đệ: nhỏ sau lớn trước, trừ hành thiên phong dưới trên bình đẳng. Lúc lấy đức là anh, cậy tài mà vận dụng. Quyền tối hậu ở Thượng Đế và vạn linh. Nhưng người chức sắc phải giải thoát thế gian, chứng lấy Thiên Đạo, mà chấp hành Nhơn đạo, để làm gương cho hành hậu tiến.

Về phương châm: chọn lọc tinh hoa ở các nền giáo lý học thuyết hiện có, để hướng dẫn nhơn loại theo tuần tự, cốt là giải quyết vấn đề nhơn sanh.

Về nhận thức và hành động, cho phù hợp với Đạo Pháp: cải tạo con người thành một động cơ hòa bình chơn chánh , tự giác giác tha.

Sứ mạng con người truyền giáo, phải được Quyền Pháp Thánh Linh đặt các cơ cấu nhiều nơi, bằng sự vận chuyển Thần cơ, tùy theo sắc thái hoàn cảnh của mỗi dân tộc và sự độ thần bố điển của Đấng Quyền năng, trên những nước, những người cao đức hữu duyên, mà quí nhứt bằng nhiều phương tiện.

Ngày giờ chưa đến, bí pháp chưa trao tận tay cho những bậc chơn tu, mà nền đạo chưa quảng truyền con trong vòng đào luyện và tuyển chọn.

Quan hệ nhứt là một đặc ân: nhơn loại trong buổi Tam Kỳ được đại xá và tận độ không bỏ sót một ai. Chẳng những kẻ đồng nhứt trong giáo lý, mà còn tương quan hỗ trợ giữa các nền tôn giáo trên hoàn cầu, làm sống lại và làm sáng thêm, hàn gắn cho bất cứ một đoàn thể, một tổ chức nào, phải bị tổn thương vì hoàn cảnh.

Không cầu lợi cho mình, mà cầu thấy được đâu đâu cũng tự do, thánh khiết.

Đức Cao Đài nói:

“Khi nào còn thấy một sự bất bình ở thế gian là Đạo chưa thành”.

Tóm lại, đạo Cao Đài không phải thiết lập thêm một tôn giáo, mà là cố gắng sao các tôn giáo hiệp làm một, chẳng những tạo cho tổ chức nơi mình một địa vị, mà làm cho tất cả các tổ chức thành một địa vị cao quí ở cõi đời nầy và nơi Thiên quốc, Niết Bàn. Chắc sau nầy đạo thành, không còn cái danh nào cả.

**Mục 3. Giản lược các học thuyết Âu Tây.**

**1. Tổng luận về văn minh Tây Âu.**

Nền Đạo Học đông phương giản lược một vài nét chính, cũng cho ta thấy được con người đối với Vũ Trụ như dính liền, tâm hồn lâng lâng thanh thoát, bao giờ cũng hướng về lẽ Một.

Ấy là nguyện vọng chung, nền giáo lý cũng cần đặt nặng vấn đề là: giải thoát con người ra ngoài triền phược, tham dục để vượt lên lý trí, mà dùng trực giác. Có thể, mới thấu biết tận chỗ thâm viễn, không bị tình thức thiên lệch ngăn che, làm trở ngại cho sự tương quan đồng nhứt, để rồi nhập thế cuộc mà không bị thế cuộc buộc ràng.

Lòng sáng suốt không đắm nhiễm ân ái lợi danh, mà đủ phương tiện độ người, cứu đời ra ngoài sông mê bể khổ. Ấy là các bậc Hiền nhơn quân tử xưa nay đều có quan niệm dĩ đức hóa nhơn, kiến cơ nhi tác.

Trông về nền văn minh Tây Phương, ai đã để chân lên các nước Âu Mỹ, đầu chắc lưỡi kêu thầm màu sắc rực rỡ, cảnh cảnh phơi bày, tráng lệ nguy nga mọi mặt, trông càng chóa mắt. Thật là Thiên đường dưới thế, tự do tột mực của con người. Nhưng đi sâu vào bên trong tâm khảm, đời sống tinh thần đau khổ, rạn nức khô khan.

Luôn luôn, thấy mình đối lập, chung quanh hoàn cảnh, như muốn hăm dọa thách đố. Vũ Trụ Tạo Hóa, như bắt buộc đầy đọa con người. Để tránh sự đe dọa và tìm lấy tự do, cần phải tranh đoạt quyền tự chủ vào tay, phải chiến thắng, phải nổ lực không ngừng, thì cuộc sống giờ phút nào cũng chật vật khó khăn, mà tâm hồn chẳng mấy được thung dung nhàn hạ.

Văn minh Âu Mỹ trên vài thế kỷ nay, họ đã thành công rất nhiều về mọi mặt. Các ngành kỹ thuật, khoa học, thiên văn, địa chất, kỷ nghệ, cơ giới, v…v… đem lại sự chiến thắng không ngừng. Tổ chức xã hội đủ phương tiện, giao thông mỗi ngày thêm tinh xảo. Họ khám phá những bí mật trong Vũ Trụ, thâu thập được nhiều nguyên liệu để chế tạo máy móc thay thế con người. Nếu tiến lên một bực nữa, họ tự hào sẽ thay Trời, mà làm nhiều việc vĩ đại, không thể tưởng tượng.

Thật vậy! Bắt đầu, họ chỉ chập chững một vài bước ở bộ óc khôn ngoan, ở bàn tay khéo léo. Rồi nhiều phương tiện giúp họ khai quật những mối manh liên hệ, dùng bằng hơi nước, sức lửa, đến điển khí. Cho đến nay đã bước qua một từng cao đẳng, khoa học không dùng bằng nguyên tử, vô tuyến để điều khiển, thử hỏi rồi sẽ đến đâu? Óc người càng ngày mở mang, sức người càng mạnh mẽ, thì một ngày kia có thể đem Thiên đường lập ở trần thế nầy, chắc không khó gì.

Ta ở Đông phương nhìn qua Tây phương cũng lấy làm lạ. Các nhà đạo sĩ ở Ấn Độ và Trung Hoa, khi bước chân lên các nước Âu Mỹ, cũng phải mê ly, khen ngợi nền văn minh cơ giới, vô cùng lộng lẫy. Nhưng tiếc vì óc khôn ngoan bị hạn hẹp trong lý trí con người, mà sử dụng không đúng hướng hoà bình, thịnh trị, nên mới gây khủng hoảng thiếu, khủng hoảng thừa.

Quyền lợi vào tay tư bản, giai cấp một ngày một đẻ thêm, chiến tranh ngày càng lan rộng, là vì dùng trí chẳng dùng tâm. Nếu ngoài là lý, mà trong là tình, thì tình lý đã tạo cho con người một mối tương quan bình đẳng.

**2. Học thuyết của Descartes (1596 1650) tại Pháp quốc**

Nền văn minh đó bắt đầu từ thế kỷ 17, đã xuất hiện một quan vật quan yếu, đứng lên giơ cao ngọn đuốt lý trí, soi sáng cả trời Âu, là một nhà hiến triết trứ danh, mở đầu cho nền văn minh Âu Mỹ. Thật là một vị thỉ tổ của khoa học và triết lý Tây phương trong gian đoạn cận đại. Ấy là ông Descartes (Đích Tạp Nhi).

 Ông đã đứng ra cách mạng tất cả những gì đè nặng trên con người từ mấy ngàn năm. Trước ngõ ba đường, ông đã cải tổ một xã hội vô cùng quan trọng. Ông phủ nhận tất cả những gì dưới mắt ông không đủ chứng cớ. Tất cả đều bị hoài nghi, nên ông không tin những thuyết xưa thời trung cổ, vì thời ấy hầu hết dân tộc Âu Châu đều chịu dưới thần quyền ngự trị.

 Với Ông, nếu mọi sự có thật, thì phải được soi sáng bằng lý trí. Nên Ông nói: “Ta tư duy thì ta thực tại” (Nghĩa là: Ta tư tưởng là ta thật có – Je pense done je suis).

Ông tin vạn vật trong Vũ Trụ là một khối vật chất vô hồn. Vật chất biến chuyển được là do Thượng Đế chuyền cho nó một tánh vận động. Vạn vật khác chi máy đồng hồ, cứ luân chuyển một cách vô ý thức. Nhưng tiến hóa đến con người, thời mới có đủ thức giác. Người mới có linh hồn và lý trí. Linh hồn khác biệt với thể chất của ta là vì nó đặng vĩnh viễn và thực tại.

Triết lý cả ông là một triết lý về những ý tưởng phân minh và rõ rệt. Nó đã giải phóng cho tinh thân Âu Tây cận đại, cái ách độc đoán của thời Trung cổ. Triết lý của ông chỉ suy tôn và tùng phục một chơn lý hiển nhiên là lý trí. Nên sự vật dưới con mắt, phải được xét đúng với tinh thần duy lý một cách cụ thể, chớ không tin một điều gì, mà ngoài ý thức chưa nhận cho là thực.

Ông đã phá hoại những tòa nhà cũ, có tính cách thần quyền ở thời Trung cổ. Tất nhiên, ông phải kiến tạo một lâu đài mới cho nhơn loại tương lai, bằng một “Phương pháp luận”, cả một công trình xây dựng văn minh tránh lệ cho khắp trời Âu.

Phương pháp luận của ông đã phát minh là phân tích kỷ hà học. Từ kỷ hà học, ông đi đến một quan niệm cơ giới về vạn vật theo luận pháp toán học điều khiển. Ông đã gỡ đầu và gỡ mối cho ngành khoa học hiện nay. Ông cho vật lý một chương trình áp dụng về lý thuyết tinh thần và vật chất, dựa vào châm ngôn: “Ta tư duy, ta thực tại” .

Vật chất có tính cách diên trường ở không gian, là có thực. Vật chất cũng biến động như tinh thần. Biến động đó là Thiên Lý ban cho nó một đặc tánh. Tinh thần là chơn thực, vì ý tưởng ta là chân thật.

Ông đề xướng một Vũ Trụ quan theo con đường duy lý. Ông tin, ngoài ông và vạn vật, có một lẽ hoàn toàn. Lẽ ấy là Chí Thiện, Thiên Lý. Đó là Thượng Đế của lý trí nơi ông. Ngoài ra, tất cả vạn tượng đều là khuyết điểm.

 Đại lược, nền Triết lý của ông là phân minh, rõ rệt, dưới sự soi sáng của lý trí. Mà lý trí là chơn lý tồn tại, chơn thật mà thôi. Nói lý trí thì ai cũng có như nhau, không hơn không kém. Tại người hay thán, ghen tị kẻ tài ba, mà không muốn biết thêm lẽ phải. Song biết rằng lẽ phải ai cũng như ai, ngặt vì người nhận đi một cách, nên có chỗ so le. Vì vậy, có lý trí là lẽ phải, mà không qui hướng một phương pháp, thì cũng vô ích, khó thành công.

 Triết lý ông nhắm vào hai yếu tố: nhận thức và hành động đã đưa đến cho xã hội Âu Tây nhiều hy vọng thành công, trên bước tiến trình của nhơn loại, về đường cơ giới khoa học ngày nay, Phương pháp luận của ông được các ngành khoa học đương áp dụng.

Ông cố kéo Vũ Trụ tự nhiên về đồng nhứt với con người. Nhưng đường hướng lưỡng nguyên duy lý cũng không sao thỏa mãn được thân tâm nhơn loại, vì lý trí bao giờ cũng hữu hạn, khó lòng thấu tận huyền vi, Nhưng cũng làm chấn động một phương trời, đổi cả bộ mặt trầm lặng đơn sơ, trở thành linh hoạt huyên náo.

**3. Học thuyết của Hége1 với sự biến chuyển của nó**

 Đây không thể nào nói rõ hết các học thuyết Âu Tây, mà chỉ giản lược, biên sơ qua học thuyết Hégel và Karl Marx, để nhận sự quan hệ giữa con đường duy tâm và duy vật, có tương quan, thế nào với Đạo Học Chỉ Nam. Trước xin nói về Hége1.

 Học thuyết Descartes suy tôn lý trí, ấy lý trí để giải thích Vũ Trụ và đường lối nhơn sanh. Sau ông, nhiều nhà triết nhân không thỏa mãn đường lối duy lý, không thể chấp nhận sự vật có bản thể thực tại, mà sự vật chỉ để cho người ta thức giác mà thôi. Hơn nữa, lý trí không bao giờ nhận được một vật đồng thời là A mà B. Như con chó không thể đồng thời là con mèo, phải với trái, thuận với nghịch đồng một việc. Chưa hề dưới con mắt người quan sát, lại có sự trái nhau, mà lẻ phải phải được hợp lý, hợp tình.

 Vì vậy, mà sau ông, chia làm hai phái: bên thì duy tâm, bên lại duy vật. Duy tâm đại diện cho hai nhà Berkeley và Hégel. **Berkeley** là người nước Ai Nhĩ Lan, ra đời cuối thế kỷ 17, sang đầu thế kỷ 18. Ông không chấp nhận đường lối của Descartes, vì lý do Descartes chủ trương nhị nguyên duy lý.

 Sự mâu thuẫn dịch hóa trong Vũ Trụ, từ trạng thái nọ đến trạng thái kia, vừa là A mà B, vừa là vật trong không gian mà là tinh thần ý thức. Nên ông cho thuyết hoài nghi của Descartes không đúng với lý trí xét đoán.

 Mà thực vậy, lý trí chỉ tạo nên ý thức, chớ làm sao tạo được thực tại. Lý trí chỉ một chiều, đây thấy được sự vật biến hóa. Nên Berkeley chủ trương thuyết phi chất, không tin những điều mà ngũ quan nhận biết. Mà sự vật ở đời nó cũng không cần ai nhận hay không nhận. Nói hợp lý cũng chẳng mừng, không hợp lý cũng chẳng rằng.

 Vạn tượng Tạo Hóa có gì hợp lý đâu! Trong cái vui có cái buồn. Trong lẽ sống chứa đầy sự chết. Hoa phù dung sớm trắng như tuyết, chiều đỏ như son. Đồng thời một việc xảy ra, có kẻ may mắn vui mừng, kẻ lại rủi ro buồn tủi.

 Tạo Hóa không cần ai giải thích nó ra thế ấy, thế kia, mà Vũ Trụ nhận như lý trí một chiều, làm gì có sự sanh thành biến hóa. Nên cuối thế kỷ 18, sang đầu thế kỷ 19, có nhà siêu hình học nước Đức là Hégel đề xướng thuyết duy tâm, làm cho chấn khởi khắp Tây phương, gây hào hứng, cứu vãn đường lối duy lý khô khan.

 Thuyết của ông dẫn chứng về Vũ Trụ. Một lúc, minh giác ông trực nhận được Chơn Lý ấy, vạn tượng không gian rất linh động vô cùng. Dịch mà hóa, từ thể nọ sang thể kia.

 Ông nhận bản thể nguyên thỉ Tạo Hóa là một ý tưởng mầu nhiệm, vạn năng. Thuyết biện chứng của ông phân làm ba giai đoạn

1. Một yếu tố có tính cách duy trì ý tưởng, giữ nguyên bản thể. Đó là yếu tố bảo thủ (Chính đề).
2. Trong yếu tố Chính đề, còn có chứa một mầm mâu thuẫn. Nó muốn phá cái bản thể im lìm của nó, cũng như thuyết Thái Cực và âm dương ở phương đông ta (Phản đề). Mầm ý thức đã tự ngoại vong, bước vào cuộc lịch trình chuyển hóa.

Y thức đó lúc đầu phóng khí sâu đậm, nằm im lìm trong khoáng chất không tìm thấy được. Đến khi chuyển sanh thực vật, thì ý thức được vươn lên, tìm nơi tự do, nhoi ra ánh sáng. Nhưng khi sang động vật, thì cảm giác được nảy nở đầy đủ, ý tưởng mở rộng. Con đến con người thì biên độ tự do lại được quảng đại lựa chọn.

1. Bước hành trình mênh mang vô định, trải qua nhiều thời gian kinh nghiệm, tích lũy ở ký ức, từ đất đá cỏ cây tới những loài động vật, nên khi trở thành người, là lúc thực hiện quày về với nguyên thỉ. Đó là Tổng hơp đề.

Chánh đề (Thèse) tìm sự đồng nhứt trong sự vật. Phản đề (Antithèse) tìm với tri giác sự mâu thuẫn. Tổng hợp đề (Synthèse) dung hòa hai thể trên.

Đó là con đường phản bổn hoàn nguyên của Hegel, nhưng về phương pháp giải thoát cho người, để đồng nhứt cùng cứu cánh, thì Hegel không thấy nói phải thế nào, duy cho biết sự tự do tuyệt đối con người được lựa chọn.

Chỉ có người mới đầy đủ tự do. Chỉ có người mới bắt đầu lên bước thang trở về đồng nhứt cùng bản thể. Chỉ có người mới dung hòa hai mối mâu thuẫn của bảo thủ và mầm thức giác cấp tiến. Song đến người, thì ý tưởng khác xa hơn ý tưởng lúc đầu.

Vì người nhờ trải qua nhiều kiếp kinh nghiệm thâu thập bao nhiêu sự kiện bên ngoài, mà thức giác thăng hoa, đầy đủ khôn ngoan, đủ sức tự tạo và tái tạo.

Ông chẳng những dẫn luận đề biện chứng về Vũ Trụ mà đem áp dụng vào xã hội nhơn sanh, về tự do con người, giữa luật mâu thuẫn: người chủ nghơn và kẻ nô lệ. Thuyết luận của ông dẫn chứng Chánh đề, Phản đề và Tổng hợp đề về xã hội, không có ý gây ra một cuộc cách mạng đấu tranh giữa giai cấp với giai cấp mà ông diễn tả một hành trình ý tưởng chuyển hóa (Sau Mã Khắc Tư đem thuyết này áp dụng vào thực tế, xây dựng chủ nghĩa vô sản xã hội ngày nay)

Đứng trước thời buổi khoa học xuất hiện, làm thay đổi cả từ hình thức đến tâm linh, sự đổi cũ thay mới, ai cũng nô nức trông thấy những cái hay, cái lạ của thời đại văn minh cơ khí, mà từ lâu loài người ở góc trời Âu đương mê ly, chìm đắm trong nền cổ học đạo đức tôn giáo, dưới sự điều khiển của Thần quyền kinh điển, học qui cầm cân nẩy mực.

Trào lưu thay đổi, các học thuyết xuất hiện đủ mặt, làm bừng tỉnh lòng người. Nào tâm, nào vật, đủ cách chứng giải thích theo trình độ lý trí con người. Nhứt là về quan niệm duy vật cận đại, ở thái tây Âu Châu, tại Anh Cát Lợi, vào thế kỷ 17, học thuyết duy vật cơ giới của Hobbes, chủ trương vật chất là nguyên động lực.

Tất cả trong Vũ Trụ chỉ có vật chất là có tính miên trường, trong khô gian biến dịch mãi mãi. Biến là đổi từ thể nọ sang thể kia, dịch là đổi đi từ thể này sang thể nọ. Vật chất linh động, phân tán vô cùng, khắp trong Vũ Trụ.

Tinh thần và vật chất là Một. Nghĩa là: tinh thần là sản phẩm của vật chất. Tinh thần là hậu thiên, vì vật chất biến dịch sinh ra cảm giác, ảnh hưởng bên ngoài mà nhập vào thần kinh mà có ý thức. Cảm giác con người chỉ thích khoái lạc, để tránh đau khổ, mới đặt ra luân lý đạo đức; lập xã ước, dựng nên vua chúa và tôn giáo để ngăn cản bảo vệ nguồn sống cho nhau, dựng nên quốc gia tôn giáo cũng là sự bất đắc dĩ vậy.

Thế là tinh thần ý thức là phụ thuộc ảnh hưởng của vật chất. Nên thuyết này bài hát đánh đổ tất cả những tín ngưỡng. Một số tân tư tưởng được theo ông truyền bá chủ nghiã duy vật, vận động nhơn dân cách mạng Pháp vào thế kỷ 18.

Duy vật cơ khí của Hobbes không đứng vững, vì tánh chất hợp lý của duy vật chỉ có biến chuyển một chiều, không thể làm cho phẩm hóa ra lượng, hay lượng đổi thành phẩm được. Nên kế tiếp đó Mã Khắc Tư đề xướng thuyết duy vật biện chứng, xây dựng một nền học thuyết khả dĩ quan trọng, ở chỗ biến dịch theo luật mâu thuẫn tiến hóa. Theo ông trong Vũ Trụ bất cứ vật chất hay tinh thần đều biến đổi, không vật nào nằm yên. Sự biến dịch đó luôn luôn mâu thuẫ //n nhau, mới phát sanh một thể dung hòa tổng hợp.

Thế giới Âu Châu trên một ngàn năm, nhơn loại núp dưới triết học, tôn giáo, tụ thấy yên phận đời mình. Nhưng trào lưu lịch sử mỗi ngày mỗi tiến, trải những thời gian, gặp nhiều khúc quật, hoàn cảnh xã hội nhân đó mà đổi thay.

Tính chất và hoàn cảnh xã hội con người ở một địa lý như Âu Châu, sanh sống với kỷ nghệ, thương mãi lúc nào cũng hướng ngoại, để tìm hiểu đời mình. Vị trí tâm thức không đứng yên một chỗ, đòi hỏi những nhu cầu tâm lý, sinh lý và tình cảm mới lạ, để được bổ túc những sự thiếu thốn đau khổ ở lòng.

Văn minh triết cổ La, Hi ngự trị suốt mấy ngàn năm, mà người ta không thỏa mãn, để đi tìm một ý hướng thích hợp hơn cho thời đại. Mà thuyết duy lý của Descartes xuất hiện đã làm cho Âu Châu bừng tỉnh, tự giác được chính mình, triển khai một nền triết học khoa học mới mẻ. Tiếp đến Hégel đã phát minh một hệ thống đầy đủ về Vũ Trụ và nhơn sanh. Chính ông là người phát minh một lý tưởng toàn diện, làm nên giềng mối cho các môn phái hiện đại.

Ngày nay, không môn phái nào chẳng dựa vào phương pháp biện chứng của ông, mà xây dựng đường hướng xã hội nhơn sanh. Ông là tổ của môn phái, các học thuyết không phải là quá đáng. Dầu kẻ theo ông hay chống đối ông, cũng dựa phương pháp biện chứng của Hégel, mà làm tiền đồ hướng về tương lai cho nhơn loại.

Học thuyết thần bí duy tâm của ông chấn động khắp trời Âu.

**4. Học thuyết của Karl Marx**

Đây cũng là học thuyết của Hégel biến thái đổi duy tâm thành ra duy vật, mà Karl Mara là người chủ trương mạnh nhứt, có danh tiếng nhứt

 Sau này Hégel tạ thế, môn phái tả của Hégel gồm có Strauss (David Frádéric), Feuerbach (Louis Andréas), Marx lật đổ hình thức duy tâm của Hégel, lấy biện chứng phương pháp của ông mà xây dựng một học thuyết cũ, cho triết học tôn giáo là mơ mộng, viển vông, chỉ nhìn có vật thể hiện tại là Chơn lý.

 Strauss, Feuerbach nhắm thẳng vào tôn giáo mà đã kích thuyết hữu thần, chối bỏ Thượng Đế. Feuerbach nói Thượng Đế là phản ảnh tư tưởng nguyện vọng của con người (Do Thái). Con người hữu hạn thèm khát mong mốn ở chỗ hoàn toàn vô hạn là Thượng Đế.

 Thượng Đế chính con người tạo ra, con người phóng thể. Thượng Đế đã bốc lột con người những gì cao quí về tình cảm hạnh đức. Vì vậy mà con người mỗi ngày một sa sút, nghèo khổ, mà Thượng Đế lại giàu lên. Con người khao khát hạnh phúc, mà hạnh phúc đó ở trong tôn giáo, do xã hội tư bản bịa đặt ra, để ru ngủ con người, làm cho họ quên nhiệm vụ.

 Muốn xây dựng xã hội mới, một con người lành mạnh, cầu tiêu diệt Thượng Đế, cần triệt hạ tôn giáo, phục hồi lại những khả năng tài đức của người, mà từ lâu bị lầm, nên hạ giá người phải khiêm tốn, cung kỉnh, lễ bái, cúng cầu.

 Đó cũng dựa theo biện chứng Hégel về con người vô hạn phóng thể. Thật là một triết lý vô thần, lấy con người làm đích tối cao, mà con người đó là con người vô sản. Con người vô sản mới đủ điều kiện lãnh đạo cách mạng, vì họ là nạn nhân đau khổ bị tư bản bóc lột. Họ thông cảm hơn ai, vì họ trực tiếp trong hoàn cảnh bất công vô nhơn đạo, bị vong thân trong tư bản, nên họ phải hành động, để tiêu diệt nỗi lo âu ở lòng họ là tư bản.

 Còn Feuerbach nói: Nếu con người là tuyệt đối, là Thượng Đế cũng tuyệt đối, thì nên chọn con người mà tiêu diệt Thượng Đế, bài trừ tôn giáo. Trái lại Marx lại phản đối Feuerbach, chỉ là lý thuyết. Theo ông, thì không cần tiêu diệt tôn giáo. Nguồn gốc của tôn giáo là xã hội của tư bản kinh tế tạo ra. Lật đổ xã hội tư bản, thì tôn giáo cũng tiêu diệt, không cần đốn chặt nhành lá.

Trên đó là “duy vật vô thần”.

 Về Đạo Học Chỉ Nam, ta cũng cần xác định đường lối xã hội nhơn sanh của Mã Khắc Tư để giải quyết vấn đề hiện tại và tương ai của nhơn loại như thế nào.

 Trước Marx, đã có nhiều môn phái duy vật xuất hiện, đứng trên lập trường vô sản, hướng dẫn phong trào cách mạng chống chế độ hiện thời, bài hát học thuyết cũ như tôn giáo triết học. Nhưng rồi chẳng đi đến đâu. Trái lại chỉ Marx đặng thành công. Họ cho Marx là sản phẩm của thời đại. Nhưng Marx đâu phải con người giai cấp vô sản.

 Chính Marx là người Do Thái, cha mẹ ở trong tôn giáo, gia đình tiểu tư sản. Song cha mẹ người chí phóng khoáng tự do. Marx là sinh viện đại học Bonn và Berlin. Khi ra trường viết báo làm chủ bút, không hề biết nghề thợ. Ông là học trò môn phái Hégel được tiếp thụ chơn truyền thần bí Đạo Học, nhờ phương pháp biện chứng của Hégel, mà về sau ông nhận được vấn đề triết yếu, rút ra để xây dựng thời cuộc lãnh đạo vô sản cách mạng Nga 1917.

 Vũ Trụ là một trường thiên điển, biến dịch vô cùng. Từ nội giới đến ngoại giới, vô cớ vật và hữu cơ vật đều không theo luật biến dịch. Dầu tinh thần hay vật chất cũng thay đổi, không có vật nào y nguyên tự tại, vĩnh cữu bất biến.

 Lénine nói: Không có vật chất mà không thấy có sự vận động mà không thấy có vật chất. Vật chất là nguồn gốc tự thể, tinh thần chỉ hậu thiên phản ảnh của vận động. Vận động như thế nào? (Theo Mã Khắc Tư, vận động theo mâu thuẫn biện chứng, từ vật nọ chồng lẫn vật kia, va chạm nhau mà có sự vận động, đun đẩy biến hóa. Trong mỗi vật đều có hai mâu thuẫn chống đối nhau. Nó muốn phá cái cố định là chính đề, muốn giữ nguyên vị trí, tự thể là phản đề, bộc phá chuyển mình ra ngoài giới thực hiện).

 Chủ thuyết xây dựng xã hội vô sản đã hướng dẫn phong trào cách mạng ở Nga năm 1917. Học thuyết duy vật đứng trên lập trường cách mạng, xây dựng xã hội cộng sản, giải phóng con người dưới chế độ bất công, từ lâu bị phong kiến, tư bản bốc lột, chà đạo nhơn vị con người. Lịch sử nhơn loại chỉ có đấu tranh: dưới các thời đại về thượng cổ thì quí tộc với bần nông. Về trung cổ thì nông nô với chủ quận. Đến nay, thì giữa vô sản với tư bản.

 Luôn luôn kẻ mạnh đàn áp kẻ yếu, giai cấp yếu chống với gia cấp khỏe. Người lao động bị tư bản lợi dụng, ăn bám sức sản xuất, là mồ hôi nước mắt của họ. Họ làm ra mà không được hưởng. Người lao động vong thân trong kinh tế. Kinh tế vong thân đẻ ra vong thân tôn giáo và chính trị.

 Muốn thâu hồi tình trạng vong thân đi đến đạt thân, là phải tiêu diệt tư bản đế quốc phong kiến địa chủ. Đồng thời, tiêu diệt tôn giáo và chính trị của phe thống trị, hầu thiết lập một xã hội công bình, triệt tiêu gia đình, tôn giáo, chánh phủ.

Nguồn gốc vong thân kinh tế đẻ ra vong thân tôn giáo. Tôn giáo là công cụ của tư bản để an ủi, là một liều thuốc ngủ làm cho lao động lãng quên, không tự giải quyết được đời mình. Nếu lao động có tôn giáo, thì không nổi loạn chống lại Thượng Đế. Mặt khác, tôn giáo lại là cảnh sát để giữ trật tự, bảo vệ, tư bản.

 Vong thân kinh tế đẻ ra vong thân chính trị, để điều chỉnh hòa giải, hoặc dùng võ lực đàn áp lao động thợ thuyền. Chính trị là công cụ của tư bản. Triệt tiêu bộ máy nhà nước tư bản, không phải bằng lý thuyết mà giải quyết được. Phải hành động bằng đấu tranh. Người vô sản tự thủ tiêu cái giai cấp chính mình, mà thủ tiêu những chướng ngại mâu thuẫn ở nơi lòng là tư bản để thiết lập một đời sống bình đẳng tự do. Xã hội con người không còn một hình thức chế độ, là xã hội cộng sản. Xã hội cộng sản mới là xã hội chân chính, hợp lý và công bằng, giải phóng ra ngoài xiềng xích cầm giam. Người đàn bà không còn dưới quyền người chồng, nghĩa là giải phóng ra khỏi chế độ luân lý giữa vua tôi, chủ tớ, cha con, mà cả thảy đều là bình đẳng.

 Muốn tiến đến Cộng Sản, trước tiên người lao động vô sản lật đổ chế độ tư bản phong kiến, triệt tiêu nhà nước tư bản. Tư bản mới có quyền đàn áp, dùng quân sự công an, cảnh sát bằng bạo động, để bảo vệ kinh tế tư bản. Người vô sản chuyên chính cũng phải lấy lại quyền bính bộ máy nhà nước, dùng quân sự đàn áp lại tư bản, hay kẻ nào chống lại vô sản, không còn ngóc đầu lên được nữa, thì khi ấy mới triệt tiêu bộ máy nhà nước.

 Vô sản đi đến đảng trị, nghĩa là: không dùng quân sự bạo động để triệt tiêu tư bản, là kẻ đồng lõa. Chống lại vô sản tức là chống lại quyền lợi chung.

 Đó là đại cương quan niệm của duy vật. Đây sẽ trình bày đường lối theo mạch lạc. Về Vũ Trụ và nhơn sanh của Marx với nguyên tắc biện chứng, mà Marx lấy lại ở Hégel như sau đây:

**5. Hành động đấu tranh của Thuyết Karl Marx về con người**

Con người là một vật tối linh, đã vượt qua muôn vàn kiếp sống thu thập nhiều kinh nghiệm, từ thô tướng đến tinh vi. Đến kiếp làm người biên độ tự do mở rộng từ vật chất đến tinh thần, tự thấy quyền năng sáng tạo với bàn tay mạnh mẽ, khối óc khôn lanh, làm chủ tự thân, sử dịch được muôn giống, khai thác các giao dịch cùng hoàn cảnh thiên nhiên. Người đã cải tạo thế gian đủ lối, kỳ tài, tực là cực phẩm trong đời.

 Thật vậy, con người xuất hiện đủ mọi phương diện, ở nhiên giới cùng vật giới, đâu đâu cũng thấy bộ mặt của người, do bàn tay khối óc mà dựng nên thế giới văn minh lộng lẫy, đã sống tiến bộ cộng đồng. Địa vị tối cao kia, không biết người có thấy được do bởi đâu mà Thánh Thần siêu việt như vậy không? Ngoài ra còn có những gì huyền nhiệm, hay chỉ có sự kinh nghiệm cấu thành?

Rồi đây còn vượt qua những tầng lớp nào, hay đã đến tận đích văn minh? Đã biết rằng con đường Vũ Trụ là một trường thiên điển, biến dịch vô cùng tận. Vạn vật đứng trên mức động, mà chuyển đi thay đổi từng phút từng giờ, cái mới đó rồi mất đó. Muôn vật không đứng yên, thời gian vừa qua rồi thời gian lại đến, qua qua mãi, đến đến luôn; khẳng định để mà phủ định, phủ định phủ phủ định, cứ mâu thuẫn, mâu thuẫn lớp nọ đến mâu thuẫn lớp kia. Vòng tuần hườn chưa biết đến đâu là cứu cánh, lịch sử nhơn loại đến ngày nào không còn mâu thuẫn để ghi, nhơn gian đến lúc nào trở thành không giai cấp. Thật là một vấn đề ai dám quyết đoán một cách rõ ràng.

 Hôm nay xét đôi nét đại cương về chủ thuyết của Marx (Mã Khắc Tư) đối với vấn đề nhơn loại hiện thời. Về Vũ Trụ, Marx nhận cuộc thiên điển biến dịch không cùng tận? Phương pháp biện chứng vạn vật trong Vũ Trụ theo một định luật biến hóa từ thể nọ sang thể kia, chuyển đi từ nơi nầy đến nơi khác. Vật vật va chạm chồng lẫn nhau mà có sự thay đổi.

 Trong mỗi vật có một định luật chính, trong chính luật có một sự mâu thuẫn ngấm ngầm, muốn phá hình thể cũ để xuất sinh một hình thể mới. Hai luật đó tuy là chống trái nhau, mà có sự điều hòa tổng hợp, y như học thuyết Hégel. Nhưng không sửa đổi lại cho thuận tiện với sự chứng giải về đường lối duy vật của ông.

 Nếu để nguyên thì thành ra có một Tạo Hóa ý tưởng, làm nguyên động lực. Theo ông, thì Vũ Trụ do sự giao dịch hành động vật chất có trước, rồi tinh thần mới có sau. Đem áp dụng về thực tế nhơn sanh là một sự thuận tiện.

 Nên ông nói: Lịch sử nhơn loại là lịch sử đấu tranh. Thời cổ thì bần dân với quí tộc, trong cổ thì nông nô với chủ quận. Đến thời nay, thì giai cấp tư sản và vô sản, luôn luôn thúc giục con người tự giải quyết đời sống thiết yếu, tự mình đồng thời xây dựng một xã hội công bình hạnh phúc cho loài người.

 Tư bản là chủ động đã có công xây dựng nên đô thị trù phú, phát triển kỹ nghệ làm cho bộ mặt thế giới được xuất hiện, mà tư bản là chính đề. Muốn bảo thủ quyền lợi kinh tế càng phát triển, đồng thời phát triển cái mâu thuẫn bên trong của nó là vô sản.

 Sự tương quan sản xuất của tư bản làm cho mối tình nguội lạnh, chát chua. Con người vô sản lần hồi tự giác được mình, đứng lên đòi hỏi quyền sống tự do bình đẳng, trong vấn đề tương quan sản xuất. Nghĩa là mình làm ra mà không được hưởng. Người vô sản phải tiêu diệt cái mâu thuẫn ở lòng nó là tư bản, đồng thời cũng tiêu diệt chính mình là vô sản để bước sang một xã hội vô giai cấp cộng sản.

 Đó là Marx muốn cải tạo một xã hội, xã hội công bằng. Còn loài người sống tự do, tự mình làm chủ với mình, khai triển hoàn cảnh thiên nhiên không ai sang ai hèn, xã hội cộng đồng vô gia đình, vô chính phủ.

 Muốn thiết lập một xã hội mới xã hội con người, không phải ở lý thuyết suông, ý thức vu vơ ngoài thực tế, mà cần gấp là phải cách mạng toàn diện bằng hành động đấu tranh.Chỉ có đấu tranh mới thành công, mới đòi lại quyền sở hữu của con người, mà từ lâu bị phong kiến, tư bản, đế quốc bóc lột đàn áp.

 Ông cho các tôn giáo triết học từ xưa nay, chỉ tìm giải quyết thế giới trên lý thuyết không đi đến đâu. Ông nói: sự giải quyết những mâu thuẫn, lý thuyết không thể thực hành được ngoài hành động. Nó chỉ được giải quyết bằng sực mạnh thực hành của nhơn loại mà thôi. Cho nên sự giải quyết ấy không chỉ là công việc nhận thức, còn là một nhiệm vụ sống còn (bởi vì triết học chỉ nhận nó bằng công việc lý thuyết).

 Đường lối hướng dẫn của Marx, muốn đem trí hướng dẫn cho hành, muốn đem hành bổ túc cho tri: “Tri hành hiệp nhứt”. Nhưng ông là người chịu ảnh hưởng của thời đại, không đi đến Đạo Học tâm linh, để dung hòa tinh thần vật chất là một như Á Đông, mà ông nặng về vấn đề hành động, lấy đấu tranh làm mục đích.

 Marx dầu sao cũng gây ảnh hưởng lớn về tinh thần Đạo Học huyền bí của Hégel. Nhưng ông thấy cảnh tượng khổ thống, bất công trước sự đè nén vô nhơn đạo của tư bản bốc lột lao động thợ thuyền, nên ông thấy chỉ có hành động đấu tranh mới thắng lợi, còn đem lòng tốt mà khuyến dụ vô ích.

 Thế thì về triết, yếu lý Đạo Học không hẳn là vấn đề vô ích, nhưng thiết thực là áp dụng vào xã hội con người bằng mơ mộng viển vông, thì phải được cải tạo. Ông còn tuyên bố lời cực đoan: “Không phải ý thức của họ đã định nên cách thức sinh hoạt của nó, mà chính cách thức sinh hoạt đã định nên ý thức của nó”.

1. Ý thức của nó là gì?
2. Chánh trị, văn hóa, luân lý, tín ngưỡng, tôn giáo, ……… Nghĩa là hạ tầng cơ sở kinh tế được vững chắc, thì thượng tầng tầng kiến trúc mới là vấn đề. Nhưng về nguyên lý Vũ Trụ và bản thể con người, nó được đặt ra cách làm sao, vấn đề nầy chưa cấp thiết bằng sự sống còn và đường lối xã hội giải quyết sinh mạng con người.

Nên Engels (Ôn Cách Nhỉ) là người bạn đồng chí của Marx, hai nhà thủ xướng, đứng trên cương vị nhơn sanh. Ông thay lời Marx mà tuyên ngôn rằng: Đành rằng những vấn đề thuộc về bản thể của sự vật thì ta không thể biết được trước. Ta không thể biết được Chơn lý tuyệt đối là chỉ còn một cách, nếu không ngồi mà chờ chết, thì ta đành cam chịu đi săn lấy Chơn lý tương đối còn khuyết điểm để giải quyết vấn đề thiết thực hiện tại.

Thế là chủ nghĩa Marxisme đứng về xã hội vô sản để hướng dẫn đường lối đấu tranh đi đến một xã hội không còn gia cấp, nghĩa là đến một xã hội tối cao. Nhưng mà làm sao mà được dễ dàng như thế. Ta chỉ biết chủ nghĩa Cộng sản là hành động do thời thế đẻ ra. Đó cũng là con đẻ của tư bản đế quốc.

Mã Khắc Tư với vấn đề nhơn loại, xây dựng một học thuyết bao hàm để thanh toán tất cả những tình trạng bất công trong xã hội từ trước đến nay. Học thuyết ấy muốn xâm nhập vào cuộc đời, đánh bại phe thống trị đế quốc tư bản, phong kiến địa chủ, triệt tiêu các bộ máy nhà nước và tôn giáo triết học của bọn chúng.. v ….v….. để đem lại hạnh phúc, tự do, bình đẳng cho xã hội con người.

Xã hội Cộng sản chỉ nhìn có con người lao động mới đủ sức tác tạo, thiết lập một thế giới công bình, khai thác thiên nhiên liên hệ giữa vật giới và nhơn giới. Con người từ lâu bị thiệt thòi áp bức và bốc lột, là vì chưa có một đường hướng chân xác, một tổ chức lành mạnh, một khối óc thông sáng, một bàn tay mạnh mẽ của lao động, nên bị thiệt thòi rẻ rúng.

Phe tư bản ngồi không mà hưởng, người lao động tự thấy sự tạo tác, sự sản xuất, phát minh, chế ngự, đều do sức lao động, không đâu chẳng thấy hiện diện sức mạnh của họ. Họ cần đứng lên sức mạnh đấu tranh lấy lại quyền lợi và sự sống, thu hồi những tình trạng vong thân, vượt lên trên bình diện thực tại, tổng hợp tối cao. Muốn đến chỗ tổng hợp toàn diện, không phải bằng lý thuyết suông, mà phải thực hành. Khi ấy không còn giai cấp nữa.

Học thuyết Marx đã gây nhiều nét rối khó khăn cho người theo nó và người không theo nó. Ngày mà vô sản thiết lập Thiên đường Cộng sản chưa biết có được không. Cũng chưa hiểu Marx lấy bằng chứng nào tổng hợp tuyệt đối mà đảng Cộng sản đóng vai quan hệ đó. Theo lý luận Marx, bộ ba biện chứng thì Marx thừa tự, hoàn toàn lấy lại của Hégel. Marx còn phê bình chống đối Hégel bao nhiêu, nhưng hẳn là con đẻ của Hégel vậy.

Nhận xét sở dĩ Marx là dòng giống con nhà tôn giáo, tiểu tư sản, dầu đôi lúc ở trong cảnh ngộ cùng quẫn thiếu thốn, cũng chưa hề làm thợ làm công. Nhưng Marx đứng về phe vô sản lãnh đạo thợ thuyền đấu tranh, gây một phong trào như sấm vang, như pháo nổ, giải phóng ra ngoài vòng xích nô lệ, là vì xã hội đương thời quá ư thối nát, tàn bạo. Thật là một việc làm hợp lý, song càng đi sâu, càng làm mạnh. Ông chỉ biết có hành động, mà không còn tin tưởng vào đâu, ở ngoài sức người.

Có thể kết luận đoạn nầy bằng lời trong kinh Thánh, cách phục truyền, đoạn VIII, câu 12, 14, 17, 18: “Lại e, sau khi người ăn no, khi ngươi cất lấy nhà đẹp đặng ở, khi ngươi thấy gia súc sanh nở đầy đường, khi ngươi được đầy rẫy vàng bạc và của cải, lúc đó ngươi đừng sanh kiêu căng ……..Ngươi chớ có nghĩ bụng rằng: Tôi có quyền lực như thế là vì sức tôi khỏe, tay tôi mạnh. Hãy nên nhớ Thượng Đế là Chúa của ngươi, chính Ngài đã ban cho ngươi khỏe mạnh như thế và làm cho được quyền lực đó ………”.

**Mục 4. Lý trí học thuyết ngày nay kết quả như thế nào?**

1. **Đạo Học và khoa học khác nhau ở căn bản: Đạo Học căn cứ vào Tâm linh, khoa học vào lý trí**

Đạo Học đông phương và khoa học tây phương đã được thông qua một vài nét chính. Chúng ta cũng nhận thấy phần nào cuộc xây dựng thế giới và nhơn sanh.

Về đông phương, Đạo Học lấy **tâm linh** làm cơ sở đưa nhơn loại vào một cảnh giới đại đồng và thẳng đến tận đích cứu cánh con người là sáp nhập tâm linh với Vũ Trụ làm một. Tạo Hóa vạn vật đồng nhứt thể.

Ở Tây phương, Khoa học lấy **Lý trí** để tìm hiểu thiên nhiên, coi cảnh giới và con người như hai đối tượng, như ta đã thấy một phần quan hệ nói trên vào thế kỷ 17, là thế giới Khoa học thạnh hành nói chung, mà cũng là thế giới của triết lý Descartes đứng lên giũ sạch bao nhiêu xiềng xích trói buộc con người trong vòng Tôn giáo cổ truyền của thời trung cổ, đem lại quyền năng cao cả cho loài người. Người là Thần Thánh, ngoài ra không còn có gì hơn.

Thuyết duy lý của Descartes lấy lý trí làm độc tôn, bất cứ những gì cũng phải xét lại. Lý trí đã giúp cho khoa học quan sát Vũ Trụ thiên nhiên, phát minh cơ giới làm cho xã hội ngày một văn minh phồn thịnh, cho loài người cuộc sống sung mãn thỏa thích tự do. Khoa học có một công năng khai thác tài nguyên sông núi, mở mang kỹ nghệ, trao đổi kinh nghiệm, phá bỏ ranh giới, máy móc thay người tô điểm trang hoàn lộng lẫy. Sống như thế tưởng chừng ở trong cảnh Thần Tiên, nhưng bên trong đầy khốn đốn.

Galilée và Newton vô tình được nhặt những con nghiêu, con sò ở tận nơi đáy biển chơn lý, họ đã thăm dò tìm hiểu Vũ Trụ, nhận định được một định luận nhân quả tương quan tuyệt đối với thờn gian và không gian. Định luật ấy đã đem lại một nền khoa học vật chất đầy đủ, khám phá ra những nguyên tắc cấu tạo muôn vật. Nên nhà khoa học cũng tự hào được những chất hóa học thay cho thiên nhiên, như chất chàm …. , thì cũng có thể cấu tạo con người thông minh tài trí đâu phải khó.

Khoa học trải qua những thời gian kinh nghiệm, đặng tài liệu dồi dào, nội bàn tay khối óc con người cũng đủ đem thiên đường lập lại thế gian, coi Vũ Trụ là một bộ máy. Tất cả động cơ đều liên hệ, họ phân đôi thế giới, làm cho tinh thần vật chất phân ly. Cơ khí càng phát minh, giữa loài người càng phân giai cấp, sự cạnh tranh buôn bán, tiền trao cháo múc, giữa chủ tớ lạnh lùng, phá ranh giới, chiếm thị trường, thì cuộc xâm lăng, nạn chém giết, tưởng chừng từ cổ chí kim chưa thấy lần nào, như các cuộc đại chiến và cách mạng ở Châu Âu.

Khoa học là nguồn sống túc mãn giúp cho con người và xã hội một cuộc đời giàu sang no ấm. Nhưng khoa học do lý trí khám phá, thì lý trí kia cũng lợi dụng khoa học để thỏa mãn cá nhân, đạo đức luân lý không còn giá trị. Sự chia rẽ giữa Trời người, giữa đồng loại mỗi ngày thêm sâu đậm, đã gây một đức tin gang thép ở lòng người, chỉ có khoa học là Thần Thánh bất khả xâm phạm. Khoa học mang cả hạnh phúc an toàn cho cả bốn biển, đem lại tình thương và chia sớt nặng nhọc khó khăn, làm cho nhơn loại hưởng được một cảnh thanh nhàn, đằng vân giá vỏ, độn thổ thăng thiên, cướp cơ Tạo Hóa.

Thật vậy, lý trí thông sáng của con người đã chế tạo khí cụ tinh vi, khám phá những gì bí mật còn ẩn tàng trong Vũ Trụ, để trả câu nói của Kant “bất khả tri”, mà hôm nay không có những gì họ không khám phá được. Nhưng thực tế đâu phải dễ dàng, như các nhà khoa học đã tuyên bố cơ mầu nhiệm của Tạo Hóa, vì luật biến dịch chuyển luôn luôn, không dừng lại một sát na. Khám nghiệm được những cục thịt để trên bàn, đâu dễ như miếng thịt còn trong thân sống.

Khoa học đã đặt một hướng đi quá máy móc. Ở vào thế kỷ 18 19 còn lệch lạc, phiến diện do thuyết nhị nguyên lưỡng cực, bị tư bản con buôn mua chuộc lợi dụng độc quyền, nhân dân sống thiếu tình cảm, đối xử nhau bằng lý trí khô khan. Từ bước ấu trĩ đó, khoa học chuyển qua một giai đoạn mới. Giai đoạn dung thông hòa dịu, đem tâm và vật, cả lý lẫn tình, làm cho khoa học có một cặp mắt tinh thông thấu tận căn cơ Tạo Hóa. Ấy là khoa học tân vật lý vào đầu thế kỷ 20, do một vị bác học Einstein.

Tân vật lý đã chỉ chỗ sai lầm của khoa học máy móc trước đó, chú trọng về vật chất, đánh lạc tinh thần, đem lại cho đời đầy khô khan máy móc.

Khoa học chỉ biết được hiện tượng bên ngoài là phần cạn cợt. Phải đi sâu vào cái bản thể thống nhứt tất cả, gọi là Thiên Lý hồn nhiên, mà ông Einstein (An Tư Đãn) gọi là “Unité – indifférencíee” (Vạn vật nhứt thể).

Ông Einstein nói: “Toutes les perceptions que l’homme e de l’Univers et toutes ses intuitions abstraites se ramènent finalement à l’unité, et la profonde unité cachée de l’Univers est enfin dénu dée”. Nghĩa là: Các việc của con người hiểu biết về Vũ Trụ và những trực giác trừu tượng rốt cuộc qui về một nguồn gốc, và cái Một thân sâu ẩn trong Vũ Trụ cuối cùng sẽ đặng lộ bày.

**b) Kết quả hành động của lý trí học thuyết là tiêu diệt lẫn nhau**

 Lượt qua các nền triết học, về vấn đề nhơn sanh, ta cũng thấy vô cùng quan trọng. Dầu đứng về phương diện đời hay Đạo vật hay tâm, cũng xoay quanh con người mà lập nền tôn giáo học thuyết.

Nhìn vào đối tượng con người, các Hiền triết, các Thánh nhơn nhận thấy con người là trung tâm tổng hợp để giải quyết cho mọi vấn đề, hầu con người có đủ tự do vượt lên tất cả những gì trần trược, thô kịch, hẹp hòi, để trở nên con người hoàn thiện, siêu việt. Thế thì dầu học thuyết nào, tôn giáo nào, đảng phái nào, cũng bởi con người mà có ra, có ra để phụng sự cho con người, không phải có để bắt con người phụng sự lấy nó.

 Song le con người ở thời đại nào cũng hụp lặn trong bể trần sóng gió. Cảnh huống sanh tồn đã đóng khuôn buộc con người trong định lệ, nhận lấy đau khổ, đọa đày lịch sử.

 Chuyển biến qua bao thời gian, con người hướng về tự do tìm về hạnh phúc, hy vọng ở tương lai, hoặc trông ra thế giới bên kia, mà cầu lẽ thật. Song sự thật hiển nhiên mỗi ngày, con người phải nhảy lên sân khấu để đóng lấy những vai chủ khách buồn vui, hoặc làm khán giả để tiếp nhận vào lòng bao điều miên man uất hận.

 Trải qua các thời đại, chư Thánh nhơn và các nhà Hiền triết, các bậc quân tử ưu thời đều lần lượt xuất hiện, đưa ra nhiều phương pháp cung ứng cho nhu cầu. Thuyết nọ chồng lẫn thuyết kia, giải pháp nào cũng linh lung huyền nhiệm. Nhưng thế gian con người chưa chấp nhận một giải pháp nào, làm mục đích, làm cứu cánh, để bốn biển cộng đồng, loài người chung sống.

 Vậy thử hỏi con người Đạo Học đã phác họa như trên. Người là trung tâm của Vũ Trụ, một trong ba tài. Vũ Trụ gồm ba yếu trọng: Trời, Đất, Người. Trời có Thiên Lý, Đất có địa lý, Người cũng có nhân lý.

 Nhân lý ở người là một thành phần quan trọng. Người đã đánh mất nhân lý của người, thì người không còn tự chủ, tự do. Vì đó mà hướng nghiêng về Vũ Trụ Thần linh, hay xuyên vào thế giới hữu hình vật chất, nên lúc nào cũng thấy thiếu thốn, thèm khát ước ao.

 Vì vậy mà nhơn loại trượt theo miếng mồi dục vọng, chụp bắt trên con đường vô định, lạc xa ngoài cương vị nhân bản của mình. Đói vật chất, đói tinh thần, mà có những xâu xé tranh giành gây nên trường xáo trộn.

 Khoa học cơ giới xuất hiện một cách mau lẹ tài tình, cũng vì con người mà phát minh sản xuất mọi ngành mọi mặc kỹ thuật, thiết lập một nền văn minh cực kỳ lộng lẫy. Tưởng tế đã tạo nên tự do hạnh phúc cho loài người, đem Thiên đường xuống thế gian, bốn biển chung một khối đại đồng, cơm no áo ấm, thung dung.

 Chớp mắt đã lên mây xuống biển, dạo khắp hoàn cầu. Máy móc đã thay người sản xuất, không còn vất vả như xưa. Các vật cần dùng tranh trí dư thừa, chế tạo bằng hóa học hay thiên nhiên. Còn hy vọng tạo được khối khôn ngoan, thay trái tim, thể khối óc, thiên hạ tự hào làm chủ thiên nhiên tạo vật.

Nhưng ngược lại Đế quốc tư bản lợi dụng khoa học sản xuất kinh tế, chiếm đoạt thị trường, bóc lột công nhân, mua chuộc chính quyền, gây thành mâu thuẫn trầm trọng ở tại bên trong, mà xã hội bộc nhiên bùng nổ, khói lửa ngấm ngầm. Đến ngày nay, bộc phát cháy từ trời Âu sang đất Á.

 Đó là giữa giai cấp đấu tranh vô sản đòi lại quyền sống cả mình, mà từ lâu tư sản địa chủ, phong kiến đế quốc, lừa bịp bốc lộc tận cùng xương máu, hướng dẫn thợ thuyền đấu tranh giải quyết vấn đề cho con người được bằng hành động để tẩy trừ xã hội bất công, thành phần đối lập.

 Bởi đó, mà xã hội hôm nay bước vào giai đoạn tiêu diệt lẫn nhau, khói lửa mịt mù che lấp con đường sanh lộ. Đó là ý hướng khoa học và chủ nghĩa cộng sản.

**BÀI VĂN VẦN**

**(Chương II)**

 Đạo Học, chương Nhơn sanh nhứt quán,

 Xét duyên do tình trạng hiện thời;

 Hầu toan xây đắp cuộc đời,

 Gia đình xã hội, con người tự do.

 Phúc chưa hẳn cơm no áo ấm,

 Mà phải còn duyên ấm tình xưa;

 Mặc dầu đạm bạc muối dưa,

 Dưới trên duy nhứt, sớm trưa thuận hòa.

 Nếu ai cũng lòng tà, ý dục,

 Thì luôn luôn lục dục ghét ganh;

 Hóa nên thế giới tranh giành,

 Tương tàn, tương sát, bạo hành kể ai.

 Tình trạng cứ kéo nài thảm khốc,

 Phải chưng vì tam độc, vô minh?

 Làm sao hưởng cuộc thanh bình,

 Bao giờ nhơn loại tâm tình cảm thông.

Nay một hội tây đông gặp gỡ,

 Phải dung hòa cởi mở đổi thay;

 Đành rằng trong dở có hay,

 Trong hay có dở, mấy ai hoàn toàn.

 Nay thế giới đương toan quyết liệt,

 Chống đối nhau tiêu diệt lẫn nhau;

 Hết lớp trước đến lớp sau,

 Lý nào cũng vững, cũng giàu khôn ngoan.

 Nào khoa học mở mang kỹ nghệ,

 Lo xây nền kinh tế nhơn dân;

 Nào là tôn giáo triết nhân,

 Quân bình tâm địa, tương thân đại đồng.

 Hiệp kim cổ, tây đông văn hóa,

 Đem văn minh cho cả loài người,

 Gần đây cộng sản ra đời,

 Bình quyền giải phóng, đầy trời đấu tranh.

 Lý thuyết và thực hành cọ xát,

 Thiếu tương quan, liên lạc giữa nhau;

 Thành công tương hệ biết bao,

 Vượt lên tất cả, mà vào Lý Chơn

 Chơn Lý hoàn linh đơn Thánh dược,

 Vạn bịnh dùng ắt được hồi xuân;

 Trung hòa, bác ái vì quân,

 Tự do bình đẳng, nhơn luân vi thần.

 Chơn Lý đã hiện thân đủ mặc,

 Như trăm hoa phơi sắc nhã hương;

 Cảnh xuân xảo diệu lạ thường,

 Nhặt đi một đóa, khỏi vườn hết linh,

Dung thông được thời tình đầm thắm,

 Chênh lệch rồi, gây lắm chua ngoa.

 Có câu: bốn biển là nhà,

 Có Trời, mà cũng có ta cộng thành,

 Xét tình trạng nhơn sanh xã hội,

 Biết tùy thời thay đổi tiến tu;

 Cùng nhau vẹt sạch án mù,

 Dắt dìu ra khỏi trần tù bất công.

 Người xứng người, đứng trong hoàn vũ,

 Người nên người, là chủ lấy thân;

 Người là muôn mặt cân phân,

 Lý tình gồm đủ, hình thần câu diêu.

 Người là đức cao siêu Trời phú,

 Nơi quỉ thần hội tụ là đây;

 Âm dương giao điểm đủ đầy,

 Ngũ hành hóa khí, tam tài trọn nên.

 Tài nhơn gồm đôi bên Trời Đất,

 Trong lưỡng gian, cả vật lẫn tâm;

 Bản lai nhơn bản là mầm,

 Duy vật âm thức, duy tâm dương thần.

 Trọn bốn đức: Nghĩa, Nhân, Lễ, Trí,

 Đủ năm hành, tú khí xoay quanh;

 Triển khai tánh thể trọn lành,

 Tham thiên, tân địa, tài thành Hóa Công.

 Tâm thanh tịnh dung thông được Đạo,

 Đạo nhiệm mầu hoài bảo thiết tha;

 Dữ lành muôn việc ở ta,

 Chọn đường tiến bước, rộng mà vào sâu.

Phật giải thoát lấy đầu làm mối,

 Lấy từ bi độ rỗi chúng sanh;

 Trung dung, Khổng Thánh chí thành,

 Tu, tề, bình, trị, thực hành: Nghĩa, Nhơn.

 Lão vô vi, Thiên nhơn thanh tịnh,

 Pháp quyền đồng thuận tánh tự nhiên;

 Gia Tô bác ái thừa thiên,

 Đặt lòng ở Chúa, kiền kiền đức tin.

 Rộng ra nữa, trăm nghìn học thuyết,

 Đủ muôn phương quán triệt lẽ đời;

 Mở mang khai hóa cho người,

 Trăm hoa đua nở, tốt tươi lạ lùng.

 Cốt là phải chấp trung hợp Đạo,

 Biết dung hòa cải tạo thế gian;

 Văn minh kỹ thuật mở mang,

 Tinh thần Đạo Học trực quan siêu phàm.

 Nguồn Chơn Lý bao hàm mọi mặt,

 Chứng lẽ nầy, hoặch đắc Chơn tâm;

 Vọng duyên xướng khởi mê lầm,

 Vô minh tạo nghiệp, luân trầm tử sanh.

 Người mất gốc, lanh quanh chụp bắt,

 Nào hay đâu nhận giặc làm con;

 Quẩn quanh một kiếp sống còn,

 Hủy thân chà đạp non sông, đồng bào.

 Cũng vì bởi tự hào khôn khéo,

 Cũng vì toan gọt đẽo sửa sang;

 Làm cho trên dưới loạn hàng,

 Tưởng đâu trong giấc mộng tràng là Chơn.

Nay nhằm buổi Hạ Ngươn mạt kiếp,

 Phật, Thánh, Tiên đến kịp cứu đời;

 Chỉ Nam Đạo Học dạy người,

 Con đường duy nhứt tốt tươi dung hòa.

 Dung hòa được mới là Chánh Pháp,

 Pháp nhiệm mầu qui nạp cổ kim;

 Ở đâu, mà nhọc mà tìm,

 Lặng lòng sẽ thấy, nghiệm chiêm hiện bày.

**THI**

Bày ra trước mắt có đâu xa,

 Mắt cửa lòng ta rất nhiệm mầu;

 Lòng được lặng yên thì mắt tỏ,

 Tỏ lòng, tỏ mắt thấy cao sâu.

**CHƯƠNG III**

**ĐẠO PHÁP NHỨT ĐƠN**

**THI**

 **Đạo** sanh người vật, đạo thành Tiên,

 **Pháp** dạy môn tu, tác Thánh Hiền;

 **Nhứt** quán suốt thông cơ Tạo Hóa,

 **Đơn** thành Chánh Giác tự do quyền.

**TIẾT I. THIÊN MẠNG**

 **Mục độc nhứt. Công dụng của Đạo Pháp chỉ nam là Nhứt Đơn**

**a) Kinh văn**

 Đạo Học Chỉ Nam đã được diễn tả hai chương về Vũ Trụ và Nhơn sanh, để chư Thiên Ân và các thiện tín đạo đồ về sau nương đó, mà phăng vào cửa huyền vi Chánh pháp. Đã nhận được nhứt nguyên của Vũ Trụ, nhứt quán của Nhơn sanh, thì bước vào nhứt đơn của Đạo Pháp, không còn bợ ngợ khó khăn. Nếu Đạo Pháp được cái lý nhứt đơn, thì sự “Dung hòa nhứt lý” ở chương IV sau nầy không còn trở ngại.

 Vì sao?

 Vì cớ đắc đơn nhập Thánh thì mới hiện được cái thể dung hòa, thì sự đời có rối răng, lòng người có phức tạp đến đâu, tưởng không còn trở ngại.

 Nếu sự dung hòa không phải ở lý thuyết suông, mà ở cái tướng ở Đạo Pháp đã hình hiện, không vật nào chẳng cảm mà hóa theo. Thế nên về chương “Dung hòa Nhứt lý” phải được chứng minh cụ thể ở con người thành Đạo, do đắc chứng chương III nầy vậy.

 “Đạo Pháp nhứt đơn”, theo chương nầy gồm hai nghĩa

1. Đạo cũng như Pháp, Pháp cũng như Nhứt, Nhứt cũng như Đơn, nghĩa là bốn chữ nầy đồng một nghĩa như nhau.
2. Phật gọi bằng Pháp, Tiên gọi bằng Đạo, Thánh gọi bằng Nhứt. Đạo, Pháp, hay Nhứt đã nói ở 2 chương đầu là cái lý sơ nguyên bổn thể, song chỉ có chữ Đơn () lại là chung hoàn duy nhứt sẽ giải sau.

Đây chỉ nói đại cương về phần dụng của chương nầy là Đạo. Đạo là bản thể phổ biến khắp nơi, Pháp là phương môn qui nhiếp, Nhứt là Nhứt khí hoàn đơn.

**Chú ý**: Đạo Học Chỉ Nam không có cái phần **Minh Thiện** phối đồng Thiên Nhơn, cũng khó tránh phần trở ngại. Mong sao sự cố đặt nặng về phần tiếp kinh cho trọn. Nếu sự hiểu của Đạo tâm chưa thấu suốt, khó tiếp chỗ yếu lý phân quyền. Nên đàn tôi mời Minh Thiện ngồi sát bàn cơ, để dạy về phần “Hoàng Cực Đại Trung”, mà nếu trở ngại, thì phải có 1 người như **Huệ Lương** mới tạm được. Ngoài ra đạo hữu không ai đủ thần mà nhận lấy bí cơ.

**Mục 2. Đơn chẳng riêng ngoài Thiên mạng, là Lý tuyệt đối của Vũ Trụ**

**a) Kinh văn**

 Con người sở dĩ được cái quyền năng tối thượng như thế kia, là do Thượng Đế ban cho một phần nguyên lý làm bản tánh, tự tạo, tự hóa ở nơi mình. Bản tánh ấy đồng thể cùng Trời, đủ cương kiện trung chính, khuôn thước rất mực. Con người nhờ đó mà thông đạt tận lẽ huyền vi cơ nhiệm, tu chứng đến quả vô lậu Viên minh Phật vị.

 Đây lấy câu: “Thiên mạng chi vị tánh, suất tánh chi vị Đạo, tu đạo chi vị giáo”, chứng minh cái linh năng, toàn chơn toàn thiện của con người. Người thọ bẩm cái nguyên lý đó theo của Trời Đất gọi là tánh. Tánh ấy là bản căn nguồn mạch của con người. Bởi đó mà người mới được đứng trong địa vị tam tài.

 Bây giờ, ta thử ngược lại dò xét nguyên lý ấy như thế nào.

 Thiên mạng: **Thiên** đây là nguyên lý bản thể của Vũ Trụ, là Đạo, là Thượng Đế. Khởi ký thỉ, nguyên lý đó theo các nhà Đạo Học gọi là: Vô Cực hay Thượng Đế. Đấng Tạo Hoá tự hữu nhi hằng hữu, nghĩa là tự có ra và tồn tại, vĩnh cửu bất biến. Khi Vô Cực động thành Thái Cực, thanh trược hiện thành Vũ Trụ vạn vật.

 Liệt Tử nói: “Hữu sinh bất sinh, hữu hóa bất hóa. Bất sinh giả năng sinh sinh, bất hóa giả năng bất hóa hóa, cố thường sinh thường hóa. Thường sinh thường hóa giả, vô thời bất sinh, vô thời bất hóa, âm dương nhỉ, tứ thời nhỉ. Bất sinh giả nghi độc, bất hóa giả vãng phục. Vãng phục kỳ tế bất khả chung, nghi độc kỳ Đạo bất khả cùng.” **Nghĩa là: Có sinh mà chẳng có sinh, có hóa mà chẳng có hóa. Cái chẳng sinh đó mà hay sinh sinh, cái chẳng hóa có mà hay nói hóa hóa. Cái sinh kia không thể chẳng sinh, cái hóa kia không thể chẳng hóa, cho nên thường sinh thường hóa. Cái thường sinh thường hóa đó, chẳng thời nào mà không sanh, chẳng thời nào mà không hóa.**

 **Cái sanh kia là âm dương, cái hóa kia là tứ thời (bốn mùa)**

 **Cái chẳng sinh đó là “nghi độc” (phi nhứt phi đa), cái chẳng hoá đó vãng phục (qua qua lại lại). Vãng phục cái thời kỳ đó không biết lúc cùng, nghi độc cái đạo nầy chẳng có thể dứt (Vãng phục như tuần hườn, nên không có chung thỉ; lại nghi độc là phi nhứt phi đa, làm sao mà nghiên cứu rõ được?).**

 **Đức Thánh Trần nói: Vậy nên giải rộng một tí, nghĩa là: Đấng Thượng Đế không do ai sinh, mà Ngài sinh ra vạn vật. Không do ai hóa ra, mà Ngài hóa muôn sự ……………..** (Xung Hư Chơn Kinh. Đệ nhứt Thiên Thụy).

 **Thiên** cũng có nghĩa là thiên nhiên công lệ, luật tắc ấy bao trùm: cả Vũ Trụ vạn vật, mà vật nào cũng phải tuân theo, âm dương tứ thời đều luân chuyển biến hóa trong công lệ tắc yếu đó. Luật ấy dường như ngấm ngầm trong vạn vật, tuy không khiến, song đâu có cũng hành động trong điều lý trật tự của thiên nhiên.

 Về chữ **Mạng,** là mệng lệnh tuyệt đối phú dử ở người là **Tánh.** Tánh ấy đồng thể cùng Thượng Đế (Đạo), gồm đủ toàn năng chí thiện, cùng Tạo Hóa là một. Tạo Hóa sáng tạo nên Vũ Trụ, con người cũng sáng tạo nên hành vi cả nó nơi trong Vũ Trụ và những hành vi đó giúp vào việc hoàn tất công việc sáng tạo của Tạo Hóa nơi Vũ Trụ.

 Thế là con người có ra rất cần thiết, không phải như vạn vật sống trong công lệ tất yếu của nhơn quả, mà còn có một giá trị tự do. Tự do ấy vượt lên tất cả những gì trong Vũ Trụ là thời, không. Tự do tuyệt đối không bị một luật tắc nào, không bị hoàn cảnh nào chi phối, không chịu một mệnh lệnh nào.

 Về tri giác cảm năng của nó, có đủ toàn quyền định đoạt, nên bản tánh ấy là bản thể của Trời Đất, có một không hai. Người mà đạt đến bản thể tự tánh của mình, thì đồng quyền cùng Tạo Hóa. Nên trong quẻ Thái có câu: “Tài thành Thiên Địa chi Đạo, phụ tướng Thiên Địa chi nghi, dĩ tá hựu dân”. Đó là con người đã chứng được Đạo, đã tận được tánh, đã cùng Tạo Hóa mà hoàn tất công việc sanh thành.

 Nên hiểu hai chữ Thiên Mạng. Thiên tức là luật tắc, lẽ tự nhiên mà Vũ Trụ phải tuân theo luật đó. Còn mạng là vượt lên luật tắc, để điều lý tiếp trợ cho vạn vật thành tựu, Trời Đất trọn nên.

 Đây phải hiểu câu Thiên mạng chi vị tánh. Thiên mạng gồm hai mặt, trong đó có một Lý tuyệt diệu, tuyệt huyền, không phải **Thiên** mà cũng chẳng phải **Mạng**, mà Thiên mà Mạng, như câu của Liệt Tử: “Phi nhứt phi đa”.

 Mệnh lệnh đã ban cho người (tánh), người có quyền như một chủ soái điều khiển muôn binh, chỉ huy mọi mặt. Lịnh đó đã về người, thì người thay Trời mà hành động, nên gọi là **Mệnh** (Mệnh tức là Mạng).

 Con người phải sống theo bản tánh của mình, là sống theo mệnh lệnh đúng với cơ Trời Pháp Đạo, thì mới đạt được nhân phẩm, nhân linh. Song hỏi thử loài người ai đã sống theo bản tánh của mình không? Hay hầu hết theo sự dục vọng của tình thức, trí lự của giả tâm, bị hoàn cảnh lôi cuốn, con người cuồng loạn, lăng quay theo bánh xe nhân quả mờ mịt nào thấy gì quyền năng giá trị của mình.

**Chú ý: Chỗ nầy như trái tai nhiều người, phải không Minh thiện?**

 **Minh Thiện bạch: Ý muốn nói: Thiên là luật thống ngự cả vạn vật. Mạng là Thượng Đế (Le prenier Etre) độ dẫn chúng sanh, nhưng cũng là một bản thể, không phải hai ngôi riêng biệt. Phải chăng là Nhứt vật lưỡng diện?**

****

1. Minh Thiện bạch: Phải chăng trước có âm dương, rồi sau mới có thiên địa là hình tướng.
2. Âm dương là động cơ Tạo Hóa, còn thiên địa là hình thể của Tạo Hóa, có âm dương rồi mới có Trời Đất, song Trời Đất cũng là âm dương.
3. Minh Thiện bạch: Còn Thượng Đế là Thái Cực, nên Dịch nói Thái Cực sanh lưỡng nghi.
4. Phải, Thái Cực.
5. Minh Thiện bạch: Thượng Đế là nội tại hay là ngoại tại?
6. Thượng Đế gồm hai phần: nội tại và ngoại tại. Đã nói thiên luật tắc, mạng tự do, thế nội tại là tánh, ngoại tại là không, thời biến hóa. Theo hiền hữu nghi sao?
7. Minh Thiện bạch: Nếu Thượng Đế chỉ là nội tại, mà không có ngoại tại, còn thiếu ngoại tại, thì chưa phải là Thượng Đế, vì Thượng Đế có đủ vô lượng tánh công đức.
8. Đúng vậy!

À, Minh Thiện hiền hữu! Bản Thánh muốn nói lược chương trình mục nầy, ở Đạo Học Chỉ Nam, bàn đến phần tổng hợp của Vũ Trụ. Phần nầy khó nghe, mà cũng khó nói, chia làm 3 thời.

Dầu có nói đạo đức, nghĩa nhân, có làm điều lành điều phải, cũng vì cảm tình dục vọng bên trong, nên thuận nhận tập tục bên ngoài. Vì phần đông, vì thế ước, vì thương, vì ghét, toàn là lý trí của con người. Đâu phải đó là lương tri, đâu phải đó là bản căn chơn tánh! Ma đã lấy lý trí đo lường, thì sự hiểu biết con người hữu hạn, đâu thấu đến bản thể mầu nhiệm cô cùng! Nếu con người lấy giả làm chơn, nhận ý thức hậu thiên cho là tuyệt đích, thì không sao có được tự do, đạt thành nhơn bản.

À, Minh Thiện hiền hữu! Bản Thánh muốn nói lược chương trình mục nầy, ở Đạo Học Chỉ Nam, bàn đến phần tổng hợp của Vũ Trụ. Phần nầy khó nghe, mà cũng khó nói, chia làm 3 thời:

Thời thứ nhất: tạo thiên lập địa, do nguyên trung bản thể xuất hiện gọi là định đề;

Thời kỳ thứ haiKế đó thời kỳ thiên, kế đó thời kỳ địa là khoa học văn minh cơ khí xuất sanh, các trào lưu học thuyết nổi lên định nghĩa (phản đề?);

Đến thời kỳ thứ ba: nầy là nhơn, là con người xuất hiện, con người hoàn thành công cuộc Tạo Hóa, con người đem lại thanh bình đồng nhứt gọi là tổng hợp đề.

Thời thứ nhứt là thời đa linh thần thoại. Thời thứ nhì là cơ xảo văn minh, nghĩa là Chúa cha ngôi Một, Chúa con bên hữu, Chúa Thánh Thần bên tả, nghĩa là: thời nhơn hòa xuất hiện Hoàng Cực siêu linh.

1. Ý hiền nên đưa ra hay chờ sự biến chuyển của thời gian, đến tập Chơn truyền sẽ nói?
2. Hiền Huệ Lương nghĩ sao?
3. Huệ Lương bạch: …………….
4. Ý hiền Minh Thiện nghĩ sao?
5. Minh Thiện bạch: Phải! Thời kỳ nầy là thời kỳ Hoàng Cực hay là Chúa Thánh Thần (Saint Espeit hay Esprit Saint). Esprit saint là Chúa giáng trong tâm người, nên tâm người mới đặng sáng suốt, mới chứng quả cao siêu, ngang hàng cùng trời đất.

Đây chỉ là lượt qua, song vào mục 3 sẽ nói rõ con người muốn đạt đến nhơn vị, là phải thấy tánh của mình.

Bây giờ bước qua câu 2 và 3: Tánh và Giáo.

Tánh và Giáo chia làm hai phần. Về Thiên Đạo và Nhơn Đạo, cũng như câu tự giác giác tha, thành kỷ thành nhơn, để cho con người có ý thức rõ ràng trên con đường tu đạo: Xuất thế gian và nhập thế gian.

Hoàng Cực là chi? Có phải Nhơn cực không? Nếu theo nghĩa Lão Tử Đạo Tổ, thì “Cố Đạo đại, Thiên đại, Địa đại, Vương đại, vức trung hữu tứ đại, nhi vương kỳ nhứt diên”. Nghĩa là: Cho nên Đạo đại (lớn, Trời lớn, Đất lớn, Vương (vua) cũng lớn. Trong mỗi vùng có bốn đại mà Vua là một trong đó vậy). Đây là Hoàng Cực, mà Vương cũng là người, nên cần đưa ra ở Tiết 3 chương 3. Nói về “Hoàng Cực Đại Trung”, là để cho thấy rõ một nền đạo mới, có một học thuyết mới và để đi đến một cuộc đời mới.

**b) Trùng tụng**

**Bài**

 Quyền tự do người người đều có,

 Bởi vì người buông bỏ lãng quên;

 Tự do là cái móng nền,

 Móng nền nhơn bản vững bền trung kiên.

 Mất nhơn bản thất điên bát đảo,

 Chịu tử sanh phiền não vô minh;

 Bản căn tánh mạng của mình,

 Để cho lục dục, thất tình nhiễu nhương.

 Làm mất cả tình thương lẽ sống,

 Mất tương quan, hư hỏng kiếp người;

 Hỏng lây, xã hội cuộc đời,

 Gây nên hỗn loạn tày trời gớm ghê!

 Khuyên người mau trở về nhơn vị,

 Là hưởng cơ bình trị muôn lành;

 Chúng sanh người bực thượng sanh,

 Sánh cùng Trời Đất xứng danh Tam Tài.

 Thiên Địa lý không ngoài Nhơn Lý,

 Lực trí tài đâu quí bằng tâm;

 Được tâm mau gắng giữ cần,

 Giữ tâm cho đủ, mất tâm không còn.

 Tâm là Đạo vẹn toàn đầy đủ,

 Đạo là tâm quản chủ Kiền Khôn;

 Dân có Đạo, nước có hồn,

 Không hồn không đạo, được tồn tại đâu?

 Đạo như tâm là đầu muôn sự,

 Mất tâm rồi hỏi thử ra sao?

 Thế gian nhơn loại đồng bào,

 Sống trong hỗn loạn khác nào nhộng sâu.

 Đạo không đâu, mà đâu cũng có,

 Lớn không ngoài mà nhỏ không trong,

 Khắp cùng vô tận mênh mông,

 Nhiếp thâu nhờ Pháp huyền công dạy truyền.

 Hoàn trở lại bổn nguyên sơ thỉ,

 Cởi mở lòng sự lý viên dung;

 Tinh ròng trung nhứt Đạo Trung,

 Kết đơn nhập Thánh, vào trong Thái Hòa.

 Thái hòa một khí kết thành đơn,

 Qui hiệp âm dương lại nhứt ngươn;

 Pháp Đạo được thông nhờ giác ngộ,

 Quyết lòng bỏ giả, trở về chơn.

**Mục 3. Thiên mạng trong người là Bác Nhã**

**a) Kinh văn**

 Nhơn loại ngày nay đã mất hết lẽ sống, lâm vào một tình trạng nguy ngập vô cùng. Quyền sống của con người bị hất bỏ ra ngoài, thì mỗi lúc trở nên khó khăn, khổ sở vô cùng, khác nào người đứng trên đỉnh núi sa chơn xuống vực thẳm ngàn trùng, chới với quơ quào tìm một thế vịn, không sao như ý. Sức lăn càng dữ tợn, lòng sao khỏi hồi họp kinh khủng, chưa biết tấm thân tan rã nghiền nát như thế nào, chắc chắn trăm phần trăm không thể tránh được.

 Sự sống từng phút từng giờ thấy còn xa xa mãi, bao giờ gặp lạo sự sống đã mất rồi, thì Thần chết chốc sẽ hiện ra. Hiện ra không phải ở một vùng, một thân, mà khắp cả hoàn cầu trên trần đời, đâu đâu cũng chán chường gêm gớm. Từ lâu quyền sống ở cùng người. Người nhờ đó mà yên lành, tự do cộng đồng cùng Trời Đất, thanh thú cùng tháng ngày. Quyền sống cùng con người dích chặt vào nhau, như bóng theo hình, sửa hòa cùng nước.

 Cũng vì người nóng tâm với một ảo vọng rùng rợn, mà tách hẳn sự an lành, đeo đuổi vượt theo những bóng hình ngoại cảnh, tưởng vật sẽ thắng đạt nhiều danh vọng kỳ công. Song càng bước đến bờ vực thẳm để lao mình sụp xuống hố sâu, khám nghiệm cái gì bí mật đương dấu quanh trong hang tối, mà họ vô tình buôn hẳn quyền sống, chẳng cần mang theo ý nghĩ. Họ buôn cái này để vớ cái kia, không ngờ là ảo vọng.

 Con người cùng Trời Đất là ba thể huyền đồng, ba ngôi duy nhứt. Nếu không cảm thông, không giác ngộ, sự sống chết tự do được hiện trình thần bí, không đủ người tin là căn cơ, không còn là điểm đích trông về cứu cánh. Căn cơ đó là bản thể của ba ngôi vừa nói. Chính nó mới thực là trung tâm nguồn gốc của Vũ Trụ và con người. Lòng tin vô thần linh năng của Vũ Trụ xuất hiện nơi tôn giáo và triết nhân, mà tâm địa là mầm sống bị khô khan, nên thay vào bằng lý trí. Con người được ánh sáng phản chiếu lờ mờ, nương đó mà lần mò lãnh vực Địa cơ khoa học.

 Thiên cơ phải lui bước vào địa hạt âm u, thì Địa cơ vô tình xuất hiện. Xuất hiện một cách cái hùng, sức mạnh tung hoành, đánh bạt thần bí thiên nhiên không còn lẩn quẩn bên người, mà người cũng coi đó lại là nối thâm thù từ ngàn xưa, như Trời cho họ một cái ách nặng nề, khó chịu.

 Khoa học đã chào đời. Thiên hạ hoan hô cho là một vị thần tuyệt đỉnh, thay vào sự sống còn quang lệ, mới mẻ nhiều, mà cũng thật huy hoàng, trật tự chi chi đặt để đâu đó phân minh, việc làm đâu đó hẳn hòi, nên kêu là khoa học.

 Khoa học là con đẻ của Địa tài (Địa cơ). Tài của Địa đâu phải là mơ mộng, u huyền, thần bí như tài thiên, mà sự mở mang lanh lẹ vô cùng xảo diệu, không một bí mật nào chẳng được khai quật, khám phá hẳn hòi; không một màu nhiệm nào mà chẳng phanh phui, lộ tẩy cái thành công thay Tạo Hóa, hóa hóa vô cùng thông thiên đạt địa, tạo đủ phương tiện cần thiết mà dùng.

 Nhưng than ôi! con người bị lý trí thay thế cho tâm linh, tuy khoa học là hoàn thiện của lẽ đời, dầu có khai sáng được nhiều tài nguyên, khai thông được nhiều bộ óc khôn ngoan, kỳ diệu, nhưng khôn ngoan cả lý trí là khôn ngoan bản thể chia cắt làm nhiều mảnh, không bao hàm rộng lớn, chung đúc một khuôn hình thần bí như tâm linh, nên càng sáng chế, càng mở mang, càng gây nhiều xáo trộn trong lòng đời, nhơn loại chưa biết đến đâu mới được an toàn, bình định.

 Trải bao nhiêu năm, nhờ những tay hướng đạo khéo lợi dụng thời cơ, đặt mình trong quyền pháp, gia tâm tu học, mà bảo trì cơ Đạo. Cũng nhờ lòng tin của toàn đạo, đã cùng nhau đãm nhiệm công cuộc hoằng pháp lợi sanh. Nhưng sứ mạng lần nầy, cả một chương trình cách mạng lớn lao, mới có thể tái tạo một cuộc đời tân dân minh đức, nên đòi hỏi con người của chúng ta một cách quá sức tưởng tượng, hơn mức thường, mới có thể gánh nổi quyền pháp cho nền đạo Minh Lý.

 Cần có người hội thông cơ mầu nhiệm, giác ngộ được vai trò, không cần sức mạnh, không cần tìm cầu, mà cũng không cần trí khôn. Cần ở tấm lòng duy nhứt làm một cùng Trời Đất, trải khắp trong Vũ Trụ vạn linh. Muốn có lòng ấy phải gạt bỏ tất cả sự tướng bên ngoài, tình thức vướng víu bên trong, thì gánh nặng này mới mong làm tròn phận sự.

 Đã nói viên gạch được nhồi nắn nên khuông hình, là nói chư đạo tâm biết uốn nắn mình theo đúng khuông viên đạo pháp. Đó là bước đầu được vậy cũng là một sự hy hữu hơn nữa là viên gạch được nung đúc cho chín, mọi đủ bền chắc mà chịu đựng mọi sức nặng ép khó khăn. Đã khuôn nên hình, nhưng phải đặt vào lò mà nung cho chín, mới có thể dùng được vào sự cần thiết cho công cuộc xây dựng lâu đài Minh Lý, làm cơ chỉ cho nhơn sanh, nghĩa là học được Đạo, giữ lấy Đạo, cần phải tu cho thành Đạo.

 Đạo Minh Lý phải chỉ cho mọi người bằng ngôi chùa cao, bằng pho kinh, bằng số người đông đúc, mà phải bằng con người đắc chứng quyền pháp làm cho bản thể chơn linh. Tâm ấy viên dung, cùng Vũ Trụ vạn vật làm Một. Tâm ấy không phải ở ngoài Trời Đất, mà chính ở nơi người. Sở dĩ tâm ấy không hiện ra được là bởi tình thức án che, vì tại con người chưa tin được mình có cái tâm ấy đồng hành cùng Trời Đất, thông tuệ vô biên, mà chỉ nhận lầm cái tâm thức biến trá đa đoan hẹp hòi, chấp nhứt, nên địa vị con người không sáng cùng Trời Đất, mà hoàn thành cơ Tạo Hóa. Vậy sứ mạng nầy há đợi chờ ai, mà không mạnh mẽ đoạn dứt những thường tình bó buộc, làm trở ngại bước tu?

 Tôn giáo đã thất bại, khoa học nền móng cũng bị sụp đổ, rung rinh, thiên địa bị chia lìa, vật tâm thành cách biệt, nên hoàn cầu nhơn loại bị dồn ép đủ mọi khổ đau. Vai trò sứ mạng ngày nay là đến giai đoạn đạo người được hưng khởi, để hoàn thành cho Vũ Trụ vạn vật đóng lấy vai tuồng tổng hợp. Đâu phải việc nhỏ hẹp nói suông, mà cốt hình hiện con người. Con người đứng giữa Trời Đất, làm móc nối cho Càn Khôn dựng đạo Thái Hòa, mà từ lâu các Đấng tiên tri, các lời Thiên khải đã báo tin cho biết: ngày nay là ngày hoàng kim chí thiện.

 Đường đời muôn nẻo, biết không ai để dẫn lối đưa đường. Thiên hạ đã chán chường ngao ngán, biết bao nhiêu kẻ đã dẫm phải cạm bẫy, lui không được, tới không xong. Lòng người mất cả tin tưởng vào những tổ chức, mặc dầu mang một hình thức nào, cũng là ngụy trang lừa bịp. Tôn giáo, chánh trị, khoa học và đoàn thể xã hội cũng là một phù hiệu giả bài, nên nhơn loại như đứng ngã ba đường, thật là một bi quan khủng khiếp.

 Người đã mất lòng tin, không một tổ chức nào có sự sống quân bình, một lòng thương trọn vẹn,mà còn gây lắm nỗi bi đát, mờ mịt trên trần đời! Thần quyền đã hí lộng, dị đoan mê hoặc, tạo nên một xã hội đen tối. Lịch sử thần thoại, lắm chuyện hoang đường. Lý trí con người lần hồi phục tỉnh, trông về cảnh giới khoa học, thấy được ánh sáng long lanh có nhiều thực tế. Nên ai nấy cũng tỉnh ngộ đời sống, cho mình lầm lạc chìm đắm trong tôn giáo hữu thần, làm trở ngại cho con người chậm bước trên cuộc tiến triển chung.

 Ngôi sao khoa học đã hiện ra, ai cũng hướng mạnh vào đấy, để nhờ sự cứu tinh ban ơn che chở, chắc đời người và tương lai đầy đủ hạnh phúc tự do, áo cơm no ấm, nhưng rồi cũng bị thất bại chán chề. Cơ giới khoa học đã gây nên sóng gió, ào ào phản lại con người mà đẩy bước đời vào lối bí không đường. Vì nạn bè phái, họa giai cấp chiến tranh, mà nhơn tâm ly tán.

 Ôi! Tôn giáo và khoa học là một con đường bình phẳng, đưa bước con người tìm lại nguồn hạnh phúc tự do. Đó là một lợi khí làm phương tiện, để thông giao trở về đất Mẹ. Ngặt vì khoa học tôn giáo chưa thực thi đúng với cái sứ mạng, cái bổn phận của nó, hoặc vì những kẻ giả mạo xưng đánh lạc hướng đi. Thứ nữa, trình độ con người còn so le thấp kém, chưa nhận được đó là phương tiện, mà coi bằng mục đích, rồi vong thân đóng mình trong đó, để cầu sự sống trọn bên ngoài.

 Đã đành trong cái hay có muôn vàn cái dở, hay dở chẳng lìa nhau, mà hay dở tựu trung cũng cả ở lòng người. Tai biết nghe mà người mới nhận xét. Lòng người lại đa đoan, động vọng bất thường, nếu hấp tấp thiếu cân đo, có thể lý trí bị ngoại tà ám ảnh, cũng không phân biệt được gì. Bởi vật mà mọi sự tham cầu không lầm sao thoả mãn, đâm ra thất vọng nhi ngờ, tự mình phản lại mình, nhận lấy trăm điều chua chát.

 Mất lòng tin ở tôn giáo, tưởng cậy có khoa học để nương thân tạo lại đời sống oai hùng, nhưng rồi cũng mất nốt sự sống ở đây, đành bơ vơ ngột ngạt trước bầu không khí đông tây xáo trộn. Thân tàn ma dại, không để yên, cuộc sống như xác không hồn, họ chợt thấy những chớp sáng nơi lòng bừng tỉnh, đứng lên hô to cùng đồng loại là Chơn Lý ở người.

 Người là sức mạnh, là uy quyền, là tiền phong mở đường sanh lộ cho xã hội, cho loài người, cho tương lai hoàn thiện, là con đường hiện sinh, con người là chủ nhơn ông cho cuộc sống thanh bình, toàn sanh duy nhứt. Mục đích cao tột chính xác là thời đại của con người. Nếu người biết ngược dòng đời, hướng trọn vào thân tâm để hội thông cùng Vũ Trụ, thì người là giai đoạn xuất hiện để tiếp nối dòng suối bao la, đến tận biển cả mênh mông, hòa hợp cùng muôn sông ngàn rạch, chung một màu thân biết.

 Song mà người đã nói đó chưa được vươn mình đứng lên, mà còn trong thời kỳ phôi thai, ẩn mình nơi miếng đất hoang vu, chưa mấy ai để ý. Người đó là người được phục sinh, người đóng vai duy nhứt cho xã hội con người không còn bất bình. Nhưng không phải người mà hiện nay gọi là hiện sinh, sống bằng lý trí, rồi đoạn tuyệt guồng máy Tam Tài, lãng quên nguồn suối u linh, rào rạc ở cõi lòng, chờ có dịp là tuôn trào, chờ con người quả dục thanh tâm, biết nhận được bản căn hồn nhiên siêu thức.

 Thấy được căn bản hồn nhiên siêu thức là người đã vượt quá tầm mức của lý trí. Lý trí có khôn sáng đến đâu, cũng đóng khung trong một định giới của hiện thức, không ngoài sáu giác quan. Mà giác quan đã ở trong con người xương thịt, thì chỉ quán thông ở một định giới hữu hình, chưa phải kiến thức, học thức hay nói chung là trí thức, cũng khó làm sao xuyên qua các chướng ngại của sắc trần.

 Tuy nhơn loại hiện nay đã tiến bộ, khôn sáng gấp mấy ngày xưa, nhưng khôn sáng ấy do căn trần cọ xát nhau, mà phát sanh ý thức, hoặc vì nhờ học hỏi mà thâu thập kinh nhiệm người xưa ở trong sách sử, hoặc nhờ thấy xa nghe rõ, nhận xét sự sinh hoạt trong xã hội, kinh nghiệm bản thân như xuất quân trị nước. Đó là học mà biết, thấy nghe mà biết, tuy sáu căn mầu nhiệm khôn sáng khó lường, dầu nói hữu hạn, nhưng thiên hạ mấy người đứng tới trọn. Người ấy thế gian gọi là một bực Nhơn tài.

 Song sự tiến bộ của thời đại ngày nay mới khai triển đến chỗ giác quan thứ sáu mà thôi. Tuy văn minh diệu thuật, cũng chứa đạt đến tiềm thức sâu rộng bao la.

 Tiềm thức là một một khối khôn sáng bao hàm, chẳng những kinh nghiệm nhiều đời trong một thế giới bé con nầy, mà dòng thức giác đã trải qua vô lượng kiếp ở các cõi Trời, người, phi, tiềm, động, thực, đều hiện diện của thức giác, nên sự biết rất giàu bao nhiêu kiếp, nhiều đời. Họ đã tích trữ ở thân tâm, mà tạm gọi là Tiềm thức.

 Tiềm thức mỗi khi được cơ hội, phát ra sự mầu nhiệm đó kỳ diệu khó lường, có thể nói tồn thần xuất hóa. Dầu một câu thơ, một bức họa, một khúc sáo, một bản đờn, cũng có thể làm cho Trời rung đất chuyển, quỉ khiếp thần kinh, nước sông dưng tràn, lửa dậy, cho chí mưa đổ gió tuông, thú cầm hợp tụ.

 Người mà chứng đến Tiềm thức cũng sáng hóa, sự diệu dụng như thần, nên thế gian gọi là bực Thiên tài cái thế. Những nhà phát minh chế tạo, những bực tu sĩ chỉ đá hóa vàng, phân thân du hí, mà kết quả là do những phút trầm tư, những ngày thiền định.

 Song đó cũng còn nằm trong phạm vi hữu tướng, chỉ biết được những quá khứ mà thôi, như Dịch Kinh có nói: “Trí giả tàng vãng”. Còn người chí nhơn quân tử muốn thấu đạt chỗ “Thần giả tri lai”, nên phải đi sâu vài gố sanh, nguồn đầu, là “Bản lai diện mục”, nghĩa là vượt lên khỏi Tiềm thức, mà vào nơi Siêu thức, để chứng nhập vào toàn triệt Bác Nhã ba la. Được vậy là Nhân bản con người đến mức.

 Xưa nay cũng có biết bao người đến đó, mà lại có siêu trên cái siêu, như Phật Thích Ca, như Tiên Lão Tử, Như Thánh Khổng và Gia Tô Giáo Chủ. Song thời đại đó năm châu chưa hợp chợ, bốn biển còn cách nhau, vì đó mà đạo lý các Ngài phải nằm trong địa hạt của một sắc dân. Chính lúc các Ngài lại là giai đoạn thiên thời, nên tôn giáo thần linh cùng người làm một.

 Cuộc diễn tiến phải trải qua sự sống còn của thiên hạ, vì nạn nhân mãn, vì tâm thức mỗi lúc gián đoạn với Nguyên cơ, vì nhu cầu cuộc sanh sống, nên cơ tâm máy động, thì cơ giới phải được xuất hiện, để đáp ứng cho mọi cần thiết của con người. Mà con người cũng vì đó, mới gây ra tranh giành, được mất. Đời sống không chủ quyền, tự do không thỏa mãn, nên loài người tự tỉnh, thấy mình vong thân, thấy mình mất gốc, mà hóa thành cô đơn, trở nên hèn nhát, rồi tự mình thanh toán lấy mình.

 Cuộc nhồi da xáo thịt, tương tàn của nhơn loại, đều do thiếu căn bản, bởi tách rời ba yếu tố cần thiết cho cuộc sống còn, cho đời hạnh phúc là đoạn lìa tôn giáo, khoa học, chánh trị, phải mất thăng bằng của một cái vạc ba chân: Thiên, Địa, Nhơn. Thế nên thân hình trở thành ba khúc, làm sao không bị đau đớn đảo huyền?

**b) Trùng tụng**

**THI**

 Tình thương, sự sống khắp bao la,

 Muôn vật chung trong khối Thái Hòa;

 Tung cánh tâm tư trùm Vũ Trụ,

 Kiền Khôn nhốt trọn ở lòng Ta.

**BÀI**

 Ta là một trong ba ngôi sánh,

 Lấy Đất Trời làm Tánh của Ta;

 Kể từ Vũ Trụ có ta,

 Tài thành, phụ tướng là Ta đương hành.

 Trời bao quát, xanh xanh, lồng lộng,

 Đất dày bền, sâu rộng, mênh mông;

 Ta cùng Trời Đất công thông,

 Trong ngoài một mối, sắc không chung nguồn.

 Mạch suối Đạo trào tuông man mác,

 Dòng tâm linh rào rạc lan tràn;

 Cảnh đời muôn mối ngổn ngang,

 An bài trật tự, mở mang cho đời.

 Người đứng giữa Đất Trời ngang dọc,

 Khéo dụng công nối móc kết thành;

 Thánh Nhơn trước cũng như mình,

 Biết đường tiến thối, biết gìn Thánh Tâm.

 Người nay sao đi lầm, hiểu lạc,

 Khiến cho Tâm bạo ác, vạy tà;

 Phải chăng Ta đã quên Ta,

 Tin theo Lý trí điêu ngoa, vọng tình.

 Khiến có cuộc bất bình xáo trộn,

 Tạo cõi đời hỗn độn chi li;

 Rặc là nhỉ ngã, thị phi,

 Toan lòng cướp đoạt cho kỳ về Ta.

 Gốc ích kỷ chính là dục vọng,

 Thói tham sân bởi sóng vô minh;

 Chung quanh chỉ thấy có mình.

 Mặc ai chết sống, thỏa tình là xong.

 Chưa thấy được mình trong hang tối,

 Nào biết chi phước tội, phải không;

 Ngoài ra đã lộ vừng hồng,

 Bịt bùng tình thức, cầu trông nơi nào?

 Trối mặc ai, ai gào ai thét,

 Tai đã câm (điếc), mà mắt đã mờ;

 Trần căn ám ảnh ngây khờ,

 Con người nước đó ngẩn ngơ quá rồi!

 Lặn hụp mãi chưa trồi khỏi vực,

 Để thấy Trời rỡ rực sáng choang;

 Bao la cảnh vật huy hoàng,

 Đương chờ, đương đợi bạn vàng tri âm.

 Chủ tình thức thì tâm minh giác,

 Khắp Kiền Khôn bàng bạc viên dung;

 Tâm ta rộng lớn vô cùng,

 Người ta điệp điệp, trùng trùng biết bao!

 Tâm rổng rang chỗ nào cũng có,

 Khắp muôn chim nghìn cỏ đất trời;

 Chớ khi nhỏ bé con người,

 Tài nhơn xuất hiện, cuộc đời vinh quang.

 Đạo đến đâu, Niết Bàn đến đó,

 Đạo là Tâm khắp có mười phương;

 Nơi còn lẽ sống tình thương,

 Chơn thành, chất phát là đường của Tâm.

 Tâm con người không tầm đâu nhọc,

 Đạo trong Tâm, không học đâu xa;

 Chữ Tâm là thể Trung hòa,

 Đại bản đạt Đạo, phải là đây chăng?

 Trí trung hòa, mới rằng kiến tánh,

 Kiến chứng thành Phật Thánh Thần Tiên;

 Đất, Trời, vị thể được yên,

 Muôn loài thông sướng tự nhiên sanh thành.

 Thấu tận chỗ u linh mầu nhiệm,

 Vi diệu thay một điểm Thái huyền;

 Người khi mất thể hồn nhiên,

 Thức rong theo cảnh, tình duyên ngoại tà.

 Rong theo cảnh, lần xa bản tánh,

 Duyên theo trần tuệ hạnh mờ lu;

 Chơn tâm bị kẹt trong tù,

 Con đường giải thoát nhờ tu phục hồi.

 Tu là để vun bồi đạo đức,

 Tu là lo đoạn dứt trần duyên;

 Tu toan dập tắt não phiền,

 Tu cho tình thức tùng quyền nội tâm.

 Thành vô vi, cơ mầu thiện ác,

 Giới cụ ngừa hậu bạc xảy ra;

 Địa Thiên hiệp thể Thái hòa,

 Âm dương phối ngẫu, thiệt là Thần Đơn.

 Đó là vạc ba chơn vững trụ,

 Trời, Đất, Người y phụ vào nhau;

 Kiền Khôn thế giới một mầu,

 Không còn dị biệt, trước sau nhộn nhàng.

 Khi mà cõi nhơn hoàng xuất hiện,

 Người người đều Thánh thiện thời trung;

 Cõi đời muôn sự của chung,

 Tinh thần, vật chất, cộng đồng tương quan.

 Có kẻ hỏi: Thế gian bịnh nặng,

 Một Thần đơn cứu đặng bấy nhiêu?

 Ác tâm, phe đảng quá nhiều,

 Quân bình cho được là điều bất thông.

 Luật tiêu trưởng, loạn cùng tắc trị,

 Lẽ hư dinh, thái bỉ vần xây;

 Vừng trăng khi khuyết khi đầy,

 Hết đêm đen tối, đến ngày sáng choang.

 Chứng nan y, thần đơn phép lạ,

 Lành bịnh đời, cải hóa thế nhơn;

 Cho hay máy Tạo tuần hườn,

 Trời người cộng hiệp, mở ngươn thanh bình.

 Trăm năm trước, Thiên đình ngự phán,

 Cho nguyên căn hạ giáng phàm trần;

 Dọn đường giảng giáo chúng dân,

 Tỉnh tu chờ đón chủ nhân loài người.

 Nguyên nhân đã quên lời ủy nhiệm,

 Đến phàm trần đắm nhiễm lợi danh;

 Sáng khôn, sẵn có quyền hành,

 Gây thêm sóng gió, bất bình khắp nơi.

 Có kẻ lại buôn Trời bán Đạo,

 Danh là tu, tâm não đâu đâu;

 Mấy ai quyết chí tham cầu,

 Tự thân thực hiện phép mầu từ bi?

 Hội Long Hoa Tam Kỳ mở rộng,

 Cửa Tổng trì nhứt thống Kiền Khôn;

 Gồm nhiều phương tiện pháp môn,

 Trăm sông nghìn rạch cũng dồn biển Đông.

 Chứng Đạo nầy lòng không riêng rẽ,

 Coi muôn loài một Mẹ hóa sanh;

 Dung hòa mâu thuẫn xung tranh,

 Muôn sai, nghìn khác, tổng sanh Tâm nầy.

**THI**

 Tâm nầy gồm đủ thề Tam Tài,

 Vạn pháp Đất Trời chẳng phải hai;

 Giác, thấy sắc không cơ biến hóa,

 Mê, nhìn muôn tượng khác hòa sai.

**TIẾT II: ĐẠO TÂM**

**Mục 1. Đạo tâm hướng ngoại, mất tánh hồn nhiên.**

**a) Kinh văn**

 Trước khi chưa dựng nên Trời Đất, Đạo là vô vi, hồn nhiên trong bầu Hư Vô lặng lẽ, không một vật gì trộn lẫn, nên gọi là khí Tiên Thiên. Khi Đạo dựng nên Kiền Khôn thế giới gồm cả vạn hữu chúng sanh, âm dương phân định, ấy là hậu thiên khí chất, như đã nói chương trên.

 Con người là tiểu thiên địa cũng như một bầu Vũ Trụ, tuy nhỏ bé nhưng gồm đủ không khác chi Trời Đất. Mỗi người đều thọ nơi Thượng Đế một điểm linh quang, âm dương chung đúc mà thành hình, thần nương đó để phát huy năng lực thi thiết quyền pháp, tài thành cho công cuộc Tạo Hóa được trọn nên, chung lộn trong thời gian không gian, đặng triển khai tâm thức, tạo lấy sự nghiệp tôn vinh, đặc trách của con người.

 Quyền năng ấy Thượng Đế đã ban phú cho mọi loài, loài nào cũng phải trải qua một cuộc hành trình vô định. Khi làm xong phận sự của mình, lúc đó, trở lại hội hiệp cùng Trời, gọi là Thành Tiên tác Phật.

 Cõi đời là bể khổ trầm luân, nhưng đó cũng là trường học để rèn luyện con người, để thâu hoạch những công trình tự người làm nên. Mà đời cũng là một bải chiến trường khốc liệt, con người dấn thân vào đấy, tự mình phải chiến thắng, để tạo cho mình một địa vị anh hùng, rèn đúc gan óc rắn rỏi sáng suốt, để đủ sức vượt qua mọi chướng ngại hiểm nghèo.

 Nhưng đó mới một giai đoạn thành công ngoại lệ, còn phải tự chiến thắng bản thân, trông ra mọi vật như đám quyến thuộc của mình. Chính đó là một cái tâm cô rong ruổi bên ngoài, dầu là sông núi, chúng sanh, cũng do tâm mình mà xuất hiện, nên phải tạo cho được hạng người Bồ Tát, lấy Bác Nhã tâm mà quán chiếu mọi loài: Nếu không chủ được tâm, thì tâm buông lung, phóng tán, kẹt mắc khắp muôn cảnh trần duyên rồi mà nội thân mờ mịt, tình thức gây xáo trộn khổ đau, ý chí loạn cuồng, không biết trần ai là ảo vọng.

 Con người khi nào nhận được bản chất hậu thiên là đa tạp mê mờ, rối loạn, mới tìm đường trở lại nguồn đầu, quay về với Đạo, như lúc chưa có Đất, Trời, một khối hồn nhiên, lòng mình thông tuệ bồ đề tự tại. Con người vì nhận lầm mà bỏ gốc theo ngọn, nên không thấy được bản tâm mầu nhiệm của mình, đâu hiểu chỗ sở dĩ phát sanh mắt thấy tai nghe, thân mình hoạt động.

 Tất cả đều do tâm, nên mũi mới biết được mùi, lưỡi mới nếm được vị, miệng mới nói nên lời, ý mới nghĩ việc nầy việc nọ mà quên hẳn nguồn gốc ở tâm. Tâm đã phát tiết ra nhiều, thì sự hư hụt bên ngoại cảnh, mà con người đành chịu hèn mạt, khổ đau.

**b) Trùng tụng**

**THI**

 Tiên thiên Nhứt khí thể hồn nhiên,

 Thanh tịnh vô vi Đạo cực huyền;

 Phương tiện đa môn qui nhứt lộ,

 Chí thành bất tức chứng Kim Tiên.

**BÀI**

 Trước Vũ Trụ Đất Trời chưa có,

 Như thế nào, chưa rõ âm hao;

 Mông mênh, thâm cực diệu cao,

 Tối linh vô thượng, dám sao nghỉ bàn.

 Thánh truyền thuở hỗn mang Vô Cực,

 Ngôi Tiên Thiên Nhứt Thái bản sơ;

 Uyên nguyên thấp thoáng mập mờ,

 Hồn nhiên thanh tịnh, thần cơ nhiệm mầu.

 Thần vô phương, nhưng đâu cũng có,

 Cơ diệu vi, lấp ló chưa trình;

 Như như, cương kiện, trọn lành;

 Hốt nhiên Tạo Hóa phân hành hai nghi.

 Khối âm dương thần ki xuất hiện,

 Đạo trung hòa bàng bạc hóa sanh;

 Kiền Khôn thế giới định thành,

 Ngày nên thời tiết vận hành biến thông.

 Cơ động tịnh, sắc không ẩn hiện,

 Máy âm dương luân chuyển tuần hoàn;

 Thần kỳ diếu diếu mang mang,

 Con thoi nhựt nguyệt dọc ngang kết liền.

 Tự nhiên nãi đương nhiên hẳn thế,

 Xảo diệu mà thực tế giản đơn;

 Trông vào, thấy quả biết nhơn,

 Bủa ra nhóm lại, chánh chơn nhiệm mầu.

 Nhứt bổn tán vạn thù lưu lãng,

 Vạn thù qui nhứt bản hoàn nguyên;

Ngược dòng nhập Thánh vào Tiên,

 Thuận theo dục lạc, não phiền tử sanh.

 Vay phải trả, lanh quanh sáu nẻo,

 Ý sanh tình, lẻo đẻo bên thân;

 Sáu căn duyên mới sáu trần,

 Lông mang sừng đội, tinh thần tiêu tan.

 Người đứng giữa nấc tang giao điểm,

 Được làm người là chiếm được Tiên;

 E người tâm chí đảo điên,

 Tự do phóng túng, ý thiên che mờ.

 Tiếp nhận được thời cơ chẳng dễ,

 Chậm một giây là trễ một đời;

 Thời cơ khi đã đến nơi,

 Lòng còn đen bạc, luật Trời khó dung,

 Phải có Thánh mới cùng Tiên Thánh,

 Có chánh tâm mới chánh được người;

 Đọt xanh nhờ gốc rễ tươi,

 Đời hay, nhờ có con người sáng khôn.

 Cậy khôn sáng tự tôn tự đại,

 Thì bị đời đào thải bất dung;

 Đặng dân, đặng ở thởi trung,

 Đặng lòng Trời Đất, hay tùng thiên cơ.

 Người quân tử không mơ ngoại cảnh,

 Lo trau dồi tâm tánh nội thân;

 Đến khi xuất hóa nhập thần,

 Ấy là thành kỷ, thành nhân vẹn toàn.

 Muốn hạ thủ lần sang cõi Thánh,

 Lo lập nền đức hạnh thanh cao;

 Ái ân, danh lợi ngăn rào,

 Nhảy ra khỏi đó, men vào cửa không.

 Đặng mở một đường thông đến Đạo,

 Lòng lâng lâng hi hạo Thái huyền;

 Thấy mình đứng nhập tự nhiên,

 Không còn hệ lụy trần duyên như ngày.

 Trước kia khác, mà nay đã khác,

 Xưa vong thân, nay đạt lại thân;

 Trước kia tâm thức duyên trần,

 Phóng theo ngoại cảnh, trong thân nghèo nàn.

 Lòng thiếu thốn, khô khan thèm muốn

 Mối tham tâm ưa chuộng dựt dành;

 Không nề gian khổ tử sanh,

 Miễn sao cướp đoạt về mình là vui.

 Vì mất tâm, lòng nuôi ích kỷ,

 Được tâm rồi, ý chí rổng rang;

 Tâm là như mạch suối tràn,

 Tình thương, sự sống chứa chan dồi dào.

 Xưa khốn khổ khát khao vật lạ,

 Nay dư giàu, có cả nơi tâm;

 Tâm đi nã tróc kiếm tầm,

 Tâm về ấm áp, thì thầm hân hoan.

 Cây bật gốc, lá tàn mục nát,

 Người mất tâm, lang bạc khổ hình;

 Biết mau khử ám hồi minh,

 Cầu Thầy, hỏi bạn phương trình nội công.

 Giới, định, huệ, nằm lòng tha thiết,

 Tham, sân, si, tận diệt căn đề;

 Thức căn cột chặt thâu về,

 Không còn rối loạn, hồn mê, biếng lười.

 Khi được thấy trong người yên ổn,

 Đó là phương lập bổn xây nền;

 Trong ngoài muôn sự đều quên,

 Chấp trung thủ nhứt cho bền công phu.

 Bước sơ cơ phép tu khổ hạnh,

 Nào nội tâm, ngoại cảnh rầy rà;

 Chiến trường ngay ở lòng ta,

 Thất tình, lục dục kéo ra tranh hùng.

 Tâm cứ mặc thung dung vô sự,

 Mãi như như, không cự không hàng;

 Lâu ngày, tự chúng rã tan,

 Thập tam ma chủng qui hàng tự nhiên.

**Mục 2. Giữa Tâm động và bất động, là hoảng hốt yểu minh**

**a) Kinh văn**

Đạo Học Chỉ Nam đã mở cho loài người một con đường tìm về căn bổn là nguồn đầu trọn lành, vĩnh cửu, mà từ lâu con người đã tách xa cội phúc nguồn đầu, lạc lõng nơi trần khổ, nhận mọi sự đau thương. Từ xưa, loài người con trong lẽ sống hồn nhiên, tuy ở cõi trần nhưng tâm hồn thung dung tự tại, không khác cõi Trời. Giữa vua và dân cùng vui trong lẽ Đạo.

 Trải qua Tam Hoàng đến Ngử Đế, lòng người lần lần sa sút, có dáng mê mơ, mà đạo ấy không được sung mãn ở lòng người, nên tạo dùng an oai mà chế trị, dạy dân ăn theo đúng lẽ Trời. Đạo Đế đã suy thì Vương đạo tiếp theo đặt thành khuôn phép, lấy nghĩa nhân mà nuôi dạy dân đen giữ còn hồn nhiên, sống không xa phép đạo. Bậc Đế Vương thể đức Trời Đất bảo vệ nhơn tâm, song đấng ấy chưa vẹn tròn, nên khiến dân không cảm trọn, mà lòng người háo dục khởi lên.

 Đến Bá đạo như đời nay, lại chẳng biết thương dân, lấy phép luật hình chính khép người vào cửa tội, mà dân tự loạn tự cuồng. Nhơn tâm đã tách rời Thiên Lý, cái phúc cái họa đều do ở máy lòng. Tuy cũng tâm ấy nhưng chia hẳn làm hai đường, thật là một bí cơ. Loài người kẹt trong lưới vô minh, không sao tự thấy được con tâm cứu cánh.

 Hôm nay, nhơn loại bước lên thềm văn minh lộng lẫy. Trí hóa cho là khôn sáng hơn xưa nhiều. Học thuyết, tôn giáo phổ cập tận khắp nơi nơi. Nhưng chưa thấy được mất ai gọi là giác ngộ. Sự nhận định quá viển vông bất nhứt, rồi gây ra cãi lẫy, tranh dành sự cãi lẫy đó chẳng qua nhận biết ở kinh điển, tuyên truyền ở kinh nghiệm, tập quán một vài nơi theo hình thức của nhóm mình xu hướng.

 Nào phải tự mình chứng ngộ chơn lý, mà phát ngôn Thượng Đế bằng thế nọ thế kia, hoặc vô thể, hoặc hữu thể. Đạo là không hư, Đạo là Mẹ sanh muôn vật. Đàng thì có, đàng thì không, chưa ngã ngũ bên nào. Đã nói Thượng Đế là vô hình, Thánh nhơn là hình của Thượng Đế. Lời của Tiên Phật là lời của Đất Trời, sự dung lượng của Thượng Đế là bầu khí không hư che trùm vạn vật, Lấy Dịch học để ngẫm suy theo nguyên lý đạo.

 Trời gồm trọn ba thể: sắc, không và trung đạo. Dịch là biến nhưng nguyên lý của Dịch không bao giờ biến. Như nói Vô Cực là nói thể của Đạo bao hàm không không bất động. Còn lúc ấy chưa có gì, nên gọi là không. Đến khi Trời Đất có ra là nhứt âm dương chi vị Đạo. Âm và dương là khí động nên trở thành hữu tượng hữu vi. Giữa hai thể có và không là Thái Cực. Thái Cực sau cái không sắp có, trước cái có chưa có. Đó là Thượng Đế, là Thần, là nguồn đầu, cội sanh của muôn loài vạn vật. Chỗ nào Đạo Đức Kinh nói là hoảng hoảng hốt hốt, yểu yểu minh minh. Đã hoãng đã hốt, thì làm sao gọi rằng không? Mà yểu, mà minh, thì sao cho là có? Nên người tu đạt chứng đến đó mới gặp lại nguồn sống của mình.

 Đây, Bản Thánh cho dẫn chứng tâm động và tâm bất động. Thượng Đế gồm hai như cây mía khi trở thành đường, đường trở thành muôn vàn thứ bánh. Đường, mía, bánh tuy khác tên, nhưng cũng đồng là một chất ngọt. Cũng như vàng là nguyên thể, mà chế ra đủ các món trang sức cần dùng, thì thứ nào cũng do tay thợ khéo chế ra. Đó là tâm động.

 Tâm bất động cũng khó tả cho suốt lẽ. Đây lấy một thí dụ: Thuở xưa có một nhà Sư giữ được cái tâm hồn nhiên thanh tịnh, thị như phất kiến, thính như phất văn. Nhà vua lấy làm lạ, bèn cho bày ra đủ thứ trò chơi ảo diệu đủ sắc, xinh đẹp, lộng lẫy, quyến rủ lòng người phải mê mang, ca nhạc trầm bổng du dương, khiến ai nghe cũng rụng rời, óc tim mùi mẫn. Khi vua mời nhà Sư đến để dự xem qua mấy khúc nữ nhạc vũ ca, vua hỏi nhà Sư làm cách nào mà không động tâm, không bị bên ngoài lôi cuốn. Nhà Sư nhơn cơ hội nầy muốn cứu một đệ tử tiền kiếp nay bị phạm tội tử hình, nên Nhà Sư nói với vua chứng minh lòng bất động của Sư, thì cho một phạm nhơn tử tội ra đây. Nếu người đó không bị động tâm, thì nhà vua nên tha bổng cho họ trở về tự do.

 Vua bằng lòng cho một tử tội và bày bố mọi sự biểu diễn, ca hát múa nhảy như trước. Nhà Sư bảo người tử tội: nếu ngươi bưng chung nước nầy đi quanh ba vòng mà không rơi rớt nhỏ nào, thì vua sẽ tha chết cho ngươi. Người tử tội đi ba vòng qua các cảnh biểu diễn, đàn ca xướng hát. Trước sự trêu chọc ám ảnh vô cùng, mà tử tội đi ba vòng, bưng nước đến trước nhà vua, mà không hề chao đảo. Nhà vua bèn hỏi tử tội: Ngươi có thấy gì, nghe gì không? Người tử tội thưa: không hề được nghe thấy gì cả. Ấy là chủ tâm vào nhứt sự, mà chung quanh hoàn cảnh không hề nhiễu loạn được tâm. Đó là tâm bất động.

**b) Trùng tụng**

**BÀI**

 Từ giản dị trở thành đa tạp,

 Một niệm sanh, muôn pháp khởi sanh;

 Âm dương biến hóa vận hành,

 Hai nghi, bốn tượng, quái danh hiện trình.

 Tám quẻ chốc biến thành sáu bốn ,

 Nhơn mãi lên bề bộn biết bao;

 Trần đời nhộn nhịp lao đao,

 Đa đoan, phức tạp, ồn ào lăng xăng.

 Kìa sấm chớp, trời trăng mây gió,

 Nầy núi sông, cỏ cây muôn loài;

 Vô hình, hiện đủ ân oai,

 Dinh hư, tiêu trưởng, cảm hoài mà kinh.

 Nghĩ đến việc tử sinh đáng sợ,

 Kẹt vào đời tháo gở sao đây?

 Một thân, giữa mấy vòng dây,

 Hớ hênh chớp mắt lãnh đầy khổ đau.

 Cảnh huyên hóa đổi màu thay dạng,

 Khó suy lường tình trạng biến thiên;

 Sắc trần là sức thôi miên,

 Nhiễu nhương ám ảnh như ghiền như say.

 Người ngu đành bó tay nô lệ,

 Kẻ trí toan tìm kế thoát thân;

 Dữ lành đều có nguyên nhân,

 Tìm phăng đến gốc thì gần căn nguyên.

 Nguyên bản thể vô thiên vô ỷ,

 Thì thấy rằng bất nhị giản đơn;

 Con đường độc nhứt chí chơn,

 Nương đây sẽ được trọn ơn đời đời.

 Người vì mê nên lao vào khổ,

 Biết khổ rồi tỉnh ngộ hết mê;

 Hết mê là lối thẳng về,

 Về nơi bình đẳng, nhứt tề tâm nguyên.

 Tâm Diệu tịnh hồn nhiên tự tại,

 Tâm phàm phu biến cải đa đoan;

 Trần căn tình thức rộn ràng,

 Đâm chồi nảy tược, muôn ngàn kế mưu.

 Rồi lãnh lấy bi ưu khổ não,

 Nghiệp hệ vào, lục đạo xuống lên;

 Bao nhiêu ân oán trả đền,

 Lưới vô minh đã kết nên tuồng đời.

 Đời mới trở thành nơi biển khổ,

 Cho chúng sanh làm chỗ diễn trò;

 Sang, hè, vinh, nhục, đói, no,

 Được, thua, còn, mất, duỗi co đủ màng.

 Ấy là giấc mộng tràng ảm vọng,

 Nào khác chi bọt sóng mây ngàn;

 Chuỗi đời kết mối tương quan,

 Xâu chung một sợi dây oan thân thù.

 Biết tỉnh ngộ nhờ tu gỡ được,

 Thoát ngoài vòng triền trược, ái ân;

 Bình tâm định tỉnh tinh thần,

 Vì đâu siêu đọa, nhận chân cho rành.

 Một gốc nãi trăm cành nghìn lá,

 Một tâm sanh tất cả dữ lành;

 Âm dương biến hóa lưu hành,

Ý tình vọng động tung hoành khác đâu.

 Quay trở lại nguồn đầu thanh tịnh,

 Gốc đạo người bản tính chơn tâm;

 Từ lâu, đi lạc hiểu lầm,

Bởi chưng tình thức ngấm ngầm chủ trương.

 Quyết giữ gốc, không nương nơi ngọn,

 Thâu phóng tâm, nắm trọn ý tình;

 Chủ quyền niệm lự hết sinh,

Vô minh tận diệt, Viên minh hiện bày.

 Nhập Viên minh không hai không khác,

 Nên trong lòng ham đoạt của riêng;

 Của nào cũng của tự nhiên,

Tự nhiên là Đạo, tự nhiên là mình.

 Đạo bao la, mối tình man mác,

 Không hề còn địa hạt nhỏ nhen;

 Thơm lành, trong đẹp như sen,

Giúp vui bạc khổ, nhúm nhen cho đời.

 Nền nhơn bản, đạo người là thế,

 Lo dụng công phước huệ song tu;

 Thoát thân ra khỏi trần tù,

Mới mong phá ngục Diên U cứu người.

 Người có ra để đời trọng dụng,

 Người hãy lo thừa phụng đạo người;

 Tiền nhơn gầy dựng bao đời,

Mới mong con cháu tùy thời khuếch trương.

 Nền Đạo Học Đông Phương sáng tỏ,

 Khoa học thêm vào đó càng hay;

 Đông,Tây, ta lại bắt tay,

Sớm cho bốn biển thấy ngày vinh quang.

 Đây tóm lại con đàng dụng sự,

 Khuyến cáo chung cải dữ theo lành;

 Xây nền triết học nhơn sanh,

Cộng đồng tín ngưỡng bình hành vật, tâm.

 Thời cơ đến ngàn năm một hội,

 Ơn móc mưa tắm gội đầy trời;

 Mỏi mong tất cả nơi người,

Chung tay xây đắp cuộc đời tôn vinh.

 Phóng tầm mắt nhìn quanh thế giới,

 Lòng gẫm suy lịch đợi tôn hiền

 Vĩ nhân kim cổ danh truyền,

Dời non, lấp biển, khai nguyên dựng đời.

 Họ với ta cũng người không khác,

 Cũng tim, gan, góc vạc như mình;

 Con người là vật tối linh,

Đoạt cơ Tạo Hóa, thông tình vạn sanh.

 Thuận Thiên Lý, chí thành vô dục,

 Khiến nhơn tâm hòa mục tương an;

 Kho Trời vô tận kỳ quan,

Dụng công tài chế, mở mang sanh tồn.

**Mục 3. Ngược dòng Cơ vi, là phương tu nhập Thánh**

**a) Kinh Văn**

 Đạo Học Chỉ Nam đã lược qua những vấn đề trong các chương về Vũ Trụ, Nhơn sanh, mà các thời đại lấy đó làm yếu chỉ, cho cuộc sống tương quan mật thiết với con người. Thật là một căn bản mà các Thánh Hiền đã lắm công phu, hy vọng loài người ai cũng lấy đó làm Chỉ Nam, để đạt đến mục đích tối cao. Song từ lâu, con người tuy sống cùng nó hằng ngày, thế mà chẳng được mấy ai ý thức về mình. Họ cứ tưởng đâu ngoài bản thân, mà quên lãng chính nó là mình, thì dầu cho có thiên kinh vạn điển, cũng không sao giải quyết mọi sự cho con người.

 Đạo Học không phải cái gì xa lạ, cách biệt với mình, mà Đạo Học là học cái chính mình. Chỉ Nam là chỉ cái đích thực ở tâm mình, không phải ở đâu xa vời. Nhưng nói thế con người lại tự hào cho mình là Chúa tể Kiền Khôn, vạn vật, bởi mình sanh mình hóa, đi đến chỗ không còn coi Trời Đất ra chi! Thật là một điều đáng buồn cười!

 Các học thuyết từ chỗ sơ, các bậc Thánh Hiền sẳn đủ một lòng tin sắc đá, nhận được lẽ mầu nhiệm trong trời đất có một nguyên lý? Làm căn bản cho công cuộc sanh thành, dựng nên Kiền Khôn vạn loại. Nguyên lý ấy là Trời, là Đạo, mà cũng là tính thể của vạn vật và con người. Đức tin ấy đã đưa con người ấy vào sâu chỗ ý thức được mình, thấy chính mình cùng Tạo Hóa vạn vật đồng một thể tính như nhau. Sự ý thức đó lần lần trên bước đường công phu tu dưỡng nơi chính mình, để tìm hiểu phần sâu kín mầu nhiệm hơn.

 Đã là bản căn tự tánh trọn lành, làm sao mà có những trạng huống bi đát đau thương quấn chặt mình, không cách nào thoát khỏi sự ràng buộc kéo lôi mất quyền tự chủ.

 Nhờ tư duy quán xét lần hồi, được vài ánh sáng dọi đến cho mình, mà thấy được nguyên nhân, bởi lý do là mình không hề biết được mình một tý gì trong sự sống cả!

 Đây Bản Thánh vạch ra một vài nét về yếu lý của phần Đạo Pháp mà danh từ Đạo Học Chỉ Nam với ý nghĩa của nó, để cho loài người tìm lại cái căn bản ở chính mình, hầu cư xử xứng với địa vị của nó, trong tam tài huyền đồng nhứt thể.Chỉ Nam là chỉ ngay cái chỗ bản căn sơ thỉ của tự mình và đất Trời sẳn có.

1. Sao lại Chỉ Nam mà không chỉ đông, chỉ bắc?
2. Trong ấy gồm một ý nghĩa mầu nhiệm, mà ta cần phải biết: Nam là phương vị của quẻ Kiền. Kiền là Trời, là Đạo mà cũng là cái Chơn Tâm huyền bí ở trong người. Đạo ấy, Chơn tâm ấy, khỏi cần nhắc lại cái quyền năng mầu nhiệm của nó, mà các chương trên đã nói nhiều rồi.

Kiền có bốn đức: Nguyên, Hạnh, Lợi, Trinh; thể của nó cương kiện biến hóa nhiệm mầu. Song phương vị của Kiền bị Li quái hậu thiên án ngự, mà Kiền mất ngôi chủ sự, cũng như Chơn tâm của loài người bị tình thức đoạt quyền. Nên con người sống như say, thức như ngủ, nô lệ cho tình bản năng cảm xúc, chẳng thấy gì, biết gì cái Chơn Ngã mà nhận cái giả ngã đó là mình.

Thế nên, Đạo Học về chương tu dưỡng để đạt đến quả Thánh, hình hiện con người, cần phải mượn giả để cầu chơn, lấy lửa cung Li mà luyện Kiền kim …

(thiếu?)

**b) Trùng tụng**

**THI**

 Dựng nên Trời đất, dựng nên người,

 Đạo ấy nhiệm mầu chẳng tiếng hơi;

 Chống vững Kiền Khôn, an bốn bể,

 Phương tu nhập Thánh dạy khuyên đời.

**BÀI**

 Đường nhập Thánh, hòa đồng muôn pháp,

 Cảnh là tâm, ất giáp không còn;

 Cung thông Vũ Trụ nước non,

 Một bầu Tạo Hóa vuông tròn chẳng hai.

 Hết dục vọng thoát ngoài nhân quả,

 Dứt tham mê giải phá trần căn;

 Lòng không nghĩ quấy tưởng xằng.

 Mây tan hiện lộ vừng trăng tỏ ngời.

 Tâm thanh tịnh, bầu trời quang đảng,

 Ý buông lung, lưu lãng trầm luân;

 Ý tâm Đạo pháp thấm nhuần;

 Trông đâu cũng thấy tinh thuần nhứt Như.

 Giác ngộ được thiệt hư là nó,

 Mê lầm thì chấp có, chấp không;

 Cơ vi biến hóa vô cùng,

 Mấy ai tham thấu ngôi Trung lẽ Trời.

 Trời phú dữ nơi người là tánh,

 Noi theo đây là Thánh, là Tiên;

 Trong thân, tâm lại chủ quyền,

 Hay đời, hay đổi, đảo điên bất toàn.

 Tâm chứa trử muôn vàn chủng tử,

 Huân tập thường gìn giữ phát sanh;

 Thuận duyên, khởi ác hay lành ,

 Đều do căn thức xây quanh mặt ngoài.

 Biển tâm động, hoài hoài sóng gió,

 Biển tâm yên, trăng tỏ thường soi;

 Sáu căn, bỏ trống cửa ngoài,

 Tình duyên theo cảnh, lạc loài cô đơn.

 Chủ được tâm, chi hơn ngừa ý,

 Ngăn lòng tà, sớm chỉ niệm sanh;

 Noi theo Chơn tánh trọn lành,

 Vượt qua thiện ác, không tranh không cầu.

 Thiên mạng là nguồn đầu căn bản,

 Lấp Kiền Khôn vô hạn vô biên;

 Trong ngoài, trên khắp diệu huyền,

 Thấm nhuần tất cả tự nhiên khó lường.

 Yếu Chỉ của âm dương tánh mạng,

 Biết được rồi nghiệp đoạn vô sanh;

 Ở đâu? Trọn có nơi mình,

 Trời người một thể, tướng danh dị đồng.

 Noi theo tánh huyền thông Pháp đạo,

 Đạo luyện tu gỡ tháo trần duyên;

 Lòng ta thanh thoát ổn yên,

 Nương theo giáo pháp, trực truyền thánh công.

 Giáo pháp tạo lấy lòng sùng tín,

 Rèn đức tin nung chín ý thành;

 Chơn tri thấu rõ cội nhành,

 Cửa mầu dẫn nhập thực hành vô vi.

**THI**

 Đạo pháp không sao tả rõ ràng,

 Mong người lãnh hội thấu cơ quan;

 Chỉ phương tu chứng, thông mầu nhiệm,

 Đâu để đem ra để luận bàn.

**TIẾT THỨ III**

**Mục 1. Thượng Đế hữu thể**.

**a) Kinh văn**

**THI**

 Máy Tạo huyền vi khó nỗi lường,

 Sanh thành biến hóa, lẽ âm dương;

 Thiên sai vạn biệt, không sao thấu,

 Nhận được Chơn tâm, thấy tận tường.

Đạo Học Đông phương từ ngàn xưa được các bậc Thánh Triết lần lượt phát minh thành một hệ thống chặt chẽ, ảnh hưởng sâu rộng trong dân gian. Loài người coi đó là một sự sống của linh hồn. Nền tảng ấy mỗi ngày một xây đắp vững chắc, làm chỗ ỷ nương, đâu đấy cộng đồng trong cuộc sống, để thực thi cái địa vị nhơn bản, hầu đạt đến chỗ tương xứng của mình, cùng sánh với tam tài chi đạo.

Song gần đây, trào lưu biến chuyển, thời thế đổi thay, lòng người không chủ được tình thức, bảo thủ được cái cố hữu của mình, phải vật chất cám dỗ, hoàn cảnh kéo lôi, nên Chơn lý vì đó mà bị lu mờ. Nhà giáo dục xu thời, kẻ cầm quyền nhu nhược, tôn giáo học thuyết tranh biện lung tung, không có bậc chánh nhơn thực chứng chơn truyền đạo pháp, mà ngày một trở nên đen tối, loạn cuồng. Nhơn loại sống uể oải khốn cùng vì nạn áo cơm, vì chiến tranh khói lửa gây cuộc xương máu, vì họa phái phe giai cấp, vì nhiều nỗi lầm than thống khổ do xã hội gây nên. Cả một sự kinh khủng làm cho lòng người phải lạc với lẽ phải, với niềm tin.

Song mỗi lần có một sự loạn ly đem lại cho xã hội loài người, thì lại có không biết bao nhiêu ý tưởng manh nha xướng xuất đưa ra nhiều giải pháp ngăn chặn, hàn gắn, bổ cứu cách nọ cách kia. Nhưng thực tế đâu phải bằng sức mạnh, bằng khí cụ tân kỳ mà giàn xếp được yên ổn.

Loài người đã đánh mất lương tâm, đánh lạc con đường Đạo pháp chối bỏ lẽ phải và quyền lực ở Trời, thì làm sao quân bình được giữa bao nhiêu mâu thuẫn đối thù. Lửa dục vọng bừng cao lan rộng, thiêu cả thế giới, không thể đem nước bốn biển mà dập tắt dễ dàng, vì lửa ấy phát sanh gốc ở nơi lòng người mà phun ra. Trước hết phải tìm được chỗ khởi sanh, mới mong dẹp nổi cuộc hỏa hoạn ngày nay. Lửa ấy phải chăng là lửa phiền não gốc nơi vô minh, mà gây nên một cuộc thiêu rụi làm tràn trên thế giới?

Đạo Học Chỉ Nam hướng dẫn cho loài người lấy dòng nước thanh lương, nơi ao nguyên thỉ, mà hạ tắt lửa dữ ở lòng người, thì tức khắc phải tiêu, nhơn sanh mới thoát khỏi họa tai của đời mạt pháp. Ấy là khơi lại nguồn Đạo Học qua những hệ thống của Khổng Mạnh, Lã Lão Trang tại Trung Hoa và Phật đà nơi Ấn Độ.

Nền Đạo Học về đông phương trải qua những thời đại Thuấn Nghiêu, Vũ, Thang, Văn, Vỏ, nên người ta sống một cuộc đời thanh thú tự do. Trên kẽ cầm quyền là bậc phối thiên, tâm đồng với Đạo, âm đức khắp tràn ra bốn cõi, nhơn dân gội ơn giáo hóa, lòng được yên vui, hòa nhịp theo khúc nhạc chuyển tấu của bốn mùa, nhịp nhàng với khí độ âm dương giáng thăng trầm bổng, Đạo sống tuy nằm trong Vũ Trụ thời không, mà tâm của các bậc Thánh quân, của kẽ sĩ người hiền rất thanh thoát, thung dung, không bị gọng kềm âm dương dịch sử, mà họ còn khiến được nhơn dân, chế ngự được khí hóa, đem lẽ tiêu trưởng áp dụng vào việc xử thế làm người. Đạo ấy ta gọi là hệ thống nhập thế của Khổng Mạnh, qua các kinh truyện còn lưu cho đời.

Hôm nay, ta cần xác định con đường nhập thế nó ra sao, mà có kẻ cho là thấp thỏi, nhơn đạo không thoát khỏi phàm phu. Nhưng dầu sao, bước đường phải trải qua những đoạn gần, mới đến đoạn xa; không lẽ nhảy vọt một bước đến ngay nơi cứu cánh. Đạo Khổng Mạnh đã xây dựng một xã hội loài người sống trong sự yêu thương, trật tự, theo lẽ Dịch hóa của Đạo Trời. Đã có loài người phải có một quốc gia, một tổ chức quốc gia trong sự sanh hoạt chung lộn giữa nhau. Nhơn loại chưa dễ đồng đều giác ngộ, thì người phải ăn ở sống còn đúng đạo của nó là thực hiện nhơn cách, nhơn vị của người quân tử theo đạo Trung dung, chẳng dễ đạt đến nhơn bản tối thượng ấy sao?

Phần trên đã nói về Vũ Trụ và nhơn sanh. Nhơn sanh tức là Nhân Bản con người được xứng đáng cái danh con người, là đã đồng hàng cùng Trời Đất.

1. Tại sao con người lại được cái giá trị cao cả tối thượng như Đất như Trời?
2. Là vì người được đồng cùng Trời Đất một thể tánh. Nếu khi con người thực hiện đến đó rồi, thì quyền năng biến hóa nào khác chi Trời Đất đâu?

Vậy ta thử lấy một vài câu trong sách Trung dung để xác định giá trị con người. Đầu bài đã lấy hai chữ Trung dung là một tôn chỉ bao hàm sâu xa mầu nhiệm. Không ngửa nghiêng chênh lệch là Trung, không biến cải đổi thay là Dung. Trung là đạo chính đáng của Thiên Thiên Đạo nhơn sự, xác định một địa vị cao cả của con người?

Ta lần lượt đi vào nội dung cao cả bên trong. Lời của Thất Tử Tư đã nêu lên mấy câu rất chính xác, bao hàm cả hai phương diện bất dịch và biến dịch: “Thiên mạnh chi vị tánh, Suất tánh chi vị đạo, Tu đạo chi vị giáo”.

**Tánh Thiên mạng**: Thiên mạng là gì, mà đức Khổng là bậc Thánh Sư, đến 50 tuổi mới biết được mạng Trời? Ngài nói “Không biết được mạng Trời, chưa xứng làm người quân tử “. Mạng Trời là bậc Thánh Sư còn chưa thể nói ra được, phải đợi đến lúc tuổi già.

Ôi! Vĩ đại thay cái nguyên lý thường tại, toàn tri toàn năng, sáng hóa và đều hành Vũ Trụ, cha Chúa của muôn loài!

Ngài là Thượng Đế ngự trị ở lòng ta, ở trước, ở sau, ở bên tả, bên hữu, ở trên cao vút chín từng không, ở tận tột chỗ sâu cùng.

Ngài ở chung trong mọi loài, bàng bạc khắp nơi, nhỏ không chi trong, lớn không chi ngoài, không thể lấy tai mắt ý thức được Ngài.

Ngài là Thiên Lý lưu hành, Ngài cũng là Mạng Trời, Mạng ấy có một quyền năng định đoạt tất cả quyền pháp tối linh. Mạng ấy đã chia sẻ cho vạn hữu chúng sanh, nhứt là loài người được kết hợp với khí âm dương ngũ hành, vô cùng ẩn áo, được tánh Trời ban cho.

Tánh ấy là Mạng. Mạng, tánh là một nguyên lý bất biến vô sanh, thường hằng tự hữu, đồng một bản thể như không khí ngoài Trời và không khí trong veo.

Tánh ấy làm nên tảng thâm sâu ở tận bên trong ý thức của con người.

Thượng Đế là chủ Vũ Trụ Kiền Khôn, thì bản tánh chính là Thượng Đế ngự trị tự nơi lòng mình, điều hành cơ cấu, sử lịch Vũ Trụ bản thân.

Câu nầy cũng chưa xong, chờ đàn tới giải tiếp. Chương nầy về mục nầy là Thượng Đế hữu thể. Mục sau là Thượng Đế vô thể. Về phương Đạo Học Lão, Trang, các hiền găng công theo dõi. Phải trải qua nhiều đàn mới xong, về phần luyện tu thực hiện Chơn tâm, diệt trừ vọng tưởng.

**b) Trùng tụng**

**Mục 2. Thượng Đế vô thể**

**THI**

Bao la Trời đất thấy gì đâu?

 Lồng lộng xanh xanh, chỉ một bầu;

 U ẩn thần cơ, đâu đấy đủ,

 Dinh, hư, tiêu, trưởng, sẳn cơ mầu.

**a) Kinh văn**

Thượng Đế mà xưa nay hầu hết nhơn loại, dầu là văn minh hay dã man, ai cũng tin tưởng: Vũ Trụ bởi Ngài tạo nên, quyền sống bởi Ngài ban cho, mọi việc bởi Ngài chủ trương điều khiển, được thua, còn mất bởi ý Ngài đã sắp sẳn từ lâu. Cuộc đại hóa trong thời gian không gian rất mầu nhiệm: Một hành vi, một ý niệm, dầu che dấu đến đâu, kín đáo thế nào, cũng không qua mắt thần diệu của Ngài, nên người ta lúc nào cũng nơn nớp lo sợ, kính thờ và vân theo điều thiện; ngôn ngữ, cử chỉ cũng nhịp nhàng theo tiết độ của bốn mùa, không ai cưỡng được lẽ Trời. Quyền pháp tối linh ấy, ân oai rất rõ rệt.

Đức Thánh Sư như Khổng Tử, Mặc Tử, Mạnh tử đều tin có mạng Trời. Sự hưng vong đắt thất cho một nước, một nhà chí đến việc cá nhân con người đều do bàn tay định đoạt của Ngài tất cả. Các vĩ nhân hiền thánh cũng đều nhận có Trời can thiệp, song không phải ù lì chờ sự số mạng an bài, mà phải làm hết khả năng bổn phận của mình. Tuy không cải được mạng do tự thân, mà còn làm cho mạng Trời sáng soi để thành tựu cho loài người. Mới biết: “Thiên mạng bất du thường, thiện dã đắc chi, bất thiện dã thất chi”. Ôi! Chỉ có kẻ ngông cuồng, với vài kinh nghiệm, mới coi Trời bằng vun, nhìn Trời qua đám vô thần không ý thức!

Mạng là cái gì thiêng liêng thần bí; dầu cho Thánh trí cũng không sao thấu được hết mầu nhiệm, khó khám phá cho được. Sự đến sự đi, thấy một cách rõ rệt hiện ra: mỗi lúc nước hưng (1) thì dân thiện, có minh quân lương tướng xuất sinh; nước bại dần dần dưới trên hôn mê họa loạn. Chí đến một người khả năng tài đức cũng đành như đức Khổng sanh chẳng phùng thời; cũng lắm kẻ trí thấp tài thua, lại được thành công trọng dụng, vì ai biết lẽ gì?

Mạng đó là Lý, tổng nhiếp Vũ Trụ muôn loài. Mạng ở nơi người là Tính.Tánh khác với Mạng ở giữa Lý Khí. Sở dĩ do Khí tạo nên hình.

(1) Coi Tánh lý, khoãn trinh tường, cuốn 5 chương 32b.

“Hình nhi thượng giã vị chi Đạo”. Đạo thì hồn nhiên thanh tịnh vô đối, toàn thiên toàn chơn. Ấy là Mạng “Hình nhi hạ giã vị chi Khí”. Khí là sau lúc Trời đất định hình, âm dương phân hóa mà tạo nên vạn hữu chúng sanh. Tính ở trong hình. Hình có ra là do Khí. Khí ấy gốc ở âm dương. Bản chất âm dương có cương nhu, động tịnh. Tính cùng với khí tương thành.

Xét qua bản tánh con người, mà xưa nay không biết bao nhiêu luận thuyết xác nhận thế nọ thế kia. Tính là thiện như Mạnh Tử, tính là ác như Tuân Tử và trăm ngàn học giả nói đủ thứ: nào là thiện ác hỗn hợp, hoặc siêu thiệc ác chi tính,..v..v.. Khổng Tử, Mặc Tử lại không nói thiện hay ác như thế nào, mà đức Thánh Khổng chỉ nói gọn có một câu là “Tánh tương cận dã, tập tương viễn dã”. Cũng như Mặc Tử trông thấy kẻ nhuộm tơ mà than: “tơ nhúng vào màu nào thì ăn theo màu đó”.

Ý hai bậc đại hiền muốn nói: Tánh là hồn nhiên vô thiện ác, mà hồn nhiên vô thiện ác là chí thiện, đồng thể với Thiên Lý, đạo trời. Sở dĩ có thiện ác là do tình, do khí chất tạo nên. Tình ấy được thế trung, hợp lẽ thì hóa thiện, bằng trái đạo, thiên tà thì là ác.

 Thiện, ác không phải không có trong tự tánh hay sao?

 Đã nói tự tánh bởi hồn nhiên thiên đạo, vượt khỏi lẽ đối đãi của thế giới hữu hình. Xét câu “Thành giã vị chi tánh”, là tánh có sẵn là lẽ toàn thiện toàn bích, tối linh, thật tánh tướng Chơn như, khỏi cần để tay ma luyện, mới trở nên sáng soi trong trắng. Song tánh ấy kẹt trong người, bị khí chất bao vây, luôn luôn bị dịch hóa của âm dương, mà sóng tình biển dục không giờ phút nào yên lặng.

Nhưng âm dương khí ấy không phải hoàn toàn bất thiện. Có nó vạn vật mới tồn sanh viên hoạt, tiến thăng hoàn thành, ấy là phục mạng. Người sở dĩ được âm dương khí chất hỗ tương cho tánh thể, mà mà hiện ra ý chí cương nghị, thắng đạt Chơn Lý, tỏ ra khí tiết anh minh. Cũng có lúc khí thể trung bình, mà kết được tinh ba huyền thông cùng Vũ Trụ.

Tính vốn hồn nhiên, thanh tịnh, trong sáng, nhưng khí lại hay dịch hóa, biến động, rời rạc vô cùng. Tuy hai bên phải trái, nhưng không hề cách tuyệt nhau, khác chi nước với sóng, thần cỡi khí, khí nương thần mà Vũ Trụ tồn sanh, Kiền Khôn an định. Thế cho nên đạo suất tánh đã được thể hiện, Chơn Lý dung thông, Trời người đồng thể.

Suất tánh ấy là thấu triệt chỗ căn nguyên chơn tướng hiện hữu trong mọi trạng thái, thuận theo Chơn Lý mà hiện phát thể tâm. Tâm ấy kiên cai tổng nhiếp: thiên, nhơn, phàm, thánh. Đó là Đạo.

1. Tạo sao gọi là Đạo?
2. Đây có phải câu: “Nhứt âm nhứt dương chi vị Đạo” không? Mà âm dương đã xuất hiện, thì Trời đất được dựng nên, Vũ Trụ muôn loài do đó mà định hình, lập nền chuẩn tắc. Nên câu: “Suất tánh chi vị Đạo” ở sách Trung dung cho ta một qui luật căn bản, là noi giữ đúng với tánh bản thiên Trời phú ở mình, luôn luôn bám chặt không rời, triển khai cho hết lẽ tinh tuý tuyệt vời, triệt để tuân theo đường lối tự nhiên trác dịch nhiệm mầu của nó, mà phát huy cùng tột, để áp dụng vào sự thể đương nhiên, hầu hoàn tất sứ mạng của nó đến mức khế đồng, ăn khớp giữa trời đất, muôn vật đồng nhứt bất phân, đến nơi chơn thiện mỹ miều, thành ngôi đại giác là bước cùng của con đường cứu cánh giải thoát. Muốn đạt đến địa vị hoàn hảo kia, phải áp dụng một công phu tu dưỡng học tập vững chắc, bằng niềm tin xây dựng con người mẫu mực, chưa dễ bằng sự biết qua loa, việc làm cẩu thả. Mà phải gắn bó giữa mình và Đạo bằng một đức tin mãnh liệt, thể hiện sự học hỏi tập rèn, trên công phu tiến đức tu nghiệp. Đức được sáng tỏ không gì ngăn ngại nó nổi, nghiệp được đầy rẫy ban bủa rộng khắp muôn loài, hiểu biết sâu rộng tận cùng là cho đến mực thâm vi, không thiếu sót.

Phần tiến đức tu nghiệp là một sự thành ỷ thành nhơn của người quân tử, luôn luôn phản tỉnh nội cầu, tận tâm thể Đạo. Nếu không phản tỉnh nội cầu, thì không suất được tánh, không khai triển con tâm mầu nhiệm, làm sao thấu được thiên mạng căn bản. Không lấy công phu thể Đạo, đặt mình đồng nhứt với tự tánh, làm gì có được tri lương rọi thấu chỗ u khuất tình lý của muôn loài, thì đạo ấy, tâm ấy, làm sao hiện bày để tài thành cho Tạo Hóa? Đạo ấy được hiện, tâm ấy được suốt thông thì mới chủ được khí, mới ngự được tình, mới ngăn được dục, hầu đem chúng lại chỗ Trung nhứt, nghĩa là quân bình hai thể âm dương, kết thành một khí xung hòa. Đó là bước tu đã đến tận cùng, đơn thành quả trọn.

Đạo ấy đã trọn nơi mình, mình đã điều khiển được âm dương khí hóa, trúng khớp với cơ Trời, khiến được tình lòng ý muốn, đúng theo nhịp độ của bốn mùa, năm hành, tám tiết, luôn luôn hợp thể cùng vận khí chuyển biến cùng lẽ Trời, thì bây giờ nên đem cái Đạo ấy sáp nhập cùng nhơn loại bốn phương, ai nấy cũng thành hiện Chơn tâm, triển khai đạo thể, đồng nhứt cùng bản thể Vũ Trụ, đốn tận gốc vô minh, quét sạch phàm mê phiền não. Đó là bước sang giai đoạn thứ nhì vừa giúp cùng Trời Đất, hoàn thành công cuộc Tạo Hóa, gọi là “Tu đạo chi vị giáo”.

Thế là mở mang truyền bá Đạo Trời, tỉnh ngộ nhơn thế quần sanh, gắn bó giữa nhau một sự sống, một tình thương, một niềm tin trên lẽ thật, dưới hình thức một hội giáo nung đúc lòng người bằng nhiều phương tiện dạy dỗ, hướng dẫn đi đến chỗ nguyên cơ. Ai nấy cũng nhận được bản thể tự có Vũ Trụ vạn vật sẵn trong lòng mình. Khi mà người giác ngộ được bản căn tự hữu, là người ấy đã mở được cánh cửa thông đồng tiếp nối liên quan giữa Vũ Trụ Trời Đất, không còn ngăn cách. Tựa hồ như mình bấm trúng nút của cơ bí mật, làm cho trời đất sáng tỏ huy hoàng, lòng mình lân lân minh mẫn, chẳng khác chi trong nhà tối tìm ra nút điện, bậc lên đèn cháy, vẹt hết tối tăm.

Đạo suất tánh của Nho cũng như đạo Kiến Tánh của Phật, phải nhờ một công phu phản tỉnh nội cầu, quay ngược chủ quan vào trong, huyên nhứt một điểm, dẹp hết tư lự vọng tà, nghiêm chỉnh một thân tâm, đăm đăm như mèo rình chuột, không chút lãnh quên. Nếu bởi một cớ nào xao động, thì chuột đã thoát ra khỏi hang chạy mất, dầu có nhìn thì là nhìn hang không. Nên Thánh Nhơn xưa đặt mình trong cảnh “Giới cụ, thân độc”, lấy kỉnh thành làm công phu, nghĩa là phải luôn luôn e dè cẩn thận khi hành trụ tọa ngọa, chuyên nhứt ngó thẳng vào Chơn tâm (trực chỉ Chơn tâm). Phải thành thật với chính mình, ngày một ngày hai.

Khi được lương tri phát hiện, đó là men tới cội nguồn. Nếu tuệ đức ấy chưa hiện, tự tánh chưa được thấy, thì hành động của mình dầu trên phương diện nào cũng là vọng thức mà thôi! Mà muốn thành công cho đắc Pháp, không ngoài sự thanh tịnh nhứt tâm, trở về nết thuận của Khôn, lặng lẽ không một mảy hào nghiêng ngã, thì tự thấy một dương chấn động phục lai.

Mà phục đó là một điểm Thỉ giác của tánh Bác Nhã viên dung: khi ấy lòng mình không cần chế niệm mà tà niệm cũng không sanh, không đợi đoạn dục diệt tình mà dục tình cũng chẳng đâu ra được. Lúc nầy thung dung mà trúng đạo, chẳng gì khó khăn, cứ yên vui chung nhứt, phát triển cho tuệ giác mỗi lúc mỗi hiện bày. Khi tận được tánh, hiện được tâm thì Vũ Trụ muôn loài thấy như ở nơi bàn tay. Thật là câu “Kiến tánh thành Đạo” không sai! Dầu lúc nầy niệm có khởi thì cũng là chánh niệm tình có sanh, tình ấy bao la đúng Đạo, Khế hợp cơ Trời dục có móng lên thì dục nầy háo đức lạc thiện, an hòa Vũ Trụ.

Tóm lại, đạo Trung dung là Đạo lớn của Trời đất vạn vật, cốt dạy người làm Thánh làm hiền. Trước hết các bậc ưu thế mẫn thời muốn thi thố một việc nào muốn cứu nhơn độ thế, cũng phải tìm cầu cho được gốc lớn của thiên hạ là đạo Trung. Đạo Trung chính nó nơi thân mình. Nếu Trung ấy được hiện bày, thì làm được Thánh nhơn, suốt lẽ đất trời muôn vật. Trung ấy căn cốt của mọi sự mọi việc, nên ở đâu, hay lúc nào, cũng trúng Đạo. Đem áp dụng vào đời, thi hành mọi việc không đâu chẳng nhờ cậy đẹp cả ý người lòng Trời, đầy dẫy sự sống, lẽ thật hiện ra.

Muốn chứng đạo Trung, không ngoài sự chánh tâm thành ý. Chuyên nhứt ở đạo Trung, thì Trung cho thấy quyền năng phép lạ. Trung không nghĩa quân bình mà thôi, Trung là cho ta thấy một sự sống lớn bao hàm ở đâu và lúc nào cũng giữ được điểm then chốt làm căn bản cho Trời đất muôn loài.

Hễ thấy được cái Trung, dầu ở địa vị nào, nó cũng hoàn toàn chơn thiện như quẻ Kiền có sáu hào đều có cái trung cả nó. Nên người quân tử đặt mình ở đâu cũng đều hợp Đạo, mà khó là ở công phu suất tánh. Tu đạo nên biết phần khí cũng là một sự quan trọng làm sao khi đạo Trung khởi động, giữ sao đừng để nghiêng ngã vào đường tà. Nếu khi đã xa vào lưỡng cực âm dương, thì phải đem lại ở điểm hòa đó. Đó là Kim đơn Hoàng Cực thuộc về tu khí.

Hoàng Cực là điểm chí tinh chí yếu trong đạo Trung. Nhờ giữ đúng cái tâm thuật chấp hành quyền pháp, mà lòng người thuận theo, ý dân qui về một mối, nên bốn biển đều được thanh bình, thiên hạ chung sống trong cảnh ấm no hạnh phúc. Về sai Vương đạo mất, bá đạo tranh hùng gây nên hoạn họa cho bá tánh lầm than, là vì kẻ cầm quyền không chấp được Trung, rời ngôi Hoàng Cực.

1. Mà Hoàng Cực là thế nào?
2. Có phải trung điểm của Kiền Khôn, đầu mối vạn thù, âm dương hội tụ, mà là tánh mạng của vạn dân. Quyền pháp đó còn, thì không cần khó nhọc mà cũng được trị bình. Nếu đã mất đi, dầu mòn trán lỏng gối, vất vả khó khăn, cũng không sao thấy ngày hạnh phúc.

**b) Trùng tụng**

**THI**

 Trung Dung yếu lý đạo Nho tông,

 Nhứt dĩ quán chi, hoạch đại đồng;

 Tánh mạng tận kỳ siêu vạn pháp,

 Huyền quan nhứt điểm đạt huyền công.

**BÀI**

 Trông vào đời, đời hư đời loạn,

 Họa phái phe, bè đảng phân tranh;

 Kỷ cương phong hóa tan tành,

 Đạn bom khói lửa, máu tanh ngập trời.

 Thảm nỗi cảnh chia đôi đất nước,

 Thương những ai xuôi ngược lầm than;

 Sống say trong giấc mộng tràng,

 Thỏa thê xác thịt, nào màng khen chê.

 **Tình tiền** đã là mê tâm trí,

 **Lợi** **danh** quên giá trị con người;

 Gái xuân bán rẻ cuộc đời,

 Cao bồi du đãng ăn chơi ngông cuồng.

 Hầu như đám con buôn mọi mặt,

 Dầu cơ đồ giá đắc cũng trao;

 Sá chi Tổ Quốc, đồng bào,

 Bạc vàng đút nhét, việc nào cũng xong.

 Ôi thảm cảnh đồi phong bại tục,

 Xúm hùa nhau nước đục béo cò;

 Giữa hồi đen tối gay go,

 Dễ chi lấy thước mà đo lòng người.

 Ai là kẻ thương đời mến đạo?

 Ai là người hoài bảo sâu xa?

 Ai vừa tỉnh giấc Nam Kha?

 Lẽ nào xao nhãng bỏ qua cho đành.

 Há nỡ lòng ngồi khoanh tay lại,

 Phải tìm phương hoán cải sửa đương;

 Phật, Tiên, Thần, Thánh xót thương,

 Chỉ Nam Đạo Học mấy chương dạy bày.

 Tỉnh thức người mau quày chơn lại,

 Chạy theo đời thất bại khổ đau;

 Lo tu cứu vớt đồng bào,

 Cải tà qui chánh mà vào Long Hoa.

 Sứ mạng đã truyền ra khắp chỗ,

 Mở đạo Huỳnh, tận độ quần sanh;

 Khuyên ai bỏ dữ về lành,

 Thanh bình tái tạo, Trời dành thưởng ban.

 Tam kỳ hội Nhơn Hoàng xuất hiện,

 Người trở nên Thánh thiện hiền minh;

 Bốn phương cộng hưởng thái bình,

Phối thiên quyền nhứt, pháp linh dạy rằng:

 Muốn chứng Đạo, qui căn phục mạng,

 Rõ quyền năng nhơn bản triển khai;

 Tu tâm dưỡng tánh cho tày,

Đạt cơ tận thức không ngoài Trung Dung.

 Trung gốc lớn vô cùng thiên hạ,

 Vững không hề nghiêng ngã đổi thay;

 Dung theo định ý an bài,

Kiến cơ nhi tác, vãng lai tùy thời.

 Tánh Thiên mạng người người có đủ,

 Vốn thuần chơn, thường trụ, thường minh;

 Cho hay chơn tánh có tình,

Tình duyên ngoại vật, vô minh phủ mờ.

 Suất được tánh, tri cơ thấy Đạo,

 Tu Đạo nương lấy giáo làm nhân;

 Rõ phương xuất hóa nhập thần,

Con đường Minh đức tân dân trọn lành.

 Tu đạo gốc chí thành chuyên nhứt,

 Thành tắc minh, minh tức là thành;

 Noi theo Tánh Đạo nơi mình,

Tri hành trúng khớp, tâm tình rổng rang.

 Thấy được tánh, hồi quang phản chiếu,

 Rõ được tâm, minh liễu càng sâu;

 Quán thân phản tỉnh nội cầu,

Khải minh Lý thể nhiệm mầu bao la.

 Chính Thiên Lý cũng là nhơn lý,

 Dầu muôn tâm, hoàn chỉ nhứt tâm;

 Vô minh nên mới lỗi lầm,

Vẹt mây tỏ lộ trăng rằm sáng soi.

 Đám mù xúm rờ voi cãi cọ,

 Mở mắt rồi, thấy rõ toàn thân;

 Mới hay Thỉ giác, giác phần,

Đến khi cứu cánh, diệu chân tinh thuần.

**Mục 3. HOÀNG CỰC ĐẠI TRUNG**

**THI**

Đất Trời muôn vật bởi đâu ra?

 Đứng vững do Trung, có bởi Hòa,

 Biến dịch âm dương cơ vãng phục,

 Tâm thành chí lập, Đạo không xa.

**a) Kinh văn**

Pho sách Trung Dung là một yếu lý cao siêu của Nho Tông, dạy người làm Hiền làm Thánh; bí quyết nằm gọn trong hai chữ “**Tánh Mạng**”. Chứng Đạo đến đó thì cùng Trời đất vạn vật đồng một thể, tham tán thiên địa Tạo Hóa, mà hoàn thành cho Vũ Trụ vạn hữu. Nhân vị con người đến đó mới trọn xứng câu tam tài đồng nhứt thể. Mà có trực nhập Chơn Tâm mới tận kỳ tánh, mà tri thiên phục mạng. Tận kỳ tánh thì suốt được sự lý trong thiên hạ.

Vũ Trụ bao la, âm dương thần diệu mục trắc thế nào, cũng nắm trong gang tấc. Muốn dịch sử cuộc biến hóa nào, là vì mình chứng được Đạo Trung . Mà Trung là thể, chủ gốc nguồn điều lý quân bình, nằm trong muôn sự muôn vật. Tu chứng được Trung thì đạo tánh mạng hiển hiện, cùng với Trời đất không hai.

Tận được Tánh, thấu được Mạng, hoàn phục đạo Trung không ngoài sự phát triển đức “Thành”. Thành là mấu chốt đạt đạo. **Thành** thì **Minh**, **Minh** tức **Thành**. Minh Thành gốc là đẹp sạch lòng tư dục, chơn thật lòng mình, không để ngoại vật che mờ, thì tuệ tâm chói lọi. Thành Minh là thuần nhứt Thiên Lý chi tâm.

Tâm ấy rất huyền diệu, viên mãn, không cần tu chứng, không cần luyện mới thành, chẳng đợi giúp đỡ mới nên, không đợi gia thêm mới đủ, mà nó sẵn có, còn hoài; dầu ở Thành không tăng, ở phàm không giảm. Nhưng nó nằm trong khí chất, phần lớn do tư dục, tâm tà ngăn lấp. Như vừng trăng bị đám mây che phủ, mà ánh diệu quang không hiện phát khắp mười phương, nên đức Thành là tròn sáng trọn vẹn, phải nhờ có đức Minh, để phá dẹp lòng tư dục ngoại tà, cho trăng Chơn Tâm hiển hiện.

Minh Thành là hình nhi hạ, tu khí để đạt đến Đạo, bằng chế ngự âm dương, quân bình thiên địa, bảo hợp Thái hòa, nên hai chữ “Minh Thành” tương tợ như hai chữ Minh Lý, mà Minh Lý là gì, đã giải trong tập “Minh Lý Chơn giải”.

Hôm nay, đến mục “Hoàng Cực Đại Trung”, cũng mượn hai chữ Minh Lý là công cụ dọn đường để dẫn nhập đến ngôi cứu cánh là đại trung.

Trung là một thể hồn nhiên thanh tịnh, là nồng cốt cho tất cả. Trời đất tuy bao la, vạn vật đủ loại, vô cùng phức tạp, âm dương có đổi thay, biến hoá muôn nghìn vạn trạng thần diệu cách nào, hay vật bé nhỏ như mảy đầu bụi đầu lông, thời gian có chớp nháng từng một sát ma, cũng không thể tách rời đạo Trung. Mà có như thế, được như thế, Trung trùm khắp Vũ Trụ mầm sống, vẫn không còn của bất cứ một hình tượng nào, một di động mống khởi nào, nên nói: Trung là nòng cốt, là vĩ đại.

Người theo đạo Trung không có nghĩa trung lập, mà phải đạt cho được “thời”, chứng cho được “vị”, thì ở đâu và lúc nào cũng khế hợp với Chơn Tâm và Thiên Lý. Trung đây có thể nói là một định luật điều lý nguyên ủy, nằm trong vạn sự vạn vật, không một thể lực nào ngăn cản, hay đi ngược nó. Trung có thể là một luật tắc, Một cái gì mầu nhiệm điều kgiển Vũ Trụ Kiền Khôn.

Trí hữu hạn con người không sao thấy biết được, dầu Thánh cũng khó lường. Phải chăng lẽ mầu nhiệm kia quá sức khó hình dung miêu tả? Nhưng Thánh Nhơn cũng ý thức được lòng người, ngấm ngầm tự tin sự kỳ diệu bàng bạc khắp Trời đất và tiềm ẩn nơi lòng muôn vật, ở nơi sự chuyển vận mà tuần tự nhịp nhàng.

Có thể nói Trung cũng là Đạo, cũng là Thần, cũng là Vô Cực, cũng là Chơn tâm. Chính sự ngấm ngầm trong lý ấy chăng? Muốn đạt lý ấy, phải chứng cho được động cơ Tạo Hóa, là ngôi Thái Cực và hai thể âm dương.

Thái Cực hay Thượng Đế chủ tể Vũ Trụ muôn loài, điều hình âm dương mà Tạo Hóa. Âm dương là cơ tụ tán vãng lai, dịch di biến hóa, thần diệu mạc trắc không lường. Lẽ phản phục của đạo Trời, hiển vi vô gián, khi đối lập, khi dung hòa, tương giao để tồn tại sanh thành, khắc chế để biến thông, chuyển dịch thuận nghịch hai đường, giáng thăng tiêu trưởng trong một đồ biểu Bát quái Trung cung:

Tốn, Khảm, Cấn, Khôn: Âm trưởng dương tiêu hướng ngoại.

Kiền, Đoài, Ly, Chấn: Âm tiêu dương trưởng hướng nội, phục mạng qui căn.

Đường phục mạng qui căn theo đường nhứt dương sơ phục mà trở về với Chơn tâm Kiền đạo, lòng được sáng trong, lấy dương chế âm để hoàn phản trở về ngôi Thái Nhứt. Mà muốn đạt ngôi Thái Nhứt, phải thấu rõ Đạo ở chỗ Hoàng Cực qui trung.

1. Hoàng Cực là gì?
2. Là chủ tể của âm dương, bảo hợp được lưỡng thể cương nhu, điều nhiếp không còn có trong ngoài. Ấy là Huyền quan nhứt khiếu. Để rõ ràng tu học pháp môn liễu tâm nhứt quán, thì tạm mượn chữ Minh () là nơi lập địa tu hành. Chữ Minh đây là chữ trong câu “Nhựt nguyệt hợp kỳ minh”.
3. Hiệp tụ được âm dương, quân bình được tâm địa, thì phải làm sao?
4. Chữ Minh đã tượng hình Nhựt nguyệt là một cửa tổng trì. Nếu kẻ hành giả thấu thị được cơ mầu nhiệm nầy, có thể bỏ phàm vào Thánh, độ người ra khỏi vòng sanh tử luân hồi, cộng hưởng thanh bình cùng đất nước.

Sự sống không gì cần bằng nước với lửa. Nước lửa là căn bản của Vũ Trụ và nhơn sanh, muốn tồn tại không thể nào thiếu nó mà yên vững sống còn. Nước, lửa là yếu tố thời gian sanh thành biến hóa, làm cho không gian an lập. Hàn nhiệt vãng lai mà xuân, hạ, thu, đông nối nhau, vạn vật sanh sôi, Kiền Khôn hiện sắc. Nhưng nước lửa nếu không tương dung điều hợp mà xung trái loạn nghịch, thì cơ tiêu diệt sẽ phơi bày.

Vì vậy Thánh nhơn hiểu được lẽ huyền bí của âm dương, sự vãng lai của nhựt nguyệt, mà dạy người ăn ở cho trúng cơ Trời. Nếu cướp được máy Tạo huyền vi, thì việc đạt đến nội Thánh ngoại Vương cũng không là khó.

Phép tu đạo trước là đắp lấy nền móng cho vững chắc. Nền móng là gốc trị tâm, phá dẹp vọng tà, quân bình nơi tâm địa. Tâm địa được quân bình, thì mọi việc đâu đấy cũng ổn định. Ổn định thì tâm sáng suốt, thân phận được lâu dài.

1. Nhựt nguyệt là chi? Là tâm thận ở nơi ta. Tâm là Li hống, Thận là Khảm diên. Khảm Li cũng là huyền tấn tổng trì môn. Nếu hai thể được dung hòa ký hợp, thì trí tuệ tự khai.

Huyền là dương, tấn là âm. Âm dương chính là nhựt nguyệt, mà nhựt nguyệt hiệp với đắc kỳ minh. Muốn đắc minh, phải dùng phép tu quang khai thiên mục: hai mắt duy nhứt vào một điểm mi tâm thì chơn khí không còn phóng tán, thần được yên, vọng thức khó sanh. Phép tu quang là bước đầu của Sơ cơ, để hồi quang phản chiếu vào Trung huỳnh, đặt nhãn tạng vào đây thì hai khí nơi tâm thận triều viên (kết), Nhãn Ly giao hội, thủy hỏa ký tế, long hổ qui chầu.

Nhựt nguyệt đã thành Minh, thì khí trung hòa huân kết thành đơn. Đơn đây là thể hổn nhứt không còn thấy được dạng hình của Nhựt nguyệt, là minh đắc lý vậy. Minh đắc lý cũng nhu khí kết cùng thần, mà tính mạng đã thành một khối gọi là Trung nhứt. Trung là thể của hòa. Hòa là ngôi Hoàng Cực. Hoàng Cực là tổng hợp của hai thể âm dương, âm dương hườn thành một khí nguyên sơ (tất).

Hoàng Cực là một thể tổng hợp, con đường qui căn phục mạng, chứng nhập Chơn Lý, là một pháp môn đốn ngộ, không ngoài hai chữ Minh Lý (). Minh Lý là một bí quyết tối thượng, cái chìa khóa mầu nhiệm mở cửa bí mật cho nguyên căn, sớm đặng nhập Thánh siêu phàm. Pháp môn nầy từ ngàn xưa đến nay, chư Tổ, chư Thánh cũng do bí quyết nầy mà đạt chứng quả vô lậu bồ đề. Tuy đơn thơ có chỗ ẩn chỗ bày, hoặc đặt nhiều tên, âm dương, tánh mạng,..v..v…

Muốn được trường sanh, muốn thoát khỏi luân hồi sanh tử, đoạn dứt vòng xích nhơn duyên, cần biết tìm lại nguồn đầu, gốc sanh ra Trời đất, người vật, nhận được bản lai diện mục của mình. Bản thể ấy diệu tịnh minh giác, hư triệt linh thông, cớ gì loanh quanh mãi trong vòng dịch hóa, mà kẹt giữa gọng kềm âm dương câu thúc, điên đảo mịt mù, chẳng thấy được thân tâm. Nên mượn Đạo Học Chỉ Nam mà xét lại, tìm cho ra manh mối, mà phăng về cội gốc nguyên sơ, bảo toàn tánh mạng.

Nguyên sơ là lúc chưa có đất Trời Vũ Trụ nầy, chỉ là một khí không hư ngưng kết thành một khối hồn nhiên, cực huyền, cực diệu. Khối ấy trong Vô Cực hiện ra gọi là Thái Cực. Tượng trưng Thái Cực Thánh nhơn mượn một vòng tròn, gồm có điểm đen trắng. Đen trắng tượng hình âm dương. Âm dương còn hồn nhứt trong đại thể ấy. Đại thể duy nhứt, bất phân là trung tâm, là chủng tử sanh thành gầy dựng Kiền Khôn Vũ Trụ sau nầy.

Trước khởi kỳ thỉ, chưa có một tượng hình động tịnh, nên gọi Tiên Thiên.Ta có thể tạm mượn chữ Minh () làm thể Thái Cực. Chữ nhựt nguyệt còn hồn nhứt, gọi là Minh. Minh đây là viên minh Diệu giác, tự tánh Chơn như.

Khi Thái Cực phân nghi, âm dương hiển hiện, thì Trời đất được dựng nên, muôn loài sanh sôi nẩy nở, rẫy đầy trong Vũ Trụ là then chốt, biến hóa trong Trời đất, có đóng có mở mà có tử có sanh, có giáng có thăng nên có siêu có đọa, hàn nhiệt vãng lai, ngày đêm thay đổi, lòng người ấm lạnh, hậu bạc khôn lường.

Tóm lại, cuộc dịch hóa nối tiếp triền miên bất định, luật biến thiên chẳng chút ngưng nghỉ. Đó là nhứt bổn tán vạn thù. Chữ dịch cũng là tượng thể Nhựt nguyệt, nên chuyển biến vô cùng. Muôn loài sống trong mờ mịt, biến động đổi thay, từ phút từ giờ, tất thảy đều nằm trong biến dịch, đần độn luân lưu, xô xát ầm ĩ, nổi chìm trong dòng nước cuốn lôi.

Cảnh đời là thế. Kẻ nhân người trí biết giác ngộ, tìm về nguồn đầu tự tánh của mình, cũng không bí quyết nào để hoàn nguyên nhập Thánh, ngoài chìa khóa âm dương hiệp thể, nhựt nguyệt thành minh. Minh khởi thỉ là minh Thái Cực. Minh hoàn nguyên là Minh Hoàng Cực.

Hoàng Cực theo Cửu trù dựa đồ Lạc Thơ, vạch thành một hiến chương quyền pháp, đặt sứ mạng cho chủ tể thay Trời trị dân. Bốn biển muốn thanh bình, phải dưới trên nhứt trí ở ngôi Trung, thì phúc lành được ban, chảy đến mười phương. Ơn Trời quyết ở nơi Hoàng Cực.

Hoàng Cực là trung tâm, sự sống của thiên hạ, mẫu mực bảo vệ giá trị nhơn cách của vạn dân. Con người phối đồng thiên địa, nhau rún đó là, tánh mạng ở đó, thưởng phạt nơi đó, còn mất do đó, trị loạn tại đó: Mọi việc đều ở đó.

Hoàng Cực là tối cao. Đó là nền móng chung, cửa thông công trong tam Cực. Đó là trung tâm của một quốc gia để bảo đảm cuộc sống còn và đẩy bước nhơn sanh lên đàng chánh giáo, hoàn thành thế đạo nhơn tâm, hưởng cơ thịnh trị. Tâm ấy là tâm của một đất nước, một thế giới, một hoàn cầu. Tâm đó là ngoại tâm.

Muốn đạt đến cơ tận thức, thành Chánh giác đại Thánh, đại Hiền, phải thấy được cái Hoàng Cực ở tâm ta. Hoàng Cực nơi người là trung tâm mầu nhiệm đồng thể cùng Trời đất, đồng nhứt với tâm của chư Tổ chư Phật. Người nương đó mà chứng quả vô lậu, thoát kiếp luân hồi, đoạn diệt vô minh, thành ngôi đại giác.

Tâm ấy hầu như nhơn loại buông trôi ra ngoài cảnh giới, nên chưa thấy được tâm mình. Chỉ ai nấy cũng nhận quả tim (nhục đoàn tâm) rung chuyển, phát ra dòng suối tư tưởng ý niệm, mà gọi là Tâm không ngờ nhận lầm vọng thức giả tâm, rồi khư khư chấp nhứt, thật là sai lầm! Đó gọi là giặc làm con, nhận tớ làm thầy bảo sao không kẹt mãi trong vô minh tội lỗi. Thế nên không nhận quả tim đó là Chơn Tâm, thì cái gì mới thật là tâm Chơn như bình đẳng?

Cái tâm nầy không phải dễ được, dầu được cũng khó giữ, vì muốn giữ được chỉ có người giác ngộ buông bỏ danh lợi giả tạm, cầu được cái Chơn thần đời đời. Tâm ấy giống như thể chữ Minh (), một là âm dương hiện nhứt. Tâm ấy coi là Chơn tâm Diệu tịnh bản lai không phải ở trong hay ở ngoài, ở trên hay ở dưới. Đâu phải tại thận, đâu phải tại tim, mà nó là thể Khảm Li phối ngẫu, thủy hỏa ký tế, diên hống hiệp thành. Trên thận, dưới tâm, là một khiếu Huyền quan, thông đồng tam giới, một cửa Mồ kỷ lưỡng thổ thành khuê (), một khí một thần giao cảm luyến ái nhau, kết nên Kim đơn diệu dược.

Lão tử nói: “Cốc thần bất tử, thị vị Huyền tẩn. Huyền tẩn chi môn, thị vị thiên địa chi căn” (1)

Cốc thần bất tử phải chăng là Chơn tâm mầu nhiệm?

Huyền tẩn là một âm một dương. Âm dương đã hiện nhứt thì tánh mạng chứng liểu không phải khó khăn, để lần lượt đi sâu vào phương tu luyện lưỡng bát chi huyền (2), phanh luyện thành đơn, hống diên tương chế, chỉ quán lần lượt chỉ bày.

Chư tu sĩ nên nhận kỹ cái Chơn tâm của Vũ Trụ, là Thái Cực âm dương hồn nhứt. Đó là đầu mối Vũ Trụ vạn vật. Thái Cực là Chơn tâm đó, mọi người mọi vật đều có Thái Cực. Nếu giữ được hai khí hồn toàn, thì làm Phật làm Tiên. Còn hai khí đó tách rời ra, thì làm chúng sanh luân lưu trong lục đạo, mà hai khí hiệp lại là

Chơn tâm, phóng tán chi li là vọng thức

(1) Câu nầy có nghĩa là: Cốc thần chẳng chết, đó gọi là Huyền tẩn. Cửa Huyền tẩn là căn bổn của trời đất.

1. Sao gọi là Cốc thần?
2. Hang động trong núi gọi là Cốc, ý nói tâm trống không. Biến hóa vô cùng gọi là Thần, đây chỉ khiếu Linh minh. Chẳng chết là luôn luôn tỉnh táo, chẳng chút mê muội.

Người xưa nói: “Muốn đặng Cốc thần thường chẳng chết, phải dùng Huyền tẩn lập căn cơ”.

1. Sao gọi là Huyền?
2. Huyền tức là Trời (dương).
3. Sao gọi là Tẩn?
4. Tẩn tức là Đất (âm).

Trời Đất hiệp thì thành Huyền tẩn. Có Huyền tẩn rồi thì hai bên đóng mở, thành một khoảng giữa (âm dương hiệp nhứt, giữa có Chơn ý), khi lên khi xuống, lúc lại lúc qua, quây quẩn trong chỗ trống không. Đó là cửa Huyền tẩn.

Đức Khổng Tử nói: “Kiền Khôn là cái cửa của biến dịch”, phải là đúng lắm chăng?

Cái cửa nầy là đường âm dương qua lại, chỗ Trời đất Tạo Hóa, nơi phát sanh người vật. Đặng nó là sống, mất nó là chết. Người muốn luyện Kim đơn để đặng trường sanh, mà bỏ ra ngoài cái cửa Huyền tẩn, thì không ngỏ vào tắt hơn nó nữa. Thế thì nó chẳng phải “căn bổn của Trời đất” là gì? (Coi cuốn Đạo Đức Kinh của Huỳnh Ngươn Kiết, chương thứ 6 “Thành tượng”).

(2) Lưỡng bát chi huyền, nghĩa là: Hai thứ huyền của mặt trăng (quartier de la lune), một bên tám lượng, một bên nửa cân (cũng là tám lượng), nên gọi lưỡng bát, nghĩa là hai cái tám lượng.

**TIẾT THỨ IV: PHƯƠNG MÔN TU LUYỆN**

**Mục 1. Tu Kim đơn là hiệp Thần Khí, Nhựt nguyệt**

**a) Kinh văn**

 Tu luyện Kim đơn đại Đạo gốc ở thần khí. Thần Khí là tánh mạng. Tánh mạng phải song tu, thì con người mới trường sanh, chứng quả. Trường sanh đây không có nghĩa về thân thể hữu hình nầy, tồn tại mãi mãi như Trời Đất, vì hữu hình tất hữu hoại. Dầu sống lâu như Bành Tổ, cũng chưa phải là chơn phúc của con nguời.

 Những người tu luyện giữ được nguyên khí, thì không đến nỗi yểu vong, mà cuộc sống thể chất cũng được tráng kiện, hào hùng. Họ ngăn chặn phong hàn thử thấp xâm nhiễm, bá bịnh tiêu trừ, mà tâm trí cũng an vui, sáng suốt lạ thường, vượt ngoài kiếp nạn. Chẳng thế mà hình thần còn được cư diệu, chơn tánh siêu xuất ngoài tam giới, đồng cùng Trời đất, không bị một định luật nào hay một nghiệp chướng nào làm trở ngại, che lấp được tuệ mạng Diệu tịnh Chơn tâm.

 Nếu tâm ấy được hiện thân chủ tể nơi người, thì muôn đức chương chương, thần trí minh lãng suốt thông, bịnh tật gì chẳng tiêu, hoạn họa nào chẳng sạch, trên ứng sự tiếp vật đúng với khuôn phép. Gốc nó đầy đủ, nói nhân nói nghĩa, học hiếu dạy trung, gặp việc là ứng ngay, đúng thời đúng lúc. Nếu không hợp được âm dương, qui được thần khí, mở không được cửa Huyền quan, thì làm gì bình hòa được cơ thể mà bày lòng trắc ẩn, tu ố, từ nhượng, thị phi.

 Nếu gắng mà làm, gắng mà được bao nhiêu, miễn cưỡng để ăn ở với xã hội gia đình, cũng lẩn quẩn trong con đường danh lợi. Dầu quí thân bảo mạng, để quân bình trạng phủ, điều dưỡng sức khỏe, thì phải dùng thuốc men. Nhưng hư đâu chữa đó, suy tâm kém thận, bại khí đau tì, vá đắp chỗ nọ thì bị hỏng chỗ kia.

 Tâm thể khó quân bình, thì bịnh tật dễ sanh; mà bịnh đã lan khắp tạng phủ, làm gì có tinh ba phát tiết ra ngoài, nào nhân nào nghĩa, biết hiếu biết trung. Có chăng cũng là một vài bộ phận nào cũng chỉ thiên lệch, đâu được chính trung ở trọng tâm, do Hoàng Cực xuất hiện.

 Người chính nhân quân tử, tuy không tu mi Kim đơn, không thành đạo sĩ, nhưng họ giữ được chánh khí nơi lòng, nên thần hồn học được sáng trưng, việc làm họ quả quyết thẳng băng, không sợ oai lực cường quyền, không thiếu từ tâm với thiên hạ. Còn kẻ tà vạy, dầu bạo chúa át được mọi người, mà không thể át nổi kẻ chánh nhơn đầy chánh khí.

Chánh khí đã xung thạnh, thì tà khí bị đẩy lui, trí tuệ được nháng lên, thì lòng hôn mê được rửa sạch. Nên kẻ học đạo, khi đã nhận được pháp môn hạ thủ công phu, muốn khỏi mất nhiều năm lắm công mà chưa thâu kết quả, phải bình tỉnh suy nghĩ kỹ càng. Nếu vội vàng tự thị, không theo từng thứ, hoặc lúc lập địa tu hành, đặt không đúng chỗ, bắn không trúng hồng tim, biết không rành diệu khiếu, thì bỏ ra nhiều năm mà thâu kết quả lại ít, hoặc còn hỏng to mà bán đồ nhi phế là khác.

 Cái diệu khiếu đã chỉ, không ngoài hai chữ nhựt nguyệt ghép thành, hoặc nói khí thần tại đó, thủy hỏa cũng đó, chính là Khảm Li, diệu lý không lường. Nếu nói chỉ là Khãm, hay nói quán là Li, Chỉ quán là một phương tu cần học cần hành. Lúc đáng chỉ để thâu phóng tâm, an thần tụ khí; lúc nên quán để cho thần khí giao hội, tỉnh sát nội tâm, hoặc lấy hống để chế diên, hoặc dùng diên để giữ hống.

 Phương tu nhiều lớp, song lớp dầu phải cách mạng cho được bản thân, quét sạch vọng duyên tà khí, lo hoàn phục Chơn tâm, chế ngự những thói quen vượt ngoài khuôn phép ngăn tình chế dục, hiến cho lòng yên ổn. Kế hai mắt gom vào một điểm Thiên mục, rồi đem mắt ngó xuống Huỳnh trung. Hễ mắt đến đâu thì thần theo đó, mà khí cũng qui về; thần nương nơi khí mà đến, khí nương nơi thần mà đi.

 Thần khí luôn luôn không hề rời bỏ nhau. Nếu khí cũng tán thì thàn lìa, thần ngưng thì khí tụ. Thần là lửa, khí là thuốc. Thuốc để nuôi thần, thần được trường sanh, thần hay biến hóa, nên đặt chữ Minh để thí dụ là: “Thần khí quí trung”.

1. Không có đủ tam bửu: Tinh, Khí, Thần, làm sao nên người, nên Đạo?
2. Đây nói thần khí mà không nói tinh, là vì tinh hàm ở trong khí. Nên viết chữ Nguyệt () là quẻ Khảm, mà Khảm thuộc thủy, thủy là tinh, thủy do kim sanh, khí do tinh hóa.

**Mục 2. Tam ngũ hiệp nhứt**

 a) Bắc Tây sanh Kim tình (phách)

 Đông Nam sanh mộc tánh (hồn)

 Bây giờ lấy quẻ Khảm là chữ Nguyệt để chỉ trong Khảm có gạch liền là Chơn khí. Chơn khí trong Khảm tức là Chơn kim thuộc quẻ Kiền. Thuận thì kim sanh thủy, mà nghịch luyện cho thủy hườn Kim, nên gọi luyện tinh hóa khí. Tinh đã hóa khí thì mạng bửu được sung mãn.

 Tinh không hóa khí thì tinh lậu, khí tiết, thần hồn hôn mê, mạng căn suy hoại. Tinh đã tiết lậu thì tình động, dục sanh, gây nên họa khổ cho con người, chẳng những kiếp sống hiện tiền, mà còn nối kéo mãi trong ba nẻo sáu đường, vô lượng kiếp trải qua, biết bao giờ dừng nghỉ. Nên phương pháp tu đơn để giữ mạng sống cho con người không chi hơn là ngăn tình, chế dục đoạn niệm, để tinh không lậu, khí không hao thì thần được sáng, tánh mạng bền chặt, hưởng phước trường sanh.

 Khi tinh đã hoàn về khí, thì khí mới hóa Thần, mà Thần hườn hư. Nghĩa là chiết Khảm điền Li, Khảm Li là hậu thiên hoàn phục lại tiên thiên, thì Li thành Kiền, Khảm thành Khôn, Kiền Khôn định vị, ký hiệp với nhau một lần nữa, mà thành quẻ Địa Thiên Thái.

 Kiền Khôn giao cấu, thủy hỏa ký tế là phương nhập Thánh siêu phàm. Phương tu luyện Kim đơn là mượn hình Li Khảm trong lúc sơ cơ, để người cầu đạo được ý thức qua hai quẻ nầy bằng chữ Minh, trong ấy chỉ có nhiều công phu, nhiều môn khẩu thọ.

 Nói khí sanh tinh, tinh hoàn lại khí (phách), là nói kim sanh thủy, thủy hườn lại kim, là chỉ “bắc nhứt tây phương (kim) tứ cộng chi” ở Hà Đồ. Trong gạch liền giữa quẻ Khảm là Kiền kim, tiền thiên nhứt khí lạc trong hậu thiên, mà kim sanh thủy lưu tán dịch hóa trong hồng trần. Khảm là hãm là hiểm, là biển khổ sông mê, nguyên khí nằm trong hiểm.

 Muốn thoát hiểm chẳng phải dễ dàng. Phải luyện đạo nhiều lần, bỏ quặng thiếc thau đồng, mới đặng vàng y thoát ra khỏi khoáng. Muốn luyện nấu, phải nhờ lửa để trui rèn, lửa ấy là quẻ Li. Người tu luyện khí không nên quên đôi mắt chú nhìn vào gạch liền ở Khảm. Thần hồn luôn luôn quán chiều vào đó, để dưỡng kiện và tấn kiện, thì khí hóa thần.

 Thần khí tương quan, đi ở có nhau. Như mặt nhựt mặt nguyệt tuy luân chuyển, trông như hai đường cách biệt, song thường thường lại hội ngộ nhau ở chỗ Nguy sao Hư . Nếu dương không tần thì mặt trăng không hề sáng được, mặt trăng sáng là nhờ mặt trời vào đêm mồng ba, vòng câu lóe ửng. Đó là phách sanh hồn (Đây về khẩu quyết).

 Chỉ có pháp thâu phóng tâm, phản tỉnh hồi cầu. Tâm ngồi yên thì khí không vọng động, mà tinh cũng trong lặng qui về gốc, thì làm gì còn có chuyện rắc rối xảy ra? Tâm đã không ra khỏi cửa sáu căn, thì duyên trần khó bề nhiễu nhương ám ảnh. Tâm được định, thần ngưng tụ, thủy hỏa huân chưng, lâu ngày kết nên thai Thánh.

 Pháp ấy xưa nay nhiều người đã chứng được không ngoài chữ Nhựt Nguyệt hiệp thành Minh. Minh là Trung (). Trung mà không có Nhứt thì cũng như Quốc thổ không có quân vương. Trung ví như Vô Cực là Minh, Nhứt ví như Thái Cực là Lý.

 Lý hàn một yếu quyết gồm nhiều phương diện, nhưng đây chỉ mượn một phần nào để giải sơ về pháp môn tu luyện, chỉ chỗ bí nhiệm cho những khách thiện duyên coi đây mà làm tôn chỉ, quay lại chỗ nguồn đầu, gọi là: phản bổn hườn nguyên.

Đạo ấy lấy Lý làm thể, mượn Minh làm dụng. Thể dụng tuy không hai mà hai, không một mà một. Nên chữ Minh và Lý đứng về phương diện đời hay đạo, hiện tượng hay Chơn như, tất là mật thiết, không sao tách rời được. Lý là chủ thể Thái Cực, Minh là nhị khí âm dương. Trong Trời đất không chi ra ngoài hai thể đó. Đó là Nhựt Nguyệt khi tụ khi tán, khi tương đối khi dung hòa, sanh khắc biến thiên mà Vũ Trụ trở thành thần diệu, năng tạo, năng hóa không lường.

 Ở trong thân người thì thần khí, tâm thận, rất quan hệ: siêu đó, đọa đó. Tâm là nơi thần ngự. Thần là chủ soái muôn quân. Người muốn đứng đắng là người thì phải “Hư tâm thật phúc”. (trống lòng phàm đầy lòng Đạo). Tâm được hư thần được sáng, chơn hỏa là tánh thuần thiện. Nếu tâm bất chánh thì giả hỏa hừng lên, làm mờ thể tánh, mà con người tháo cấp, cuồng loạn, bất minh.

 Tu luyện Kim đơn chánh ở gốc tâm thành ý, mượn thế Đạo mà cấu thiên Đạo, quay Nhơn tâm trở về với Đạo tâm. Tâm rổng rang là thể của cung Li. Li là hỏa, hỏa do mộc sanh, mà mộc là chánh thuộc can. Nên luyện thần, pháp tu đem thần trở về gốc, là hỏa hoàn lại mộc, thần hồn duy nhứt, thể tánh được vượng sanh, không bị tiêu hao mà còn phát nhuận. Sách gọi là: “Trồng sen trong lửa” là ý nghĩa câu: Đông tam (tánh hồn) nam nhị (tâm thần) đồng thành ngũ. Tinh, thần, hồn, phách, gom về một mối gọi là: tứ tổ qui gia, hoặc nói chiết Khảm điền Li, tam huê tụ đảnh thì cũng chẳng gì lạ, chỉ có Minh và Lý mà thôi.

 Tóm lại, đoạn nầy là phương tánh mạng song tu, hiệp thần khí, tạo nên Kim đơn Hoàng Cực, khai thông cửa Huyền tẩn, để thấy được Chơn tâm. Thần ngưng thì khí tụ, tam bửu đủ đầy, hiệp ngũ qui tam, để hoàn thành cơ siêu phàm nhập Thánh. Nếu biết ngưng thần vào khiếu ấy thì muôn bịnh đều tiêu, nghiệp duyên đoạn dứt, hoạn họa cũng tiêu trừ. Có thể nói hoàn thuốc cải tử hườn sanh.

**b) Tứ phương qui trung, là Lý, là Mồ Kỉ môn, là Chơn ý**

1. Minh đã vậy, thì Lý thế nào?
2. Đem từ nét mà phân tách, hay lấy từ bộ mà giải bày, mở rộng cho người được nhận thức mà men vào hậu thất. Chữ Lý gồm có ba bộ phận. Một là chữ vương , hai là chữ minh “tạm mượn” làm chữ Đạo , ba là chữ Khuê , ghép thành chữ Lý. Vương là tinh, khí thần hiệp nhứt, thì đơn đạo được thành.
3. Làm sao hiệp nhứt?
4. Trong ấy có một sanh cơ đã kết chặt, làm cho nó khắng khít không rời. Ba báu nầy nếu phân tán thì mạng sống không còn, thân người khổ đau, nhu nhược, mà Minh ngươn chìm đắm trôi dạt nơi biển nghiệp đời đời.

Phương tu dạy người quay ngược cái nghe, cái thấy ở tai mắt vào trong, thì thần không tán, khí được nương gởi ở thần.Thần khí tương quan, không hề rời nhau, như gà ấp trứng, thì tinh không bị vọng tâm tiếp xúc với thần sẽ tụ tinh. Tinh tụ thì khí đầy, thần sáng. Ba báu nhồi chung một khối, ấy là qui tam hiệp nhứt, nhờ có sở chủ là Vương.

Chủ đã có, tức là chính khí phục sinh, đạo tâm sanh, nhơn tâm tử, quyền pháp trọn nơi mình, đường đọa siêu tự quyết, không còn sợ ngoại vật xâm lăng, nghiệp oan ràng buộc. Một đôi tuệ kiếm dẹp sạch muôn tà, chặt đứt vòng xích nhân duyên, đoạn lìa sanh tử luân hồi. Ấy là thư hùng một cặp, là chữ Đạo () nằm trên Kỷ Mồ chi thổ.

**Thư hùng kiếm cũng là nhứt huyền nhứt tẩn, một Kỉ một Mồ, chế luyện cần một công phu đúng mức, thì song đạo ấy thì đành chặt thép như chặt bùn, song còn sắt bén ghê hồn là phá được mê hồn trận vô minh địa ngục, đoạn lìa can trái nhân duyên, gọi là gươm trí tuệ.**

Muốn biết trí tuệ là gì, nên coi lại quẻ Phục, Phục là trở lại (bằng lai), Phục là nhứt dương động, chính khí trở về, thần trí tuệ hiện ra, tức là chữ Khuê ghép hai chữ Thổ, lưỡng Thổ thành Khuê, ấy là Bát Thuần Khôn thuần tịnh, mà tịnh là nền của động. Nên Phục do Khôn mà ra vậy.

Tam học nhà Phật gọi là: Giới, Định, Huệ. Giới tức là răn đe lòng mình. Định là ngăn chỉ được dục vọng tà tâm. Khép thân trong khuôn viên đạo pháp. Bế ngũ quan thì trần duyên khó nhiễu nhương ám ảnh, tam độc hết xâm thì thân tâm thanh tịnh. Định lâu rồi trí tuệ hiện ra, đó là Khôn thành Phục.

Gay go là lúc nầy. Phải biết hướng nó, giữ nó, nuôi nó. Nó là mầm sống bất tử, là hoàn thuốc linh đơn, là kết thai nên Thánh. Nên chữ Khuê có nghĩa là Đơn khuê, thuộc công năng khử trừ muôn bịnh, cải lão hườn đồng. Được nó thì vô sanh, thành Tiên tác Phật. Cũng có nghĩa là Đao Khuê diệt tận sanh tử luân hồi, chặt lìa ái ân trần lậu, vô minh. Hai Thổ là Kỉ Thổ thuộc Li, Mồ thổ thuộc Khảm. Li Khảm kết, hống diên thành, Chơn ý hiện ra động cơ mầu nhiệm, mở đường chỉ lối, là chủ chơn trong nột thất. Sách gọi là Huỳnh Bà.

Huỳnh Bà cũng là Chơn ý, do hai Thổ hiệp thành. Nếu tu Kim đơn mà không có Chơn ý, thì chẳng sao thành Đạo. Biết đâu là dương sanh dược sản, thời khắc non già, tấn hỏa phối phù, đại tiểu châu thiên. Chơn ý thật là quan yếu trên con đường siêu phàm nhập Thánh.

**c) Chơn ý là trung ương thổ**: Vạn thù qui nhứt bổn

Tóm lại, người mà giác ngộ nhận được Chơn ý, mau mau sớm cầu bí pháp, thoát ngoài vòng sanh tử, quay trở về ban sơ, hầu xứng với cái danh đồng cùng Trời Đất, mới khỏi hổ con người tối linh hơn muôn vật. Nếu không dừng bước quày đầu, thì âm dương dịch sử nghiệp chướng đầy mình vào vực thẳm hố sâu. Tuy hình dáng là người, mà tâm địa khác nào cầm thú. Bởi vô minh bao phủ, làm gì thấy được chính mình, đã bị trốc gốc, trôi dạt nổi chìm nơi biển khổ, quên cái Bản Lai diên mục quang huy lãng diệu, mờ mịt mà tự cho khôn sáng, ở trong Địa ngục mà nói đó là Thiên Đường.

Bởi vậy pháp trúc–cơ khẩu quyết cho người trước hết là dứt trừ vọng–niệm, thân tâm thanh tịnh, buông xã vạn duyên, hơi thở nơi mủi miệng điều hòa, ra vào nhè nhẹ núp khí coi như đóng mà không đóng, mở mà không mở, lần lần mũi miệng không còn nghe hơi trong họng ra vào, thì nguồn khí nơi trong sanh khởi, máy tạo xoay vần không sao biết được do đâu mà thiên địa hiệp bích, nhựt nguyệt đình Luân.

Nghiêm chỉnh được thân tâm, niệm niệm tự đoạn, ngoài không nghe thấy Trời, đất, người, vật; trong không còn dấu vết thân tâm, thì lòng được an ổn mà phát xuất một khí xung hòa. Khí ấy đầy rẫy khắp châu thân, khiến lòng như hoảng như hốt, đồng cùng Thái–hư, đem tam bửu tinh khí thần vào trong khí huyệt, lấy âm hỏa ở cung Li, đem xuống Cung Khôn đốt nóng đít nồi, Khảm thuỷ bốc thành hơi, gọi hỏa bức kim hành, tinh hóa khí, khí hóa thần, hoàn lại hỗn độn Thái hư Nhứt khí. Ấy là phương tu phản bổn phục sơ.

Nói một cách khác, sự thiên biến vạn hóa, nhứt bổn tán vạn thù, mà phép cách vật trí tri, thật không phải suy cầu từng nhánh nhóc đa thù, mà nắm cho được then chốt ở người là thần khí. Bởi đó mà khởi ra đường đọa đường siêu, bên phàm bên Thánh. Hễ chia lìa thì sanh tử luân hồi lộn quanh trong lục đạo, bằng hiệp nhứt thì đăng thiên đắt Thánh, Tạo Hóa đồng quyền. Hễ phóng tán với ngoại vật thì tiêu hao mờ tối, bằng thâu hồi trong nhứt khiếu thì hồn còn viên giác.

Vạn thù qui nhứt là thâu phóng tâm, ngăn loạn tưởng, tánh mạng thành một thể bất phân, ấy là âm dương trong Thái Cực, thần khí trong Kim đơn, chẳng chi ngoài Kiền Khôn Li Khảm, thủ phúc thận tâm, mà chi tiết phải theo khẩu quyết trong chín tiết công phu, tiệm tu tiệm ngộ.

Nhưng khẩu quyết dầu hay đến đâu, Minh Sư dầu được hoàn thiện, cũng phải do một phần công đức tiền căn và phát tâm nhứt thành chung thỉ, thì đại Đạo dễ thành. Còn kẻ nặng nợ oan gia, kết nhiều nghiệp chướng cũng phải phát tâm thành thiện, tác phước lập công, thân cận cùng người thiện trí chơn tu, đè nén hỏa tâm kiêu khí, luyện cửu chuyển chi pháp.

Đối với xã hội nhơn quần, cảnh có thuận nghịch làm sao, cũng không bộc lộ quá vui quá buồn. Rèn luyện mình mọi thử thách không núng nao, nghĩa nhơn xử trọn, thì bước vào mật thất cầu tu, tưởng không còn khó mấy. Thế thì pháp tu đâu phải riêng dành cho bực thượng căn, mà kẻ hạ ngu, nếu biết giác ngộ, thì vào nhà Tiên Phật tưởng cũng dễ dàng.

**Mục 3. Nghĩa Kim đơn theo các quẻ Châu Dịch.**

 Đạo Học Chỉ Nam bàn nhiều về Vũ Trụ, để thấy nguyên lai có ra Trời đất và vạn hữu chúng sanh. Sở dĩ cuộc biến hóa âm dương là chủ tể, Thượng Đế Thái Cực là trung tâm cho đại thể Tạo Hoá, then chốt mầu nhiệm đó chẳng khá nghĩa bàn. Song cơ mầu nhiệm đành là tối linh huyền bí của Đạo Trời, Đạo ấy tuy không tiếng không hơi, bao hòa rộng lớn đến đâu, cũng không ngoài hai mối âm dương nằm trong Thái Cực.

 Thái Cực chính cũng sâu ẩn ở lòng mình, nên nói Trời, Người một Đạo. Người ai cũng thọ một điểm linh quang, nhờ âm dương nhị khí mà thành hình, thì người và Trời có khác chi đâu! Ngặt là Người không chịu tìm hiểu cái lẽ biến hóa của âm dương một linh ngươn thần diệu đủ quyền năng Tạo Hóa ở người, mà người buông trôi, bỏ gốc theo ngọn, làm sao tránh được cuộc dinh dư, tiêu tức, mà không chìm nổi linh đinh?

 Nguyên Đạo Trời là âm dương, đạo Người là tánh mạng. Âm dương tức là Kiền Khôn, tánh mạng tức là thần khí. Lìa thần khí không phải hai tên, Kiền Khôn có đâu nhị thể, gốc đầu là một. Một mà phân ra có động có tịnh, có giáng có thăng, khi lại trưởng khi lại tiêu, tụ thì thành hình, tán thì hóa khí.

 Song người mà ngộ liễu được tánh mạng triệt tận chỗ âm dương, thì hình hóa đức, khí hườn linh, thì thần cơ không lường được. Con người là một ngôi trung, trong ba thể liệt ở tam tài, nhơn bản biết vung trồng điều nhiếp được cơ cấu ở bản thân, thì quyền năng ấy tưởng không khác nào một Trời con, có thể thay Ngài mà gánh lấy cơ đồ Tạo Hóa.

 Phật Tiên được thành tựu: Cao minh phối thiên, bác hậu phối địa, là các ngài chỉ biết thấu lẽ mầu nhiệm trong thân tâm, khéo giữ còn và trưởng dưỡng, nuôi Đạo Tâm mà kèm chế được nhơn tâm, phản tà qui chánh, hoàn phục lại chỗ Linh Ngươn Bản lai diện mục của mình, có sẵn từ lúc chưa sanh thân nầy, vui thích cái đạo thanh tịnh hồn nhiên mà kiến cơ nhi tác, đến chỗ hoát nhiên đại ngộ hễ cảm liền thông.

 Kiền Khôn là hai thể tuy khác tánh, nhưng lại hiệp đức. Kiền là dương cao minh chánh đại, linh hoạt thần diệu không lường, làm chủ quần âm. Âm là Khôn lại nhu thuận, bác hậu, tà tiểu, cũng thần diệu như Kiền. Người tu mượn thể Kiền Khôn làm tánh mạng để dụng công tấn dương hỏa, vận âm phù. Khôn luôn luôn phải thuận theo Kiền vì âm không thể tự sanh thành. Âm nhờ có dương mà sanh thành muôn vật. Tuy Khôn không nguyên hanh, nhưng thuận với Kiền mà có nguyên hanh và lợi.

 Soán viết: “Khôn nguyên hanh lợi tẩn mã chi trinh, tiên mê hậu đắc chủ, lợi tây nam đắc bằng, đông bắc tán bằng, an trinh cát”.

 Nghĩa là: quẻ Khôn là đầu, là hanh thông, lợi về nết trinh của ngựa cái (lâu bền). Quân tử có thể đi tới (có tương lai), trước mê sau đặng là chủ, lợi ở hướng tây nam thì gặp bạn (đặng dương), còn đến đông bắc thì mất bạn (mất dương).

 Nguyên thể của Khôn là thuần tịnh. Tánh đức rất nhu hòa, sự kết quả lớn lao thành hình và trở đở, nấng nuôi muôn vật. Lợi ấy biết tùy thuận theo dương, giữ trọn nết trinh thuận, không hề chống trái. Dương trưởng thì âm sáng, như mặt nguyệt mỗi ngày từ đầu tháng đến 15, lần lần tròn đầy tỏ rạng, cũng thuận theo dương, mà mười phần mòn mỏi tiêu hao như từ 16 đến 30.

 Dương là chủ mà mất chủ, nên phải bị mê, là tự chính bản thân của anh trái ngôi thất vị, nên nói tiên mê. Mê mà không tùy thuận Đạo tâm, mà thuận với nhơn tâm, chìm đắm theo hình danh sắc tướng, dục lạc của xác thân, rong ruổi bên ngoài, chiều chuộng tà tâm vọng thức, tán đồng cùng đám tai mắt, bỏ gốc theo ngọn chẳng thấy được Bản diện linh ngươn của mình. Đây là mất chủ mà mê, lạc vào phương đông bắc loạn vị thứ, trái đạo thường nên mất bạn xa Thầy, âm dương cách tuyệt, gọi là đông bắc tán bằng. Ấy là mê mà mất chủ, nhưng biết giữ đúng đạo thuận của Khôn, cảnh tỉnh hồi đầu, biết dừng đúng chỗ ở đúng ngôi, an trinh cát nhờ gặp lại chủ ở tây nam, có bạn có thầy gọi hậu đắc chủ, vì tây nam đắc bằng thì lợi, an trinh là đúng chỗ đi về cùng âm dương giao hội, tụ ở sao Hư, sao Nguy.

 Tây Nam Khôn vị là quán xá, ngày mồng 3, mặt nguyệt lóe cái mày tầm là phách sanh hồn. Nhưng nói về quẻ Khôn thì Khôn là thuần âm, nhu tịnh. Bước công phu làm Phật Thánh để hoàn phục lại cái nhơn bản của chính mình, là luôn luôn thanh tịnh. Mà tịnh cực tất động, âm cực thì dương sanh. Khó là bước đầu, lúc nầy vạn duyên dẹp sạch, khách khí bên ngoài ngăn chận, sáu cửa giác quan đóng kỹ thì lòng yên lặng rổng rang, bốn bề tịch mịch, thì hốt nhiên một khí manh nha chớm dậy gọi là: nhứt tức sanh cơ.

 Lúc nầy e dè, cẩn thận, hễ niệm khởi thì có: một thuận một nghịch, một tán một lưu với vọng cảnh, một tụ hườn trở lại bản sơ. Nếu giác tỉnh thâu hồi, thì Bác Nhã tâm được chiếu diệu, vẹt tận vô minh. Nên theo hào sơ của Khôn, dương thì Phục, mà âm thì Cấu.

 Cấu là một âm động, tà niệm dấy lên, quần ma tụ tập, nên gọi “Lý sương kiên băng chí”. Niệm bất chánh là hạt giống sanh tử cấy thân tội lỗi, gốc rễ càng sâu thì luân hồi trả quả, vòng quanh trong sáu nẻo, nên niệm đầu quan hệ phải có tâm Bác Nhã quán chiếu vẹt với sạch vô minh. Bằng cứ vun đắp cho hột giống ấy càng mạnh càng to, thì khác chi: sương ỷ sẽ thành băng đóng giá, khó lòng trừ khử. Nên cổ nhơn dạy: “Đại Đạo giác nhơn tiên chỉ niệm, niệm đầu bất trụ tổng đồ nhiên”.

 Cũng niệm nầy, động nầy mà chính chơn hồn toàn vô ngã, thì hào sơ là cửu, tức Khôn thành Phục, trong âm sanh dương. Mà Phục trở lại, trở lại cái chỗ nguyên đầu là Kiền nguyên diện mục . “Phục, hanh, xuất nhập vô tật, bằng lai vô cựu”.

 Khi mà dương khí được Phục sanh, Đạo tâm được hiện, Bản Lai chơn tánh thấy rồi, thì ở đâu, lúc nào, đi lại ra vào bất cứ cảnh nào cũng không hề sợ. Âm dương không câu nhiễm được, hoàn cảnh không lôi cuốn được, tà chướng cũng không ngăn ngại được, nên nói “xuất nhập vô tật”.

 Xuất nhập vô tật, là nhờ Bằng lai. Bằng mà không Lai, làm gì có Phục? Âm có cực, thì dương mới sanh. Có cùng rồi mới có biến nên bằng () là hai chữ nguyệt cùng tột của âm, mà âm cực thì trong âm có dương. Mầm sống đạo Kiền nhơn đó, mà nảy sanh một dương ở dưới quẻ Khôn, nên nói “Bằng Lai”, là nói âm dương tương ngộ. Đạo phục được hiện ra, là hanh thông, có gì tội lỗi nữa? Hồi đầu thì ngạn, phiền não tức bồ đề là Phục. Phục quan yếu thay! Mầu nhiệm thay!

 Sơ cửu quẻ nầy “Bất viễn phục, vô kỳ hối, nguyên cát”. Biết âm đến mà trớ ẩn, dĩ âm bảo dương. Bất viễn là không xa. Đi không xa mà trở lại kịp, nghĩa là xuống trần chịu mang lấy hình hài khí chất hậu thiên, mà lòng chưa chìm đắm, biết phục thiện mà trở về Chơn tâm Bản tánh của mình. Thật trong cảnh đêm nhà tối, có sẵn ngọn đèn, thì có gì đáng hối, đáng lo, mà còn thấy tốt lành, sống gần cùng Thượng Đế.

 Hào nầy ở quẻ Kiền là “Tiềm long vật dụng”. Rồng còn ẩn chưa dùng, dương còn non chưa dưỡng. Nên nhớ câu:

 “Chủ trương Lão Tử vô vi,

 Đem ngay chỗ động, hai nghi trở về.”

 Hào nầy ở quẻ Lâm là “Hòa lâm, nguyên cát”. Lâm là lớn, là cùng đến.

 Hào nầy ở quẻ Thái thì “Bạt mao nhự, dĩ kỳ vị, (vựng), chinh cát”, một dương tiệm tiến, tiệm sanh, tiệm đại. Quân tử hợp quần, Đạo tâm xuất hiện. Sức mạnh của Sơ cữu, nhổ một gốc tranh, mà trăm ngàn gốc cũng dích chùm theo lên. Nếu một niệm chánh, một ý thành, một tâm hồn tỉnh táo, thì lo gì không quét sạch quần âm, đẩy lui khách khí. Đạo tâm sanh, nhơn tâm tử.

 Đạo Phục nhiệm mầu. Đạo Phục tức là Đông chí nhứt dương sanh. Mỗi người dầu mê đến đâu, trong ngày cũng có ngày phục lại; song vì người quá nghiêng theo dục lạc, chìm nổi với bảy tình, lợi danh bưng bít, tài sắc ru ngủ không thấy được. Hoặc thấy được, cũng không sao đem lại bản sơ, mà không được hườn phục nguyên đầu, thì nó phải thuận xuôi theo thế tục nhơn tâm mà lậu tiết, xoi phá hình hài, gây theo tật bịnh.

Phục là chơn tâm diệu đức, cội gốc của Đất trời, cốt tủy của người, chúa muôn loài, thầy vạn giáo; nên Soán truyện nói: “Phục kỳ kiến thiên địa chi tâm hồ?”. Thế là tâm Trời đất ở đây. Biết nhơn đây mà dụng công, cốt để làm Tiên Phật.

 Hào nhì “Hưu Phục, cát”, đây là âm, cũng trong đám tiểu nhơn trái đạo. Nhưng Lục nhị được chính, mà lại đắc trung, gần gũi, cận kề Sơ cửu, nên cũng nhờ đó mà Lục nhị được hưu Phục. Mượn cái sáng suốt của nhà người, để làm cho nhà mình được tỏ rạng; đem cái nhơn tâm của mình qui thuận cùng Đạo tâm, dầu có ngu cũng minh, có nhu cũng cường. Biết gần người hiền mà sửa tu được đạo, ấy phải chăng gần mực thì đen, gần đèn thì sáng?

 “Trạch thiện” chỉ hào Lục tam ở trong thời Phục. Biết đạo Phục là hay, biết làm lành, tu thiện là phải, thế mà khởi tâm thì thiện ác xen kẽ, làm nghĩa thì muốn phước được theo. Hào nầy có công tu, có công học, có công lân mẫn với mọi người, song không lập được chí lớn, nguyện dài, tu rồi ngã, ngã rồi tu, trăm ngàn lần chưa làm chủ được Nhơn tâm tai mắt, nên phá giới sai qui, mà có điều ăn năn, nhưng rồi cũng không nản chí. Họ đi mình chạy, họ gắng ít mình gắng nhiều. Nhờ vậy mà cuối cùng được tốt: vô cựu. Ấy là “tần phục, lệ, vô cựu”

 Lục tứ “Trung hành độc phục”. Hào nầy cũng âm mà ở giữa đám âm, thiên hạ thì ù ù cạc cạc, mê luyện trần lậu, chìm đắm theo tà tâm, kết lũ vầy đoàn, phá đạo lý, trái luân thường, vọng ngoại cầu danh, cùng nhau lăn mình xuống dốc, có biết gì là đạo Phục mà quày đầu trở lại đạo đức, tìm về Chơn tâm Kiền nguyên diện mục, âm át dương cố tiêu ma quân tử. Song ở trong đám nầy, một mình theo về với Đạo Phục, tương ứng cùng sơ hào, thật là ở trong bùn có đóa hoa sen, đúng với danh “Trung hành độc Phục”.

 Đến hào Lục ngũ là một vị Chí Tôn trong thời Phục, một ngôi sao sáng giữa đêm trường, một thể hồn nhiên giữ còn tự tánh, nên Lục ngũ “đôn phục vô hối”. Phục mà đôn hậu như thế, kiên cố thuần toàn, thung dung đắc chứng, sáng mình sáng người, an nhiên tuy không phục mà phục. Thật đúng câu “sanh nhi tri, an nhi hành chi” khác xa hào Lục tam “Khổn nhi tri, cưởng nhi hành chi”, hay Lục tứ “học nhi tri, lợi nhi hành chi”. Trong quẻ Phục, năm hào đều có đạo Phục, chỉ hào tam tuy chốc Phục, chốc thất, mà có chỗ lo buồn, nhưng cuối cùng không đến nổi ăn năn.

 Riêng trong đám Phục nầy, chỉ hào Thượng Lục là mê, chẳng biết gì nghĩa nhơn, phải trái, chẳng nghĩ gì vinh nhục, thị phi, chẳng chịu hồi đầu, cải tà qui chánh, chìm sâu trong bể dục, hụp lặn dưới bùn, như trâu kéo nặng sa lầy, càng cựa quật càng lún sâu. Đời người như Thượng lục chỉ biết ăn như heo, biết uống như muỗi, biết ngửi như ruồi, thật là mê, nên phải chịu cái họa hung mà tán thân khốn khổ.

**CHƯƠNG THỨ TƯ**

**DUNG HÒA NHỨT LÝ**

**TIẾT I. KHÁI QUÁT**

**Mục 1: a) Kinh văn**

**THI**

 **Đạo** pháp vi thâm, khởi vạn duyên,

 **Học** nhi thức đắc thị Thần Tiên.

 **Chỉ** tu yếu lý Hư không tạng,

 **Nam** cực chơn ngươn Khiếu diệu huyền.

 **Dung** hợp Tam gia, qui Bắc khuyết,

 **Hòa** đồng vạn giáo, phục Kiền nguyên.

 **Nhứt** trung đắc nhứt, bình thiên hạ,

 **Lý** tại ư tư, mạc vọng tiền.

 Cảnh giới vô thường: sen tàn cúc nở, hạ hết sang thu.

 Thời gian. – Thời gian mãi trôi, dần theo năm tháng.

 Cuộc cờ kim cổ, thay đổi thay dổi.

 Có ai đếm: Mấy độ trăng tròn, bao lần nguyệt khuyết?

 Sóng triều bủa vực, mỏm đá rêu phong.

 Tuyết phủ trắng đầu non, rừng thu thay xác lá.

 Đếm thời gian mà độ lấy năm dài, cuộc đời vô thỉ vô chung.

 Ngoảnh nhìn lại sau lưng, ngước trông về trước mắt.

 Quá khứ, tương lai dày đặc, buộc con người vào chính cái nó được đặt để.

 Con người, hai tiếng ấy vọng về trong sa mạc. Sa mạc hoang vu của Vũ Trụ, gió núi nắng lửa, bình sa lưu thủy chập chờn trong ảo giác.

 Thử đếm vạn lá ngô đồng rơi rụng, đếm ức hạt Hằng sa để hưng cái thời gian đã đi và đang đến.

 Nào ai bỉnh chúc dạ hành, kẻo muội tánh hư linh, trong đời người ngắn ngủi.

 Nào ai đã tận dụng thời gian mà giựt giành với tử thần, cho cuộc sống vẫn ghi hằng sống.

 Nào những ai đứng lặng, ngắm trường giang mà hát câu nhựt mộ, hay vỗ mạn thuyền mà hát khúc yên ba, xem thế sự như vầng mây nổi.

 Tất cả và tất cả hai chữ thời gian đã làm con người khắc khoải, rung động cả bộ óc ưu tư.

 Không gian – Kìa không gian vô tận. Nào chỉ phải phong ba tuyết nguyệt, một trời chung mà trò thế tình riêng.

 Bóng kim ô mờ ảo giữa tầng mây, hình tinh nguyệt vân du trong dạ cảnh.

 Hằng vạn vì tinh tú, bao triệu bước sơn khê, vạn vật ấy diễn phô trong thực tại.

 Ánh sáng bừng lên quét tan màn đêm tối, nghìn năm ánh sáng, chỉ đốm lửa của bầu trời.

 Màu ngũ sắc đóa hoa vẽ bức tranh Pháp giới: sơn, xuyên, điền, hải, sắc, tướng, âm, thinh, có mà không, ai bảo rằng không, không có?

 Không gian ấy, mở mắt chào đời, con người phải bó tay trong khung cảnh. Muốn vẹt bước phong vân, muốn rẽ dòng hồ hải, để tìm cho ra lẽ huyền vi của Tạo Hóa sắp nên trò, hay tự thể Pháp do duyên khởi.

 Một dấu hỏi và trăm ngàn muôn dấu hỏi.

 Kẻ đi vào đời khi hoàng hôn rủ bóng, người buông tiếng khóc ban đầu, lúc đêm tàn canh lụn.

 Nguyên thỉ từ phương nào đưa con người về đây? Nhân duyên nào tạo con người hiện hữu?

 Từ màn đêm trừ tịch, từ cái âm u muôn thuở, tiếng khóc chào đời vang lên. Đó, người ta thêm một ta, mở ngỏ góp mặt, múa may than thở.

 Ngày tháng mấy độ xuân tàn, con người hiện hữu buộc phải nhận lấy cái hiện hữu của mình, để tìm hiểu cái hiện hữu của mình. Nào ngồi trên cành cây tự tay cưa lấy cành cây, để xem độ cao cách gốc.

 Chiếc lá xinh xinh nầy phát sinh từ cành bên phải, chớ không là cành cây bên trái. Chiếc hoa tươi thắm trổ nụ ở nhành trên, chớ không thể trổ nụ ở cành dưới.

 Tai sao? Ai đặt để?

 Phải tự mình tự chọn, rồi tự mình cố ý quên rằng mình không chọn. Có phải vậy không? Hay rằng không phải?

 Trăm lần lá đổ, mấy độ hoa khai.

 Nhân sinh trên đoạn đường đời ngắn ngủi, sau giấc ngủ, choàng tỉnh dậy, hóa mắt với đoạn đường trước mắt. Sau lưng kẻ lữ hành theo đuổi, phải bước đi và đi đến.

 Thiên luân dặm dài, nhân sinh dấn thân vào trần cấu, có nghĩ gì chăng? Sẽ đi về đâu? Cứ thế, con người nầy, con người kia và con người khác, gục đầu bước độc hành, trong đám đông hỗn tạp.

Nhân sinh đang tiến bước, nhưng tiến bước để làm gì? Xây đắp cho cái chi? Và bằng những phương thức nào? Hay cũng chỉ cái tháp ngà riêng rẽ, những tiểu ngã vô minh? Những hố sâu đe dọa khó san bằng, lại đào sâu thêm nữa!

 Ôi! Hoa vô ưu không nở trên vành môi nhân thế, mảnh tâm điền trống chỉ những cây giáo ngọn gươm! Khách lữ hành sẽ mộng hóa bướm bay, hay mơ thành tể tướng.

 Tất cả đang đợi chờ bóng hoàng hôn buông rủ. Đoạn đường đi qua, vết chân xoá nhòa, gió cát phôi pha. Con người hiện hữu có nghĩ gì trong ý nghĩa?

 Xuân hạ thu đông, sanh trưởng thâu tàn, vận hành sau trước. Một hạt mầm tự lúc nảy tược đâm chồi, khai hoa kết quả. Một mạch sống dâng tràn trong mộc thể, cái lẽ sống luân lưu trong vòm trời vạn vật, hằng hữu vĩnh tồn.

 Chiếc đũa thần nào đã tạo nên cảnh sắc hữu tình, trăm hoa đua nở, vạn điểu hòa thanh?

 Đó là gì? Nào những giòng suối bạc lắp lánh ánh trăng thu, nào những ngọn thanh tùng lung linh làn sương lạnh. Cái động tỉnh cương nhu, đồng thể đồng hành uyên nguyên bất tuyệt, từ đâu mà sanh ra thế?

 Trăm hoa đua nở giữa cánh đồng, nào có ai chăm bón, mà tự sắc nó, ai dệt thảm so hàng. Cẩm tú giang san, nắng mưa phong thủy, tự thể điều hòa, cho vạn vật trưởng sanh.

 Vầng nhựt nguyệt hiện ẩn chuyển xây tứ thời tám tiết. Máy âm dương tạo đoan dưỡng dục.

Nhìn cảnh vật hạ đẳng còn như thế, rồi ngắm lại kiếp nhân sanh xem thử. Thanh mao hồng huyết, dựng thế tam tài, đã vì đâu mà ưu tú, trí tri hơn vạn loại?

 Trong trăm năm đã định sống thác trẻ già, nhơn sanh có khác. Thời tiết bất hòa, vạn vật tả tơi vàng úa, kiếp phù dung càng sớm tàn, chân đi khó vững.

 Chỉ nhìn thời tiết đổi thay chút ít, mà ảnh hưởng đã vô cùng tai hại. Phải chăng mạch sống tương liên trong khắp cùng tầng lớp?

 Thế cho nên nhìn xã hội vạn vật, rồi xem qua xã hội con người, nếu cái sống cùng cá nhân không hòa mục, thì thử hỏi xã hội con người không thể nào xây chuyển cái lẽ sống hằng tồn, chang hòa vào con người và bủa xung mọi hướng.

 Hãy chăm bón cho chiếu hoa khởi sắc, hãy khơi mạnh cho dòng nước luân lưu. Hãy đem lý sống tự lợi tha bủa khơi về bể tục.

 Hãy tạo lấy mưa thuận gió hòa để tiết trời đồng điệu, để cho bức tranh vạn tốt tươi, muôn hình khởi động, tạo khúc nhạc an hòa.

 Nhân loại phải làm gì đối với mình và ngoại cảnh? Buồn để ý hay không buồn để ý? Chợt tỉnh giữa sân khấu chợ đời, con người ngước nhìn lên Vũ Trụ bao la trần hoàn hùng vĩ.

 Ôi! Hạt cát của sông Hằng trôi nổi, con người đã ngỡ ngàng, càng ngỡ ngàng sợ hãi. Đối diện bối cảnh uy hùng, chấp tay cầu khẩn, hãy góp tay nhận thức. Người phải làm gì và nghĩ ngợi ra sao?

 Sanh, Lão, Bệnh, Tử bấu víu vào thân phận người lữ khách, dù muốn bứt rời ra, như sự thật vẫn theo sau ám ảnh con người trên thực tại.

 Vó câu chập trùng, con tuấn mã đưa người lữ khách về đâu, khi màn đêm tâm thức. Câu hỏi đi về màn đêm tâm thức, lữ khách độc hành tư duy, để tìm nẻo Thiên Lý dặm trường, thoát cảnh âm u của dạ hành ẩn khuất.

Thế không được, phải dung hòa, thì giờ đâu mà vinh thấy. Con người khởi dậy cái vốn tự hữu của mình, đã mang theo giấc ngủ xa xưa, để phát động tạo năng lực giải phóng cho mình và cao vọng với người trên hoạn đồ thế tục.

**b) Trùng tụng**

**THI**

 Trăm năm vó ngựa giục đường trần,

 Ánh nắng xa vời ngọn các lân.

 Lã tã lá vàng rơi hoạn lộ,

 Nhấp nhô buồm trắng lướt dòng ngân.

 Khung trời lấp lánh hàng tinh tú,

 Cảnh giới chập chùng vạn thế nhân.

 Tuế nguyệt trường lưu đâu đã hẹn,

 Vô thường lắm bận gót chơn quân.

**BÀI**

 Bao la cảnh giới vô thường,

 Gót chơn lữ khách dặm trường xông pha.

 Không gian ánh mặt chan hòa,

 Tâm linh Vũ Trụ đâu là là đâu?

 Vẽ vời bốn bể năm châu,

 Thiên nhiên nét bút, đượm màu thiên nhiên.

 Không gian diệu diệu huyền huyền,

 Bức tranh pháp giới họa miền sắc không.

 Kim ô soi sáng trời đông,

 Giục con tuấn mã ruỗi rong dặm ngàn.

 Bụi hồng mịt bước quan san,

 Mờ mờ nhơn ảnh trên đàng thiên luân.

 Phù sinh nhác thấy dửng dưng,

 Vừa sang bến giác, lại dừng bến mê.

 Hỏi tâm tư có nặng nề,

 Ai đưa khách đến, khách về với ai?

 Rằng quên hay tỉnh trong say,

 Bể trần ai vẫn trần ai vô thường.

 Nhứt nguyên Tạo Hóa phô trương,

 Vô vi nhi trị âm dương điều hòa.

**TIẾT II: VŨ TRỤ VÀ CON NGƯỜI**

Tiết nầy gồm có 3 mục:

1. – Vũ Trụ trong màng đêm giới luận
2. – Sự chi phối Vũ Trụ vào con người
3. – Dung hòa con người giữa thế giới Vũ Trụ

**Mục 1. Vũ Trụ trong màng đêm giới luận**

**a) Kinh văn**

 Vũ Trụ đã trình bày tất cả những suy tư, những khắc khoải của mọi cá thể triết gia, tôn giáo, hoặc nhân sinh, mọi cố gắng để vẹt màng đêm Vũ Trụ, mọi ước vọng để thỏa mãn câu hỏi về Vũ Trụ đã xuất phát thành vạn câu thơ, bao ngàn pho sách.

 Nhưng thực nghĩ lại có mấy ai đã gọi rằng hàm thức. Cái trước mắt của ta đây, cái trong vòng tay của ta đây, cái tiểu ngã nhỏ hẹp, cái thế giới tâm tình riêng tư của từng cá nhân, vẫn mờ mờ trong màng sương nhận định, huống hồ là Vũ Trụ. Đó phải chăng càng vùng vẫy, con người suy luận càng bị ngập chìm trong đám sình lầy Vũ Trụ.

 Hãy nhìn xem sau một giấc ngủ dài, khắp thượng hồ chợp tỉnh giữa đại dương bao la, nhìn tứ hướng thử hỏi xem nhìn xuất phát do đâu? Rồi hằng vạn câu giải đoán, hằng ngàn lời minh xác cái bến tưởng tượng của cuộc khởi hành. Thực ra, người ta đã ngủ khi bước vào tàu buôn, người ta vẫn ngủ khi con tàu tách bến. Thế thì thử hỏi những lời hoạt họa mô tả cái bến khởi thỉ, phải chăng đó là giấc mơ ảo tưởng?

 Trời nước bao la, Vũ Trụ vô cùng. Điều quan trọng duy nhứt cho những khách thương hồ, là phải chăng chỉ cố gắng suy luận tìm tòi trong trí ức, để tìm những câu giải đáp cho lòng mình; mặc tình cho gió bão đại dương làm đắm chìm con tàu giữa dòng nước bạc. Vô ích! Những việc làm ấy chẳng đưa con người đi đến đâu! Điều đáng nhận định và cần yếu hiện thực, là lèo lái con tàu giữa vùng biển mặn, là giữ mọi bình tỉnh, vượt mọi thử thách, để thực thi cái hiện hữu của mình trong hoàn cảnh.

 Đây, nếu đặt tâm hồn vào chỗ khởi thỉ, đặt tư tưởng vào lúc khởi hành, chẳng khác nào mô tả khu vườn ngự uyển xa xưa, trong khi đang đứng giữa vùng tứ thị. Rồi đây thiên hạ phải điên đầu lên, vì câu hỏi khởi nguyên. Nhìn nhận sự khởi nguyên có hay không, như thế nầy, hay như thế khác, sự thật vẫn là sự thật: Cái hiện hữu đã quăng con người ra giữa đại dương bao la của Vũ Trụ.

Mọi cố thể, mọi lưu thể, mọi biến thể đang diễn phô muôn trùng trước mắt. Nếu ta nhắm mắt lại, cố gắn tạo một câu giải đáp cho Vũ Trụ, để xác nhận đôi đũa thần có quyền pháp toàn năng, tạo bầu trời trong xanh, tạo nước bể mặn, non cao rừng rậm đi chăng nữa, nó vẫn là nó.

 Tìm hiểu để mà tìm hiểu, nhận định để mà nhận định. Đọc qua một trang luật pháp để ghi các giải đáp, nhưng đó không là phiên tòa xử án được. Công nhận hay không công nhận sự khởi nguyên của Vũ Trụ, nó chẳng ảnh hưởng gì đến con người đang sống trong khoảng thời gian qui định.

 Dù cho dòng sông Cửu có phát nguyên tại Tây Tạng hay chốn hoang vu bí hiểm đâu chăng nữa, hạt phù sa ở miền Nam nước Việt nầy, nó chỉ vẫn là hạt phù sa màu mỡ cho cánh đồng nước Việt mà thôi. Đừng phí thời gian, đừng hao tâm huyết, như một hạt cát, mà lặn đi để đo dòng sa mạc.

 Cầm một món đồ gốm trên tay, dù biết người tạo nên nên nó hay không, nếu biết càng tốt, dù không biết cũng chẳng hại chi. Điều đáng để con người sử dụng lưu ý, là phẩm chất món đồ gốm ấy có được bền hay chăng, và sử dụng cách nào cho lâu hư và tiện lợi.

 Thầy là các con! Các con là Thầy!

 Đấng toàn năng toàn tri có đầy đủ quyền năng có tạo nên Trời đất, gây dựng loài người và hóa sanh muôn vật, đã ngự trị trong mảnh tâm điền của ta. Cho nên vấn đề tìm hiểu Đấng Sáng tạo hay minh giải Đấng Sáng tạo, chẳng quá ư là hạn hẹp và dại dột lắm sao? Vạn Pháp tự tâm, trong mọi giả cảnh, mọi thực hình, đều tự hữu tâm suy.

 Thượng Đế nhiệm mầu, ẩn hiện trong bất cứ mọi vi thể, đại thể nào của Vũ Trụ. Đừng lo âu, đừng khắc khoải, đừng phí lắm thời gian, mà hãy sống và thực hành lẽ Đạo cho hợp ý Trời, ấy là thuận lòng vạn thể.

 Có con ốc, cái sên nào mà chỉ lo đi trên đoạn đường dài, hay chỉ biết xem coi chừng nào tận cùng con đường nào nó đang tiến. Bão bùng đại dương đang xảy ra trước mắt khách thương hồ, thử hỏi họ có đứng đó hỏi xem coi chừng nào đại dương nầy hết nước? Có ai lo múc hết nước đại dương, hoặc có ai lo đến tận cùng hạt bụi.

 Đời người ngắn ngủi, xét như thế để ta hiểu rằng: đừng đem thước thợ mà đo lấy bầu trời, và cũng đừng đem đời người mà đo cùng vạn thể. Sự thực trước mắt, hãy có gắng thực thi nhiệm vụ, là hành tròn sứ mạng mà mình đã nhận trước kia.

 Mỗi một hạt cát là một thế giới của Vũ Trụ sa mạc, mỗi một con người là một thế giới của Vũ Trụ nhân sinh. Mỗi một chấm sáng của bầu trời là một thế giới của Vũ Trụ thiên không. Một nỗi buồn phảng phất của con người là một thế giới riêng tư của tình cảm. Một rung động suy tư cũng là một thế giới của thuần lý.

 Nếu đứng trên phạm vi con người, thì Trời đất là một Vũ Trụ bao la. Nhưng trên cương vị một hạt vi trần, thì con người quả là một Vũ Trụ vô lượng. Con người quả là một hạt cát trong bãi sa mạc hoang vu, nhưng là hạt cát biết suy nghĩ. Vũ Trụ có hàng trăm nghìn thế giới, mỗi một thế giới có vô lượng thế giới tế vi hơn. Vũ Trụ trùng trùng, đừng mong đạt lấy cái tận cùng của nó.

 Hãy đứng trên mảnh đất hiện thực, đừng chìm đắm trong quá khứ hay trôi nổi vào tương lai mờ ảo. Quá khứ đều đã qua, vị lai đều chưa đến, tất cả đều không. Chính thế, Vũ Trụ suy luận nhận thức là một đại thể vô thỉ vô chung.

 Những vó câu qua cửa sổ nhịp nhàng, vết chân còn in rõ ràng trên mặt đất. Nhưng đó là những vó câu còn lưu lại, Con tuấn mã đã qua rồi.

 Trong bầu trời hư không, hằng vạn vì tinh tú, hằng ức thế giới đang biến dịch tử sinh. Vạn thể không thể tự sinh hay tự tồn được. Nhìn thế, ta nhận thấy rằng trong cái không đã có những cái có của nó.

 Tuy nhiên hãy nhìn vào một cố thể: một viên gạch, một thanh sắt có thực đó. Nhưng nếu đi sâu vào cơ cấu của nó, mọi cố thể cấu tạo do vi tử và năng lượng trống rỗng, cánh xa nhau, như các vì sao trên bầu trời. Vật trong cái có, tự nó đã chứa cái không. Vũ Trụ là kết hợp của những gì không có, có không, biến sanh sanh biến, theo thời gian vô thỉ vô cùng.

 Trong giấc ngủ say của khách trần, Vũ Trụ nầy trở thành số không tất cả, đều trở thành Hư Vô tất cả. Vậy thì sao lại bảo rằng có? Tuy nhiên nó vẫn có, dù ta hủy diệt giác quan, khi vẫn còn tâm thức, vạn vật tự do, tâm thức dịch hành.

 Để kết luận trong phạm vi mục nầy, đừng nhọc tìm khởi nguyên của Vũ Trụ, tất cả những giải đáp khởi nguyên điều ngập tràn trong ảo giác. Một sự thật hiển nhiên là Vũ Trụ bao la, bao trùm thế giới và thế giới. Một tiểu thể hay đại thể đều mang một Vũ Trụ, một thế giới hằng hữu, sự biết dịch, tự tồn tự sinh của mọi cá thể.

 Ngoài ra Vũ Trụ còn lại mang một hình thức vô cùng vô tận: thời gian và không gian vô lượng ta hãy đứng trên khung trời hiện thực, để nhận định sự chi phối của Vũ Trụ với con người và để cùng hòa hợp với cái đại thể Vũ Trụ.

**b) Trùng tụng**

**THI**

 Vũ Trụ bao la cái sắc không,

 Tạo nên vạn vật lẽ tương đồng.

 Ba nghìn thế giới qui tam bửu,

 Chín cõi Ta bà hiệp nhứt tông.

 Yếu lý Kiền Khôn cơ biến dịch,

 Nhuộm màu Tạo Hóa thể dung thông.

 Kẻ Trời vạch đất chi cho nhọc,

 Cái cái người người vốn ở trong.

**BÀI**

 Trong Trời đất cơ đoan có một,

 Giữa Kiền Khôn trụ cốt không hai;

 Hoá công diệu hữu sắp bày,

 Huyền huyền nhứt khí chuyển xoay vận hành.

Từ thảo mộc, phi cầm, tẩu thú,

 Từ sơn xuyên, phong vũ, hàn ôn;

 Háo sinh đức cả vô cùng,

 Linh quang một khối, trần hồng hoá phân.

Quyền tối trọng nguyên nhân vạn vật,

 Máy tối linh phẩm chất Thiên Lương;

 Bao la gấm vóc phi thường,

 Ngũ hành phối hiệp, âm dương điều hoà.

Trời sinh ta, Trời ta đồng thể,

 Bể khơi dòng, dòng bể luân lưu;

 Đố ai rõ nẻo cuối, đầu;

 Khứ lai vô tận, phát thâu vô cùng.

 Vừa góp mặt trong vòng trần cấu,

 Đã đặt mình vào mẫu nhân sinh

 Gieo mầm chủng tử thâm tình;

 Cùng trong qui ước là mình, là ta.

 Nhịp bước chơn chan hoà viễn ảnh,

 Với tầm tay trước cảnh lung linh.

 Huy hoàng sắc giới hữu tình;

 Mơ màng thế lộ, gặp ghình thiên luân.

 Cửa lục thức, mở đường lục tặc,

 Nẻo tam xoa, lần dắc tam quan.

 Chỗ nao về chốn Thiên đàng,

 Chủ nhân ông có rõ ràng hay chăng?

 Y thức muôn vàn trừu tượng,

 Tâm thức là vô lượng biến thiên.

 Hư hư, ảo ảo huyền huyền,

 Tử sinh kết cấu, nghiệp duyên tạo gầy.

 Hỡi bác học đông tây thời đại,

 Nào triết gia tứ hải ngũ châu.

 Chưa thông khởi điểm ban đầu,

 Tầm Thiên quật Địa, cơ cầu ích chi!

 Nhìn cái lý vô tri nhi trị,

 Ngoảnh lại đường vô thỉ vô chung.

 Dù cho cái thế anh hùng,

 Cũng không thoát đặng cái vòng tử sinh.

 Trong luật tắc, hữu hình hữu hoại,

 Ngắm đường trần vạn hải thiên sơn.

 Nên nhìn vào chính bản thân;

 Hàn ôn, biểu lý tạo nhân điều hòa.

 Chỗ tương hiệp, Trời ta có một,

 Lối giao thông, Tiên tục không hai.

 Chơn như soi sáng thân nầy;

 Đó là Đại Đạo trong ngoài trần gian.

**Mục 2. Sự chi phối của Vũ Trụ vào con người**

**a) Kinh văn**

Trong suốt đời người, không thể tách rời ngoài Vũ Trụ thực tại. Trời đất Kiền Khôn bao trùm lấy con người, xoay chuyển trong thời gian, không gian hằng hữu. Con người nằm trong Phá luân của Vũ Trụ, đang quay cuồng trong cái Hư Vô của thiên thai hải giác, mà không bao giờ chịu nghĩ đến.

Ở trong khung cảnh tự hữu quen thuộc, con người có khả năng đồng hóa và tự nhận bằng cách xem thường trong sự lãng quên. Song lẽ, sự có mặt của Vũ Trụ, là sự có mặt vinh diệu của Vũ Trụ, mà ảnh hưởng tác thiết của con người hiện sinh vẫn có.

Mở rộng tư tưởng trong bầu trời giới luận, con người sẽ thấy một mạng lưới buông rũ, co giãn, phóng lưu, từ một vật thể nhỏ nhoi nhứt, cho đến cái đại Vũ Trụ hùng vĩ. Những mạng lưới hữu vi, tự vô vi đang run chuyển phát xuất, mà tiếp thu mọi hình thức hành động của con người trong vạn hữu. Những cảm giác riêng tư vẫn mang một công năng khả hữu, làm chuyển dị mạng lưới của Vũ Trụ thực tại.

Nói như thế, con người là một hạt tử, một vi thần trong đại thể Vũ Trụ, cũng như các cá thể hiện thực khác. Tất cả các cấu tử tạo lập không bao giờ tự đặt riêng, hay bao chiếm một giang sơn độc nhứt. Các thể vạn hữu đều liên hệ trong một liên hệ từ lực, cũng như siêu vi lực công năng tác hiệp của thời khoa học nầy.

Giữa con người và con người, giữa con người và Vũ Trụ cũng thế. Đừng bảo vật ấy là chính nó. Tất cả đều không là chính nó.

1. Một câu hỏi nêu lên “Tác nhân nào mà lại chi phối Vũ Trụ vào con người?”
2. Sự trả lời khái lược ở bất cứ giai đoạn lý thuyết nào. Đó là sống.

Thật vậy, con người đang “sống” trong cái sống của Vũ Trụ. Tuy nhiên, sống ở đây được giới hạn trong việc điều hòa liên hợp giữa Vũ Trụ và người.

Sống trong bốn tiết mục nầy, đặt trên nền tảng của bầu trời giới luận: Nhãn, Nhĩ, Tỉ, Thiệt, Thân, Ý, với lục thức. Vũ Trụ đã in đậm màn ảnh của lục thức, từ khi con người đầy đủ tri giác. Với lục thức, con người chỉ hiểu ngoài Vũ Trụ, qua các hình ảnh phản chiếu của lục thức. Nào có ai tự nhận thức bằng Chân Như Lai hằng hữu.

Đứng trên căn bản vị thế, con người được nhận xét Vũ Trụ bằng chính cương vị nầy. Khi bước sang chương tiết nhân sinh và Đạo pháp, lúc đó đứng trên vị Đạo, con người sẽ có một quan niệm kỳ ảo, diệu hữu hơn nhiều.

Thân xác con người không thể tạo lập ngoài Vũ Trụ. Đất, nước gió, lửa, đã hình thành thân tứ đại, đặt tên con người trên sự qui ước với nhau để sống trong cái guồng máy vị sống của Vũ Trụ. Nó góp nhặt lại để tạo sự có mặt bằng tự cái nhận thức của nó trong giữa vạn hữu, cũng được lục thức phản chiếu sinh thực của chúng.

Mọi cái bất liên tục nằm trong cái liên tục. Vũ Trụ đã ghép nó vào trong mạng nhện vô vi, con người là một điểm sinh động trên khung trời ấy.

Nhắc lại ở đây, Vũ Trụ không phải cấu tạo ở những cái rời rạc riêng tư, hay năng chiếm cố định, mà chính nó đã tự mặc khải cái trách nhiệm vạn hữu, duy trì sự tương hiệp tương hòa của hằng vạn cá thể chứa đựng trong đó.

Con người đang sống với thể xác đang sống, nó chỉ gọi thực là sống khi chính cái tư duy giới thức đang tư duy với thức về cái đang sống đó.

Bước sang phạm trù tâm linh, con người có được hay thực có được, là tâm linh chứng minh sự hiện hữu của con người. Thử hỏi, tâm linh có được tác hiệp, di động ngoài Vũ Trụ hay không? Thì ra, mọi cái có của chữ có tổng quát, đều phải đặt vào vòng khung của Vũ Trụ.

Tâm linh con người vẫn thế, nhưng tâm linh nằm trong Vũ Trụ hằng hữu có một cấu thể đặc thù. Tâm linh nầy được tồn trữ và được chi phối, bởi siêu vi mầu nhiệm của trung tâm Vũ Trụ.

Tâm linh con người hằng chuyển như hằng vạn hạt nước trong đại dương. Tâm linh đã trưởng thành, qua bao nhiêu kinh nghiệm sinh sống của nhân kiếp. Vũ Trụ in sâu những làn sóng từ lực trong tâm linh, để tạo mảnh lực sinh tồn qua vạn cuộc thăng trầm của vạn hữu duyên nghiệp.

Nói chung ở đây, con người với thể xác và tâm linh toàn vẹn cấu kết, đều bị sự chi phối của Vũ Trụ. Những biến chuyển trong tâm linh con người, cũng như mọi sinh hoạt hành động của thể xác, đều làm di động đến Vũ Trụ.

Ngược lại, đại thể Vũ Trụ vẫn thường xuyên huy tác trên mọi cá thể của con người. Đại thể Vũ Trụ luôn luôn đi liền bên co người, đang sinh trên hoàn cầu của Vũ Trụ. Ảnh hưởng thường xuyên của sự chi phối nầy có một khả năng đồng hóa, sau khi xuyên qua màn lưới duyên nghiệp của từng cá nhân. Cho nên, tổng quát của sự chi phối hằng Vũ Trụ vẫn giống nhau. Nhưng trên cá thể tư riêng, lại đuợc màu sắc cá biệt, tùy theo bản thể con người đang soi sáng và động tác đến (1).

Như đoạn trước đã nêu lên Lý do của sự chi phối của Vũ Trụ trên con người vạn hữu, sau đây hãy xét qua vấn đề sự tác hiệp cả Vũ Trụ trên con người cũng như vạn thể. Con người ở đây được xem không phải là con người nghiã hẹp của nó, mà đặt lấy cái tên để thay vì cho vạn thể hiện hữu trong Vũ Trụ giới thức. Sự tác hiệp phối động nầy được diễn phô trên những hình thái nào, những luật tắc nào, trong cái tổng khai của sự sinh động của Vũ Trụ hiện thực.

Có thể xét đến những định luật mà Vũ tru chi phối chính nó. Sự chi phối tức là những đường lối chuyển lưu của Vũ Trụ, tất cả bao gồm mọi cấu tử đang có của nó. Bởi thế phải nhận định ở đây những câu nói và từng chữ xác dịnh, hiểu để tránh sự lạc nghĩa.

Để tạo điều kiện nhận thức có thể nêu lên trong đoạn nầy, các qui tắc như: Luật vô hữu, luật tương hòa tương hiệp, luật âm dương động tịnh và luật tiến hóa trong môi trường nhân quả.

**Thứ nhứt**: Hãy nói qua về luật vô hữu của Vũ Trụ. Có mà không, không mà có, ấy là luật tắc vô hữu của Vũ Trụ. Đừng bảo rằng “có”, mà cũng đừng nói rằng “không”. Có đó thực, nhưng cũng là không có thực đó, nhưng không kia mà lại rằng có đấy.

**Vạn sự thể thế gian trong Vũ Trụ hiện thực phải đặt trong tình trạng tương đối hằng hữu, mới có thể giải thích được cái tác nhân cả Vũ Trụ vào con người, tức là vào vô hữu của chính nó.**

(1) Sở dĩ viết chương IV nầy, là dụng ý muốn tạo một khuông vi chân chính, để người tu hành khỏi phải thắc mắc, lầm đường lạc ngõ trong cửa Đạo Pháp.

Giữa thời tạo đoan nầy, tất cả người tu hành đều có một bổn phận là cứu thế. Cứu thế đây không phải cầu đến pháp lực siêu mầu, hô phong hoán võ, cũng không cầu đến sự sai thần khiển quỉ, hay khí cụ tối tân.

**Cứu thế đây chỉ có một sự duy nhứt, là thực hành Chánh Đạo. Trong bất cứ tôn giáo nào, người tu cũng phải thực hành Chánh Đạo, gạt bỏ ngay những sự mê tín dị đoan, dứt hết lòng háo kỳ cao vọng. Đây là được một phần chơn chính trong việc cứu thế.**

Vạn thể Vũ Trụ đã mang lấy bản tánh vô sinh bất diệt, mọi sự kiện xảy ra trong Vũ Trụ mặc nhiên đã vô thường bất đoạn. Chính nó, nhưng không phải là nó mang lại sự bất nhứt, nhưng nó vẫn là nó. Sự kiện vạn hữu ấy đã bất di. Mọi sự thế gian trong Vũ Trụ, không đến mà đến, không đi mà biến mất đi, ấy là “vô lai bất khứ” vậy.

Với luật tắc vô hữu cả Vũ Trụ đã giải thích mọi sự ảo giác của lục thức, lục căn của con người và mọi sự sinh tồn của kiếp người, trongVũ Trụ không cùng, vô thỉ vô chung.

**Thứ nhì**: Hãy nhìn lấy luật tương hòa tương hiệp của Vũ Trụ vạn hữu tương đối, vô sinh bất diệt. Tuy nhiên, như đã luật giải ở đoạn tác nhân chi phối, vạn thể Vũ Trụ tự nó liên hiệp trong vòm trời đại thể. Chính nhờ vậy mà guồng máy Pháp luân thường chuyển, làm sinh trưởng động hành, mọi cá thể nép mình trong Vũ Trụ.

**Từ xã hội nhân sinh con người đến xã hội, hành tinh, vân tú và vạn điểu nghìn ngư, vẫn tự nó phối hợp để tiến hóa trong sự điều hòa của Vũ Trụ. Tương hợp không phải chỉ để tương hợp, mà giá trị thực hữu của luật tắc kế tiếp, là luật tắc âm dương động tịnh. Chính luật tắc nầy là điều kiện biến vạn sinh trưởng.**

**Thứ ba**: Luật tắc âm dương động tịnh chứng minh sự tác động đối nghịch để chuyển vận mọi sự tiến hóa được phát sinh từ sự mâu thuẫn tác hiệp. Sự mâu thuẫn ở đây phải nằm trong luật tắc tương hiệp tương hòa, bởi vì, nếu đi ngoài luật tắc ấy, vạn hữu đối nghịch sẽ khởi thỉ cho sự ranh phân và tự diệt. Trái lại, nhờ nó mà Vũ Trụ mới sinh trưởng biến hóa, vần xây cho thế diễn phô thanh sắc, qua màn ảnh lục thức của con người.

Màn đêm và ánh sáng không tiêu diệt nhau, mà chúng đã tạo lấy buổi bình minh, hay cảnh hoàng hôn, huy hoàng rực rỡ, làm rung cảm bao kẻ ưu tư. Nhịp khúc ân tình có hay không, đều nằm trong luật tắc. Nhờ vậy con người hiệp thành xã hội, thiết lập thế giới nhân sinh, biết bao nhiêu những vụ chứng khác, mà con người có thể nhận thức được.

**Thứ tư**: Tuy nói đến sự tiến hóa, không phải con người chỉ cần đối nghịch với hai cá thể, là tự tạo lấy sự sinh biến. Điều quan trọng của khởi nguyên tiến hóa và kết quả của đoạn đường tác hiệp như thế nào, không thể không nêu lên ở đây luật tiến hóa trong môi trường nhân quả. Thật vậy, các tác nhân phối hợp chuyển biến tự hữu đã mang lấy bản chất hằng tạo trong đoạn đường quá khứ. Các nhân duyên quá khứ bao trùm lấy từng tác nhân một. Khi bước đến sự tương hiệp tịnh động để tiến hóa, các tác nhân vẫn chịu cái cá thể riêng tư trong suốt chu trình tiến triển hiện tại. Chính vì thế, ngoài những bản tính cá thể, sự hiện diện của cơ duyên ngoại lai trong Vũ Trụ bao bọc, vẫn tác động lên trên sự tiến hóa.

Trong chu trình sinh diệt biến hóa của tâm thế: quá khứ, hiện tại, vị lai, cơ nguyên nhân quả luôn luôn đeo đuổi như hình với bóng. Tâm thể bản tính thanh cao ô trược, người lữ khách vẫn mang theo những vốn sẵn, những hạt thóc giống đã gặt hái được trong mùa năm trước, để làm phương tiện cho đoạn đường còn lại, hoặc gây tạo mùa gặt hái năm sau.

Hãy sửa soạn cho vị lai ngay từ trong hiện tại. Mọi vị thế đều phục vụ cho vị thế. Khi sang tiết vị đạo thì giá trị suy luận về chuyển biến khác biệt. Tất cả tùy tâm căn tiến hóa.

Tóm lại, Vũ Trụ chi phối suốt đoạn đường con người hiện hữu. Thử hỏi vật con người phải làm sao trong bầu Vũ Trụ hằng chuyển? Con người phải mặc khải công năng tác hiệp ra sao, để tạo điều kiện tiến hóa hằng hữu?

1. **Trùng tụng**

 Ở trong chứa đựng máy hành tàng,

 Một cõi Thiên đàng, một thế gian;

 Vạn hữu hữu vô tình bất đoạn,

 Thiên không không sắc lý tương quan.

 Âm dương động tác sanh sanh trưởng,

 Cơ ngẫu vận hành tạo tạo đoan;

 Co duỗi màn Trời, ai rõ biết?

 Để cùng Vũ Trụ định nhân gian.

**BÀI**

Nhân gian định, trần hoàn ổn định,

 Vạn vật hòa, lý tính giao hòa;

 Bước vào cái Vũ bao la,

 Trông về cuối tận, trụ là nơi đâu?

 Tay Tạo Hóa siêu mầu huyền bí,

 Sắp cuộc đời vô thỉ vô chung.

 Sinh sinh, diệt diệt khôn cùng,

 Đổi thay tán tụ trong vòng tác nhân.

 Mượn chi đó, kết thân tứ đại?

 Đó là chi buộc mãi luân hồi?

 Ra vào cái ngỏ tanh hôi,

 Đa mang quá khứ, sụt sùi vị lai.

 Đường tác hiệp không ngoài Vũ Trụ,

 Cuộc phối chi trong thú vạn năng.

 Phong lưu co giản vô ngằn,

 Vó câu lữ khách phăng phăng chập chùng.

 Hòa nhịp sống trong khung đại thể,

 Dụng công năng vi thế tiểu vi.

 Diễn phô sắc thái tân kỳ,

 In vào lục thức, duy trì quả nhân.

 Tâm bản tịnh, khách trần ô nhiễm,

 Ý tương ưng, thâu liểm vận hành.

 Thất tình, ngoại cảnh sở sanh,

 Triền miên hiện biến sắc danh khôn lường.

 Tánh hải ấy đại dương phẳng lặng,

 Vọng thức gây vạn trạng gió dông.

 Hóa nên nghiệp hải trùng trùng,

 Không bờ, không bến, mông lung mờ mờ.

 Sóng từ lực đẩy xô nhơn kiếp,

Cuộc thăng trầm duyên nghiệp trần la.

 Một bầu chủng tử hằng sa,

 Tiếp thu luân động, tương hòa tương sinh.

 Vọng thức đó vô minh buông rũ,

 Tâm linh là Vũ Trụ thiên không.

 Vào ra, chẳng nhiễm bụi hồng,

 Thân nầy Vũ Trụ hòa đồng khứ lai.

**Mục 3. Dung hòa con người giữa thế giới Vũ Trụ**

**a) Kinh văn**

 Qua hai mục trên, trong tiết 2 của chương IV, bốn tiết đã xét qua vai trò nhận thức của con người đối với Vũ Trụ và sự chi phối của Vũ Trụ trên con người hiện sinh. Sau đây là phần dung hòa con người giữa thế giới Vũ Trụ.

 Lẽ dĩ nhiên, phàm con người đang sống trên cái thế giới đang sống, đều nhận chân sự có mặt của mình giữa thời gian và không gian trời đất. “Thuận Thiên giả tồn, nghịch thiên giả vong”, tư tưởng nầy không ngoài mục đích tương hiệp, tương hòa của bất cứ cá thể nào đối với ngoại cảnh. Thật vậy, không có sự hòa nhịp phối ngẫu giữa một cấu thể không xét đến. Đó là dung hòa con người giữa thế giới Vũ Trụ.

 Vấn đề đã được nêu lên cho con người hiện tại, tuy nhhiên tác nhân hữu lý sâu xa nào đã đưa con người về câu hỏi tất yếu ấy?

 Sự thật của giá trị nhận thức qua câu hỏi ấy như thế nào, trong phạm trù của giới thức.

 Hỏi là một lẽ, mà phù đáp là một vấn đề khác.

 Định hướng cứu cánh cho vấn đề, mà bốn tiết đã nêu lên đây là chi? Cứu cánh ấy sẽ tác động con người trên cương vị gì?

 Ngoài ra lập trường minh định câu nói ấy ra sao, ngõ hầu nương vào đó, con người sẽ đạt đến cứu cánh đã vạch định.

 Lần lượt quán xét từng đoạn một: Tôn, Nhân, Dụ (1).

1. Điều quan trọng của vấn đề đã nêu, là dẫn giải nguyên lai và trình bày ý định.
2. Vì sao lại đưa con người đồng thể đến vấn đề đã nêu trên?
3. Phải chăng con người đồng thể với Vũ Trụ?
4. Khói sớm mây chiều, vân thượng yên hà rực rỡ.

 Khói mây có phải là nước hay không?

**(1)** Theo lập thuyết sách Nhân sinh luận của nhà Phật (theo thế gian thì gọi là Luận Lý – Logique), có ba phần:

 1. – Tôn là vấn đề nêu ra.

 2. – Nhân là nguyên nhân hay lý do.

 3. – Dụ là tỉ dụ, mượn vật để thấy, để biết, làm tỉ dụ, để làm bằng chứng Nhân.

 Như nói: Tôi muốn ăn cơm (tôn), vì tôi đói bụng (nhân), cũng như mọi người, hễ đói bụng thì muốn ăn (dụ).

1. Khói mây là nước, nhưng không là nước. Không là nước, nhưng lại chính là nước biến thành.

Con người khi đặt quan niệm đi vào bản thể của Vũ Trụ, mọi pháp trần cũng đều giống như nhau. Những cực vi tử cũng là cực đại thể, các tiểu linh quang biến sinh sinh biến. Thấy “sinh” là con người phải hiểu rằng sự kiện không tự nó hiện thành, mà do sự biến thể của những gì hiện hữu. Thấy “diệt” là đừng bảo rằng mất đi, mà chính đó là sự biến dạng sang hình thức khác. Nước sông, khói sóng, mây trời, tất cả đều là những chu trình tuần hoàn sinh biến.

Nhắc lại nơi đây, nếu đi sâu vào Pháp thân bản thể con người và Vũ Trụ, cũng như vạn hữu, đều không khác. Tuy nhiên, sự khác biết giữa con người và con người, giữa con người và vạn pháp là tự bởi cái sắc tướng giả tạm, che đậy bên ngoài đó mà thôi, tùy theo nghiệp chủng của tâm thức mà bày hiện ở hình dạng ngoại thể.

Chính quả tối tri nếu đạt được, thì cái giá trị dị đồng của vạn hữu thực tại sẽ không còn, và nhờ thế những sự chấp ngã và vô ngã không tái lậu được.

Vậy thì con người đồng thể với Vũ Trụ, hay có thể bảo rằng: Vũ Trụ trong con người, con người trong Vũ Trụ.

Ngoài ra, con người cũng đồng nhiệm vụ với Vũ Trụ. Sinh, trưởng, thâu tàng, con người sinh ra, lớn lên, trả nợ vi nhân trong cuộc đời dâu bể.

Cái nhiệm vụ tự mang lấy, khi bước chân vào cõi đời, là một nhiệm vụ xây dựng cho điều kiện tiến hóa của vạn loại. Nếu có sự vô trách nhiệm của một cá thể nào, đó là màn vô minh đã che lấp bản tâm linh của cá thể đó.

Con người bước chân vào vòm trời Vũ Trụ, lẽ dĩ nhiên, không thể bảo rằng con người đứng ngoài vòng Vũ Trụ, hay xem Vũ Trụ là một đối tượng khách quan, con người là tiểu Vũ Trụ của chính nó. Vũ Trụ là một cực đại thể của chính đại Vũ Trụ. Cái tâm thức của con người là trung tâm lực của Vũ Trụ nhân thể, cái xác thân hành động của con người là khung ảnh của Vũ Trụ nhân thể.

 Cái nhiệm vụ đồng hành của con người và Vũ Trụ được thể hiện sự tiến hóa trong tương quan nhân quả sở định của Vũ Trụ đã nhờ vào con người mà hiển hiện. Mọi luật tắc của Vũ Trụ đã đặt trong con người một đặc tánh không rời. Vũ Trụ hằng chuyển luân trong con người hiện có. Từ Vũ Trụ con người cấu thể để hiện hữu và từ cái hiện hữu do lai Vũ Trụ con người sáng động theo khung Trời Vũ Trụ.

 Con người mang lấy cái thể xác từ tam đại thể của Vũ Trụ hằng hữu: hư không, tâm linh và vật chất phối họa, nên con người tự hữu sở định. Cái nhiệm vụ không nói đến cũng mặc nhiên phải khoát lên con người nầy.

 Sống không phải để mà sống. Sống đúng chính nghĩa thực của nó là thể hiện những cái vinh diệu của Vũ Trụ. Phải tác động như một nhân thể chịu sứ mạng từ Vũ Trụ cực đại để sống. Có như thế con người sẽ không bị màn vô minh, đưa đẩy vào đường sống tư kỷ cá biệt, để rồi góp mặt cho trò đời biến đổi tang thương.

 Sự cấu tạo đồng điệu của con người và Vũ Trụ, và nhiệm vụ con người đã ghép mình vào Vũ Trụ, đã đồng nhịp sinh trưởng của đại thể bao la đó, chính vì thế, điều mà đặt trước mắt con người là phải làm sao dung hòa con người trong Vũ Trụ.

 Có thể xem Vũ Trụ là một hiện tượng đối lập với con người hay không? Hoặc con người là nô lệ của Vũ Trụ, gói trọn vẹn trong thân tâm mình vào trong vòng chuyển luân của Vũ Trụ hay không? Phải làm sao đưa đến cái giá trị hành thức của điểm chánh con người, hợp lý nhứt trong xã hội Vũ Trụ.

Tất cả những điều nấy sẽ được lần lượt qui định như sau:

Vấn đề dung hòa con người và Vũ Trụ đã được nêu lên. Tuy nhiên, vấn đề nầy phải được được xác định theo tiêu chuẩn nào và theo đường hướng nào, để tạo lấy căn bản cho hành thức nhân sinh.

**Thứ nhứt**: Dung hòa trong căn bản tri thức:

**Hành giả tri hành hiệp nhứt, biết trọn vẹn cái biết mới dám gọi rằng biết. Cái biết vô thường của thế nhân cũng mường tượng như sắc diện của buổi bình minh hay hoàng hôn diễn phô trong nhân thể.**

Chính vì thế, vấn đề dung hòa trong nhận thức của con người đối với Vũ Trụ, là điều cần lưu ý hơn hết. Những nhận thức sai lầm thường đưa con người vào con đường nguy khốn diệt vong. Những tội lỗi chức đựng ngay từ trong tư tưởng, chớ không phải là cái bản án của thế nhân.

Con người có xem Vũ Trụ là mình, mình là Vũ Trụ, mới tránh khỏi sự phiền não và dối gạt của ngoại thức. Đứng cho rằng con người ở ngoài vòng Vũ Trụ, hay chỉ có con người là điều đáng lưu tâm. Tuy nhiên, cũng đừng cho rằng con người phải là nô lệ của Vũ Trụ, là phải xuôi tay mặc cho sóng đời di động.

Những cực đoan của nhận thức mang màu sắc thiên lệch ấy thường đưa con người vào lối nghi ngờ và không thể nào sáng tỏ vấn đề. Con người mang lấy những khoan tay bất mãn của màn lục dục, sẵn sàng nổi dậy trong lòng cả con người, đi đối vối hành động của tâm thức chuyển biến vào sau đó hành động tai hại sẽ phát sinh, khó mà ngăn giữ được.

**Trên căn bản nhận thức của con người, quán tưởng rằng: con người ở trong Vũ Trụ mà là ngoài Vũ Trụ, con người ở ngoài Vũ Trụ nhưng lại là trong Vũ Trụ. Con người và Vũ Trụ duy nhứt, nhưng duy nhứt ấy lại là lưỡng nguyên. Sự có mặt của con người và sự hằng tồn của Vũ Trụ đi đôi với nhau như sóng nước.**

**Thứ nhì**: Dung hòa trên căn bản hành động

Sau khi xác định chơn giá trị của nhận thức về Vũ Trụ, điều được nêu lên đây là dung hòa con người trên căn bản hành động.

Con người đã sống là có hành động. Cái trí muốn trong tò mò và hiếu kỳ của con người, thúc hối con người phải hành động để thỏa mãn sự đòi hỏi duy lý ấy. Vì thế, con người gói mình trong nhục thể lý trí, hằng lo khám phá con người và ngoại cảnh Vũ Trụ. Hàng nhận thức nầy gạt bỏ mọi vật thể và xem mọi vật thể đều là những đối tượng dị biệt, cần phải chinh phục. Suốt đời người, họ chỉ đeo đuổi theo cái bóng của Vũ Trụ để hằng mong chiếm đoạt lấy. Tuy nhiên, mọi giải quyết đều đem đến sự chấp nhận đã đưa đến giải pháp vô nhận thức được.

Vì vậy, hành động con người không thể hướng theo phương thế ấy được. Song con người trái lại, nếu chỉ biết tròn mình trong vỏ ốc của Vũ Trụ nhân thế, mặc kệ ngoại cảnh biến thiên, thì cũng là hạn hẹp lắm ru?

Đã đi vào đời là mang trách nhiệm tiến hóa định vị của nó. Thế mà con người đứng lặng yên một chỗ, té ra con người không làm tròn sứ mạng đã tự nhận hay sao?

Tóm lại khám phá Vũ Trụ không phải là để khám phá Vũ Trụ. Trái lại, tìm hiểu Vũ Trụ là để tìm hiểu con người trong sự tương hòa tương hiệp. Cái lối thoát khai mở cho những ai đắm chìm trong ảo tưởng ưu tư, là xem lại mình đi, để biết mình đi và nhận định quyền năng khởi thỉ, để khỏi phải nặng nề bó tay quán xét. Hơn nữa, dùng lý tính để cải tiến tri thức trong sự tiến hóa, nhưng luôn luôn sẳn sàng chấp nhận sự dung hiệp giữa con người và Vũ Trụ.

**Thứ ba**: Dung hòa trên căn bản tâm linh

Nhiều người trông thấy cái bao la huyền nhiệm lại sợ hãi, khép mình trong lo âu. Nhiều tôn giáo thấy sự thể, lại nung nóng sự khủng hoảng giữa niềm tin của con người. Những niềm tin nô lệ vẫn phục vụ cho nô lệ mà thôi. Những giáo dục nô lệ sẽ đưa con người vào xiềng xích của thức trần ô nhiễm.

Đối với một tác năng Đạo Học, cái căn bản tâm linh đối với Vũ Trụ không thể như thế được. Tôn giáo không tạo điều kiện giải thoát con người ra khỏi khu rừng u minh phiền não. Sự thực không là cứu cánh của tôn giáo. Mọi hình thức nào cũng đều là hình thức nhưng Chơn Lý đặt định không thay đổi. Vì vậy, với nhận thức tâm linh con người phải quan niệm thế nào hợp thức, khi đối diện cùng Vũ Trụ huyền nhiệm nầy.

Trên căn bản tri thức của giới luận đã nói: Vũ Trụ là mình, mình là Vũ Trụ, thì sự thực cái lo âu vớ vẫn, chỉ là cái bóng không thực mà thôi. Nên xóa bỏ để tạo một phương vi định huệ giải thoát cho kiếp nhơn sanh. Hơn thế nữa, Thượng Đế ngự trong tâm lành của nhơn sanh. Cho nên con người không thể nào lại lo cho mình trước Vũ Trụ được. Phải chấp nhận tay hướng mắt nhìn vào bản thể của con người, vạn thể tự tâm thể biến sanh, các tiểu linh quang hằng định, vẫn có và hằng có.

Kìa nhìn xem cánh hạc vạch thẳng giữa bầu trời thanh thoát, cái hạc ấy có lo gì, có tưởng gì, có phiền não gì, vẫn ung dung tự tại trong định luật sinh tồn. Còn con người là một vật thể thượng đẳng, lẽ nào lại khép mình trong những tư tưởng mờ đục của chính mình.

Tóm lại, cái chinh phục chiến thắng vĩ đại nhứt, là cái chinh phục chiến thắng bản thể của con người. Đứng hàm hồ nhìn những gì to tát ngoài kia. Thực sự những cái ấy đều tự chứa trong con người, mà chính con người chẳng hay chẳng biết. Tự chủ được bản thể là tự chủ được thiên hạ. Chinh phục được con người hiện hữu là chinh phục được Vũ Trụ hằng tồn. Đừng lo cái không đáng lo, đừng nghĩ cái không đáng nghĩ. Hãy bước thẳng và lặng nhìn vào Thiên tâm bản thể!

**b) Trùng tụng**

**THI**

 Nhơn gian mấy kẻ biết tu hành,

 Tự thể dung hòa, lóng trược thanh.

 Căn bản Thiên lương, gìn chính chắn,

 Ngọn ngành Thánh thiện, giữa tinh anh.

 Tâm linh bất động không mê muội,

 Tánh hải huyền trầm đắc sở sanh.

 Mộng huyển vô thường nào tí gợn,

 Lòng tay nắm trọn sắc, thinh danh.

**BÀI**

 Sắc, thinh danh, pháp, tài, vị, xúc,

 Định viên thông hành phục chư ma.

 Khắp trong Vũ Trụ là nhà,

 Tới lui xây dựng, vào ra tác thành.

 Lý huyền nhiệm vô sinh bất diệt,

 Cơ vận hành khúc chiết viên dung.

 Nào ai doãn chấp khuyết trung,

 Đo lường yểu thọ, thông cùng khứ lai.

 Cấn môn xuất, nhi Đoài môn nhập,

 Cuộc chu trình, diễn khắp trần gian.

 Lại qua một thử, một hàn,

 Chuyển luân nhựt dạ, thâu tàng trưởng sinh.

 Đấng Tạo Hóa hữu hình là thế,

 Kiếp con người hồ để đắn đo.

Sống cùng un đúc một lò,

 Kim thân rày đã nên trò gì chăng?

 Trước đối cảnh, vạn năng sinh biến,

 Giữa vòm Trời, ẩn hiện sắc không.

 Nào ai là Chủ Nhơn Ông?

 Xuất huyền nhập tẩn, phải thông mới là.

 Vũ Trụ ấy với ta vốn một,

 Một mà hai, không tột không cùng.

 Hải hồ xuôi ngược thù chung,

 Mảnh thân tứ đại vẩy vùng trần lao.

 Thể âm dương có là không đấy,

 Vỏ vạn thù, tạm ấy rồi thay.

 Tương quan vạn tượng phơi bày,

 Quay về bản thể, mới hay sự tình.

 Chơn tánh vốn Viêm minh Diệu giác,

 Tâm linh nầy trực phát huyền đồng.

 Dù rằng Vũ Trụ mênh mông,

 Gom về nội tĩnh, suốt thông mọi đường.

 Đem cái ta vào trường huấn luyện,

 Cho phàm thân hiện biến Kim thân.

 Mảnh gương lau sạch bụi trần,

 Soi vào nhìn rõ nguyên nhân cuối, đầu.

**TIẾT III. NHÂN SINH VÀ CON NGƯỜI**

 Vấn đề Vũ Trụ và con người đã được trình bày trong tiết trên sau đây là vấn đề có liên quan mật thiết đối với cá thể con người là nhân sinh. Vũ Trụ thực ra là tất cả bao quanh, dồn dập của thiên nhiên vào con người mang một tính cách bao quát và uy hùng hơn hết. Tuy nhiên, chính đối tượng nhân sinh mới thực là thể tài chính thực, mà con người hằng chung đụng, hằng ưu tư, hằng nghĩ ngợi, qua muôn nghìn suôi ngược, ngược xuôi.

 Hơn nữa, một chủ thuyết, dùng có hùng hồn và rực rỡ cách mất đi chăng nữa, mà không giải quyết được vấn đề nhân sinh trongnhân sinh, thì cũng chỉ rơi vào không tưởng, vào mơ hồ. Chính vì thế mà vấn đề nhân sinh và con người không thể không nêu lên nơi đây.

 Phải chăng con người là một chiến sĩ giữa bãi sa trường? Dầu đứng trước nghịch cảnh hay ưu thế, người chiến sĩ đều quan trọng và cấp thiết, không thể từ chối, đó là chiến đấu. Phải chăng cuộc đời là bến đổ của khách thương hồ tạm dừng lại, để tung vào không gian khởi diễn? Phải chăng cuộc sống của con người trong xã hội nhân sinh là một canh bạc, càng đoạt lợi thu nhiều là chiến thắng!

 Tất cả những câu hỏi trên đây, sẽ được lần lượt quán định, theo ba mục sau đây

 1. – Nhân sinh trong màn đêm huệ thức;

 2. – Tác động nhân sinh trên con người hiện hữu;

 3. – Hiệp hòa con người trong Vũ Trụ nhân sinh.

**Mục 1. Nhân sinh trong màn đêm huệ thức.**

**a) Kinh văn**

 Nói đến nhân sinh là nói đến một tập thể phức tạp, lồng trong đó nhiều cá thể dân tộc, quốc gia và chủng loại. Một phức tạp tràn đầy phức tạp, từ thực thể đến tinh thần, khó mà đồng nhứt nhau được. Tuy nhiên, nhân sinh dù khác biệt, từ màu sắc hình tướng đến tâm trí tri hành của chúng, nó vẫn mang lấy một cái đặt tính biệt thù của nhân sinh trong căn nguyên bản thể.

 Cái giống nhau không thể tách rời được của tập thể nhân sinh, đó là con người phải nhìn nhận đối tượng nầy có một quả tim, có một linh hồn và một thể xác, thuộc hàng thượng đẳng chúng sinh. Con người phải nhìn nhận nhân sinh là chính mình, trong ý nghĩa đại thể và con người là nhân sinh cá biệt. Có như thế, sự quan sát đối tượng nhân sinh sẽ không đi đến chỗ sai lầm và chủ quan thiên lệch.

a) Quán định nhân sinh trên cương vị không gian hiện hữu của chính nhân sinh

 Lấy thời gian hiện tại làm dấu móc cho sự nhận thức, con người và đối diện con người thứ hai đã tự mang bao nhiêu điều khác biệt. Tất cả chúng sinh là những hạt nước được nhuộm màu. Nước vẫn là nước, cái chủng nghiệp truyền thừa đã hòa lẫn làm đục, nhưng muôn màu đều có ánh sáng.

 Một con người và con người đã là thế. Hãy nhìn qua một dân tộc với dân, quốc gia với quốc gia và chủng loại với chủng loại ra sao?

 Từ cái hàng rào bản ngã của con người, đến cái hàng rào dân tộc, quốc gia và chủng loại, đã ngăn đường xấp lối, xẻ múng chia manh cái tập thể nhân sinh. Từ mảnh đất nhân sinh, dù đã nảy sinh biết bao nhiêu thảo mộc, cỏ lạ hoa thơm, biết bao nhiêu đưng lác năng sậy, đất bùn vẫn là đất bùn, Nhưng có ai lại phủ nhận rằng hoa sen có được không, là từ chỗ đất bùn, hoa huệ có được không, là từ cánh đồng khô.

 Cái biến đổi đẹp xấu đến tự cá tính chuyên biệt cấu tạo lọc lừa mà thôi. Mảnh đất trần gian là thế, nhìn khu vườn nhân sinh nào có khá gì. Những khóm hoa sặc sỡ, những cây cỏ um tùm, tất cả cũng tự thể hiện sự có mặt của mình trong tự thể riêng tư.

 Bản thể là một, mà hình tướng là hai. Dành riêng về tâm linh bản thể, con người sẽ nghĩ gì về vấn đề con người tri giác và thể xác sinh thực. Thử dừng chân lại nhìn những lượn sóng trôi nhanh, từng đợt sóng ào ạt, qua lại, qua lại trước mặt con người. Nhìn những vết răn reo trên vẻ mặt, nét ưu tư còn đọng, còn ngập ngừng trong yên lặng, hoặc vội vả trong sự việc chẳng thung dung. Tất cả mọi riêng biệt, hòa lẫn thành một cái gì chung thể, đồng tương quan, đồng sinh hoạt, đồng tiến bước. Thế nên cái nghĩ suy hành động của con người có giá trị là được thực hiện giữa tập thể nhân sinh, các luồng sóng tư tưởng đang trộn hòa theo từng không gian, cũng như hàng vết chân xoá nhòa lên nhau trong cuộc đời biến chuyển.

 Đời là tranh đấu, cái ý nghĩa ấy khó được đứng vững đối với tập thể nhân sinh, càng ngày càng gần nhau hơn. Sự tranh đấu cao thượng, hùng vĩ nhứt là tranh đấu với chính con người của mỗi cá nhân. Mọi chướng ngại, dầu to tác hay nhỏ bé, sẽ bị dẫm dưới bước chân vô ưu của người hành giả. Nhận định nầy sẽ đưa con người đến những quyết định nào?

 Đời phải chăng là bến mộng của cõi vô thường. Con người thấp thoáng như những chiếc thuyền mơ trông theo bào ảnh. Ôi! Nếu bảo rằng mơ, thì chi là thực? Nếu bảo rằng thực, thì cũng hỏi lại thế nào mới gọi rằng mơ? Đã bước vào đời, đã nhận lãnh vai tuồng quan trọng hay tầm thường, cái cần yếu là phải đóng cho trọn vẹn vai tuồng của kiếp nhân sinh trong hiện tại đã. Những sự việc lặng lẽ và tách rời, phải là điều sửa soạn cho việc hưng biện và sinh hoạt đồng hành. Nếu trái lại, những phương cách nầy sẽ không đưa con người hơn cái chỗ con người đã có. Những ngọn gió dù yên lặng để chờ đợi sự luân lưu, tạo mùa tiết, phong vân vũ lộ.

 Mọi sinh hoạt đều đưa con người vào con đường tiến hóa, mới chính là sự việc nghĩ đến trên hết.

1. Hạnh phúc có phải là cái yêu vui riêng của bản thân con người?
2. Đúng, trong câu nói hẹp hòi nầy sẽ đưa con người đến hố sâu tiêu diệt. Hạnh phúc vĩnh cữu là vô ưu, vô phiền não. Chính trong cái vô ưu, vô phiền não sẽ chứa đựng như một bầu trời bát ngát bao la. Những sự việc giả tạm, chỉ là lớp áo hạnh phúc, có chăng nữa cũng theo thời gian mà phôi pha đi mất.
3. Nhận định ấy sẽ đưa con người đến những giải quyết gì?
4. Những tiếng nói khác biệt đã làm cho con người ngăn cách. Những giáo dục tín ngưỡng lại càng đẩy xa con người ra khỏi tập thể. Thực sự thì quan niệm tư tưởng và trí thức đã càng làm cho con người xa nhau hơn nữa. Muốn thực sự gần nhau, muốn thực sự hiểu nhau, con người lặng yên trong màn đêm huệ thức, sẽ thấy mọi niềm cảm xúc của chính mình, đem hòa lẫn tha nhân. Có như thế, tập thể nhân sinh nầy mới mong tồn sinh trong tiến hóa.

b) Quán định nhân sinh trên cương vị thời gian luân chuyển

 Nhìn dòng nước chảy qua cầu ngày hôm nay, cùng những bào ảnh, cùng những mây trôi, cùng những cây cỏ ấy, nhưng đã khác hôm qua. Không có hai trận mưa giống nhau sau trước. Dòng đời trôi xuôi, con người cũng trôi theo ngày rộng năm dài.

 Những giọt nước chảy sau đẩy dòng nước trước, tiến dần về đại dương. Cái thế hệ đi sau đã bắt buộc thế hệ đi qua không thể dừng chân lại được. Dây xích thời gian càng thêm một khoen, càng dài ra thêm nữa. Sực có mặt của kẻ đến sau, làm cho con người đi trước phải bước lên. Xuân mản đông tàn, hè qua thu lại, mầm non sắp nở, lá ngô đồng rơi rụng đầy sân. Cái khác biệt của khung cảnh nhân sinh và khung trời cây cỏ: nhân sanh vẫn tiến hóa, cây cỏ vẫn nguyên hình.

 Cái thế hệ hiện tại phải có bổn phận và trách nhiệm trên những đau khổ và hạnh phúc của thế hệ đi sau. Thế hệ đi sau mang lấy gông cùm hậu quả cho thế hệ sắp tới. Những bước tiến hóa gắn liền với cái trách nhiệm mặc khải của con người, đối với không riêng con người hiện tại, mà phải là đến cả con người vị lai. Hãy bước đi trên những con đường bằng phẳng và vững chắc. Hãy nhận hướng vào ánh sáng bình minh, để tránh cho xã hội hậu lai khỏi bị đi vào cảnh bình địa nổi ba đào, ban ngày mà u tối.

Nhân sinh, hai tiếng ấy mang nhiều màu sắc của không gian sinh động và thời gian chuyển luân. Ngoài ra, nhân sinh đã khoác lấy cho mình những chiếc áo tư tưởng huy hoàng, phản chiếu ánh sáng. Mọi tư tưởng đã định hướng trước tiên của nhơn sanh, mà con người sẳn sàng chờ đợi lấy hậu quả. Cho nên cái tư tưởng đã nắm một vai trò chủ động lực trên mọi sinh hoạt của nhân sinh.

1. Con người có quan niệm gì với tư tưởng?
2. Tư tưởng sanh biến không ngừng, lưu chuyển trong màn đêm huệ thức. Con người tự lấy cây thước và cán cân, để đếm bước vận hành, cùng đo đoạn đường Thiên Lý.
3. Những tư tưởng đang mang mặt ấy, đã biến hiện ra sao trong con người? Tư tưởng đã tác sinh gì con người đang sống và thế nào mới gọi thực là sống?

Tư tưởng nhân sinh đã định giá mọi sinh hoạt tinh thần của con người. Mọi sinh hoạt tinh thần ấy đã tạo con người trong cái hằng hữu của nó ra sao?

Một điều cần qui định ở đây: Dù rằng cái tư tưởng hay chủ thuyết có vượt bực thế nào chăng nữa, thì thực sự tư tưởng ấy khó vượt ra ngoài không gian và thời gian. Chính vì thế mà con người phải ghi nhận sự tiến hóa và thối hóa cả tư tưởng, theo thời đại và kỷ nguyên. Phải nhìn bầu trời hôm nay, mà đoán việc mưa gió bất thường sắp đến.

Nói đến nhân sinh, tất phải nêu lên vấn đề tình cảm và thể xác nói rêng, nhơn sanh nói chung. Các chi phối trùng hợp nầy đã và đang gây tạo ra sao? Có phải chăng là điều chấp nhận trong hai cá thể, để chôn vùi con người trong khung ảnh tư riêng, hay chỉ gói trọn trong gia đình, quốc gia, dân tộc.

Bước sang giai đoạn sống của thể xác con người. Lẽ tất nhiên, sinh hoạt thường nhựt đã đưa con người đến sự việc ăn, mặc, ở. Những tác nhân nầy đã chi phối hầu hết đời sống con người. Cái ăn mặc, ở, đã chiếm một địa vị quan trọng trong tư tưởng tình cảm và sinh hoạt. Thế nên nhìn vào sự thật, dù rằng sự thật có là phàm phu hay tục tử. Nhờ có biết được cái phàm phu tục tử, con người mới bước lên thang tiến hóa của tâm linh siêu việt.

Nhân sinh trong màn đêm huệ thức, sẽ lần lượt nhận định và tạo điều kiện tiến hóa trên con đường Vũ Trụ và nhân sinh.

**b) Trùng tụng**

**THI**

Danh lợi bôn xu cõi hí trường,

 Nguyên nhân há dễ mất Thiên lương.

 Thánh phàm do bởi tâm sinh biến,

 Siêu đọa vì chưng tính độ lường.

 Nếu nghĩ trăm năm cơ hữu định,

 Đành cam một kiếp lụy vô thường.

 Đất lành gieo giống cây lành trổ,

 Cõi Việt Trời Nam một mảnh vườn.

**BÀI**

 Vườn Tạo Hóa nghìn dâu xanh biếc,

 Lò cừ nung mấy kiếp con tằm.

 Nợ trần nếu phải trăm năm,

Đường tơ sao chẳng đoạn phăng một lần?

 Người vốn biết nguyên nhân Thượng giới,

 Tay thợ Trời gieo tới trần gian.

 Xum xuê một cõi dinh hoàn,

Luân lưu nhựa sống khắp tràn núi sông.

 Đen, trắng, vàng cùng trong Vũ Trụ,

 Mặc uống ăn trong thú dưỡng sinh.

 Á, Âu, Phi, Úc, Mỹ, Anh,

Một khuôn un đúc nên hình thế nhân.

 Từ tập thể nhân quần chủng loại,

 Đến quốc gia, xã hội bán khai.

 Linh quang bủa xuống trần này,

Hậu Tiên, nhị khí dựng gầy tác sinh.

Cuộc phù thế âu đành tạm bợ,

 Đường thiên luân sao ngỡ tiền duyên.

 Thức trần lấp ngõ đăng Tiên,

Vó câu lữ khách quanh triền Vu sơn.

 Bước hoạn lộ ngập ngừng ngoảnh lại,

 Vần kim ô gát mái hiên tây.

 Hỏi chi ở cõi trần nầy,

Rằng vinh, rằng nhục, rằng cay, rằng nồng.

 Đã pha trộn muôn dòng muôn sắc,

 Rẽ cuộc đời ngõ tắc quanh co.

 Truyền thừa nghiệp chủng biến sanh,

Sắc tài tửu khí vây quanh kiếp người.

 Mầm nhơn quả nẩy chồi nhân quả,

 Chồi quả nhân phong tỏa thiện căn.

 Nổi trôi hạt cát sông Hằng,

Vạn sinh dồi dập dưới lằn sóng xao.

 Đem cái ngã buộc vào nhân thế,

Tình thanh cao bổng dễ trầm luân.

 Cái quây búng tít không ngừng,

 Cuối đường hoạn lộ, khách dừng nơi đâu?

 Cõi Thiên không một bầu lồng lộng,

 Hạt vi trần gẩm phỏng ra chi.

 Thiên nhiên ảo diệu tân kỳ,

 Từng trong đại thể , tiểu vi hòa đồng.

 Trót đặt chơn trong vòng nhân kiếp,

 Kiếp con người là kiếp vạn sinh.

 Vạn sinh là máy tối linh,

 Thuận cơ biến hóa, an ninh thái hòa.

**Mục 2. Tác động nhân sinh trên con người hiện hữu**

**a) Kinh văn**

**Con người không thể tách rời khỏi xã hội nhân sinh, xã hội nhân sinh đã dính liền với đời sống từng cá nhân một. Đã tự nhận là một nhân thế trong cuộc đời, phải chấp nhận mọi sự chung đụng sinh tác, trong khối đại thể nhân sinh.**

Hãy nhìn một dòng nước đang trôi chảy. Những hạt nước li ti hẳn phải kết hợp với nhau và liên tục. Một dòng nước sẽ thôi chảy khi những hạt nước nầy, bị bứt rời và cách biệt nhau. Cuộc đời cũng thế, dòng đời lơ lửng, nhân thế nổi trôi, bọt nước hiện biến ở đầu gành, con người sanh tử.

Tác động tất yếu của xã hội nhân sinh không thể không lấn ép con người cá thể từng địa vị một. Trái lại, con người phải góp từng bàn tay, từng nét bút, để xây dựng tòa lâu đài xã hội uy nghi, hay một bức tranh đời vân cẩu. Những mái thuyền đời đang vẫy vùng trên sóng nước, dù muốn hay không, kẻ cầm lái cũng phải nương chìu nhuận nước, tùy theo sóng gió bão bùng, mà đẩy mái chèo con.

Bước chân vào đời, dường như bị sắp khuôn trước khung cảnh đã có sắp đặt từ trước, mọi hình thức, hoạt động sinh sống đều do khuông thước của những lớp người đi trước tạo ra.

Xã hội con người chứa đựng con người, trong ấy mang những đặc tính mà mỗi con người phải đồ nét lại, nếu muốn được là người bình thường, hợp với xã hội. Những thói quen, tập tính đều khoác lên mình một bộ áo, mà chính con người cũng không hiểu rằng mình được có hay là bị có. Tuy nhiên, những việc lặp đi lặp lại đã tạo cho con người một dễ dãi chấp nhận, một sự thể tư nhiên cần có, chớ không còn cho là bắt buộc, đau buồn trong đời sống hiện tại.

Những hạt cát trên sa mạc vẫn có khunh hướng tụ với nhau, thành cồn cát nhỏ to lớn bé. Cái vị trí tương hợp của chúng vẫn phải tương hợp mặt trên một cương vị với hình thái riêng biệt. Nhưng mọi hình thái riêng biệt vẫn góp chung một tính chất chung của sa mạc. Cái nóng bỏng, cái hoang vu, cái chập trùng hư ảo của nó đã bao trùm lấy chính nó.

Xã hội nhân sinh, tập thể sinh biến, nhưng bất diệt nầy, vẫn hợp mặt đầy đủ những khía cạnh riêng tư, chung qui cũng tạo bộ mặt đặc thù của nó. Cái xã hội từng dân tộc đã mang nhiều tính chất xã hội, những móc nối liên hợp trong tập thể nầy, dưới những tác động hợp lý riêng của mỗi một xã hội dân tộc.

Hãy xóa bỏ những dị biệt của từng xã hội con người, để nhận định chung một xã hội chủ thể duy nhứt, đó là một xã hội nhân loại.

Nhân loại không riêng biệt, mà xã hội phân biệt.

Tác động của nhân loại trên từng con người là: tinh thần, vật chất. Giải quyết tác động chung của xã hội nhân sinh trên từng con người, không thể thiếu một trong hai khía cạnh ấy. Hai vấn đề nằm trong một chủ thể, hai vẫn là một. Tác động tinh thần, vật chất vẫn song đôi trên con đường đời Thiên Lý.

1/ Vấn đề tinh thần gồm có hai phần: Trí thức và tình cảm

Các tổ chức văn hóa, giáo dục, nghệ thuật, khoa học đã chi phối đời sống tinh thần con người rất nhiều. Con người luôn luôn quay cuồng trong cơn trốt gió của tư tưởng, của nhận thức con người Vũ Trụ và mọi sự thể của Thế gian. Các danh từ và danh từ, các quan niệm và quan niệm, đều bôi xóa trên nét mặt từng con người. Cái tự thể tính con người chìm đắm trong ánh sáng của tinh thần ý thức, của xã hội nhân sinh.

Các giới tự phê định đã sắp khuôn, mà con người chỉ cần ráp khuôn, xem thử có vừa vặn hơn kém thể nào, để phê phán và xác định. Cái giá trị phê phán thông thường của con người bị đồng hóa với phê chuẩn từ xưa, hay sự đồng tình trên dư luận xã hội hiện tại.

Mọi ý thức con người thường tự nó do từ cái ý thức đã có. Y thức nằm trong vô thức đã sẳn sàn ứng trên các sự kiện.

Màu sắc ý thức bị pha trộn trong mọi ánh sáng chân thực của từng vấn đề trong xã hội. Con người ý thức không còn là ý thức nữa mà chỉ có mang lấy bộ óc đã sẵn thước khuông hình vẽ để đo ráp đấy thôi.

Hơn nữa, những ý kiến phát biểu, con người hoàn toàn bị gói ghém trong tiếng nói của giai từng xã hội dân tộc riêng tư. Các đường lối diễn đạt ý nghĩ, vẫn là cái gì mà con người đã được dạy dỗ, trong 4 bức tường của xã hội con người qui định.

Tinh thần con người luôn luôn xáo trộn, căng thẳng trong xã hội nhân sinh. Con người hầu như không còn tự chủ được tinh thần, thực sự là của mình hay ngoại cảnh. Những nỗi đau khổ, thác loạn, vẫn mặc nhiên xô đẩy con người xa khơi trên bể đời sóng gió. Tình cảm con người hoàn toàn phiếm định, những cái mông lung, hư ảo đã đưa con người vào thức trần ô trược thế nhân, những cái sầu não tiêu hao đã khuấy tan bầu nhiệt huyết của tâm linh.

Cái bối cảnh đã gây những sinh ly tử biệt, kiếp con người đang trìu trịu tâm tư, nước bốn bể vẫn ngập tràn, giọt mưa sầu vẫn trùng điệp, rơi rơi trên mảnh vườn nhân loại.

Cái dục vọng của tình cảm xô đẩy, bởi nhân sinh đang ào ạt nhận chìm những chiếc ghe thương hồ vào dòng nước bạc. Bên trong lãnh vực tình cảm là tình yêu, cái sự thể thiên nhiên nhân loại đã kết hợp thành ý vị ngọt lịm, đắng cay và bủa tràn khắp trong các nẻo đường trên thế giới. Trước vật thể Tạo Hóa, con người tự biến thành những bụi gai bén nhọn, mang những hoa tình sặc sỡ, phảng phất trước gió xuân. Những lữ khách ngập ngừng, chồn chân, trên đoạn đường đời xa thăm thẳm. Tri thức tình cảm con người, ngày lại qua ngày, bị nhồi nắn trong lò rèn luyện của nhân loại. Tất cả những phủ phàng chồng chất bên cuộn tơ đời, trói chân con người vào vòng thay đổi, đổi thay.

2/ Bước sang khía cạnh vật chất

Luận đến vật chất đã chi phối con người vào hai vấn đề kinh tế và xã hội, nghĩa là: ăn, mặc và sống, của con người trong kiếp sinh tồn hiện hữu.

Con người vấp chân và đứng dậy. Những cánh bèo trôi va vào bờ để xoáy tròn, lại trôi đi. Nhìn dòng đời hằng ngày hằng câu thúc với cặp mắt cả kẻ bàng quan, dường như nó mãi lửng lờ và trôi chảy. Nhưng thật sự là con người phải cuộn trôi theo. Lúc bấy giờ không còn hờ hững hững hờ nữa, những chen lấn đấu tranh của nhân sinh, tác động vào tình cảm của con người trong xã hội.

Sự chi phối liên tục suốt một cuộc đời, sự ăn mặc và sống của nhân sinh, đã tự bó chặt con người vào vòng luẩn quẩn thường nhựt. Kinh tế gia đình, kinh tế xã hội, quốc gia và nhân loại đã bắt buộc trong cán cân “cung cầu” lên xuống. Sự tranh đấu tương sát thông thường, phát sinh từ sự chi phối vật chất của nhân sinh vào trong con người. Những bất mãn phật lòng lần lần cũng đưa con người đến bãi chiến trường, dấn thân vào súng đạn, để gào thét, rên than giữa con người và con người.

Tác nhân sống đã vày vò con người biết là bao nhiêu, có mấy ai thoát khỏi vòng trần lụy! Cái triền dốc danh. lợi, tình, tiền, đang xô đổ con tàu nhân loại vào hang thẳm vực sâu.

1. Thế con người phải làm gì?
2. Câu hỏi nầy bất cứ một nhân thế ý thức, có ý thức nào, cũng phải bắt buộc cố gắng giải đáp. Dù rằng sự giải đáp không biết sẽ đem đến một kết quả hy hữu nào đi chăng nữa, nhưng vẫn phải tự nhận lấy sự thể và trách nhiệm con người.

Nào! Hãy hòa nhiệt trong đại thể nhân sinh để tiến hóa cho đến đích của sự tiến hóa, mà nhân loại đang mong muốn cho được một ánh sáng chân lý trọn vẹn nhứt.

**b) Trùng tụng**

**THI**

Vườn xưa Tạo Hóa đã gieo trồng,

Vạn sắc phô bày đẹp núi sông.

Một gốc chia ra nhiều địa giới,

Muôn dòng tóm lại chủ thiên không.

Nắng mưa nhát úa màu hoa cỏ,

Sương tuyết từng quen sắc bá tòng.

Nắm mối tương quan trong Vũ Trụ,

Mới hay Tạo Hóa vốn tình không.

**BÀI**

 Không tràn thế sao ra nhân thế,

 Có thế nhân mới để Thế tôn.

 Nhân sinh chính thị quốc hồn,

Quốc hồn tinh túy bảo tồn quốc phong.

 Lập xã hội đại đồng chủ thể,

 Sắp con người bốn bể năm châu.

 Quát bao trong lý nhiệm mầu,

Phải đâu Tạo Hóa cơ cầu mà nên.

 Đem tứ đại xây nền bảy thước,

Từ nhứt nguyên thẳng bước tam nguyên.

 Nhẹ mang một túi Khôn Kiền,

Báu trời tam ngũ, xuống miền trần gian.

 Gươm thần huệ dọc ngang cõi tục,

Ánh Nhiên Đăng vẹt ngút sương mù.

 Tác nhân đã lắm công phu,

Giang sơn tô điểm, vạn thù định phân.

 Do một gốc chí nhân, chí nghĩa,

 Trổ muôn cành tế thế an bang.

 Cổ nhơn thánh đức bủa tràn,

Tam nguyên chuyển hóa, đạo vàng hoát khai.

 Cờ thạch thất còn say bạn lữ,

 Búa tiều phu xem thử đã mòn.

 Hồng trần chút nợ cỏn con,

Nguyên nhân sao để tấm son phai màu.

 Đường duyên nghiệp thúc câu khách tục,

 Nợ áo cơm trói buộc nhân quần.

 Có thân đành phải vì thân,

Nặng mang thể xác, tinh thần kém suy.

 Miếng chung đỉnh, có chi phải luận,

 Áng phù vân, khéo nhượm muôn màu.

 Cho người lở giục vó câu,

Trăm năm chưa khỏi nhịp cầu tử sanh.

 Thuyền lữ khách bấp bênh bể hoạn,

 Tiếng thu phong văng vẳng rừng thiền.

 Sóng trần vổ mạn nghiên nghiên,

Bờ mê bến giác, con thuyền ngược xuôi.

 Mồi vật chất thả trôi mặt nước,

 Bóng kình ngư vùng vượt trên khơi.

 Trí nhân hà để lụy đời,

Dây oan chỉ để buộc người phàm nhân.

 Một khối óc riêng phần Tạo Hóa,

 Mất giang sơn chung cả vạn loài.

 Phong quang tuyết nguyệt riêng ai,

Nở đem thế sự đọa đầy mảnh thân.

Thân dù lấm bụi trần dễ rửa,

 Lòng nhiễm trần khó chữa ai ơi!

 Gieo nhân vào chốn vườn đời,

Chủ nhân ông phải chăm coi cho thường.

Đời là một học đường tiến hóa,

 Người vào đời trọn ngã chính trung.

 Muốn nên cái thế anh hùng,

Tuốt gươm thần huệ, chớ dung nội loàn.

 Tín nghĩa trước vẹn toàn hoài bão,

 Bá đạo dùng vương đạo trị xong.

 Muốn cho thế giới đại đồng,

Lòng Trời ấy thực là lòng chúng sanh.

**Mục 3. Hiệp hòa con người trong thế giới nhân sinh**

**a) Kinh văn**

**Hỡi con người trong thế giới nhân loại! Chính con người đã và đang đưa con người vào vòng đau khổ của tinh thần nô lệ và thể chất tương diệt, tương tàn. Nhưng con người đang dấn thân vào hố thẩm của tang thương. Nhưng con người cũng tự vấn mang lấy mọi quyền năng, quay lưng lại tìm hướng đi vào đường cứu rỗi.**

Hồi trống Lôi âm giục thúc, hòa lẫn tiếng Bạch Ngọc chung kêu, gọi nhân sinh lắng chìm trong hằng hà ánh sáng của dục vọng và vô số tiếng động sấm sét của bản năng. Xâu chuỗi đời lần qua từng hạt, nhân loại đi về đâu, khi mỗi hạt chuỗi nhân loại vẫn đua nhau xuôi dòng thị dục, hay thuận chiều giông bão của thế tình.

Nào những ai nêu câu hỏi để vạch lối thực hành? Hằng vạn toa tàu sẽ lạc bước nơi nào, nếu không đầu xe dẫn lối. Thuyền không lái, ngựa không cương, thử hỏi vậy chớ khách thương hồ và người phiêu bạt sẽ phó thác tánh mạng mình vào đâu?

Hãy tạo căn bản cho nhân bản. Hãy đặt nhơn bản vào thế giới nhân sinh. Hãy tìm những giọt cam lồ giữa bầu nắng hạn, cây cỏ sẽ trước sau nảy tược đâm chồi.

Hãy gieo hạt mầm nhỏ bé tầm thường theo thời gian, để tạo một khu vườn ưu đãi. Dù thiên hạ có biết đến hay không, khu vườn đầy hoa lợi kia cũng khởi sự từ hạt mầm nhỏ bé.

Kẻ thức giả thấy biết mà không hành động, giá trị thi thời đạt lý ấy theo thời gian sẽ cuộn về bể cả, số không vần hoàn là số không và con người ấy cũng ồ ạt theo dòng nước lũ đổ vào sông rộng hố sâu.

Biết mà không làm, biết mà không gởi gắm đường hướng biết ấy vào những người đi trước hay rằng là đi sau, chẳng hóa ra là thẹn lắm hay sao! Ngọn dầu sáng tỏ hay lu mờ, giữa đêm trường lạnh lẽo, cần phải thắp lên. Con người nói riêng, xã hội nhân sinh nói chung, đang cần liều thuốc an thần để trị lần các chứng nan y. Ánh bình minh chưa tỏ rạng, hãy đốt lửa lên dọn đường cho bóng kim ô ngự trị, đốt lửa lên chờ đợi sẵn sàng.

Tình thương trên hết, cùng một ý nghĩa với Tứ Vô lượng tâm: từ, bi, hỉ, xã. Tình thương sẽ cứu chuộc mọi nguồn tội lỗi, sẽ là liều thuốc đơn trị lành mọi tình nhân loại. Tình thương là chìa khóa giải thoát con người ra khỏi bể trần, tục lụy, là con đường đưa con người lên nấc thang tiến hóa. Ngôi vị chơn linh Tiên Phật được định giá bởi tình thương.

Một tình thương cao thượng thiêng liêng sẽ giải quyết được vạn sự kiện của nhân sinh. Dòng nước bản thể luân lưu, trong các hình tướng biến hiện, sẵn có đủ vô lượng tánh để soi rọi Chân như của vạn thể chúng sanh.

Vậy điều quan trọng hơn hết là tiêu liệu vấn đề, ngỏ hầu tạo ánh sáng huy hoàng, tạo con đường bằng phẳng nhân thế cho hiện sinh và bao ngày sắp tới. Hiệp hòa cá nhân và tập thể, hiệp hòa con người và thế giới nhân sinh, là điều kiện tất yếu để kiến tạo một xã hội an bình, một môi trường tiến bộ trong ánh sáng vinh diệu, chan hòa của Chân Lý chí thiện, hoàn mỹ.

Vấn đề hiệp hoàn phải quan niệm trên căn bản nào, để đưa đến phương pháp thực hành hợp lý, đạt đến kết quả mong muốn. Có một quan niệm qui chính, có một nhận định tận thức, lúc bấy giờ đường lối hoạt động sẽ vẽ ra, không mang màu sắc chấp nê và vướng vào một khía cạnh tư niệm mơ hồ nào cả.

Quan niệm trên tiêu chuẩn hiệp hòa con người trong Vũ Trụ nhân sinh

Một khu vườn xinh xắn là một tập hợp bao cá thể, từ những vi ên sỏi nhỏ bé, đến làn nước xanh mờ, len lỏi dưới hành hoa sặc sỡ, dưới cụm tùng bá uy nghi. Cái hiệp không tranh ấy, tạo một khung cảnh phối hợp từ màu sắc đến hương vị, cả một ý tưởng thanh thoát cả con người chiêm ngưỡng. Hình thể, vật thể, ngắn dài, tròn vuông, mọi sự vật mang hình thái riêng biệt, phơi mình dưới ánh sáng thiên nhiên, nhờ vậy mà trắng đen đen trắng tương hiệp cùng nhau.

Việc mà con người lưu tâm là sắp xếp cho nó vị trí cương lãnh hợp lý, trong phương vị động tác chung cả tập thể. Tiếng trầm bổng, tiếng tanh trong, tiếng dục, vẫn điều hòa vào nhau dưới tay điều khiển tế vi của nhạc trưởng. Nhạc âm không chống chỏi nhau, mà trái lại nương tựa nhau, trông chờ nâng đở nhau, khiến cho tâm hồn con người vẫn quyến luyến nhau không rời được.

Hiệp mà không hòa thì chẳng hóa ra là không hiệp. Hiệp lại với nhau trong bầu trời hòa ái, mới đưa đến kết quả mong muốn. Hiệp và hòa là hình với bóng. Hiệp là ngôi nhà, hòa là nền móng. Ngôi nhà đại đồng có đứng vững hay không, là phải đủ hai điều kiện tác động đó.

Hiệp hòa phải thực sự nằm trong căn nhà của tình thương. Trái lại, hiệp hòa chỉ đưa đến giai đoạn giả dối mà thôi, nếu đi ngược vấn đề tiên quyết. Nhìn cầu vòng chói lọi giữa bầu trời u ám, màu sắc hòa nhau không lấn át. Hiệp nhau mà không rời rạc, nhờ tế trở nên chói lọi huy hoàng, hơn màu sắc nào cả.

Hiệp hòa là bài thơ tuyệt tác. Những thanh âm bình trắc dìu nhau trầm bổng, những vần vận nối kết câu hàng, nêu lên tâm hồn và ý tưởng. Khúc thi ca hiệp hòa thực hữu phải phát sinh từ mảnh tâm điền của tình thương, khu vườn hiệp hòa vạn sắc hoa có được rực rỡ phơi màu hay không, là từ khu đất tình thương. Những cây ương, những hạt mầm hiệp hòa sẽ khô héo, vì đã rời bỏ khoảnh ruộng khu vườn nhân nghĩa.

Hiệp hòa sẽ đưa con người đến mức tột đỉnh của hồng trần nhân loại, giác hóa sẽ mang kẻ hành giả tới chỗ thượng thừa của Đạo Học huyền vi. Sau khi đã nhận thức phần nào hai chữ hiệp hòa trên căn bản tri thức, bổn tiết cùng chư đạo hữu xét đến những phương vi, những nguyên tắc và phương cách hành động. Đã xây dựng một quan niệm và thiết tha trọn lòng với ý tưởng ấy, thì việc thực hiện chỉ là thời gian, sớm hay muộn gì cũng thành công trong quyết định.

Cũng nêu lên ở đây: hiệp hòa không là buông thả con người vào đám đông để mặc cho sóng đời trôi dạt. Hiệp hòa không phải chỉ một điều tiêu cực, là theo thiên hạ hay chạy đua cùng thiên hạ. Hiệp hòa cùng tha nhân, mà không thực thi lấy cái mục đích đã qui định, thì sự hiệp hòa ấy chăng đúng với chính danh của nó. Hiệp hòa là phương diện hữu hiệu, đối với tất cả cá nhân muốn đi đến một xã hội an bình, một thế giới tiến hóa trong tương ái, tương thân.

Người thức giả dầu bước chân trên cương vị nào, cũng đều không quên mục đích cao thượng là đem mọi ước vọng và phương pháp, tập trung vào việc thực hành cứu cánh ấy. Bởi thế cho nên, thương thật thương kẻ tha nhân, hiệp hòa thiệt hiệp hòa kẻ tha nhân, để hướng dẫn tha nhân vào đường thánh thiện; một xã hội tốt đẹp ở tương lai, có được hay không, đều do nơi hiện tại gầy dựng.

a) Vấn đề thực hành thứ nhứt được nêu lên là hiệp hòa, để giải quyết cái màn đêm u tối của tinh thần nhân loại

**Đừng phê phán tha nhân, hãy thương yêu tha nhân và dìu dẫn để đồng tiến cùng thiên hạ. Tinh thần nhân loại đã rối cuồng, đã quá ư là sóng gió, vì lòng đạo mà đừng để nó phải nạn thắt núc vò tơ, hay ba đào bình địa thêm hơn nữa. Đừng bảo rằng tại sao thiên hạ phải làm như thế nầy, mà không làm như thế khác. Đừng bảo rằng tại sao thiên hạ cứ cưỡng lại thánh ý của mình. Hãy xét lại tự nơi lòng mình coi có thương thiệt thiên hạ hay chưa, nếu chưa thì hãy cố gắng thực hiện đi.**

Thiên hạ mãn đời vẫn ôm lấy cái ám ảnh tự thị quá ư là to tát. Chính cái tự thị cá nhân đó nó đã giúp ích khá nhiều. Nhưng thông thường hễ nước dâng đê vỡ, vẫn trôi mang theo bao nhiêu là hậu quả đau thương. Thiên hạ vẫn muốn nói đến mình, vẽ hình mình lên nền giấy trắng, nhìn mình là con người của thiên hạ. Muốn hướng đạo tha nhân, thì hãy thương tha nhân như thương lấy chính bản thân mình.

Hãy thiết tha với niềm tin cao cả của ta. Hãy tuyệt đối gắng bó cùng tư tưởng chân lý của ta, thì thiên hạ sẽ theo niềm tin và tư tưởng ấy. Hãy thắng ta, hãy dạy ta cái mà ta muốn dạy tha nhân. Dạy mà thiên hạ không tưởng rằng được dạy, đi theo bước chân hàng thức giả, mà vẫn vui lòng sung sướng trong niềm tin tự chủ, giác ngộ của họ.

Những bối rối, do dự cá nhân, làm ngăn đường tập thể hướng vào mục đích. Một tinh thần dũng mãnh tinh tiến trong thân thể uy nghiêm, hòa ái là điều kiện cần thiết cho việc hòa hiệp cùng tha nhân. Hãy thể hiện tình thương và giữ vững lập trường căn bản trong sự hòa hiệp, chắc chắn rằng không bị lôi cuốn theo mưa tuông của tuyết sương nắng lửa.

Một lời khuyên cho những ai muốn thực thi phương pháp hiệp hòa, để mau bước chân về mục đích, là hãy tự vấn xem coi có được vững lèo lái chưa, cứng cương con chiến mã chưa? Nếu chưa, hãy đừng dại dột mà lao con thuyền theo đoàn tàu ra khơi, hay phi con chiến mã vào đoàn kỵ binh cảm tử. Nếu vội hàm hồ, chỉ là đem nhận chìm con thuyền giữa dòng khơi, hay sờn da ngựa bọc tấm thân ba thước.

Một lần nữa, đã nhắc lại ở đây tình thương tuyệt đối, là nền tảng kiên quyết, cũng là một cán cân để biết được mức độ hiệp hòa của nhân sinh trên môi trường tiến hóa. Hãy cho cái mà tha nhân muốn được nhận, hãy hiến dâng món quà thương yêu để tạo bước song hành trên quảng đường Thiên Lý.

Có tình thương chân thật, như ngọn gió mùa thu giữa khung cảnh hữu tình nhân thế. Nào hãy buồn cái thiên hạ buồn, vui cái thiên hạ vui, để mong lèo lái chiếc thuyền buồn vui ấy về nơi vĩnh sinh trường định. Tình thương, một liều thuốc cam lồ, giải tòa nổi tủi hờn đau khổ của con người, một giọt nước siêu dược thần y.

b) Vấn đề thứ hai là hiệp hòa để giải quyết vấn đề vật chất của nhân loại

Có thực mới vực được Đạo. Cái bao da không làm nên rượu, nhưng nhờ nó mà rượu ngon được bảo tồn và ngon thêm nữa. Con tuấn mã không là khách chinh nhân, nhưng gió bụi dặm trường xông pha trông nhờ nó không phải chấp nê, mà trễ giờ mất dịp. Qua sông bỏ đò là điều kiện cần thiết, để nhặt bước trường chinh.

Nói đến vật chất, kẻ Đạo Học thường cho rằng xa lạ, nếu chẳng bảo là điều không đáng nói. Song lẽ thuyết giáo hay tín điều là cứu rỗi chúng sanh, là đạt lấy công cuộc giải cứu toàn nhân loại. Mục đích cứu cánh duy nhứt ấy chẳng khác chi ngày thần y mong chữa lành con bịnh. Hãy chẩn mạch đi để hiểu cái sự thật ham muốn thực sự của đối nhân, mà mong chữa lành hay sửa trị.

Thầy thuốc chỉ là người chữa bịnh của con người với bịnh của con người. Hơn một thầy thuốc chữa bịnh, bậc hành giả Đạo Học mang cao vọng to tát là cứu độ toàn nhân loại, thì sứ mạng ấy quan yếu hơn hết là bao nhiêu! Chính vì thế, vấn đề giải quyết toàn vẹn xã hội nhân loại không thể thiếu sót một thực thể, không thể nhắm mắt đứng nhìn thấy được.

Nói thẳng vấn đề, hãy đại đồng kinh tế xã hội của nhân sinh. Thương nhau chia bảy sớt ba, hãy công bình trên sự hòa ái, thụ hưởng giả tạm trong cõi đời tương đối vô thường. Có thương yêu thời sự tiến bộ, vui lòng hiệp nhứt, là thấy bạn của con người đồng tiến bộ vui tươi.

Đừng khác thiên hạ trên hình thể giả tạm. Muôn sự vô thường mà sinh tác hằng thường, vĩnh định của Đạo pháp vô hạn vô biên.

Cứu cánh là một điều, phương tiện là một điều khác. Giải thoát trong cứu rỗi của ánh sáng huy hoàng Đạo Pháp, ấy là mục tiêu hằng mơ của con người giác ngộ. Tuy nhiên, không thể bỏ ly kia mà mong hớp bằng đôi tay cho đầy tràng lượng nước. Xã hội đã có, đang có và vẫn có, người thức giả nhận định không mơ màng hư ảo, tận thức nội tâm, giác ngộ thiên hạ. Thiên hạ nhỏ hẹp hay rộng rãi, tùy sứ mạng của mình mà thực hiện. Gió lên gió lên, cánh buồm ra khơi, con thuyền cứu rỗi hãy thẳng cánh cứu nhân thế đem vào trong bến giác.

Đạo Pháp! Đạo Pháp sẽ đi về đâu, trong hải giác thiên nhai trường vĩnh?

**b) Trùng tụng**

**THI**

Tình thương chứa đựng cả muôn loài,

Trưởng dưỡng bảo tồn vốn một tay.

Võ lộ chan hòa cơn thế biến,

Hồng ân rưới nhuận lúc đời thay.

Cạn dòng bởi nước xa nguyên thủy,

Thấp ngọn vì nhà thiếu đất đai.

Biết Đạo, biết người, tua biết phận,

Thái hòa muôn vật có đâu sai.

**BÀI**

 Đâu sai biệt với tình Tạo Hóa,

 Cũng không ngoài Đạo cả vi nhân.

 Trí tri, cách vật bản thân,

Tu tề rồi mới cầm cân trị bình.

 Hòa nền tảng bảo sinh nhân nghĩa,

 Hiệp mở đường chủ thể đại đồng.

 Thiên hòa địa lợi song song,

Nhơn hòa, vạn vật vô cùng thắm tươi.

 Vườn Tạo Hóa thợ Trời sắp đặt,

 Vạn linh đồng vạn sắc diễn phô.

 Trí nhân góp sức điểm tô,

Tài nhân xây dựng cơ đồ vạn bang.

 Non dù cao, mây càng cao mịt,

 Mây đã cao, vầng nguyệt cao hơn.

 Thấp cao trong một cõi trần,

Quả nhân, nhân quả, mỗi phần tinh vi.

 Đất dù rộng, khó bì lòng rộng,

 Lòng rộng nhiều, mạch sống luân lưu.

 Nhân sinh cá thể hảo cừu,

Chuyển xây quyền pháp trong bầu thiên nhiên.

 Đạo Trung nhứt, người yên vật thạnh,

 Hiệp cơ Trời, tạo cảnh lập đời.

 Lập đời Thánh đức yên vui,

Nhà không đóng cửa, của rơi mặc tình.

 Sống cái sống tại Minh Minh đức,

 Vui cùng vui tâm thức Chánh Trung.

 Non sông trỗi gót thư hùng,

Một đời nhân thế, muôn chung hải hồ.

 Dụng vật chất thế đồ luyện chí,

 Đem tinh thần đạt lý siêu nhiên.

 Chữ rằng mộc bổn thủy nguyên,

Hòa đồng vạn thể, hiệp (huyền) chân cơ.

 Vạn vật thảy nương nhờ thời tiết,

 Thời tiết hòa, hàn nhiệt giao thông.

 Cỏ cây sắc thắm hương nồng,

Người vui tương hiệp, vật đồng tương sanh.

 Từ cá thể lập thành xã hội,

 Xã hội thành các khối liên bang.

 Chung tay xây đắp giang san,

Cái vui thiên hạ, mình an phận mình!

 Đem Vũ Trụ làm tình mặc khải,

 Lấy non sông làm đại gia đình.

 Ngũ hồ, tứ hải đệ huynh,

Kho Trời vô tận, chính mình Phật Tiên!

**TIẾT 4. ĐẠO PHÁP VÀ CON NGƯỜI**

 Tiết nầy sẽ lần lượt trình bày ba mục sau:

 Mục 1. – Đạo pháp trong màn đêm tâm thức.

 Mục 2. – Luận động Đạo pháp trên con người thực hữu.

 Mục 3. – Minh triết con người trong Vũ pháp Đạo Học.

**Mục 1. – Đạo pháp trong màn đêm tâm thức**

**a) Kinh văn**

Đạo là những gì mông lung, huyền nhiệm. Pháp là hiện thực hòa của Đạo. Pháp là thể, Đạo là hồn. Cái Đạo vi diệu, tể ẩn, được huy hoàng minh thực, bởi Pháp. Pháp là diễn đạt bằng lời văn, bằng tác động. Đạo là tư tưởng, là tâm ý. Đạo thấy được do Pháp. Pháp ấn chứng siêu việt, linh hoạt được là do Đạo. Viết đến hai chữ Đạo pháp, người ta không khỏi liên tưởng đến hai chữ Quyền Pháp.

Quyền là hình thức thể hiện cái Pháp trước đối tượng, Pháp là thể hiện trước bản thân. Quyền Pháp tương đồng, tác động con người và vạn thể, tha nhân và bản ngã. Có quyền không pháp, không đưa con người đi về đâu; trái lại, sẳn sàng xô ngã con người vào lạc lầm và u tối. Có Pháp ắt sẽ có Quyền. Quyền Pháp là khả năng giáo hóa.

Thử phóng một cái nhìn bao quát. Đạo là khả năng tâm linh “Thiên phú” cho bất cứ cá nhân nào trong xã hội. Pháp là tùy hoàn cảnh, tùy cá nhân, mà con người ấy phô diễn tổ chức và phơi bày, trước ánh sáng, một vấn đề gì trong tập thể nhân sinh.

Nói đến Đạo Pháp là phải nghĩ ngay đến một Vũ Trụ bao quát thuần biệt. Tuy nhiên phần đông cá nhân chỉ nhìn khía cạnh Đạo Pháp qua hình thức Tôn giáo hay Hội Thánh, có tánh cách tâm linh hay đạo đức. Đạo Pháp phải là một cái gì thực lớn rộng, bao trùm từ cái đại thể của Vũ Trụ, cho đến cái tiểu thể của hạt vi trần. Đạo là hư không, Pháp là bản thể.

Nhìn vào hình thức, như thờ cúng, lễ bái, hay giáo thuyết, giáo điều của một Tôn giáo, là phải hiểu rằng: đó là pháp của Đạo. Đạo là khởi điểm, cũng là tận cùng. Trái lại, Pháp là cái gì hữu hạn và định giới.

Đạo vô cùng, Pháp hữu hạn. Đạo là một đại dương của hằng trăm nghìn đại dương. Pháp là phương cụ đo đạc bề rộng và bề sâu của đại dương bao quát. Con thuyền mỏng manh của vạn pháp, đang thăm dò từng phần trên mặt của đại dương Đạo mầu.

Nầy nhìn con chim Hồng nhạn xinh xắn đang vươn cánh giữa trời cao hai cánh chim Bằng đang lộng gió. Dù gió có tung mây, dù cánh đại bàng có triển lực đi chăng nữa, thì khung trời kia cũng vẫn còn quá ư là to tát. Cái chấm linh động của cánh Hồng nhạn, hay điểm quay cuồng của chiếc đại bàng, cũng vẫn chỉ là những điểm, những chấm trang sức cho đám mây trôi, cho khung gian thêm dịu mắt.

Ôi! Ly nước chỉ đựng bấy nhiêu thôi hay sao? Đầy ly nước tràn, trôi nhanh và thấm vào lòng đất lạnh. Bụm tay uống nước, những giọt nước mát len nhẹ theo kẽ tay và đi về lòng lạch. Chỉ bấy nhiêu thôi sao, bàn tay con người chỉ bấy nhiêu thôi hay sao? Ào ạt gió sóng của vực đưa vào bờ. Lãng bạc trùng dương khơi động, mù mịt sóng nước lên xuống triều dâng. Hãy ngồi lại mà đếm cho xong hàng bọt nước! Hãy cuối xuống mà nhặt cho đủ vạn hạt hoàng sa!

Hãy chèo thuyền ra khơi. Hãy tung mình vào không gian. Con người nhìn vào bản thể và đối diện với không gian. Đạo là gì, Pháp là chi, trong suy tư tự vấn!!!

Đạo hư không, Pháp hữu thể. Trong vạn hữu cụ thể đã tự chứa đựng cái hư không. Hư không bao trùm cà Vũ Trụ. Vạn thể sinh trưởng trong khung trời hư không. Cái hư không mà vĩnh viễn sinh tồn. Cái hư không đó, chính là Đạo.

Có mặt đặt tên. Tên ấy có phải là vật hiện hữu hay không? Chắc hẳn là không, bởi vì con người vẫn có quyền gán cho nó một danh từ khả dĩ nào đó. Cái thói quen và tập quán, nhắc lại ở đây, đã cố định hóa mọi thực tại, mọi hình thức, cũng như mọi sự kiện hiện hữu.Cái thói quen và tập quán ấy, là những dây xích trói buộc con người vào bánh xe luân hồi xoay chuyển, những nô lệ hằng tự con người cầm lấy và đặt vào mình, những cách ách, cái gông con người thường tự tròng vào thân xác, trong một thời gian qui định của luật sinh động, trưởng tàng. Vậy thì những danh từ ấy không đủ quyền lực khẳng định cái hiện hữu, cũng như giá trị chân thực của đối tượng.

Những cái mượn đặt qui ước cùng nhau trong đời sống bình thường, vẫn chỉ là những qui ước đồng nhận mà thôi. Tuy nhiên, phải chứng nhận cái sự thật của đối tượng hằng hữu, dù rằng nằm dưới một danh từ cá biệt nào đó. Đạo cũng vậy, Đạo không là gì cả, mà cũng là tất cả.

Chiếc bánh nướng ngon ngọt, có phải tự xuất phát từ đống bột trong trắng kia không? Dù rằng vạn chiếc bánh với trăm ngàn màu sắc, hay hương vị thay đổi, thì giá trị cố định không thể phủ nhận đó là bột. Đống bột Đạo mầu đã được thể hiện, dưới mọi hình thức của những chiếc bánh vạn pháp. Con người thường cảm xúc trước những chiếc bánh, mà vẫn dửng dưng trước khối bột nguyên thỉ.

Tất cả những gì hình dung được, mà nhận thức được, đều là Pháp. Vạn pháp là màn ảnh của cuốn phi Đạo mầu. Con người thường tấm tắc, rung động trước màn ảnh sinh hoạt cuốn cuồng, hơn là nhìn với cặp mắt hững hờ giữa cuốn phim còn nguyên vẹn.

Đâu là màu xanh nguyên thỉ của bầu trời trong muôn thuở. Pháp là những đám mây ẩn hiện nổi trôi. Thỉnh thoảng, màu xanh nguyên vẹn vẫn tìm một chỗ trống, để soi rọi con người đang suy nghĩ. mặc dầu vậy, những vần mây u ám vẫn sẳn sáng che khuất màu xanh bất diệt kia đi. Tuy nhiên, màu xanh thiên thanh vẫn là màu xanh thiên thanh. Những làn mây u buồn kia cũng chỉ là tạm thời, là giai đoạn. Sau chúng nó, da trời kia vẫn màu xanh hằng hữu. Những bảo bùng của vạn pháp thường tác động con người trong giai đoạn.

Pháp khả danh, Đạo bất định. Đạo là Đạo, một lần nũa nhắc lại ở đây: Đạo là Đạo.

Nếu nói được Đạo, là con người đã bước sang vai trò của Pháp, là pha lẫn chủ quan thiên ngã của cá nhân, đang định danh chữ Dạo. Vậy Đạo vượt hẳn con người tự thể, giữa xã hội nhơn sinh.

**Pháp lại dính liền với con người, với hoàn cảnh xã hội. Pháp là con thuyền, là hàng vạn con thuyền nhỏ to lớn bé, đưa con người qua bến giác. Nhưng bổn mục cũng nhắc trước ở đây, những hữu hình vẫn phục vụ cho hữu hình, những giả cảnh chỉ khởi đầu và kết thúc trong giả cảnh. Chính vì thế, con thuyền pháp cũng chỉ đưa hành giả đến bến Đạo cụ thể, chớ không đủ điều kiện đưa hành giả đến bến Đạo giải thoát. Cái bến Đạo giải thoát vẫn là cái bến Đạo đi sau bến Đạo cụ thể, mà con người không thể dùng con thuyền pháp thực hiện. Chính thực phải dùng con đò Pháp vô vi.**

Hãy tập bay đi, con chim sẻ bé bỏng kia, trước khi tung trời xẻ gió, lướt dặm băng ngàn vui thú.

Những hành tinh của Thái dương hệ vẫn quay chung quanh mặt trời. Vạn pháp vẫn quay quần điểm Đạo. Vạn pháp muôn trùng giáo Lý chỉ một.

Trăm ngàn người đi về đất Thánh, trăm ngàn chiếc áo khoát trên con người đang đi và ước vọng. Cái ước vọng nào cũng to tát, cái bước đi nào cũng hùng dũng. Nhưng đến sớm hay đến muộn, đi đúng đường hay lạc nẽo, lại là vấn đề quan trọng khác xa.

Nhắc lại thêm một lần nữa ở đây. Pháp không chỉ là những hình thức của tôn giáo, hay cách thức tu hành và tín ngưỡng. Chữ Pháp ở đây ngầm chứa tất cả những cái gì dưới danh từ vạn hữu, hay vạn thể, hay thực tại hay thực thể. Nói như thế để lãnh hội rằng Đạo không là cái gì của bốn bức tường uy nghiêm, chùa đình, thánh thất, hay giáo đường nào đó. Đạo là hư không của vạn thể. Đạo là mảnh đất tình cảm trầm lặng bất động, đối với vạn pháp thất tình: hĩ nộ vui buồn, ẩn hiện lung lay trong tòng bá cỏ hoa, giữa làn gió ngoại cảnh biến hiện. Đạo là nước biển bất biến, chứa đựng vạn trùng ba, thiên xích lãng, xô đẩy đẩy xô trong thời gian và không gian ngắn ngủi. Cái hình thức diễn đạt thực thể của Đạo có thể hình dung, nếu nhận định được phải đóng khung trong một thời gian vi tế, một phần triệu của sao thời gian và nhỏ hơn nữa.

Tóm lại, ở đây ba vấn đề cần ghi nhận, trước khi bước sang mục luân động của Đạo Pháp giữa con người hiện hữu, là:

Đạo vô cùng, Pháp vô hữu. Đạo hư không, Pháp thực thể. Đạo bất dịnh, Pháp khả danh.

**b) Trùng tụng**

**THI**

Đâu sai Lý Đạo ở trông đời,

Đời có muôn loài, có đất trời.

Trời đất chở che tình Tạo Hóa,

Hoá công un đúc nghĩa ta người.

Người ta, trời đất, sinh là Đạo,

Đạo Pháp huyền công đạt ấy ngôi.

Ngôi vị nhứt nguyên, người sẵn có,

Cái trong cái có, chẳng thay đời.

**BÀI**

 Khêu đuốc tuệ soi miền pháp giới,

 Lặng lòng trần vào cõi Hư Vô.

 Để xem nhứt bổn vạn thù,

Tác nhân đã lắm công phu tài thành.

 Từ cái Một mà sanh sanh hóa,

 Trong ba ngôi, ngã ngã huyền đồng.

 Nhìn vào cảnh sắc mênh mông,

Hãy xem cái Một lồng trong vạn loài.

 Nhìn sông lạch nước ngoài bể cả,

 Mấy núi non do đá chất chồng.

 Cũng là nước ở muôn dòng,

Cũng là khối đá dị đồng tánh danh.

 Kìa cây cỏ xanh xanh nảy tược,

Nọ lá cành mườn mượt khoe khoan.

 Quả hoa kết giống đơm hàng,

Nhân nào trái ấy, vẹn toàn dưỡng nuôi.

 Loài thủy tộc đớp mồi dởn bóng,

 Giống phi cầm bay bổng ngàn mây.

 Tẩu thú máy cựa bò bay,

Cũng xương, cũng thịt, tạo gầy uống ăn.

 Hàng thượng đẳng là hàng nhân thế,

 Đủ uy quyền khống chế vạn loài.

 Tóc da, ngôn ngữ biệt sai,

Tâm linh với mảnh hình hài như sau.

 Pháp huyền nhiệm phát thâu luân động,

 Đạo vô vi nhứt thống vô cùng.

 Kiền Khôn thế giới mông lung,

Chơn cơ nhứt quán, chưởng trung thủ thành.

**Mục 2. Luân động Đạo Pháp trên con người thực hữu**

**a) Kinh văn**

**THI**

Cỏ cây, súc vật, đến con người,

Đã trải qua bao triệu kiếp rồi.

Tạm mượn Pháp môn qua bến giác,

May ra thoát khỏi kiếp luân hồi.

Mục 1 bổn tiết đã trình bày qua về quan niệm tâm thức của hai chữ Đạo Pháp trước khi bước sang mục 2, để tìm hiểu những tác sinh tịnh động, trong diễn biến của Đạo Pháp trên con người. Thiết tưởng cũng cần phải có một vài ghi nhận tiên khởi, để tạo một dòng suy tư liên tục.

Đạo Pháp, hai chữ nầy đã trình bày khá cặn kẻ ở mục trên. Đạo duy nhứt biến hiện trong vạn thể, pháp vạn thù tác sinh trên từng đối tượng chúng sanh. Nói như thế để bực hành giả lãnh hội tận thức rằng: không phải Đạo Pháp chỉ quẩn quanh trong vai tuồng của Đạo Học hay tâm linh.

Trái lại, Đạo Pháp vẫn hằng hữu trên mọi khía cạnh tổ hợp của từng xã hội một. Từ hạ đẳng chúng sanh, cho đến thượng đẳng chúng sanh, con người Đạo Pháp luôn luôn vẫn có và tồn tại. Tuy nhiên hình thức Đạo Pháp thay đổi tùy theo tâm thức của chúng sanh. Riêng về thực thể, Đạo vì huyền nhiệm nên sự biến đổi không có, duy chỉ mờ nhạt lấy che, hay huy hoàng minh triết. Ngoài ra, vạn pháp chính thực đại diện sinh động cho dòng Đạo luân lưu vậy.

Trong mục nầy hãy quán định lẽ Đạo hằng hữu tác động vạn thể trong vạn pháp biệt trù. Đứng trên miếng đất tự nhiên để ngắm dòng sông Đạo Pháp, dòng nước Đạo vẫn âm thầm lặng lẽ chuyển luân trong giữa lòng đất, sóng gió ghe thuyền xuôi ngược, ngược xuôi.

Chấp nhận sự tiến hóa của vạn thể trong Vũ Trụ, đành rằng trong sự tiến hóa có nhiều lúc ngưng trệ, hay thoái hóa, nhưng mọi cấu thể trong Vũ Trụ đều tuần tự tiến hóa trên đoạn đường sinh biến Động năng cấu tạo cho sự tiến hóa đó dù là Đạo. Động năng hằng hữu vẫn luân động trên mọi cấu thể, để tạo điều kiện đi lên trên cấp thang tiến bước của từng cá thể một.

Con người giới hạn ở đây chỉ đặt tiêu chuẩn trên một thân thể, mở rộng nhận định ra trêm phạm trù hoạt động của Vũ Trụ. Phải nhận thức con người là một cấu thể, cũng như hằng vạn cấu thể khác, trong bầu trời Vũ Trụ.

Điểm Đạo hằng sáng chứa đựng trong vạn thể ấy, luôn luôn tác động để tiêu trưởng, theo thời gian của sinh kiếp. Công cuộc biến hóa ấy sẽ biến dạng, hay hoàn toàn đứng lặng, để đắm chìm vào vô minh thoái diệt, khi điểm đạo ấy bị mất đi, vì một lý do nầy hay lý do khác. Điểm đạo hằng chế ngự trong mọi cấu thể của Vũ Trụ.

Từ những hình dạng của đất cát, đến cỏ cây, cầm thú và con người, chúng sanh đang đi và tiến bước. Hằng vạn khách hành hương đang nhặt chân về đất Thánh, sóng chân nầy nối tiếp sóng chân khác, đua nhau đổ xô về biển cả. Hoàng hôn chìm lặng lẽ, những cánh buồm trôi nổi đang nối nhau lướt về bến cũ.

Sự tiến hóa âm thầm ẩn dạng, nhưng vẫn hùng dũng, uy nghi, vận chuyển trên mọi hoàn cảnh của từng thế giới qui ước một. Nhìn dòng thời gian lý đạo thường chuyển, ánh sáng nhiệm mầu đã có tự lúc sơ khai của Vũ Trụ.

Tự thuở mà Vũ Trụ bao la, u huyền nầy, bao trùm lấy hằng hà sa số thế giới, say đắm trong giấc ngủ dài, thì Đạo đã vẫn có. Sự tạo lập thế gian đã có, nên muôn sắc khởi nguyên từ điểm Đạo tự thuở của nó.

Thời gian đánh dấu những bước tiến dài của sự sanh trưởng uy hùng của Đạo. Những thay đổi giai đoạn, trong liên tục vạn thể, ghi nhận nên thời gian đang trôi chảy, vòng tay của thiên hạ ôm trọn lấy Vũ Trụ Hư Vô. Sanh kiếp của chúng sinh chỉ gói trọn trong thời gian bất tận.

Đạo vẫn hằng hữu qua bao năm dài, bao nguyên kỷ. Lưới sóng đời người đã tan biến bao lần trên bãi cát. Cảnh tang thương biến đổi ấy, tự chứng kiến cho khung cảnh dạ vi hành của nhân loại.

Công nhận một trường biến hóa của chúng sanh, lúc bấy giờ xã hội vạn thể chỉ là những hình bóng tạm thời trong muôn một. Những hình bóng giai đoạn ấy hiện hữu trong huy động nào đó, để mang lấy một bổn phận và trách vụ, ngỏ hầu hoàn thành một giai đoạn tiến hóa của từng cá nhân vạn thể.

Đèn Đạo soi sáng cho bước tiến từng cấu thể của khu vườn Vũ Trụ. Ngọn đèn Đạo của từng cấu thể ấy sáng lạng, lâng lâng hay lắc lư mờ ảo, tùy theo trình độ nhân duyên và sự trau luyện của từng thế hệ một. Những ánh sáng tình thức giữa sự ấm áp ấy, sẽ là những tác nhân đưa đẩy cá thể có chừng ấy, bước dài trên con đường tiến hóa. Trái lại, những mờ nhạt, u buồn chỉ đưa đẩy cá thể đến những bước cân ngỡ ngàng và khó tránh những trở ngại đương ngăn đường lấp lối. Lúc bấy giờ thì Đạo là động năng, pháp là phương tiện.

Đường dài vạn lý, khách chinh nhân phải nương theo vó chân con tuấn mã. Những bậc anh hùng, hay nhu nhược, cũng được thể hiện phần nào trên con tuấn mã của họ. Thiên Lý thần mã chỉ khuất phục dưới tay của kẻ cái thế anh hùng. Những làn gió lăng tăng nơi ao hồ sông rạch, làm sao sánh cùng với lãng bạc trùng dương. Ngọn đèn dầu hiu hắc giữa gió lạnh sương khuya, nào dám so cùng ánh nguyệt đang bao la roi rọi.

Vạn pháp thích ứng cùng điểm Đạo. Cái phát huy của khối sáng vi diệu, vẫn song hành trong vạn hữu đồng tiến. Những chiếc thuyền con bé bỏng lướt trên sông nhỏ, thì đâu vượt ngoài mặt bể trùng khơi.

Tâm linh vi diệu, vạn hữu và hình tướng thể hiện linh hoạt của chúng, đều đi đôi trên trường đồ vận chuyển. Những cố gắng của vạn pháp cùng khối Đạo mầu vi là những cố gắng hành động trong tiến hóa.

Con người và con người luân chuyển trong pháp luân nhân quả. Đường tiến hóa đặt trước mặt mọi cấu thể Vũ Trụ, trong đó có cả con người nhân thể. Con người mặc khải lấy một trách nhiệm tiến hóa sau cùng, trong đoạn đường chúng sanh hạ thế. Bước sang trên đường dài thượng thiên tiến hóa, con người đành chấp nhận một tác động gay go thử thách. Có vượt được mọi thử thách của từng giai đoạn tiến hóa, con người và vạn hữu mới lên đài vinh quang thiên quốc. Đoàn lữ khách hành đang chinh phục trở ngại, đang chiến thắng bản thân, để mong được về gần với mảnh đất cố đô vĩnh viễn. Những sự kiện gan bền chí là những ánh sáng huy hoàng đang chờ đợi kết quả từng cá nhân. Yến tiệc bàn đào đang khai mở, nhưng vẫn đợi chờ những kẻ muộn màng trong cát bụi phong ba. Hồng trần huấn luyện, Thượng Đế ban công. Tất cả đều đặt trong tay của người hành giả. Chim bay về tổ, ánh chiều tà trôi dần vào người đang nung lòng giữa sứ mạng, sao còn lặng lẽ chờ ai?

Sau khi chấp nhận có một đường tiến hóa bao trùm con người và vạn hữu, một câu hỏi lại đi về trong màn đêm tâm thức. Tại sao lại có đường tiến hóa vận chuyển trong Vũ Trụ bao la? Cơ nguyên nào, hiện hữu cứu cánh ấy ra sao?

Bóng đêm Hư Vô bao trùm lấy số kiếp nhân sinh. Con người và con người đang lần mò trong Hư Vô, trong tâm tưởng, trong cá không nhục hữu. Ánh sáng Hư Vô làm lay động tâm linh trí não của con người. Hư Vô là những gì mà nhìn lại con người ngỡ ngàng trong vô minh và ngó về phía trước, phải hãi hùng ngơ ngác? Tuy nhiên, hãy bình tĩnh, Hư Vô không là Hư Vô ấy, trong cái sắc tướng đồ sộ, nhưng vẫn hằng hữu cái có huy hoàng. Mặt đại dương trùng điệp phong ba, nhưng vẫn chứa đựng bao sinh thể vẩy vùng trong sóng nước.

Đừng chôn mình vào trong đa nghi ảo giác, đừng Hư Vô hóa tất cả mọi hiện tượng, mọi hình thức của thế gian trong Vũ Trụ. Hãy chấp nhận lấy một niềm tin tuyệt đối. Lửa là phương pháp nấu chín thức ăn dưới hình thức nhiệt lượng. Nếu con người không tin, không công nhận, thì con người không thể ứng dụng, cũng như đời sống cải tiến thường nhựt được.

Nếu không là quá đáng, muôn việc xảy ra đều do cái ước định của từ từng cá thể. Dù rằng nhiều vấn đề có thể là người ngoài ước định của nhơn sinh, nhưng chính thức đó chỉ là ước định mà con người không hay rằng ước định đấy thôi. Niềm tin sẽ cấu tạo tuyệt đích giá trị hằng thường trong Vũ Trụ.

Chính vì vậy, mà khối Đạo uy hùng đã có, hiện có và vẫn có. Khối đạo to tát ấy vẫn tăng trưởng theo thời gian vô tận. Sự tăng trưởng là một tác năng duy nhứt gây dựng trường tiến hóa tịnh động chuyển luân trong vạn thể Vũ Trụ. Một túi thóc giống không thể nào tự nó lại sanh ra một thúng thóc giống, một thúng thóc giống không thể nào tự nó lại sinh ra một bao thóc giống, một bao thóc giống không thể nào tự nó lại sinh sôi nảy nở ra trăm nghìn bao thóc giống khác được.

Trái lại, những hạt thóc giống nầy phải được đem gieo vào mảnh đất phì nhiêu màu mỡ. Mùa gặt hát sẽ về liền sau mùa cấy mạ, và những hạt thóc giống đã biến sinh ra hằng vạn hạt thóc giống khác, số thóc giống nầy lại trưởng thành tăng tiến để trổ sinh tô điểm cho mùa gặt năm sau. Tuy nhiên, không phải tất cả thóc giống đều được ưu đãi đồng đều như thế, lẽ tất yếu nhân duyên có một hạt thóc nào bị rơi nằm trên đá sỏi, hoặc bị rơi vào mảnh đất khô cằn, cố nhiên hạt thóc nầy phải chịu muôn vàn khó khăn trong khi sinh biến, rốt cuộc rồi cũng phải chịu rủ tàn trong thoái hóa.

Đạo cũng thế, khối Đạo vi diệu luôn luôn mang lấy một trách nhiệm tiến hóa. Mảnh đất thích ứng để gieo mầm Đạo là thế gian trong Vũ Trụ. Mảnh đất vạn năng nầy đủ điều kiện tiến hóa, biến sanh hùng liệt nhứt. Các tiểu linh quang, trong khối Đạo mầu, được gieo tỉa vào khu vườn thế hạ.

Sự tiến hóa vẫn bị chi phối trong nhân duyên để tiến bước đi về kết quả. Những hạt thóc sau mùa gặt chỉ chờ đợi để thanh lọc và biến đổi thành khối bột tinh vi trong trắng.

Những hạt thóc khởi xuất từ kho thóc được gieo trồng trong mảnh ruộng và lại được đưa về kho thóc. Song những hạt thóc ấy không phải trở về với chính nó, mà bắt buộc song hành với trăm ngàn hạt thóc để điểm tô trong mùa màng gặt hái.

Các điểm linh quang trong Vũ Trụ tự nhận mang lấy một sứ mạng của đại chủ tể linh quang là tiến hóa, là cải thiện, là hoàn hảo hóa trong tự bản thể, cũng như đồng hành sanh hóa với các tiểu linh quanh. Mọi tiểu linh quang là vi thể đạo phân cắt, núp bóng trong vạn pháp để rèn luyện và tiến hóa.

Con người là những hành nhân, lẽ tất nhiên mang một chủ tể tác động và nhiều hình thức phương tiện đổi thay, tùy giai đoạn và hoàn cảnh trong cuộc hành trình. Đạo là chủ tể tác động, Pháp là phương tiện sinh động vậy.

Tóm lại, ở đây con người trong vạn pháp Vũ Trụ mặc nhiên chấp nhận một nguồn máy tiến hóa xoay chuyển. Trách nhiệm bao quanh bổn phận qui định ấy đè nặng tâm trí con người trong nhân kiếp. Nắng lửa, mưa dầu, sương sa, tuyết bủa đua nhau hành hạ con người đang tiến bước. Trở ngại phải san bằng, lẽ tất nhiên con người phải có một tâm linh tuyệt đích, một phương tiện hoàn hảo, để củng cố bản thân và đối phó với hoàn cảnh. Chính là điều mà bổn tiết sẽ nói đến Mục 3 (Minh triết con người trong Vũ pháp Đạo Học).

**b) Trùng tụng**

**THI**

Dời non lấp bể khó chi đâu!

Sáu nẻo, bảy đường, gắng tóm thâu.

Nhứt khí Hư Vô bày vạn pháp,

Tam tâm ly tướng hiệp cơ mầu.

Rừng thiền lặng gió, muôn sao sáng,

Bể thánh yêm hơi bóng nguyệt làu.

Tiến hóa là đường chung vạn thể,

Thay phàm đổi Thánh có bao lâu.

**BÀI**

 Đường Thiên quốc không sanh, không diệt,

 Nẻo luân hồi càng biết, càng kinh.

 Lại qua sau lớp vô minh,

Hữu hình hữu hoại, diễn trình thiên luân.

 Thân người vốn là thân tứ đại,

Hợp thì thành, tan lại có chi?

 Càng un đúc, càng bù trì,

Càng cao nấm mộ xanh rì cỏ khâu.

 Sống cõi tạm cũng âu là sống,

 Sống trong nguồn sinh động pháp luân.

 Chuyển xoay bộ tiểu tuần hườn,

Nộ triêu, nhứt dạ, không ngừng máy linh.

 Ngày hoạt động, bảo sinh nhân kiếp,

 Đêm lặng trầm, giấc điệp thiên nhiên.

 Có chi trong đó chủ quyền,

Mà cơ động tịnh triền miên lưu hành.

 Đạo Học tìm mối manh sẵn đó,

 Pháp môn còn lắm ngỏ ra vào.

 Dạy từ thấp đến nơi cao,

Ngôi Trung là chỗ luyện trau căn lành.

 Khí Hư Vô hóa sanh nhứt lý,

 Lý vận hành cơ chỉ vạn loài.

 Gồm trong chữ Đạo không hai,

Hữu tức vô hữu, nhiệm thay cơ huyền!

 Thân đã có, thân liền với Đạo,

 Đạo không lìa, mới bảo được thân.

 Chủ nhân là chính nguyên thần,

Nguyên thần do khí luyện dần hóa nên.

 Có khí ở, thần bền thân vững,

 Thân vững vàng, tu chứng mới xong.

 Pháp luân thường chuyển giao thông,

Sẽ tường Đạo thể viên dung chu toàn.

 Trong thế pháp, mở đàng Chánh pháp,

 Ngoài cái tâm, pháp vật đều không.

 Đại Đạo, Bất nhị pháp môn,

Là nơi Cực Lạc Thế Tôn trị vì.

**Mục 3. Minh triết con người trong Vũ pháp Đạo Học**

**a) Kinh văn**

Vào một sớm hay chiều, vào một ngày trời hay đêm tối, con người chập chững bước vào đời, khoát bức màn ngăn cách, con người nhập cuộc vào phần nhân thế. Xuyên sơn chắn lối, mưa gió ngăn đường, con người vẫn lần lượt bước đi, lặng lẽ với khả năng và bản tính.

Dù thế nào đi chăng nữa, mang một sứ mạng nhân thế, con thuyền của con người phải tách bến ra khơi. Biển trần mênh mông, mây trôi sóng lướt, con thuyền nhân thế chơi vơi và trầm trầm bản tính gắng bó của con người sẵn sàng bừng dậy, để thúc phát bức xạ tâm linh và thể chất, để tiến bước không ngừng. Ý chí nằm trong suy tư, gói gém trong một vóc dáng, con người hăng hái tiến hành những việc, mà nó có ngờ hay không ngở đang đến.

Trên cấp thang tiến hóa, con người trong sinh kiếp, cũng chỉ là một giai đoạn trong rất nhiều giai đoạn của con đường tiến hóa. Cái giá trị của sự tiến hóa có hay không, là khi được chứng nhận ở mọi điều khó khăn trở ngại hằng đeo đuổi vày vò con người. Đó là những việc, những khuôn đúc chui rèn cho con người càng ngày càng thêm trọn vẹn. Cái lò rèn nào cũng đều giống nhau trên căn bản nguyên lý của chúng.

Sự chui rèn chỉ có thể thực hiện trong hoàn cảnh và phương tiện của lò đúc mà thôi. Những điều kiện đặc biệt này bày ra, không phải để đe dọa con người và các sự kiện được đưa đẩy vào đây, nhân duyên đưa đối tượng con người vào trong một bối cảnh đặc biệt nào đó đều không ngoài mục đích tạo điều kiện thúc đẩy cơ tiến hóa vần xoay cho Vũ Trụ. Vũ Trụ con người là một cái móc nối trong đại Vũ Trụ. Mọi sự chuyển luân tiến hóa của từng tiểu vi thể Vũ Trụ sẽ tăng tiến đến đại Vũ Trụ.

Hình ảnh tha nhân, ngoại cảnh và tác động ngoại tâm chi phối con người, trong suốt con đường tiến hóa. Sức mạnh ý chí và trí năng luôn luôn thúc đẩy con người đó lên trên sự hiểu biết. Có sự kiện, mọi hình bóng xảy ra trong thời gian và chỗ đứng, đều gợi cho tâm hồn con người hiểu tri ước vọng thỏa mản.

Việc gì xảy ra và hoàn thành trong hiện tại đều mang tính cách lôi cuốn con người vào nhân duyên và hậu quả của nó. Tất cả những tác động, dù lớn hay nhỏ, vẫn mang lấy đặc thù riêng tư và đó gầy dựng từng khía cạnh lịch sử trôi xuôi theo quá khứ của tâm thức.

Dục vọng, tình cảm cũng đòi hỏi những thỏa mãn riêng tư. Con người vẫn bình bồng trên dòng sóng tình cảm thông thường. Con người vẫn để luồng sóng tình cảm âm thầm lôi kéo, đẩy xô trên vạn nẻo nhân diện cuộc đời. Cái tình cảm dục vọng khởi dậy từ màn đêm tâm thức, nó lặn chìm trong đáy sâu của tiềm thức, và đột khởi những ảo ảnh ước vọng.

Ngoài ra, hoàn cảnh ngoại lai cũng là những vạn lý trường thành, ngăn cản trên con đường tiến hóa, chướng ngại trên đường đời của vạn hữu và nhân sinh, bao bọc lấy con người mãi mãi. Những từ điện tư tưởng, những khía cạnh sinh hoạt, hiệp cùng vô số tác năng của xã hội và Vũ Trụ, tạo lấy con người biết bao nhiêu là thử thách.

Cái thử thách nầy vẫn đeo đuổi, đè nặng tâm linh, cũng như thể chất con người. Cái thử thách gây go ấy hằng tạo cho con người những cảnh ngộ ngỡ ngàng, bối rối, mà chính thực tại con người chưa nhận chân được sự hiện hữu do lai và dĩ nhiên trên mọi trường hợp bao nhiêu phương tiện đã có.

Bao nhiêu đây là mượn lấy trên mặt đất xã hội và mảnh đất giải quyết tâm linh, đã quay cuồng con người vào giữa và bắt buộc phải định đoạt để tiến hành. Các sinh hoạt nhân sinh, các sinh hoạt tôn giáo mang tình trạng muôn vẽ nghìn vời, ảo loạn giữa bầu trời hiếu sinh.

Dù nhìn nhận cáo sự thật ấy có hay không có, con người vẫn phải chấp nhận một cứu cánh lá tiến hóa tới mục đích cao thượng, tiến hóa đến sự giải thoát con người, trong Cực lạc hằng thường và vĩnh viễn. Biết chắc rằng: những cái gì gặp gỡ nơi hiện tại đều có lúc giả từ. Nhưng cái giá trị của sự gặp gỡ ấy, có tan biến vào hư không, hay trái lại, đều mang nặng những sinh hoạt hằng biến của cuộc gặp gỡ trong giai đoạn nầy.

Mục đích của kiếp hiện tại là gầy dựng hạnh phúc chân thật cho vào đời người ngày nay. Mục đích đối với quá khứ là giải quyết, thanh toán món vay mượn, nợ nần còn lưu dấu. Mục đích nhắm hướng về tương lai là đặt mình một nền tảng giải thoát cho con người, tạo lập một nấc thang tiến hóa sau kiếp nhơn sinh hiện tại.

Với mục đích cứu cánh sau cùng nầy là như thế, và mục đích gần nhất là hạnh phúc cho chính mình và cho xã hội. Lẽ dĩ nhiên, trên mọi phương tiện và đường lối đào luyện, cũng cần phải đặt thành vấn đề một cách chân chính hơn bao giờ hết. Đường lối dẫn dắt con người đi đến điểm nhắm cao quí ấy, cần phải được vạch sẳn trong quan niệm và phô diễn trong thực hành. Có như thế, con người mới có hy vọng và không than rằng: uổng một kiếp con người trong vạn thế.

Việc đáng để cho con người ghi nhận và thực thi trước tiên là công cuộc minh triết con người trong vũ pháp Đạo Học. Minh triết có hoàn hảo, mới mong đạt đến ngôi vị tối thượng hạnh phúc, cho hiện sinh và giải thoát cho hậu kiếp.

Con người từ chỗ không cho đến chỗ có, và từ chỗ có lại tìm về chỗ không. Không đây không phải là thực không, mà có, cái có đó chẳng hằng tồn. Minh triết lại đến với con người trong bổn lai diện mục. Con người tìm về cửa không, về đền Thánh tác năng hiện hữu đã cứu cánh cái thực trạng của con người. Nhưng điều kiện trước tiên là con người có quyết tâm hay chưa, với phương cách nào và phải làm gì, khi đến cửa không và đền Thánh.

Có suy luận chân chính, để tự nhận mình là kẻ đồng hành cùng đoàn lữ hành đi về đất Thánh, để có đủ ý chí trọn thành, bước vào sứ mạng tiến hóa của bầu trời thượng thiên.

Muốn có được ý chí sắc đá và cao thượng nầy, tốt hơn hết là hãy quan sát hiện tại, để không bằng lòng những hiện hữu giả tạm, để ước vọng thay đổi và để ước vọng tiến bộ hơn lên.

Quan sát và suy tư phải song đôi nhau trên vạn nẻo đường nhân thế. Có như vậy mới nắm được những lợi ích thực tiển cho đời người. Quan sát ở đây phải trọn vẹn mọi khía cạnh, ngõ hầu đi đến một quyết định chắc chắn và chân thật nhứt. Quan sát phải đi từ quan sát bản thân cho đến tha nhân và hoàn cảnh.

Phải thoát ra khỏi những quan niệm tầm thường cố định trong bản ngã của con người. Phải thoát ra khỏi những gông cùm nô lệ của cuộc đời và nhận thức xa xưa. Nhờ vậy, con người mới có hy vọng là đi đến một quyết định thuần lý và khách quan, hợp với Đạo Học chân chính.

Lúc bấy giờ, đứng trên cương vị của Đạo Học hoàn toàn, con người chan hòa chơi vơi trong ánh sáng huyền ảo của chân lý tuyệt đích. Nhìn nhận cái giả tạm của bất cứ cái gì hiện hữu, trước mặt và sau lưng con người đang đứng. Cái bao vây trùng điệp, cái lâng lâng lén lén trong tâm tư. Cái rung cảm nhẹ nhàng của tim óc, mọi thức ấy chỉ thoáng qua theo thời gian trôi chảy, chúng sẵn sàng tan biến và nhường lại cho hư không, chúng luôn luôn chực hờ để lui về trong quá khứ.

Con người và vạn hữu chỉ là những cố thể rỗng tuếch và bé bỏng. Nói tợ những bọt bể đầu gành, những cánh bèo trên sông rộng. Những hùng hồn uy lực cũng chỉ là những bóng mờ, trên sa mạc hoang vu của cuộc đời nhân loại. Nhìn nhận một sự thực tế như vậy, không phải để bi quan chán nản, để buông lung cuộc đời mình theo sóng gió vô thường, và mặc kệ cho đời sao chuyển con người.

Thực sự hai chữ con người phải có một nhận định chân thật như vậy, để tìm hiểu cái mục đích cao thượng. Hiểu không phải để từ bỏ cái thực hiện trước mắt, trái lại phải dùng lấy nó, để làm những đoạn đường dẫn dắt lên nấc thang tiến hóa.

Có một nhận định rõ ràng như thế, con người mới mong đi đến kết luận, là phải lên đường đi về cửa không đền Thánh, là phải cất bước vào vòng đời tiến hóa. Đã quyết tâm như vậy, con người bước sang giai đoạn thứ nhì, là tìm một phương tiện cứu cánh hợp với duyên phận và cá tánh quen thuộc của mình, để tiến bước lên dặm đường trường tu tập hành đạo, hai chữ nầy đã nói lên phần nào cái giá trị lên đường mạnh tiến của khách hành giả rồi vậy.

Tại sao con người phải lựa chọn một phương tiện để tu tiến và hành đạo? Nói đến hai chữ lựa chọn, lẽ tất nhiên đã ngầm ý là có nhiều phương tiện. Thật vậy, Đạo Lý pháp môn có vô lượng. Đề cập đến Phật Pháp, mà sơ lược người ta nhận thấy rất nhiều pháp môn rồi, nhiều đến nổi không thể nào đếm cho xiết, nhiều đến nổi làm cho con người ngỡ ngàng, do dự không biết phải xử trí làm sao, trước bao nhiêu là đối tượng pháp môn.

Song le, đừng ngại ngùng do dự, thời cơ không đợi chờ con người, hãy chọn lấy mà thực hành đi. Phương cách vẫn là phương cách chỉ có con người mới quyết định cái số phận thực hữu của con người mà thôi. (1) (xem trang bên)

Sơn xuyên điền hải, thổ vỏ biên cương, vạn sắc điểm tô trên bầu trời bao la bát ngát. Từ một đến vô số vạn vật sinh động, màu sắc xã hội quốc gia, các giống cây thế giới mọc trên mảnh vườn thiên nhiên Tạo Hóa. Sinh trưởng thu tàn, cơ vi biến dịch vô vi luân động, từ đại thể cho đến vi tế hữu vi.

Nhìn nhận trước định lệ của vạn vật như vậy, con người mới thấy rõ tất cả những gì hữu hình trong cuộc đời, đều luân chuyển vô thường. Chính cái xác thân nầy cũng phải đổi thay, thay đổi. Tuy nhiên, chỗ chưa đựng chủng tử của các pháp tịnh nhiễm sinh biến, sẽ cấu tạo các điều kiện bất diệt trường tồn.

“Tam giới duy tâm, vạn pháp duy thức”. Con diều giấy không bay bổng lên cao, là vì không có luồng gió thổi qua. Nếu có luồng gió tốt, nó nhẹ nhàng luân chuyển, con diều giấy sẽ được dịp bay vút giữa không gian. Trái lại, gặp cơn giông gió phủ phàng, sẽ làm cánh diều giấy kia hư hoại, đáng tiếc. Nếu con diều nầy tự mọc đôi cánh huyền nhiệm, tất sẽ tung bay lên tận khung trời cao đẹp, thì có cần chi đến luồng gió bé bỏng và sợi dây con đang ràng buộc.

(1) Bần tăng lưu ý chư hiền hữu, về các mục trước. Đức Thánh Trần đã đến giải giáo lý của các nền tôn giáo, đã đi vào từng khía cạnh phần lãnh vực của Đạo Học. Tất cả những điều ấy cốt yếu là mở đường nhận thức con người tầm Đạo.

Tuy nhiên, không phải bác lãm mọi vấn đề như vậy để mang lấy một số kiến thức mà trang sức cho cá nhân. Thật ra Bần Tăng nhận lấy nhiệm vụ là làm thế nào để sáng tỏ cái vốn kiến thức dày đặc ấy và định hướng thực dụng thế nào lợi ích cho xã hội nhân sinh, cùng đạt đến lợi ích tối cao của Đạo Học.

Nhìn nhận đất nước Việt Nam đã hấp thụ nhiều nền văn hóa triết học, thụ hưởng vô số ánh sáng vị diệu của từng tính chất. Dân tộc nầy hãnh diện với cái ưu thế to tát, một ưu thế đặc biệt sẵn giành cho nó.

Sự tiếp xúc sâu xa của từng nên văn minh từ đông sang tây, đã cấu tạo cho dân tộc Việt Nam một kho tàn tư tưởng để đủ xây dựng tòa lâu đài đặc biệt, để hợp với mọi cá tính của nhân loại. Thật vậy, nếu ý thức dân tộc khai triển to rộng thêm một chút, thì với cái may mắn hy hữu góp nhặt quá đủ đầy các vốn liếng văn minh đây đó, để tạo điều kiện cho hoàn thành một giá trị cao cả, không những chỉ riêng cho cá nhân dân tộc, mà hy vọng còn là một cứu cánh cho sự tồn vong của xã hội thế giới nữa.

Chính vì thế phải đặt thành vấn đề ở đây, là đòi hỏi đến sự sáng suốt, để sử dụng mọi nền văn minh triết học đông tây nam bắc. Chính nền triết học, mà các chương khác đã vạch trần và lần lượt khai thác.

Người học Đạo cũng thế, giai đoạn đầu tiên, hãy hằng ngày nhắc nhở với thân tâm, hãy quan sát để nhận định cuộc tồn vong, đắc thất của đối tượng vạn hữu. Hãy tỉnh sát cái quả hiện tại, để biết được cái nhân quá khứ. Hãy tỉnh sát cái nhân hiện tại, để e dè cái quả vị lai. Có như thế, mới chọn được phương tiện quyết định cho cuộc đời mình, khi đặt chân về cửa không đền Thánh.

Con người là một sứ mạng rộng lớn to tát, tánh linh cho cho hơn giai tầng sinh vật. Ngước mắt nhìn về dãy Trường sơn cao chất ngất, nhìn dòng nước mát dịu luân lưu, gót chơn sứ mạng đặt trên mãnh đất thiên nhiên Vũ Trụ.

Con người và con người, xã hội và xã hội, tất cả đều thụ hưởng sự ban phát hằng hữu của Thượng Đế giáng chung, từ cá thể cho đến tập thể, xã hội được trưởng dưỡng hóa sinh trong vòng huyền nhiệm Đạo pháp.

Đạo pháp vi diệu đã cứu cánh (cứu vớt) con người thoát khỏi những ràng buộc trí não tâm linh, các vọng chấp ngoại cảnh lại dẫn dắt, xô đẩy con người vào phạm vi chật hẹp. Lý thuyết chủ trương tổ chức, đã đóng khung con người trên các hình ảnh giả tạm, muôn mặt chấp tướng, thiên ngã phát hiện sau bức màn vô minh, để con người lần bước vào cảnh giới vô thường luân chuyển.

Nhìn nhận một sự thật, các nền triết học, các chốn văn minh, đây là những phân bón vào các cội cây dân tộc, để trổ hoa thơm quả ngọt, đua cùn tạo vật thiên nhiên. Các phân bón sẽ được lưu dụng từng dân tộc, lãnh thổ không chia cách đó đây.

Trở lại dân tộc Việt Nam, dân tộc nầy đã được cái hoàn hảo ưu thế của các nền triết học văn minh qui tụ. Những phân bón nầy để cho giống cây rườm ra sinh nở, không vì lý do nào tính chất của phân mà lại cây trổ hoa nầy khác cây nọ, lá nầy khác lá kia, cành trên khác cành dưới.

Nào ai tha thiết để vun quén cội cây dân tộc uy nghi, cho được tiện dụng những quả hoa đẹp, hồng thắm muôn cành, tô phấn rắc hương cho vườn cây trên khắp cùng thế giới. Dòng sông Cửu Long cuồn cuộc chảy, nước nầy có phải là nước của 4 bể 5 châu, có phải nước của Ni Liên Thiền đã từng gội rửa trần cấu cho Kim thân. Nhìn những hạt cát trôi nổi ở bãi bể Thái Bình Dương, có phải là những hạt cát của sông Hằng đang trôi nổi?

Con đò cuối cùng đưa khách trần giác ngộ, sang sông để đến bến Long Hoa, trông về cuộc Tam Ngươn chuyển thế. Hỡi lữ khách! Đến bến phải rời thuyền, đừng bận bịu vuốt ve con tuấn mã. Kìa cửa không đền Thánh đã ngân vang một âm thanh, giục giả khách lữ hành lên đường Chánh đẳng Chánh giác. Tóm lại, ở đây Minh Triết con người trong Vũ Pháp Đạo Học có ba điều:

1 – Tri giác mọi giả cảnh hữu hình hữu hoại, để nhận chân một thực thể trường tồn, hầu bước vào ngưỡng cửa Đạo Học, để chọn một phương tiện duy nhứt, quyết tâm đi về.

2 – Tri giác Chơn Lý Đạo Học, để nhìn nhận huyền nhiệm ban phát đồng đẳng vạn hữu vô tư, để vun quén giống cây lành đơm hoa kết quả, tận hưởng mầu mỡ thiên nhiên.

3 – Tri giác pháp môn vô lượng, hãy hướng tâm vào nơi Tối thượng đỉnh. Qua sông phải nhờ đò, đến bến phải rời đò. Tất cả không còn một bóng mờ nào in trong tâm linh con người giác ngộ.

Lành thay Đạo Pháp cứu cánh vạn linh!

**b) Trùng tụng**

**THI**

Bao lâu mới đến cảnh Thiên Đàng,

Tách bến khi Trời lộ ánh quang.

Bườm Cấn trở lèo, nương gió Tốn,

Chèo Khôn mạnh mái, tựa hơi Càn.

Trập trùng mặt nước kình đua sóng,

Vòi vọi lưng mây, nhạn kết hàng.

Miếng bánh Côn Lôn còn sẳn có,

Vững thần lướt dặm chớ sang ngang.

**BÀI**

Hãy minh triết huyền vi Đạo Học,

Hầu nắm phăng nguồn gốc con người.

 Rừng thiền, bể Thánh rộng khơi,

Đò Tiên, bến tục, chơi vơi khách trần.

 Nương chiếc bách sang nhờ bờ giác,

 Cậy trùng dương lãng bạc ruổi dung.

 Bể đời muôn mặt vẫy cùng,

Cánh bườm xuôi ngược trên giòng hữu vi.

 Đường phục mạng, có chi trở ngại,

 Lối qui căn, nào phải khó khăn.

 Người người đều có bản năng,

Bản năng tiến hóa, trí năng vận hành.

 Cơ động tịnh biến sanh, sanh biến,

 Luật tuần hườn luân chuyển, chuyển luân.

 Đọa siêu hai nẽo xa gần,

Chẳng qua không với sắc trần mà thôi.

 Tịnh nhơn dục, lẽ trời sáng tỏ,

 Tâm trống không, hiện rõ cơ mầu.

 Đường về Đạo pháp cao sâu,

Hư linh bất muội mới hầu quán thông.

 Đạo huyền nhiệm thể không đo đạc,

 Lý vô vi khai quát thinh thinh.

 Buông ra Tạo Hóa chi tình,

Một bầu khí thể động sinh lưu hành.

 Hãy tìm hiểu sở sanh, sở trụ,

 Hãy rỏ thông Thiên phú, Thiên tâm.

 Trước sau, sau trước chớ lầm,

Cái thời khóa biểu trăm năm mới là.

 Có chơn Ngã, tìm ra giả Ngã,

 Dụng pháp trần, luyện hóa Pháp thân.

 Có Trời, mới có thế nhân,

Thế nhân là Phật, là Thần, Thánh, Tiên.

**TIẾT V: QUI KẾT**

Để gọi là tạm đóng khung chương “Dung hòa nhứt lý”, sau khi đã lần lượt xét qua từng tiết. Ở đây, bổn tiết xin đi vào phần kết luận.

Vấn đề đắc Nhứt là một vấn đề, mà mọi người muốn đi về chân lý, không thể không nghĩ qua. Từ xưa tới nay, biết bao khía cạnh con người khởi xướng và quanh co trong vấn đề đắc Nhứt. Ai cũng hiểu rằng: đạt đến Một, là con người đã đạt được tất cả; hiểu đến Một là đã hiểu được hoàn toàn. Ai cũng đều biết như thế, nhưng thử hỏi có mấy người đã đi đến tận cùng và kết quả?

Những công việc tuyệt đối để lại chính là điều khó khăn bậc nhứt. Những bước chân chật hẹp và ngắn ngủi đâu dễ, đối với đường trường ngàn dặm, đi đến tuyệt đích, đi dến vô giới hạn, là con người đạt đến thuần nhứt giống nhau, khó phân và khó qui định.

Trên cương lĩnh của Đạo Học, nếu rút về với cái vỏ ốc riêng rẻ của Đạo Học, thì cũng vẫn chấp ngã, mà từ trước đến giờ con người còn mang nặng. Thực sự cái giá trị của hai chữ Đạo Học giải được mọi sự ngăn cách của không gian và thời gian. Đạo Học bao trùm tất cả mọi phân cách học thức.

Học thức muốn được toàn vẹn phải đặt trên nền tảng Đạo Học. Đạo Học vẫn là nền tảng vững chãi và hợp lý nhứt, để bảo vệ cố định của sự học thức, khỏi đi vào đổ vỡ và tàn hại. Con người chẳng khác cánh chim trời tung mình vào giữa không gian bao quát, thỉnh thoảng mơ màng rằng mình đã vượt ra khỏi sự ràng buộc của bầu trời. Nhưng sự thực, hẳn là ai cũng hiểu, những cánh chim ấy vẫn phải cuốn chìm trong khoảng trời xanh.

Con người hằng ước mong vượt khỏi tác động siêu nhiên của Đạo Học, nhưng mới vừa nhón gót, con người vẫn phải đặt bàn chân trên mặt đất. Dù thế nào đi chăng nữa, giá trị Đạo Học vẫn là một giá trị bất biến, mà bất cứ ai và bất cứ hoàn cảnh nào cũng phải hướng đến.Con người hãy lấy đó làm phương hướng thật đúng cho bước tiến và hành động. Các sự kiện đi ngoài các qui định đó, sẽ đưa con người vào đường vô minh và tàn hại khốc liệt.

Phải thật vậy, hãy ý thức ngay từ bây giờ, mọi ngành, mọi phương pháp đều phải luôn luôn, nhìn về ngọn đèn của Đạo Học. Qui tắc hành động, phương pháp tổ chức, không thể thực hiện trong bóng tối của vọng thức lý trí được.

Tuy thế, những việc gì mà còn có thể nói đến, còn có thể diễn tả đến, đều không tránh khỏi một thiên chấp, dù là một thiên chấp nhỏ nhặt nào đi chăng nữa! Những thiên chấp vẫn mang một cái bóng, che đậy mọi chân lý tuyệt đối. Cho nên khi nói đến danh từ Đạo Học, tức thị là mang vấn đề Chân lý ra mà trình bày trước ánh sáng suy luận, là con người đã đặt một thử thách lớn lao rồi đó. Đạo Học, rồi đây nó cũng sẽ là Đạo Học. Cái giá trị có hay không, là do sự thực hành trong thực tế.

Đành rằng mọi sự thể đều chỉ phục vụ và sáng tạo sự thể mà thôi, nhưng Chân lý hay không chân lý, đều do ở sự thể phô diễn. Đối với nhân sinh cũng thế, mọi lý tưởng trong tâm hồn, đều giống nhau. Giá trị hay không giá trị, là áp dụng cái lý tưởng ấy vào đời, vào nhân sinh, vào xã hội.

Con người mang hoài bão đi cho tận bậc thang tiến hóa, hãy cố gắng thực thi những lý thuyết, những giáo điều, những pháp chánh vào thực tế. Đừng chìm đắm trong mơ mộng, trong tưởng tượng ảo huyền. Thực sự con người, ai cấm đi tìm cái trọn vẹn, mặc dù sự toàn vẹn ấy, chỉ trong tâm tưởng. Con người có cần đến cho một kiếp làm người, là hãy cố gắng tạo lấy trụ tướng của tác động, đừng đi ngoài mục đích cao quí đã vạch sẵn.

Con người nếu dùng giác quan và nhận thức thông thường để đánh giá nhân sinh ắt khó tránh khỏi sự sai lầm. Chẳng hạn một vấn đề nho nhỏ, mà con người thường vẫn lầm lạc, đó là việc nhận định kiếp nhân sinh như hoa trôi, như mây nổi, như khói sớm mây chiều, như hạt sương rơi lạc lỏng, hay chiếc lá rụng cành cây.

Ngoài ra nỗi niềm đau khổ, những cái chẳng miên viễn, những sự đổi thay, những vày vò con người trong ngắn hạn, đối diện trước những cảnh thăm thẳm vô cùng của Vũ Trụ. Trình bày như vậy, nói ra như thế với tinh thần Đạo Học chân chính, chớ không là để cho con người than thở thở than, hay để cho con người nhăn mày chán nản, thảnh thót châu rơi. Hoặc để cho con người bó gối thở dài, ngâm câu vui ít buồn nhiều, nước sông bọt bể.

Chủ đích của Đạo Học, qua một khía cạnh nhỏ ở trên, là ước mong con người nhìn nhận một sự thật, một sự thật hiển nhiên mà không thể chối bỏ. Dù có chối bỏ, sự thật vẫn còn đó. Hiểu biết một sự thật là tránh cho con người những lạc lầm trong lối vô tri bất giác. Hiểu biết một sự thật là giúp cho con người thăng tiến trên những bước đường chân chính và hoàn mỹ.

Hơn nữa, hiểu biết một sự thật như thế không phải để bi quan chán chường, mà chính thực con người phải cố tâm thế nào tạo một hướng sống, định một bước đi cho khỏi uổng một đời người trong nhân kiếp. Hiểu như thế con người luôn luôn tâm niệm với lòng mình là hướng thượng làm đầu, lo lắng những cái gì vĩnh cữu, hơn thế là phí uổng tâm lực một đời, để tô bồi những cái gì giả tạm không cùng.

**1. Trên đối tượng Vũ Trụ**

Con người nhìn nhận cảnh bao quát hùng vĩ của Trời đất, có nhìn cái to rộng uy nghi của Vũ Trụ, con người mới cảm thấy mình nhỏ nhoi và quá ư hẹp hòi. Có nhìn thấy sự mông lung đại thể ấy, con người mới mong ước hòa đồng tiểu ngã của mình với đại ngã của Kiền Khôn. Có như thế, mục đích của Đạo Học mới mong thành tựu được những gì còn chấp nê trong hẹp hòi, phải nhường lại cho đại độ, phóng khoáng của Vũ Trụ. Con người với ước vọng sẽ tăng tiến, vượt hẳn lên cao mong tìm hiểu Vũ Trụ.

Tuy nhiên, không gì tìm hiểu Vũ Trụ hay quan niệm Vũ Trụ của từng cá nhân, mà tạc những tranh chấp chia phân. Thực sự, nếu có tranh chấp trên quan niệm nào chăng nữa, thì Vũ Trụ vẫn là Vũ Trụ, con người cũng chỉ là một điểm li ti, ẩn hiện sớm chiều trong chốc lát. Có cái gì con người tâm nguyện mà không được, chính nó là những tâm nguyện không tâm nguyện. Đừng e ngại, đừng do dự, hãy hiến dâng lòng mình cho Thượng Đế Chí Tôn, rồi tâm linh của con người sẽ tuần hành diễn tiến trước sau.

Đạo Học không kéo con người nô lệ vào Vũ Trụ, hay chối bỏ sự hiện hữu của Vũ Trụ, hoặc bảo con người hãy cố tâm chiếm đoạt cho tận cùng Vũ Trụ. Có những ý thức rõ rệt về Vũ Trụ như vậy, con người mới đủ can đảm tiến bước vững vàng trên đường đi về cùng Thượng Đế Chí Tôn. Muốn đồng hóa cùng Thượng Đế, con người hãy đồng hóa cùng Vũ Trụ.

Vũ Trụ là lớp áo điểm tô cho Thánh thể của Chí Tôn. Vũ Trụ là ngôi nhà cao rộng trang hoàng cho Thánh thể của Ngài. Con người muốn đạt đến mục đích cao thượng, ắt hẳn phải đi ngang qua ngưỡng cửa, hoặc mân mê tà áo Vũ Trụ vậy.

**2. Trên đối tượng nhân sinh**

Đạo Học không dạy con người giải thoát ra khỏi nhân sinh. Đạo Học chỉ giải thoát con người ra khỏi con người nhỏ hẹp của nó. Nhân sinh là môi trường để cải thiện con người, khi đối diện cùng Đạo Học.

Tất cả mọi hoạt động đều có tính cách liên hiệp và kế cận với nhau. Sự liên kết không hề bứt rời được, kết tạo thành một xâu chuỗi nối liền con người với con người khác. Đừng bao giờ mang ý nghỉ, khi bước vào Đạo Học, là con người đã tránh xa nhân sinh và xã hội. Sự tránh xa nhân sinh và xã hội chỉ có tính cách tạm thời và giai đoạn. Tránh xa tha nhân không phải để tách rời tha nhân, mà là để sửa soạn nhập cuộc với tha nhân.

Đôi tân lang và tân giai nhân cách mặt, là để sửa soạn cho cuộc giao bôi tác hợp. Đạo Học chính là những gì dạy con người cải thiện đời sống con người trong khuôn mẫu Đạo Học không phải dùng để phá vỡ những gì còn nguyên vẹn.

Những tín ngưỡng của tôn giáo toàn những hình thức, là tạo lấy phương tiện để hướng thiện nhân sinh. Cái quan trọng không phải gom gồm trong bao nhiêu đó. Đạo Học là giải quyết mọi sự việc của con người đã sống, đang sống và sẽ sống, Đạo Học không phải để dùng để tạo đời sống tâm linh của con người, tâm linh của con người không thể dừng lại khi thân thế bị chôn vùi hay trôi dạt theo thời gian. Giá trị của đời sống tâm linh và giá trị của đời sống nhân sinh phải luôn luôn đi đôi với nhau. Nếu tách rời những khía cạnh ấy là đã phá vỡ sự tiến bộ và giác hóa cho con người.

Đạo Học được hoàn toàn ý nghĩa hay không là phải giải quyết cả hai vấn đề trong một chủ tể. Đạo Học nhân sinh luôn luôn hằng ngày chi phối bởi tinh thần và xã hội, một hướng về Vũ Trụ thượng thiên, một hướng về Vũ Trụ xã hội nhân quần.

Còn một sự đau khổ, dù trong khía cạnh nào đi nữa, Đạo Học đã không làm tròn sứ mạng của nó. Tránh nhiệm và sứ mạng thừa sai của Đạo Học đã đặt nặng trên Đạo Học, và con người đang hiến dâng đời mình cho Đạo Học, hãy làm sáng tỏ vai trò thực sự của Đạo Học, đừng để giá trị nầy phải thiên lệch trong một danh từ hay tác động riêng biệt nào đó.

Nhân sinh không phải chỉ là những khối óc của tâm thức mà nhân sinh còn là một con người muốn sống. Chính vì thế, Đạo Học có hợp với nhân sinh hay không, chỉ cần xem nó có đi sâu vào con người hay không? Những kết quả đạt được trong sự cứu rỗi và phổ tế phải thực hiện ngay trong hiện tại.

Đạo Học có bổn phận hướng đạo đời sống con người, cải tạo đời sống nhân sinh và hoàn mỹ mọi hoạt động của đời sống xã hội. Chính vì thế, Đạo Học khỏi rơi vào giả tướng, rơi vào hư không, hoặc quẩn quanh trong bốn bức tường của tôn giáo, hay tín ngưỡng từ xưa cho đến ngày nay.

Đạo Học không phải là cái gì hạn hẹp, ép khuôn trong vai trò ước định. Chân lý Đạo Học phải bao quát, phải đưa đến với con người cần suy nghĩ, cần hành động và thỏa ứng trong bất cứ hoàn cảnh và giai đoạn nào.

Nói như vậy, để những ai đang khoát trên mình mảnh áo Đạo Học, phải cần nhớ đến sự cứu rỗi trọn vẹn đời mình và tha nhân, trong mọi lãnh vực, mọi vai tuồng hiện hữu.

**3. Trên đối tượng Đạo Pháp**

Đây là một phương định quân bình và hoàn thiện cả hai đối tượng ở trên. Nhờ nó mà con người mới bước vào sự cao quí và tiến hóa trong kiếp nhân sinh.

Đạo Pháp vẫn chịu một vai trò tối thượng việc hướng dẫn con người, xử sự đời sống cho hợp lý và càng ngày càng tăng tiến hơn. Đạo Pháp là nguyên nhân để đặt nhịp cầu cho xã hội. Đạo Pháp không thể thiếu giữa đời sống con người và Vũ Trụ.

Tuy nhiên, vì cái giá trị Đạo Pháp bất biến ấy, mà con người đã gán lấy biết bao nhiêu hình thức, biết bao nhiêu danh từ và bọc lên nó những bộ mặt riêng tư. Nhìn nhận cái giá trị tối thượng của Đạo Pháp, con người không thể không nghĩ đến giải thoát ra khỏi cái tiểu ngã cố chấp của con người. Đó là điều trước tiên để bước vào giai đoạn giải thoát tha nhân và con người trong nhân kiếp.

Con người luôn luôn phải đặt mình vào ánh sáng Đạo Pháp, để hành động cho nhân sanh và xã hội. Một Đạo Pháp chân chính sẽ là một động cơ cải tạo từng lớp xã hội. Ngược lại, nếu một Đạo Pháp tà vạy, sự tác hại của nó cũng to tát không kém. Nỗi lo sợ to tát nhất là Quỉ Vương, vẫn chế định một cách thức riêng của nó và vẫn ẩn núp dưới danh từ Đạo Pháp.

Chính vì thế, những con người tâm can còn kém cỏi hay sa ngã vào cái huyền ảo tối tăm, mịt mờ của chế pháp bá nạp ấy. Nói lên như vậy là để đánh thức thêm một trách nhiệm của những kẻ đã ngộ được Đạo Pháp chân chính. Ngoài ra việc tạo lấy cho bản thân một bước tiến, bực hành giả còn phải hằng lo tưởng đến con người, hằng mở rộng lòng mà lo độ rỗi tha nhân. Bỏ lỡ một cơ hội là con người đã làm ngơ cho chế pháp bàng môn tà hại tâm linh rồi đó. Tội lỗi ấy dẫu che đậy hay núp dưới những lý luận biện hộ vững chắc thế nào, cũng không qui trách nhiệm cho một cái gì, phi trừ không là con người giác ngộ.

Sự hiển nhiên không gặt hái khi lúa chính, để giông bão làm tả tơi ruộng lúa, trách nhiệm ấy người làm ruộng phải gánh lấy khu vườn bị tiêu tàn hay hoang vắng, đều là trách nhiệm của những kẻ làm vườn, không thể nào trách khứ bởi một lý do nào khác.

Cũng nhắc lại ở đây, con người khi mang những trường hợp bất đắc dĩ, lại thường bảo là thiên cơ chỉ định. Con người quên rằng sự chứa đựng, che chở vạn vật thanh cao quí giá, ô trược hư hèn, đều chung trong bầu trời lồng lộng. Nhưng nhìn vào vật nào, loại nào, cũng đều phân biệt được tất cả. Như thế, con người có thể đổ những lỗi lầm của con người vào cho nguyên nhân Trời Đất ư! Mọi sự đều do thiên nhân hiệp nhứt tác động, đừng qui một lỗi gì vào cho một người cả. Tất cả con người trong xã hội đều mang một tội lỗi, bất cứ từ đâu đưa đến.

Nam mô: Nhứt nguyện Đại Đạo hoằng khai,

 Nhì nguyện phổ độ chúng sanh,

 Tam nguyện xá tội đệ tử,

 Tứ nguyện thiên hạ thái bình,

 Ngũ nguyện ………………………………..

**4. Ba vấn đề Vũ Trụ, Nhân sinh và Đạo pháp trên con người**

Ba vấn đề đi chung một chủ thể, thế chân vạc nầy sẽ đổ vỡ đi nếu thiếu một trong ba đối tượng kể trên. Đứng giữa cái thế tam tài của Càn Khôn, con người để chân đến thế đỉnh tam sơn của ba đối tượng: Vũ Trụ, Nhân sinh và Đạo Pháp. Nếu con người không biết dung hòa và hợp nhứ ba tiêu chuẩn ấy, một cách hợp lý và chân thành, thì xã hội sẽ mất thăng bằng, nhân loại sẽ chinh nghiêng.

Đối với phần thực thể cá nhân cũng thế, ba vai trò Tâm linh, Lý trí và thể dụng, nếu không đồng điệu, hòa tác trên mọi phương diện sinh hoạt, thì con người không thể tránh khỏi một sự mất quân bình và lệch lạc hẳn đi cuộc sống. Con người sẽ đi đến một sự chú trọng độc nhứt nào đó và để quên đi các vấn đề khác.

Chính vì thế, dù là đối với phạm vi xã hội cá nhân, hay dầu là đối với phạm vi xã hội nhân sinh, ba đối tượng: Vũ Trụ, Nhân sinh và Đạo Pháp phải được dung hòa một cách duy nhứt. Có như thế, sự tiến hóa của xã hội mới mong toàn vẹn, sự tăng trưởng về tâm linh cũng như thể chất, mới mong đi đến tuyệt đích an lành, hòa lạc đó.

Tất cả những lý thuyết đều là lý thuyết, tất cả mọi lý tưởng cũng đều là lý tưởng. Giá trị của nó chỉ thực sự gọi rằng có, là khi con người đã tạo lấy được một kết quả thực sự cho đời sống nhân sinh. Nói như vậy, có nghĩa là: dù bất cứ trên phương pháp, hay kế hoạch nào, chúng nó sẽ trở thành Hư Vô hay không tưởng, nếu con người không bắt tay vào việc cấu thành và tác hiệp. Họa đồ kiến trúc, với sự kiến trúc và ngôi nhà xây dựng vẫn là khác nhau, tuy rằng nằm trong một nối dài sự kiện.

Đạo Pháp là căn bản cho sinh hoạt mọi hình thức. Vũ Trụ nhận thức sẽ là khoa học trong nhân quần. Khoa học mà đi ngoài Đạo Pháp chỉ đưa dến một tàn hại to tát cho tâm linh và đời sống nhân sinh.

Cái mục đích trả lời cho sự kiện, tìm hiểu vạn vật sở quan, tạo lấy những phát sinh sáng tạo, nếu không tựa vào định luật sinh tồn của dòng nước Đạo Pháp, thì con người sẽ bị sa vào lỗi lầm hiếu tri và thỏa mãn của bản năng mà thôi. Vì vậy mà khoa học là thuyền, Đạo Pháp là lái.

Nhân sinh nhận thức sẽ là chánh trị trong nhân quần, chánh trị mà đi ngược lại Đạo Pháp thì sẽ đưa đến sự bảo thủ ích kỷ và phân tranh. Tất cả mọi mưu lược, mọi sáng kiến phải nằm trong mục đích ổn định sinh hoạt xã hội, phải dung hòa các giai tầng quốc gia và dân tộc.

Đạo Pháp chơn chính là phương thuốc thần để đào tạo bồi bổ năng lực cho chánh trị nhân sinh. Khi đã hiểu vai trò tối trọng của Đạo Pháp, tác động trên mọi sinh hoạt khoa học và chính trị, một kết luận sẽ được đưa ra.

Song le, nói như thế, không có nghĩa là con người có quyền phế khoa học và chính trị, để chỉ lo thuần túy Đạo Pháp với danh từ hẹp nghĩa. Vì nếu như vậy, thì xã hội nầy không thể tiến bộ và cải thiện đời sống nhân sinh.

Một sự thực, nếu đứng trên đại nghĩa của danh từ, Đạo Pháp là khoa học và chính trị tuyệt đối. Đạo Pháp nói rộng nghĩa nơi đây hãy tạm mượn lấy danh từ Đạo Học. Đạo Học bao trùm trọn vẹn cả ba lãnh vực: Đạo Pháp, khoa học và chính trị. Chính vì thế, mới mong gọi rằng Đạo Học là nguồn cứu cánh nhân loại.

Nhờ khoa học, con người tạo lấy sự tiến bộ và trưởng dưỡng trí thức. Nhờ chính trị con người tạo được sự bảo dưỡng nhân sinh trong hòa lạc. Ngoài ra Đạo Học còn là nguồn phát triển tâm linh vi diệu trên mọi hướng.

Vậy, với những ai đang bước đi trên danh từ Đạo Học, hỡi những ai gọi rằng bậc hành giả hiến thân tất cả, hãy tâm niệm đầy đủ như thế, thì cứu cánh của Đạo Học mới mong đạt đến, mục đích cao thượng của Đạo Học mới mong sáng lạng. Những sự kiện đó có được hay không, là do những bàn tay xây đắp của mọi người, dám hy sinh và dám hiến mình cho Đạo Học.

Nầy nhân sinh, nầy nhân loại, sự cứu rỗi đã gần kề, kỳ phán sét tận cùng đã sắp đến. Hãy sửa soạn sẵn sàng, hãy gội rửa sạch sẽ, để đợi chờ Thánh tâm và Thánh tánh (1).

(1) Chư thiên mạng, chư hiền hữu đạo tràng, Chương IV “Dung hòa nhứt lý” của quyển Đạo Học Chỉ Nam, phần chánh văn đến đây là hết. Chỉ còn phần trùng tụng theo lối thi thơ văn bài, Bần Tăng xin hẹn ngày tái ngộ, vào tháng sau. Khi nào được lịnh, Bần Tăng sẽ đến cùng chư hiền hữu.

Trải qua mấy tháng, sự cực nhọc với lòng ưu tư, chí thành chí kỉnh, của chư hiền hữu với Bần Tăng, gẫm lại ai chẳng hơn ai. Nhưng về mặt tình cảm giữa Bần Tăng và chư hiền hữu đã móc nối được những đậm đà sâu sắc, đã gặp nhau trong tinh thần phục vụ cho Đạo Pháp và nhân sinh. Bần Tăng lấy làm mừng cho căn duyên đạo hạnh của chư hiền hữu được kiên trì và tiến hóa đến ngần ấy.

**CHƯƠNG THỨ TƯ**

**TIẾT V:**

**Mục độc nhứt**

**b) Trùng tụng**

**THI**

Ngang dọc trần gian một vóc hình,

Ẩn tàng, nguồn cội chốn Hư linh.

Cương nhu sẵn có cơ vi diệu,

Động tĩnh dành riêng lẽ tác thành.

Một khí Tiên thiên bền Cốc Vũ,

Ba dòng thế giới tựu Trung Huỳnh.

Phật Tiên Thánh Đạo do nơi đó,

Nhứt lý dung hòa vạn sự minh.

**BÀI**

Từ thượng cổ gieo truyền Đại Đạo,

Đến hạ ngươn vạn giáo đồng qui.

 Long Hoa Đại hội Tam Kỳ,

Chí Tôn hạ chỉ trị vì Tam Ngươn.

 Cơ phục thỉ tuần hườn đã định,

 Mối tương quan chấn chỉnh sơn hà.

 Khắp cùng lãnh thổ quốc gia,

Đồng qui Chánh Đạo, an hòa vạn dân.

Xưa ai đắc Kim thân Phật thể,

 Nay vẫn còn vạn thế Thế Tôn.

 Sống trong bất diệt trường tồn,

Phải chăng cùng một linh hồn thượng thiên.

 Máy Tạo Hóa không riêng Trời đất,

 Cuộc vận hành khắp vật khắp nhân.

 Con người hiểu được lý chơn,

Là người biết lẽ tuần hườn vần xây.

 Chơn tâm ấy sánh tày Vũ Trụ,

 Chơn tâm nầy hoàn Vũ chí tâm.

 Vi nhơn trọng trách gieo trồng,

Khu vườn thế hạ gieo mầm thiện căn.

 Bản tánh giả thiên tằng chi thất,

 Nguyên nhân hồ vạn vật chí linh.

 Cùng trong cái Đạo vô hình,

Tam tài định vị phân minh tỏ tường.

 Biết sống lý chân thường vạn hữu,

 Giữa cuộc đời vô thỉ vô chung.

 Vẫn hằng an lạc tâm trung,

Bất ly gia cá, viên dung hòa đồng.

 Câu “Duy ngã độc tôn” là thế,

Nhận định rành bàn thể chân như.

 Bồ đề giác ngạn thiện thư,

Pháp thân chân lý huệ từ là đây.

 Muốn hiểu rõ Như Lai bổn tạng,

 Muốn tìm ra ngõ Tổng trì môn.

 Tam tâm, tứ tướng không còn,

Mở huyền quan khiếu, thiên tôn bước vào.

Đạo Pháp kiếm tầm đâu cho có,

 Thế gian nầy mở ngỏ Phật Tiên.

 Lìa thế gian tạo nhân duyên,

Như tìm sừng thỏ, ảo huyền đặng đâu!

 Đạo Học quả rộng sâu bao quát,

 Hỡi hiền nhân quảng bát trí tri.

 Nội tâm thấu triệt huyền vi,

Đó là thế giới tâm kỳ thượng thiên.

**ĐẠO HỌC CHỈ – NAM**

**CHƯƠNG THỨ NĂM**

**LINH TINH**

**TIẾT THỨ NHỨT. – ĐỒ THƠ TRUNG NHỨT**

**THI**

Âm dương điên đảo khổ cho đời,

Tai họa muôn trùng bủa khắc nơi.

Sấm chớp mây giăng trời đất tối,

Mở mang cuộc sống đợi con người.

Người là một hiện thân của lẽ sống, âm dương chung đúc mà thành hình, trong lưỡng quan Trời đất, đương lấy sứ mạng tài thành thiên địa chi đạo, phụ tướng thiên hạ chi nghi, hầu cùng Tạo Hóa hiệp một thành công, đưa bước quần sanh đến nơi thánh thiện.

Đời trị hay loạn, Đạo thịnh hay suy, cốt ở lòng người biết theo lẽ phải, hay chìm đắm vào đường tà. Nếu gốc không vun đắp, thì cành lá sớm muộn phải tiêu tàn.

Người là một trong ba tài, đội trời đạp đất, kết hợp một khí Thái hòa, há không phải quan trọng lắm ư? Xem kinh nghiệm cổ, hai đời Đế ba đời Vương, an dân mở nước, làm thầy thiên hạ, làm chúa muôn dân, đều lấy Đạo làm gốc.

Gốc Đạo tại tâm, tâm thuật của các bậc Thánh quân, các hiền nhân quân tử, trên chịu mạng Trời, dưới cần mẩn việc nước việc dân dựng lễ nhạc đức độ, lập chính thể hưng đạo đức, giáo hóa chỉnh đốn nhân luân, dìu dắt thiên hạ trở về cội phúc nguồn lành, sống tự do trong lẽ thật?

Đạo ấy, tâm ấy, không phải chỉ ở thời xưa, hay trong các bậc Thánh quân hiền triết mà bây giờ đạo ấy không hiện, tâm ấy không còn. Cảnh thế đảo điên, lòng người đen tối, cuộc đời rối loạn, họa tiêu diệt phơi bày, đạo ấy không hiện, vì tâm ấy chìm đắm trong vật dục mà phải mê mờ. Thời xưa, lòng người còn thiện, nên mới có sự tương quan với Đạo, thân cận cùng Trời, song cũng có kẻ bỏ mất lương tâm, chạy theo cuồng vọng, như Kiệt Trụ bạo tàn.

Huống chi nhân loại thời nay đánh lạc tâm hồn, đắm mê vật chất, mà cách biệt cùng Đạo, mà đoạn mối tương hệ cùng Trời, nên lâm vào tình trạng khốn cùng ngang trái. Song cũng có người biết thức tỉnh, quay lại đường lành, nghe theo tiếng gọi nơi thân tâm, phăng lần về cội cả để thực hiện con người, hoàn tất sứ mạng của nó.

Ta thử xét lại Hiến chương, đồ biểu nơi Hồng phạm cửu trù, quyền pháp đã đặt nơi đâu, sứ mạng được phó vào đâu. Kẻ cầm cân nẩy mực là qui phạm cho đời, ngồi một chỗ mà bốn biển được thanh bình, giử ngôi trung mà đức khắp muôn dân, thiên hạ qui gồm một mối.

Hồng phạm cửu trù là một Hiến chương tu thân xử thế gồm 9 loại, một qui luật trị nước an dân cao cả dựa theo Lạc Thơ mà chia thành 3 ngươn 9 số

Thượng ngươn là phần Trời, gồm 3 số: 1, 4, 7.

Trung ngươn về ba thân của Hoàng Cực, cũng ba số: 2, 5, 8.

Hạ ngươn là phần vạn dân nhân loại, có những số: 3, 6, 9.

Số của Trời: 1 + 4 +7 = 12; tự thân người: 2 + 5 + 8 = 15; quần dân bá tánh gồm những số: 3 + 6 + 9 = 18. Số Trời thì đơn giản, dân chúng thì phiền đa, chỉ có người (Hoàng Cực) được quân bình, nên quyền pháp ấy, sứ mạng ấy, được thay Trời thay dân mà tế thế an bang.

Đạo Học Chỉ Nam mục đích hướng dẫn nhơn sanh tìm lại cội rễ của chính mình. Cội rễ ấy đã mất đi, thì bản thân con người đành luân lưu trong biển khổ. Thế giới và nhân loại cũng vì lãng quên cái căn bản duy nhứt đó, mà hóa ra cuộc sống đảo điên, xã hội quốc gia trở thành máu xương chiến địa.

Trời đất vạn vật sở dĩ có ra, phải bắt đầu ở một nguyên nhân ấy là Đạo. Đạo là căn bản của Vũ Trụ vạn vật. Vật nào cũng do đấy mà xuất sanh, bởi đấy mà tồn tại, có đấy nên sự điều lý được trật tự phân minh. Lý ấy mầu nhiệm hoàn toàn, trí khôn và tai mắt của loài người không đủ hình dung nhận xét được, nên các bật thượng Thánh đại Hiền miễn cưỡng đặt cho nó cái tên. Danh từ để gọi không biết bao nhiêu thứ, ai nấy cũng lãnh hội được. Đó là Chủ tể Tạo Hóa bản căn của Vũ Trụ vạn vật, là Thượng Đế, là Trời, là Đạo, v.v…

Đạo ấy, Lý ấy bao trùm và tiềm ẩn trong mỗi vật mỗi loài. Vạn vật, vật nào cũng có cái lý của nó. Tổng thể của Lý là Thái Cực hàm âm dương nhứt thể lưỡng diện của Lý nầy ở nơi mọi người, ai cũng đều chứa đựng cái căn nguyên lưỡng nhứt đó, sinh động vô cùng.

Người thuận theo cái Lý đó, cần giữ cái Thể đó, khuông theo bản tánh mà vượt lên khỏi thời gian không gian, siêu hóa thần hình, làm Thánh làm Vương, thay quyền Tạo Hóa, an bài dưới thế cho nhơn loại sống trong tình bao la, hưởng trọn tự do thanh bình, không tách rời ngoài căn bản, xa bản tánh, nên muôn thuở vĩnh lạc vô ưu.

Gốc không vững, cành lá đâu được tươi xanh hầu đủ sức đơm bông trổ trái. Nguồn bị lấp sông ngòi, lòng rạch khô khan, mong gì được trôi chảy thông lưu, men ra biển cả. Nên cuộc sống của loài người hiện tại quá bấp bênh khổ sở. Sức tự hữu không còn nhờ vả cầu may, nhưng ai cũng như ai, chỉ lợi dụng mưu cầu chẳng thấy may, mà hoàn toàn đầy rủi ro thất bại.

Gốc bỏ đi mà cầu lấy ngọn, biết thân mà chẳng biết có âm thì cuôc sống chẳng thấy ánh sáng mặt trời nơi Chơn Tâm, mà gắn gượng đốt rọi bằng đôi cọng que nhấp nhem lờ mờ của tai mắt, đâu đủ đưa bước nhơn sanh tìm đến điểm đích Thần Tiên, là nơi cuối cùng của bước hành trình, ngày hoàn công nhơn loại!

Đây cũng tạm trưng vài chứng cớ, mà ngàn xưa các bậc đại Thánh lưu lại, ngàn đời ai cũng lấy đó làm tiêu chuẩn cho cuộc sống còn, trong đạo làm người chung đụng lẫn nhau, trong việc thay Trời giữ nước yên dân, mở mang bờ cõi và tâm trí nhơn dân. Kẻ sĩ người hiền khuông theo quyền pháp ấy, mà men đến đích cùng tột của con người, chứng Phật vị, đắc Kim Tiên, làm Tổ làm Sư, khai triển quần tâm, dẫn bước văn minh, dựng đời Thánh đức.

Đồ biểu tượng trưng một nền Đạo Học Đông Phương từ xưa. Các Hiền triết Thánh quân đặt chế độ, chỉnh thân tâm, để phụng thiên sự dân, không ngoài hai đồ bản Lạc Thơ, Hà Đồ, xuất thế nhập thế, đạt kỷ đạt nhơn, hay lập kỷ lập nhơn, thành cho chính mình, mà thành cho nhơn quần xã hội. Hà Đồ hay Lạc Thơ là căn bản tinh yếu làm mực thước cho kẻ cầm quyền, cầm pháp trị nước, trị đạo, hướng dẫn đồng loại tuân theo qui luật, mà Trời đất đã mặt khải trong các số điểm ở nơi hai đồ biểu nầy. Người có bổn phận thay quyền Tạo Hóa, điều hòa hai thể âm dương, phối đồng cùng Trời đất, làm cho việc nào, loài nào cũng đắc kỳ sở của nó.

Hà Đồ tương truyền cho Thánh Phục Hy được ngựa rồng ở sông Mạnh Hà, trên lưng có chở một bức đồ gồm 55 số. Số ấy chia ra 5 chùm: phía dưới, phía trên, bên tả, bên hữu và trung ương, gồm có 25 số cơ 30 số ngẫu. Dưới phương bắc: 1 + 6, phương nam: 2 + 7, bên đông: 3 + 8, phía tây: 4 + 9, trung ương: 5 + 10.

Lấy đồ hình tròn nầy để xác định một Vũ Trụ quan lành mạnh, một nhơn sanh quan toàn hảo. Thể dụng viên thông, thiên nhơn phối nhứt, đời đạo tương dung, tuy có mấy con số le the, rời rạc, nhưng ẩn giấu rất nhiều thần cơ diệu pháp. Lẽ sanh thành biến hóa của Trời đất, sự bài định mọi sự mọi vật, nguồn suối Tạo Hóa thung dung trôi chảy không ngừng, phân nhánh tách dòng, kết quả cũng đổ về biển lớn. Cuộc tuần hườn phãn phục, lẽ biến hóa âm dương, cơ động tịnh đất trời, cuộc sanh thành có đi có lại, để chúng ta ai nấy cũng nhận thấy bản căn của tự thân, mà ăn ở sống còn, phải luôn luôn điều hợp với Đất Trời, nhịp tấu theo trật tự bốn mùa, nắm vững Chơn Tâm đồng thể đạo, thì tự thân cũng được hoàn bị, như một Vũ Trụ bao la rút gọn ở con người, Thật là vinh hạnh.

Bản đồ xưa nay có nhiều bậc đại Thánh đại Hiền đem ra bàn giải, mỗi người mỗi cách, tùy hoàn cảnh địa vị mà áp dụng, nhưng chủ đích cũng qui về một điểm Chơn tâm, một ngôi Tạo Hóa, mà Trời Người lấy đó làm căn bản chống vững Trời đất, tự lập muôn thuở vững bền. Số cơ sống ngẫu là tượng hình âm dương. Ngôi trung tượng hình Thái Cực. Bốn hướng là tứ tượng: Thái dương, Thiếu âm, Thiếu dương, Thái âm. Năm ngôi kết hợp trong ấy là năm hành. Sự hóa hóa sanh sanh lẽ tiến lùi, phản phục thần diệu không lường, vậy ta nên biết Hà Đồ là một khẩu quyết gồm đủ ý nghĩa không sót một tý nào, đầu mảy bụi ngọn lông cũng hàm trong đó.

Hôm nay đem ra để mọi người chúng ta tìm lại cái căn bản sở dĩ được làm người, vì sao có người vinh sang thành quả, còn người sao tiện nhục bại vong, kẻ được nhàn nhã an vui, người lại tốn cùng vất vả. Cái nguyên do không phải tại Trời đất, quỉ thần hay tại chế độ hoàn cảnh gây nên, mà tại do người thiếu giác ngộ đi ngược với Đạo, bỏ gốc nên thân phận phải lung lay, tự mình đưa mình làm nô lệ cho cái giả tâm, khí chủ động, lý bị tách rời.

Ôi! Hồn phách phân ly, âm dương trái đạo, đồ mượn số để biểu tượng một sự huyền bí không thể nói được. Vì Đạo quá trừu tượng, vô ảnh vô hình, bặt tiếng bặt hơi, làm sao trưng bày cho được, nên mượn số nói lên những sự thần diệu, những cơ động tịnh sanh thành.

Đã hiểu Đạo là không số, không tượng, không vị, không chất, không số mà số, không tượng mà tượng, không vị mà vị, không chất mà chất. Số, tượng, vị, chất bởi không mà hiện có, do có mà có cái Vũ Trụ nầy, nhưng sự tiến, sự lui tất thảy hườn qui về nguyên bản Thiên chơn.

Những số 1 3 5 7 9, phân ra là số Kim, Mộc Thủy, Hỏa, Thổ biến ra là TƯỢNG. Đông, Tây, Nam, Bắc, Trung liệt là VỊ. Xanh, đỏ, trắng, đen , vàng tán ra là CHẤT. Số, tượng, vị, chất ta sẽ lần lượt mở những gút mà thẳng vào Trung cung Hoàng Cực, để cùng gốc ngọn liên nhau, biển sông làm một

1 với 6 ở phương Bắc: 2 với 7 ở phương Nam) 5 với 10 ở

3 với 8 ở phương Đông: 4 với 9 ở phương Tây) Trung cung

Bắc là thủy, Nam ở hỏa, Đông mộc, Tây kim, Trung thổ.

 1 + 6 Thái âm: 2 + 7 Thiếu dương.

 3 + 8 Thiếu âm: 4 + 9 Thái dương.

Mỗi một cung theo ngũ hành âm dương, cung nào cũng có số lẻ và số chẵn, hoặc trong dương có âm, hoặc trong âm có dương, âm dương của Hà Đồ tương quan phối ngẫu, hổ trợ lẫn nhau. Một Tạo Hóa tương sanh, một chiều thuận tiến, mọi người mọi vật phải trải qua một cuộc hành trình để kinh nghiệm rèn luyện tự thân, bớt chỗ dư, bồi bổ chỗ thiếu, quân bình cho được tâm thức. Cuộc sống chung lộn giữa mọi loài, thành sự tương quan, dầu thể xác dầu tinh thần, tuy trong dương có âm, trong âm có dương mà sở chủ nơi bản căn là dương cương trung chính.

Như Trời thì có ngũ nguyên, nguyên động mà sanh ngũ đức. Mỗi nguyên ở mỗi sở chủ ở mỗi vị, song đều có liên hệ mật thiết nhau: Nguyên thần là Bính hỏa, Nguyên khí là Mậu thổ, Nguyên tinh là Nhân thủy, Nguyên tánh là Giáp mộc, Nguyên tình là Canh kim. Đó là dương, dương thì số lẻ. Hễ có Nguyên thì có Đức: Nguyên thần là lễ, Nguyên khí là Tín, Nguyên tinh là Trí, Nguyên tánh là Nhân, Nguyên tình là Nghĩa.

Con người nhờ có ngũ nguyên mà tạo cho mình một căn bản, thay quyền Trời đất, giữ địa vị con người, đều hòa hai lẻ âm dương, phát triển ngũ nguyên, tâm thể trong con người mà hiện ra ngũ đức, để phô bày cái tinh ba trong sáng của mình làm cho Trời đất mới mẻ, xã hội an lành, loài người kết chặt tình thương lẽ sống giữa nhau, vạn vật cũng chung trong nền trật tự.

Nhưng ngũ nguyên, ngũ đức ngoài cái Chơn tâm Thái Cực, là căn bản tối diệu ở ngôi Trung. Đó là chủng tử là nguyên nhân, là nguồn đầu, là Một trong tất cả, tất cả bởi Một mà ra, Nên 15 là tổng số của số trong đồ, số sinh thành, biến hóa, hỗn nhứt qui Trung. Đó là Thượng Đế ngự tại Trung cung của Vũ Trụ, trọng tâm của loài người.

Bính liền với Đinh, Mậu liền với Kỷ, Nhân có Quí, Giáp có Ất, Canh có Tân. Âm có dương như hồn có xác, xác phải nương hồn, hồn phải nương xác mà tồn tại lẫn nhau. Nếu một khi bị chống đối, bị tách rời, hay chủ khác không phân minh, dưới trên không hợp lẽ, thì Vũ Trụ sẽ đảo lộn, loạn cuồng. Nếu là Người thì Người gian ngoa, táo bạo, nên ở Lạc Thơ đồ vuông chia làm 9 ngôi âm dương lìa cách nhau, đối lập nhau, chống trái nhau, lấn quyền cướp vị, bỏ gốc theo ngọn, hướng ngoại, đắm đuối theo đường danh lợi vật chất, phù phiếm, vì chủ động là âm.

Âm sẽ thắng dương thì lẽ tự nhiên bị đảo ngược, hậu thiên đương vị chủ quyền. Nhận kỷ ở Lạc Thơ âm dương thế loạn thì vạn sự vạn vật mất thăng bằng. Đồ biểu Lạc Thơ cho ta thấy Kim, Hỏa đổi ngôi, mười điểm ở Trung cung là Kỷ Thổ lưu phóng ra ngoài, khắc phạt lẫn nhau, âm chế dương:

Kỷ Thổ khắc Nhân Thủy, Ngươn tinh hóa làm trược tinh.

Quí thủy khắc Bính Hỏa, Ngươn thần hóa làm thức thần.

Đinh hỏa chế Canh Kim, Ngươn tình hóa làm quỉ phách.

Tâm Kinh khắc Giáp Mộc, Ngươn tánh hóa làm du hồn.

Ất Mộc khắc Mồ Thổ, Ngươn khí hóa làm vọng ý.

Vọng ý rất vọng động tạp niệm móng khởi không ngừng, có tánh loạn, xúc động thì dục mông lung phóng tán ra ngoài, khiến cho tai mắt tay chơn làm nhiều điều thoả thích nhu cầu dục vọng.

Trược tinh rất dâm dục có tánh si, xúc động bởi buồn gây nên đa sầu đa cảm. Ngươn tinh mỗi lúc mỗi khô kiệt, thì trí tuệ hôn mờ, lậu tiết hư hao, thì sống không đảm bảo, bịnh tật liền sanh.

Quí Thủy khắc Bính Hỏa, mà thức thần mới hiện ra làm chủ, cậy lý trí, dụng giả tâm, tuy rất thiêng liêng, nhưng có tánh tham, xúc cảm liền vui, đưa bước trụy lạc con người chạy theo giả đời ảo ảnh.

Đinh Hỏa khắc Canh Kim, quỉ phách lộng hành, chủ sự chết, có tánh dữ, xúc động thì giận, gây thù kết oán, nóng nảy hung hăng.

Tân Kim khắc Giáp Mộc là du hồn xuất hiện, chủ sự sống, có tánh lành, xúc động là mừng.

Ngũ vật thay cho ngũ Ngươn: Nhơn, Nghĩa, Lễ, Trí bốn mối bị chôn vùi, mà mừng, giận, buồn, vui quanh quẩn che nhau rướt lấy ưu bi khổ não. Nói đến con người, hay rộng ra quốc gia xã hội, cho chí Vũ Trụ đất trời, cũng không ngoài đồ biểu âm dương, thua được, Bỉ, Thái xoay tròn, một thắng một lùi. Sự Bỉ Thái của hai đồ, người có trí nên gẫm suy, một thuận một nghịch, biết chế hóa, biết điều hòa, thì sẽ đạt cơ Tạo Hóa.

Biểu Hà Đồ âm dương hỗn hợp, nhân tâm đạo tâm là một, theo chiều tương sanh, liên hệ mật thiết với nhau, nên cuộc vận hóa của âm dương phân bổ năm hành theo trật tự thời gian không gian, kết nên một trường sở linh hoạt vô cùng. Dầu cuộc diễn tiến bao la, nhưng chung qui cũng về nơi Trung cung theo chiều đóng mở.

Trái lại. Lạc Thơ âm dương chia cách, đời đạo trái nhau, nên đồ biểu tại Trung cung thấy có số 5, mà không có số 10. Số 10 ở trung đồ đã phóng ngoại, thố loạn khắp bốn phương tám hướng. Các số chẳn chia ra ở mỗi gốc, bỏ chính theo bàng: hai (2); ở Tây Nam làm Đinh Hỏa, bốn (4) ở Đông Nam làm Tân Kim, sáu (6) ở Tây Bắc làm Quí Thủy, (8) Đông Bắc làm Ất Mộc. Thế là tâm trung nhóng ngoại, chìm trong ảo cảnh, muôn thuở rời bỏ cội nguồn.

**Ghi chú**: Chương nhứt, Chương nhì , Chương tu tạm được, chỉ còn duyện lại, chỉ có Chương 3 chưa kết tập, dầu đúng dầu sai cũng tạm xếp cho thành tiết, thành mục, đáng số trang, số bài. Có như vật mới thấy được chỗ sai, chỗ đúng mà tu chỉnh. Nhưng Đạo Học Chỉ Nam cũng phải trải qua nhiều lần, coi đi duyện lại, mới tạm đầy đủ trách nhiệm của chúng ta, song còn đợi lúc ban hành, để nghe ngóng nhiều ý kiến hầu sửa chữa mãi cho đến khi hoàn thành kinh điển.

Xưa nay các bậc đại hiền kết tập, hoặc sáng tác cũng nhờ sự đóng góp nhiều đời, mà hôm nay chúng ta mới nhận nó đúng, song đã được cho là thỏa mãn đâu! Công việc cần từ đây đồng thời tả kinh và cố gắn sắp đặt lại chương 3, để tiện có dịp trình lên, nhờ các Đấng Cao Tiên chuẩn duyệt.

Người giác tỉnh mau mau tìm lại nguồn đầu, tin tưởng Chơn tâm chủ tể trong người bị che khuất, bị chôn vùi, phải chấn khởi nó lên, hồi sinh cái bản thể nhiệm mầu, thâu phục cái phóng tâm hườn trở lại ngôi xưa, để số 15 ở trung điểm, nghĩa là lấy số lẻ khắc số chẳn, dĩ dương khắc âm, âm hườn qui nhứt bản. Mậu Thổ khắc Quí Thủy, Nhân Thủy khắc Đinh Hỏa, Bính Hỏa khắc Tân Kim, Canh Kim khắc Ất Mộc, Giáp Mộc khắc Thủy Thổ. Hỉ, nộ, ai, lạc,dục trở hườn lại nhân, nghĩa, lễ, trí, tín. Ngũ vật trở thành ngũ ngươn: Số hoàn vô số, tượng hoàn vô tượng. Đó là ngũ khí triều ngươn, tam gia tương kiến.

Mượn hai đồ biểu để cho chúng ta ý thức lại chính mình. Mình vì bỏ gốc theo ngọn, lấy giả làm chơn, tự tách rời nguồn sống bao la phóng mình trong dòng đời ảo mộng. Hầu hết nhơn loại chưa mấy ai ý thức được mình. Con người sống như bộ máy, bị ngoại vật thúc đẩy mãi mãi cứ quay cuồng, không một ai biết điều khiển hay làm chủ được mình, mà con người luôn luôn tự mình cho mình có ý thức, mà sự thật chẳng ý thức chút nào.

Cái máy chuyển động luôn ngày. Chuyển động đó, bởi hoàn cảnh chung quanh, hay bởi tập quán nhiều ngày nhiều kiếp mà nên. Nó lăn, nó mạnh do sức mạnh của người, rồi ồ ạt để vui hỉ hả, để buồn tỉ tê, không biết sao có những nông nổi. Mà mấy ai được biết? Ai biết được chính mình con tim mầu nhiệm ở đâu? Hay gọi dục vọng tham cầu của ý sống bên ngoài qua những ngưỡng cửa mắt tai, mũi lưỡi, cho đó là mình. Mà thật con người có khôn ngoan, nhiều ý chí sáng tạo được những cái máy tinh xảo, điều khiển được nó, mà không điều khiển được mình.

Mình là máy để sản xuất cho hoàn cảnh những nhu cầu. Thế mà mình đâu ngờ chính mình là nô lệ, cũng vì vọng tâm phóng ngoại, cũng vì rượt đuổi theo danh lợi giả trò, cũng tự khoe khoang học rộng hiểu nhiều. Mà sự thật khôn khéo chẳng qua góp nhặt ở kinh nghiệm bề ngoài, đâu phải con tim mầu nhiệm. Con tim ấy chủ tể điều hòa thống nhiếp cả trái, mặt, quân bình lẽ chống đối của âm dương.

Người là một địa vị quan yếu vô cùng, giữa lưỡng gian. Người là chủ sự quân bình lợi dụng được thiên thời địa lợi, làm cho Vũ Trụ vạn vật hanh thái, an lạc, mỹ miều. Đây cũng nên nhắc lại quyền tối thượng. Trời đất đặt vào con người một địa vị thiêng liêng. Nếu nhơn bản biết vun trồng, nguồn sống của con người biết khai thông, biết phát triển thì người giàu, mạnh, sáng sủa, khác chi Trời đất, mặt nhựt mặt nguyệt. Ai không được chở được che, được sáng soi, sưởi ấm?

Nghiêu Thuấn cũng người, Phật Tiên cũng người, thì Ta há không làm được như những bậc đó sao? Sở dĩ các đấng kia muôn thuở được danh truyền, tuổi tên chói lọi, làm thầy thiên hạ, làm chủ quốc dân, là vì Đấng ấy biết giữ còn cái Chơn Tâm, biết vun bồi cội căn đạo hạnh. Tâm ấy có riêng chi ai, dầu hiền giả hay ngu giả cũng thế thôi. Ta với người không khác. Khác chăng là giữ còn cái Tâm Đạo, hay buông trôi theo thế lợi, nghiêng ngã đường tà. Nếu tự tỉnh mà quay lại chính mình, đem cái tâm phóng ngoại trở về, giữ cái gốc thiên phú nguyên đầu, thì có thể làm thầy làm chủ thiên hạ khó chi?

Xưa các bậc đại hiền ý thức được chính mính, giữ tròn cái Tâm ấy, luôn luôn sống kề với Đạo, gần sát cùng Trời, hòa mình trong thiên hạ, chủ được tình thức, trị được vọng tâm, nên mắt tai của Ngài không bị chướng ngại ngăn che, tâm tư rỗng trống bao hàm Vũ Trụ Càn Khôn. Một động mộ tịnh của lẽ Trời đều hiển hiện ở nhịp tim, hơi thở đâu dễ lọt qua vì lòng dạ các bậc đại hiền thanh tịnh rỗng không, mà lẽ báo ứng cơ vi làm sao che được?

Cũng nên nhắc lại con người hoàn thiện, con người đạt được nhân bản của mình, con người giữ đúng ngôi vị thiên thiêng, mà Trời phó nhiệm để chăm sóc đoàn người chưa tự chủ, mà thiên hạ cũng ủy thác quyền hành cho bậc chí nhơn đó quân bình hướng đạo toàn dân. Người đó chính là thấy được nhiệm vụ thiêng liêng của mình đặt trong Tam Cực.

Trời Đất sanh hóa, tạo thành Vũ Trụ muôn loài, lò Tạo đúc xong giao lại cho con người chỉ sửa trau cho khéo léo, đặt để đâu đó đúng chỗ, nghĩa là đem thiên nhiên ứng hiệp với lòng người. Lẽ đương nhiên ở tự nhiên mà ra, đẻo gỗ để làm cày, cưa ván đóng thuyền, sử dụng vào tiện lợi cho nhơn dân, ấy chỗ dư bồi chỗ thiếu.

**TIẾT THỨ NHÌ: HỒNG PHẠM CỬU TRÙ**

Theo đồ biểu Lạc Thơ, không biết bao nhiêu việc cần cho nhơn sự, cho thế đồ. Nhưng rút một phần, mà các đại hiền lấy chín số trong bản đồ vạch thành Cửu trù, để nói lên quyền sống của người, địa vị tối tôn, là người và Trời Đất tương quan mật thiết.

Chín Trù ở Chương Hồng Phạm (trong Kinh Thư) cho ta thấy một triết lý nhơn sanh bao hàm thực tại và siêu nhiên, mà phương đồ chia 9 ô ngang dọc dưới trên, đứng đâu cũng thấy con số 15. Con số ấy là Trung Cung của Hà Đồ, số vạn thù qui nhứt, nội ngoại bất phân. Số ấy cốt để quân bình: quân bình cho Xã hội chung đụng lẫn nhau, quân bình cho thiên mạng chơn tâm tương quan đồng nhứt, quân bình chính giữa con người tinh thần thể xác được hỗ tương điều hợp, quân bình sao cho việc người việc Trời, thiên vận nhơn sự tương thông. Số 15 quan hệ biết bao!

Số 1, 4, 7 là số của Trời. Trời thì đơn giản, dễ hiểu, dễ theo. Số 3, 6, 9 là số của thiên hạ quần dân. Số 18 phức tạp đa đoan, thế sự nhân tâm chi ly bất nhứt. Số 2, 5, 8 là số của kẻ đạt nhơn chí đức, thay Trời giữ nước an dân. Số ấy là Hoàng Cực Chí Tôn, làm mẫu mực nắm giữ thăng bằng, đúng số 15, nên trong bốn mặt, tám phương, đều một cách kiểu như nhau, không hề chênh lệch ngã nghiêng, không để quền lợi làm mờ nghĩa vụ, đời sống áp đảo tâm linh, kẻ dưới thiệt thua, người trên lấn át.

Còn một cái là ngoại giới ngoại giới phải được tương hệ, cách trị dân phải làm sao cho dân no ấm, dân mạnh khỏe, dân khôn ngoan: kẻ thay Trời phải hành sự như Trời, lấy đức hóa nhơn, lấy vô vi mà hành Chánh Đạo.

 Trù thứ nhứt là Ngũ hành ………………………………..5

 Trù thứ nhì là Ngũ sự…….. ………………………………..5

 Trù thứ ba là Bát chánh. ………………………………..8

 Trù thứ tư là Ngũ kỷ……….. ………………………………..5

 Trù thứ năm là Hoàng Cực.……………………………..5

Trù thứ sáu là Tam đức….. ………………………………..3

 Trù thứ bảy là Kê nghi…….………………………………..7

 Trù thứ tám là Thứ trưng…………………………………..6

 Trù thứ chín là Ngũ phúc, Lục cực.……………..11

 Cộng ………………55

Ngũ hành về ngoại giới thiên nhiên. Mỗi hành có một địa vị đặc biệt là hành thổ trong năm hành nhuần thấm.

Hồng phạm Cửu Trù rút một phần trong đồ Lạc Thơ để áp dụng vào việc xử thế làm người. Chín trù theo hình ma phương (carré magique) mặt nào trông vào cũng thấy số 15. Số 15 là trung tâm điểm ở Hà Đồ. Số ấy làm nồng cốt cho tất cả nội giới tâm linh và ngoại giới thiên nhiên của tạo vật, quân bình cho tất cả những hiện tượng của không gian, thời gian, đem lại hòa khí cho muôn thuở sống còn để vạn vật theo chiều hướng động tịnh biến hóa của âm dương ngũ hành, mà vượt đến cõi huyền nhiệm siêu nhiên.

Hồng phạm Cửu trù là một tổ chức quốc gia, trong đó gồm 3 phần: phần thiên nhiên, phần nhơn sự đặt giữa hai phần nầy là phần con người mực thước để tượng trưng quyền pháp, thay Trời hướng dẫn quần dân. Người ấy theo Cửu trù là một vị Chí Tôn, làm chủ, làm thầy trong một nước, hay một tổ chức gồm có nhiều thành phần. Người được tiêu biểu mọi mặt của con người, chơn, thiện, mỹ. Người đã đạt được nhơn bản, đã đồng thể cùng Trời, đất, làm mẫu mực, đứng ra hành quyền xử vị, đem lại công bình hạnh phúc cho nhơn sanh.

**Trù thứ nhứt là NGŨ HÀNH**

Thủy, hỏa, mộc, kim, thổ là năm yếu tố căn bản sanh thành Vũ Trụ vạn vật. Trời đất lấy đó làm căn bản cho sự điều lý quân phân, mỗi hành có một tác dụng lớn lao quan trọng, chiếm một địa vị triết yếu ở không gian và thời gian, mọi sự mọi vật, dầu lớn dầu nhỏ, cả sơn hà đại địa không sao thiếu được mà thành tựu, mà tiến bộ, sáng tạo tùy theo mỗi đức tính của mỗi hành mà hiện, mà ẩn, tương phối, tương ly. Nước thấm xuống, lửa bốc lên, cây có cong có thẳng, kim loại co giãn đổi thay tùy cần dùng theo thợ, đất trồng gieo gặt hái. Nước thấm xuống sanh mùi mặn, lửa bốc lên sanh mùi đắng, cây cong ngay sanh mùi chua, kim đổi dạng sanh mùi cay, đất gieo gặt sanh mùi ngọt. Mặn, ngọt, chua, cay, là chất của năm hành.

Người đạt nhơn chứng Đạo thấu biết được đức tính của lẽ sinh khắc, biến hóa, mà tùy thuận theo tự nhiên, áp dụng ngoại giới vật lý mà chế tạo những cơ cấu cần thiết, mở mang cuộc sống thịnh vượng cho xã hội ngày một thắng lợi tự cường, áp dụng vào thân tâm để tu chỉnh mọi cơ cấu trong người, hầu tiến lên làm bực đại nhơn, phụ tá đất, Trời hướng dẫn quần sanh trở lại cội nguồn tự do hạnh phúc.

**Trù thứ hai là NGŨ SỰ**

1. Dung mạo
2. Nói năng
3. Trông nhìn
4. Nghe ngóng
5. Suy tư

Ngũ sự thuộc về nội giới tân thân, thể theo năm hành mà mô tả con người, gồm những tính yếu cần thiết, hầu xứng đáng tư cách của một nhân phẩm, một địa vị trong tam tài.

Dung mạo phải đoan trang kính cẩn, oai nghi hạnh đức, cho ra người đứng đắn;

Nói năng phải hợp lý hợp tình;

Trông nhìn thông suốt;

Nghe ngóng tinh tế rõ ràng;

Nghĩ suy phải thấu triệt.

Con người quan hệ ở chỗ nết na hạnh chỉ, cốt được đàng hoàng. Ngôn ngữ là sự phát biểu tâm tư phải chơn chất đúng đắn; lỡ chơn gượng được, lỡ miệng khó gượng, cẩn thận không nên nói thô nói đùa. Trông nhìn phải cho sáng suốt thì mọi việc không lầm. Nghe ngóng cho tinh thông để thấu biết dư luận, hầu kịp thời bổ cứu. Suy nghĩ cho chu đáo, lòng vô tư không xen tạp tà niệm, thì thấu tận chỗ chơn tri tuệ giác.

**Trù thứ ba là BÁT CHÁNH**

Ăn mặc, tiền của, thờ tự, đất vườn, nhà ruộng, dạy dỗ, hình luật, tân khách, binh lương.

Tám phần nầy là tổ chức một quốc gia, xây dựng một xã hội chơn nhơn dân, đủ đảm bảo một đời sống quân bình tương đối. Guồng máy chính trị phải lo cung ứng những nhu cầu thiết cho người dân, về vật chất cũng như tinh thần, phải làm cho ai nấy cũng có cơm no áo mặc, no thân ấm cật, hầu làm làm tròn cái bổn phận của người dân, ai cũng sống đủ tiện nghi, có của cải để dành khi tai biến thình lình, hoặc phụng dưỡng ông cha, trông nuôi con cái.

Thi hành nghĩa vụ làm người phải có chỗ để thờ tổ tiên, giao nối giữa kẻ khuất người còn trong vòng huyết thống. Đặt quan Tư không lo đường kinh tế cho dân, trông nom hướng dẫn mỗi nguời trồng trọt, khai khẩn mở mang. Dạy dân có quan Tư đồ khai tâm mở trí bổn phận làm người sống giữa nhau biết trọn đạo, có quan Tư khấu lo hình luật bảo đảm quyền lợi mạng sống của con người. Về tân khách ngoại giao, thông hiến mở mang chiêm nghiệm, gây tình thân giữa nhau, cũng tổ chức quân đội chống xâm lăng giữ gìn bờ cõi.

**Trù thứ tư là NGŨ KỶ**

Một năm, hai tháng, ba ngày, bốn tinh thần, năm lịch số.

Đây là một trù không kém quan trọng của người nuôi dân giữ nước, nhứt là sự sanh hoạt của dân, đời sống con người phải thỏa mãn. Nên kẻ có trách nhiệm là cha mẹ dân, luôn luôn nghĩ đến vấn đề thiên văn lịch số, đo độ thời tiết, sự luân chuyển trong một năm có bốn mùa theo sáu khí vận hóa, biết những tháng dư tháng thiếu, tháng nhuần, ngày nào dài, đêm nào vắn, định giờ giấc cho dân làm lụng kịp thời vụ, đúng mùa màng. Cũng cần biết phép tượng để quan sát thiên văn tinh tú, vận hành nhị thập bát tú và ngũ hành tinh giao độ như thế nào, mà gió to mưa lớn, nắng gắt lạnh nhiều, v.. v ….

Cũng như nắm tháng ngày giờ tinh tú chuyển vận mà chế tạo công nọ việc kia, lập thành âm dương lịch cho dân coi đó để làm lụng sinh sống và sự đo lường nhứt thống, sự ăn ở điều độ, sự bịnh tật thuốc men, khuông theo thiên nhiên mà áp dụng về tu thân xử thế, mọi việc ở đời.

**Trù thứ năm là HOÀNG CỰC**

Trù nầy quan trọng hơn cả. Đây là cửa thu phát mệnh lệnh, thông công giữa Trời và Người, giữa ngoại giới và nội tâm. Hoàng Cực là trung tâm quyền pháp của một nước hay của thiên hạ. Kẻ ở địa vị nầy phải đủ tài đức, xứng đáng nổi bật của loài người, làm mực thước cho muôn dân, quần chúng bốn phương trông vào đấy mà ăn ở đúng Đạo làm người. Mọi người noi mực thước của bậc nhơn quân đại đức mà tu sửa, nhơn cách đối xử đúng đắn, hết bổn phận trong phạm vi tự hữu của mình. Người giữ một ngôi Hoàng Cực là người tiêu biểu mực thước làm đầu muôn dân, đại diện cho Trời tại thế, nên có thể nói là bậc hoàn toàn coi dân như con đỏ, chăm nom gầy dựng lo dạy dân, lo nuôi dân no ấm, khác nào cha mẹ đem cả tình thương san sẻ, tạo lập nghiệp tương lai cho nó. Không phải vì ngai vàng ngồi trên nhung lụa, hút máu đồng loại nhân dân, mà vì dân vì nước, vì sự nghiệp lâu dài, quên thân gánh vác khó khăn cho muôn họ.

Hoàng Cực có nghĩa là tổng thể duy nhứt uy quyền mệnh lệnh. Hoàng Cực là người đã triển phát nhơn bản đến cực độ. Con người ấy là đồng với Trời trong tam tài. Nhơn bản đã thực hiện đến một địa vị hoàn toàn chơn, thiện, mỹ, phối đồng cùng Trời đất, coi Vũ Trụ vạn vật một thể, đức ấy trùm cả mười phương như mưa xuân phay pháy, gió xuân dịu dàng, tình xuân lai láng, trí cực kỳ minh, nhân cực kỳ hậu, nội thánh ngoại vương, tâm thuật đủ cảm hóa muôn loài, có trí cách vật, có nhân chủ vật, nhưng cũng phải nhờ kẻ hiền nhân quân tử cộng tác, mới gánh nổi sự nghiệp lớn lao, mới mong sứ mạng.

**Trù thứ sáu là TAM ĐỨC**

Một: chính trực. Hai: Cương khắc. Ba: Nhu khắc.

Trù nầy để biết lẽ tương chế tương hòa, biến thông cho guồng máy được linh động nhẹ nhàng, được thấy ý Trời lòng người một phương trình sáng chế, một lối ứng dụng trong việc xử sự, cốt là quân bình mọi mâu thuẫn ngang trái giữa loài người, biết lấy nhu chế cương, biết dùng cương để khích động các tinh thần nhu nhược, điều hòa trong xã hội nhờ có nhu và cương, dùng cương nhu khắc chế lẫn nhau để phát sanh khí cơ lợi tiện. Chính trực là chủ của cương nhu, mà cũng nhờ cương nhu để giữ còn chính trực. Trù 6 nầy chẳng những áp dụng vài chính trị, mà về giáo dục khoa học, nó là môn lợi khí vô cùng.

**Trù thứ bảy là KÊ NGHI**

Trù nầy kẻ làm cha mẹ dân không phải cậy có tài đức, giàu khôn ngoan, nhiều sáng suốt đủ sức mạnh, lắm tay chơn, mà đủ để yên dân trị nước. Việc người thì phức tạp, lòng người thì bất thường. Lẽ Trời mầu nhiệm, cuộc xoay vần biến hóa, thời tiết không thường, chung quanh có những sự mắt người không thấy được, tai người không nghe được.

Khi trong nước có việc xảy ra đáng ngờ, người có trách nhiệm phải ưu tư dọn mình mà thỉnh ý thiêng liêng, thông công cùng Trời, đất để thi hành không trái nghịch với thiên cơ. Việc người, việc Trời luôn luôn phải rập khuông như bóng với hình, như bộ máy phải tương quan. Vì vậy mà phần Kê Nghi để dò hỏi ý Trời, biết được việc mình làm có tương phối huyền đồng hay gián cách. điều nầy có nhiều lối thông công hoặc vào mật thất lư bồng để tham thiền định lự mà cầu Thiên khải, hoặc dùng cơ thần bút pháp, nhờ sự dạy truyền, hoặc bói toán thành cỏ thi mai rùa, Trời ứng hào quái hào cho biết v. v….

**Trù thứ tám là THỨ TRUNG**

Vũ, dương, ốc, hàn, phong, thời, nghĩa là mưa, nắng, nóng rét, gió và mùa, cũng một trù quan hệ không kém trù Kê Nghi. Người trị dân giữ nước đã đem thân che chở cho thiên hạ, gánh lấy mọi khó nhọc khổ đau cho mọi người. Mỗi khi một việc nào trong nước xảy ra, như tai Trời ách nước làm cho dân không yên ổn, là người có trách nhiệm ăn không ngon, ngủ không yên, nhứt là điềm Trời xảy đến, nắng mưa, nóng, rét bất thường, phong ba bão tố, mùa tiết trái thời, mọi việc gây nên trở ngại cho con dân trong nước.

Sinh hoạt khó khăn trưng triệu bất thường, mưa nhiều nắng ít, hoặc nắng có mưa không; gió mùa chẳng thuận thời khí không đều, tất cả mất quân bình, sai tiết độ, là do ở lòng người khởi niệm bất chánh. Việc làm bất chánh, ăn ở bất điều, những tư tưởng, những hành động của một nước một nhà trái với thiên tâm đạo nghĩa, thì điềm dữ xảy ra, độ khí của 5 hành trái nghịch, đều do tấm lòng đi ngược với công lệ đạo Trời.

Sở dĩ người dân khởi tâm bất chánh, khởi sự vô lương, là do kẻ cầm quyền thiếu đạo đức, không quán xuyến được dân. Dân bất phục, mệnh lệnh không linh, thì trách nhiệm người trên gánh cả. Nên kẻ làm đầu trong nước, làm chúa muôn dân phải được quên mình vì thiên hạ nhu Nghiêu, Thuấn, Vũ, Thang, vua coi dân như thân thể, dân coi vua như tim gan. Dân đói dân rét, dân tật bịnh không nghĩ đó là việc của dân, mà nghĩ như Vua Thang tại mình làm cho nó đau, nó đói rét. Ấy mới phải đạo mẹ cha.

**Trù thứ chín là NGŨ PHÚC LỤC CỰC**

Ngũ phúc có 5 điều thưởng sống lâu, giàu có, mạnh khỏe, bình yên, ham đức tốt, suốt đời không rủi ro, tai nạn, tật nguyền, tù vạ. Nếu kẻ trị dân mà hay, mà giỏi hiệp lòng Trời, thuận ý Người, thì người dân được 5 điều lành. Bằng trái lại, chính trị hư nát, kẻ cầm quyền đen tối lợi dụng, thì dân chịu 6 điều họa chết yểu, lo buồn, tật bệnh, nghèo khổ, gặp nhiều ác nghiệt oan trái và con người nhu nhược đê hèn.

Phúc họa không phải kẻ cầm quyền gieo rắc cho dân, mà bởi người có tránh nhiệm bảo dân giữ nước phải sáng suốt thấy được ý dân, biết được tình dân, lấy đức hóa dân, lấy lượng chở dân làm cho dân mến dân tin, dân thấy được kẻ trên vì mình, thì chính mình dân cũng vì kẻ trên mà giữ tròn hạnh phúc để cùng chung hưởng.

Tóm lại, như Cửu Trù nói đến trách nhiệm kẻ làm đầu một nước hoặc rộng ra, cả thế giới hay hiệp lại ở gia đình, cái bổn phận phải làm sao được đẹp lòng Trời, được vừa ý dân, mà tâm mình luôn luôn nhàn tịnh, sáng suốt để đủ sức tạo lập một sự nghiệp cho nước, cho dân. Đức rộng tài cao phải đủ mới hóa được dân, mới canh tân được xã hội.

Nhờ tài đức và tâm tư sáng suốt, mà phỏng thiên nhiên áp dụng đương nhiên, thể lòng Trời mà làm cho lòng người được tươi đẹp, ham điều lành, ưa tạo phước, khiến được dân, dân nghe, dân phục, dân theo.

Chưa phải đó là đủ, mà còn phải làm sao cho dân được sáng tâm, khỏe xác khuôn trong Đạo Pháp. Phải xây dựng cho dân một sự nghiệp đủ tiện nghi theo chín trù đã vạch, nhứt là kẻ có quyền luôn luôn quân bình cho được bốn phương tám hướng, đâu đó cũng ngang bằng như số 15, không bè đảng, không riêng tư, không vì dân mà quên Trời, không vì Trời mà chẳng lo khai hóa cho dân.

Thế Cửu Trù Hoàng Cực là cơ bản, là người mực thước, là mô phạm cho dân. Người được như Hoàng Cực là người xứng con người. Con người mà thế giới thường nói nhơn bản, mà bản con người là Tâm. Tâm con người hoàn thiện là cùng Trời một Đạo.

Ôi! Nhơn Bản vĩ đại thay! Con người biết lo cho người từ việc ăn, ở, làm lụng, của cải, tín ngưỡng, học vấn, v.v…

**KẾT KUẬN**

**TIẾT ĐỘC NHỨT**

**a) Kinh văn**

Đạo Học Chỉ Nam do Trần Hưng Đạo và Vạn Hạnh Thiền Sư vâng Lịnh Cửu Tiêu Tam Giáo tả các chương về yếu lý Đạo Pháp, để khuyến tỉnh người, tiếp độ nguyên căn qui hồi cựu vị, đã được Chí Tôn y chuẩn. Đạo Học Chỉ Nam là một bửu kinh nhận thấy những lời diễn tả đúng với đường hướng Đạo Pháp, có thể lấy đó làm mực thước trên đường công phu tu học hành đạo, đúng với tinh thần của bốn chữ Đạo Học Chỉ Nam. Chư Thiên ân Quyền Pháp noi đấy mà lập giáo, hướng dẫn môn sanh; chư đạo tâm theo đấy mà học tập tu trì, thật xứng đáng là bửu kinh để cho đời làm phương châm tu thân xử thế.

**THI**

**Tổng** hợp dung hòa mới cộng thông,

**Kết** liên Âu, Á một tâm đồng.

**Đạo** là nguyên lý sinh Trời, Đất,

**Học** để nên người với núi sông.

**Chỉ** phúc minh tâm trung vạn pháp,

**Nam** chấn kiến tánh hiệp tam tông.

**Bửu** Kinh nhứt quyện tâm vi chủ,

**Kinh** vĩ hoàn qui nhứt chủ ông.

Đạo Học Chỉ Nam gọn trong bốn chữ, mà gồm đủ yếu chỉ kinh luân quyền pháp, việc Trời việc người, kẻ xuất thế người tại gia đủ làm mực thước. Toàn bộ có bốn chương luận giải việc xưa việc nay, bày tỏ cái hơn cái kém, không biết bao đề mục, mặc dầu bao hàm kim cổ đông tây, nhưng rút lại chỉ còn chữ NHỨT.

Vũ trũ mênh mông bát ngát, thiên sai vạn biệt, phiền toái vô cùng, nhưng dầu phức tạp đa đoan, cũng không ngoài NHỨT NGUYÊN chi yếu. Lại bày tỏ rõ ràng nhân loại chủng biệt, viện thế lòng rối rám gay go, việc lui, được thua còn mất, thiên hình vạn trạng, mỗi mỗi không đồng, thế mà qui kết cũng gặp nhau gọn trong bốn chữ **NHÂN SINH NHỨT QUÁN**.

Phần Đạo Pháp có muôn vàn pháp môn, vô học hữu học, đốn tiệm khác nhau, nhưng cũng tồn hồ vi NHỨT ĐƠN là chính yếu. Cổ kim thay đổi, Âu, Á khác nhau, học thuyết tôn giáo, trăm đường xu hướng, nhiều nẻo khác nhau, nhưng cội gốc không ngoài NHỨT LÝ. Thật là cổ kim, hi hữu, đồng qui nhi thù đồ, dầu thánh ngàn năm về trước hay ngàn năm về sau cũng không dạy chi hơn là đem chữ NHỨT để truyền trao cho thiên hạ.

Thiên hạ đạt được chữ nhứt ở Đạo Học Chỉ Nam, thì đứng ở địa vị nào, làm những phận sự nào, cũng thung dung thanh thoát. Đắc được nhứt thi nhập thánh siêu phàm. Đem chữ nhứt mà thi hành thì gia tề nước trị, thiên hạ thái bình. Ai ai cũng hiểu được như nhau, thì Vũ Trụ bốn mùa hanh thuận, vạn vật tự do, vui sướng, chẳng còn loài nào tàn hại lẫn nhau.

Nếu thiên hạ giữ một chữ NHỨT , ở trong quyển bửu kinh này, cũng đủ bảo đảm trên công phu tu thân xử thế, hà tất phải cầu đến thiên kinh vạn điển mà làm gì. Tóm lại, các thánh sư, các vương mạng thành tựu cho dân cho nước, cho thiên hạ, cho mình, chỉ lấy đạo làm gốc. Gốc ở Đạo là tâm. Tâm ở Trời đất thiên hạ vạn sinh cũng là một tâm, một Đạo.

Về đoạn một phần Đạo tổng kết, 4 chữ Đạo Học Chỉ Nam trong ấy có nhiều ý nghĩa sâu xa, mà tập bửu kinh nầy lấy đó làm đề mục. Trong Trời Đất, khắp thiên hạ cả mười phương thế giới, dầu ở Đông hay Tây, từ xưa cho tới nay, dầu con người khôn lanh hơn vạn vật, có trí mưu, xuất quỉ nhập thần cũng không một ai dáng gọi là hoàn toàn trọn vẹn.

Con người đã là bất toàn, nên luôn luôn con người đòi hỏi khát khao mơ ước, kỳ đạt cho được cái hoàn hảo, thì lòng mới yên vui. dầu được vinh sang quyền tước cũng chưa thấy thỏa mãn, bước lên công hầu vương bá, đầy đủ hơn, đời sống không thiếu những gì, muốn chi được nấy, nhưng lòng cũng vẫn thấy nghèo nàn thua thiếu, khó mà thỏa mãn cái bất toàn.

Cái gì dưới thế nầy được toàn vẹn, vĩnh cữu mãi đâu? Dầu hôm nay phải thì mai trái, cái mình cho đẹp mà người khác cho xấu, đằng này đúng, chỗ nọ sai. Một vật dưới trời là tương đối. Đã tương đối nên con người mới ước mơ thèm muốn cái tuyệt đối chí thiện toàn hảo, mãi mãi ở mình. Những nỗi mơ, những điều ước là trong mình đã sẳn một hột trướng cửu bất biến, nhưng chưa có cơ hội cho nó nứt lên. Thế là cái xu hướng của con người nói chung, dầu Đông hay Tây, tôn giáo học thuyết, cũng nhắm một hướng mà đi, tìm đạt cái hoàn toàn.

Hoàn toàn đó chỉ có Đạo mà thôi. Đạo là tuyệt đối hoàn toàn, không gì có thể so sánh được.

Cái hoàn toàn của Đạo, đứng về phương diện nào cũng tột lành, tột đẹp, tột quang minh chính đại, công bằng sinh hóa ra muôn loài, dầu nhỏ như kiến, vi trùng, cũng không thiếu một cơ cấu bản năng của nó; hay lớn như Vũ Trụ bộ máy chuyển luân vận hóa bốn mùa, hàn nhiệt vãng lai, mặt trời mặt trăng cứ luân phiên đi lại, phân ngày đêm, giữ tiết độ, khi giao khi cách, ở các ngôi tinh tú. Cái hoàn toàn dầu cho một cây sậy, một đóa hoa, sự cấu tạo sự điều hành, sự ban phát hay sự thu hồi, thật là hoàn toàn tuyệt hảo!

Con người muốn đạt đến quả hoàn toàn là phải học, hoặc cái hoàn toàn để trở thành như Đạo. Tập cái thân, tu cái hạnh, luyện cái chí, chủ cái tâm để hầu thắng được vọng ý ngoại trần, mà tiến lên nấc thang tu học đó, mà đạt cái hoàn toàn. Học phải tập, học không tập thì cũng như biết không làm. Thánh Nho có câu: “Học nhi thời tập chi”. Học để tập, tập mãi cũng quen, cũng giống. Bữa nay bước đến một bước, bữa mai bước thêm một bước, bước mãi cũng gần. Việc làm có tập có quen, có đi có đến, có học mới biết cái phương thức để làm Đàn Số 11c. – Học là bắt chước những gì mà người đời tôn quí ước ao, mơ tưởng sao chính mình cũng như cái hoàn toàn. Cái hoàn toàn là mực thước cho muôn thuở chẳng những con người phải noi theo mà tất cả chúng sanh ở cõi sắc giới nầy, dầu là bậc Đại La Thiên Giới cũng không sao quên lãng một giây phút, mà luôn luôn phải sống bên nó khuông mình vào đó, để bảo đảm tánh mạng và địa vị của từng phần. Cái hoàn toàn tuyệt đối của Đạo hay đấng Thượng Đế không còn một tí gì sai lệch thất, nên công việc sanh thành tạo dựng của Ngài từ vô tận đến vô chừng, chẳng biết có một hào ly sai trái, mà phải luôn luôn trải bao thời gian, được hoàn hảo tốt đẹp, chất phác không pha trộn. Khi nào chưa chứng được, ngày chưa thành được Đạo thì dầu cho những bậc thánh hiền cũng khó bảo đảm sự hành vi mực thước mãi còn trọn vẹn, phương chi người còn sống trong vòng tình thức, dầu là hiền nhân quân tử, lời nói việc làm có hay có đẹp đến đâu, cũng một thời lạc hậu hoặc tác dụng trong một hoàn cảnh, trong một giai đoạn rồi cũng lỗi thời, hoặc bữa hôm nay là hay là phải, mà ngày mai là dở là trái. Nó tốt đẹp thiệt nhưng trong chứa đầy hư ngụy. Trong cái lợi có cái hại, nên cho đây mà hỏng cho kia, là vì con tâm còn trộn lẫn những cái hũ lậu phàm phu, nên chưa đủ mực thước cho muôn đời.

Muốn lợi người vật, phải học, phải tập, phải tu sửa cho tâm đức hoàn toàn. Khi ấy dầu nói dầu làm, cũng được trọn nên cho thiên hạ. Vật ai muốn thi hành cái đường lối cứu đời, không theo phương pháp Chỉ Nam, tưởng không có cách nào đạt đến chữ NHỨT, chữ TRUNG, chữ ĐẠO.

**b) Trùng tụng**

**BÀI**

Bửu Kinh Đạo Học Chỉ Nam

 Mục tiêu nhập thánh siêu phàm quy trung.

Khuyên ai nấy thung dung nhận kỹ,

Xét tinh thường yếu lý từng chương.

 Xưa nay Đạo Pháp một đường,

Người chưa thông thấu Chơn thường mà thôi.

 Cũng nhờ có yên ngôi Trời Đất,

 Nhờ nó mà vạn vật sanh sôi.

 Nó đem nguyên tánh phục hồi,

Nó hay uyển chuyển tài bồi mở mang.

 Nước giữ vững huy hoàng thịnh trị,

 Người giữ còn địa vi tôn vinh.

 Thành nhơn là nó điển hình,

Làm nên thước mực quên mình vì dân.

 Đạo trọn vẹn cân phân hoàn hảo,

 Người để lòng hoài bão học tu.

 Thời thường ôn dưỡng công phu,

Phá mê khử ám, vẹt mù cho tâm.

 Tâm là Đạo thậm thâm diệu pháp,

 Đạo là tâm quy nạp xuất sanh.

 Lên hư được mất do mình,

Biết tu thì cũng trở thành như nhau.

 Người học Đạo trước sau duy nhứt,

 Để trở nên thước mực hoàn toàn.

 Chỉ Nam phương pháp rõ ràng,

Vào sâu tâm địa, Niết Bàn thấy nguy.

 Chương Vũ Trụ trình bày duy nhứt,

 Được nói lên quyền lực ngôi Trung.

 Phát ra vô tận vô cùng,

Thâu về nằm gọn trong lòng Thái hư.

 Động là thấy Như như bất động,

 Tịnh là đường kim thống Kiền Khôn.

 Phật gia gọi Tổng trì môn,

Ngôi cao Vô Cực Chí Tôn tuyệt thần.

 Có thể nói Nguyên nhân trước nhứt,

 Chuyển thân thành lưỡng cực âm dương.

 Cơ vi biến hóa khôn lường,

Thiên hình vạn trạng, dương dương đẩy dầy.

 Hiện diện khắp đó đây Vũ Trụ,

 Ngài phân thân đầy đủ muôn loài.

 Đầy Trời rỡ rỡ ân oai,

Muôn vàn khác lạ, cũng Ngài hiện thân.

 Không thể biết nguyên nhân sao cả,

 Quá sức người khó tả cho thông.

 Ước khí ta được huyền đồng,

Họa chăng chừng ấy, mới mong thỏa tình.

 Ngài cũng vừa thần linh thể chất,

 Ngài cũng vừa nhơn, vật, Phật, Tiên.

 Ngài là thể sống hiện tiền,

Là người thoát xác, quy thiên cõi ngoài.

 Cũng đương đứng trông coi hoàn vũ,

 Cũng đang lo bảo phụ con tim.

 Cũng thân động, thực, phi, tiềm,

Cũng ngôi Chúa Tể, đương kim Đất Trời.

Ngài tỏ rõ trong Người hơn cả,

 Người tối linh sắp cả thành công.

 Người cùng Trời đất tham thông,

Thiên đường tại thế, đại đồng nơi tâm.

 Chương Nhơn sanh nảy mầm Nhứt quán,

 Nhứt chính nền Nhân bản của ta.

 Khơi ngòi mạch sống trông ra,

Cây người tươi tốt, hương hoa đủ mùi.

 Sung mãn tâm nguồn vui thanh thú,

 Bảo đảm thân có đủ nơi lòng.

 Tự do ngày tháng thong dong,

Gốc lành vững chắc, ai hòng đảo khuynh.

 Chưa ý thức được mình mới khổ,

 Tự dối mình, hư đổ còn chi?

 Con người có đủ quyền uy,

Lương năng là Thánh, lương tri là Thần.

 Hột giống tốt trong thân là Đạo,

 Vốn đủ đầy toàn hảo chí chơn.

 Tưởng rằng quyền pháp nào hơn,

Trên Trời dưới đất, chắc ơn chi bằng.

 Càng chấn khởi tiềm năng càng lạ,

 Càng triển khai, thánh hóa vô song.

 Gẫm coi kim, cổ, tây, đông,

Con người cũng một Hóa công thứ nhì.

 Trời sáng tạo, người thì sáng hóa,

 Đem khả năng khám phá cơ Trời.

 Tuy người chẳng bấy nhiêu hơi,

Mà tâm trí lại tuyệt vời khôn ngoan.

Người ra công mở mang bờ cõi,

 Dùng lương tri soi rọi vào đời.

 Văn minh dẫn bước người đời,

Kinh luân sắp đặt, tùy thời biến thông.

 Người sẵn đủ huyền đồng tâm thuật,

 Khi mà người đắc nhứt đạt thân.

 Chứng ngôi Tiên, Phật, Thánh, Thần.

Hồn nhiên tự tại cảnh trần ấm êm.

 Ấy là người biết đem tâm lại,

 Tâm không còn vọng ngoại buông lung.

 Tự thân diệu dụng vô cùng,

Quỉ thần khó biết hành tung của người.

 Người siêu vượt trần đời ảo hóa,

Mà lão thông tất cả vật tình.

 Trong ngoài động tịnh lãng minh,

Tâm cơ vạn loại tác sinh đều tường.

 Sao dễ thấy âm dương nắm được,

 Lẽ tương quan xuôi ngược đã rành.

 Đối giao, dịch hóa biến sanh,

Dinh hư, tiêu trưởng, vòng quanh lạ gì?

 Trong tương đối mấy khi yên ổn,

 Ảo thuật hay tráo trộn kỳ tài.

 Làm cho lòa mắt, điếc tai,

Không sao phân biệt đó ai hay mình.

 Tâm phóng ra, bảy tình tám thức,

 Duyên đối nhau, hậm hực chống kình.

 Thỏa thê, yêu ghét, bất bình,

Trớ trêu, mâu thuẫn, vô minh rõ ràng.

Biến dạng đủ muôn ngàn sắc thái,

 Thức và không tứ đại giả hình.

 Trải qua bao cuộc tiền trình,

Đổi thay lắm lúc, chính mình nào hay.

 Không một tí mảy may nhận được,

 Bọt sóng đều do nước mà ra.

 Biển, hồ, sông, rạch, mưa sa,

Máu, hơi, tiểu, dải, trong ta một nguồn.

 Rông rêu, cá tôm, muôn vạn thứ,

 Uống ăn dùng, hỏi thử là chi?

 Thép, gan, đồng, sắt, gan, trì.

Vàng đồ, vàng mạ, vàng y cũng vàng.

 Thổ sanh kim, kim hoàn về thổ,

 Quanh một vòng, gặp chỗ nguyên sơ.

 Bản Lai như tỏ như mờ,

Hết nhiên chợt tỉnh giấc mơ đêm dài.

 Dầu cho cảnh thiên sai vạn biệt,

 Phải nhận rằng nhứt thiết do tâm.

 Muốn cho ý thức không lầm,

Dung hòa nhứt quán, tâm tâm đại đồng.

 Nhứt quán suốt ngoài trong động tịnh,

 Nhứt quán xuyên chúng tính vạn thù.

 Đông, tây, kim, cổ tương phù,

Đi đi, lại lại, thiên cù thênh thang.

 Chương Đạo Pháp Nhứt đan yếu chỉ,

 Tối diệu thừa Bất nhị pháp môn.

 Đăng tâm, muôn kiếp trường tồn,

Thất cơ (1), vĩnh đọa linh hồn trầm luân.

(1) Thắt cơ đây nghĩa là thất sanh cơ (sanh khí máy động)

Tìm cho thấy chủ nhân đâu đã.

 Thấy được rồi, mau hạ thủ ngay.

 Giữ còn, buông mất liền tay,

Nên hư trong chốc, mảy may cẩn phòng.

 Trước sửa mình, tu công lập hạnh,

 Phải đoan thân, tâm chánh, ý thành.

 Coi thường ân ái, lợi, danh,

Đoạn duyên, giảm sự, thời hành công phu.

Làm như đại, như mù, như điếc,

 Tuồng giả vờ, không biết, không hay.

 Sự đời tạm gác ngoài tai,

Không còn khoe giỏi, chưng tài, kiêu căng.

 Mặc nhơn thế lăn xăn hay dở,

 Lo tu hành tháo gở nghiệp trần.

 Hoạn đồ tranh cạnh dừng chân,

Khi thành chánh quả, đem thân cứu đời.

 Duy nhứt đức lòng Trời cảm động,

Chớ dối mình vướng mộng Nam kha.

 Phải là như thiết, như tha,

Như mèo rình chuột, như gà ấp sai.

 Hiểu được vậy, xuống tay không khó,

 Lập địa rồi, sáng tỏ như gương.

 Luyện cho kỳ được thuần dương,

Quần âm tận thối, phương cường biết bao!

 Cõi Thiên Thánh ra vào thong thả,

 Chốn phàm trần giáo hóa tới lui.

 Ta, người, Trời, Đất đều vui,

Còn gì chướng ngại, ngược xuôi buộc ràng.

Lòng từ mãn, thênh thanh rộng lớn,

 Chỉ vì đời, không gợn lợi danh.

 Bốn phương nhuận thánh ơn lành,

Làm cho ai cũng đạt thành sở do.

 Nhưng phải ngừa quanh co lắm nẻo,

 Có dễ gì cật khéo ỷ khôn.

 Đường về vô lượng pháp môn,

Vào sâu ra rộng, chỉ tồn nhứt tâm.

 Tâm như khỉ đâu nằm yên chỗ,

 Tánh vốn không, diệu ngộ mà thôi.

 Ở, ăn, đi, đứng, nằm, ngồi,

Chớ buông tâm tánh nổi trôi ngoài trần.

 Thân, tâm, ý, tinh thần bất động,

 Tất thảy đều kiêm thấng vào trong.

 Bấy giờ vạn sự giai không .

Sanh cơ phục phát, chủ ông thấy rồi.

 Thấy rồi phải vun bồi, tịnh dưỡng,

 Duy nhứt thành, tiệm trưởng Chơn tâm.

 Tiến dương, quét sạch quần âm,

Bồ đề Bác nhã được cầm vào tay.

 Song còn phải ngày ngày kiểm điểm,

 Lo phòng nguy lự hiểm, tiểu tâm.

 E còn tiềm thức ngấm ngầm.

Có cơ tái phát, chỗi mầm vươn lên.

 Bước sơ cơ, móng nền vững chắc,

 Đoạn trần căn, đóng chặt cửa ngoài.

 Đánh tan niệm lự dông dài,

Điều thần vận khí, liên đài thung dung.

Chỉ có Nhứt và Trung tóm đủ,

 Chỉ có Đơn gom tụ được Thần.

 Không thân, thân ngoại hữu thân,

Chí linh, chí thiện, chí chơn, chí thành.

 Trung là quả vô sanh vắng lặng,

 Nhứt là ngôi thù thắng Viên minh.

 Đơn khuê, tam ngũ kết tinh,

Lục thông, tứ trí, tụ hình bửu châu.

**MỤC LỤC**

**ĐỀ MỤC** **TRANG**

THÁNH TỰA 1

**CHƯƠNG I** 5

**VŨ TRỤ NHẤT NGUYÊN**

TIẾT I. BẢN NGUYÊN SƠ THỈ LÀ NGUYÊN LÝ VŨ TRỤ 5

 Mục 1. Vì sao cuốn Đạo Học Chỉ Nam ra đời? 5

Mục 2. Nghĩa chữ Đạo Học Chỉ Nam 6

Mục 3. Minh Lý là công cụ của Đạo để hiệp Trời và Người 7

Mục 4. Đạo vô hình nên phải mượn tượng trưng để giải thích 7

TIẾT II. TỰ DO CON NGƯỜI ĐỐI VỚI DỊCH HÓA – THỜI 10

VÔ THỂ VÀ HỮU THỂ

Mục 1. Con người có tự do không? 10

Mục 2. Tại sao mất tự do? Vô minh 11

Mục 3. Ở trong thời gian và không gian, phải chịu phần

dịch hóa, tức là luân hồi sanh tử 12

 Mục 4. Trời vô thể và hữu thể 13

TIẾT III. SỰ BIẾN HÓA CỦA TRỜI ĐẤT LÀ MỘT CUỘC TUẦN

HOÀN TO TÁT, ĐẦY CẢ SỰ RẮC RỐI, BÍ HIỂM 16

Mục 1. Có động tức có phản 16

Mục 2. Muôn hình ngàn trạng cũng gốc ở âm dương 17

Mục 3. Thường nhân nghiên cứu ở ngọn thì thấy có hai,

 có nhiều 18

Mục 4. Thánh nhân dụng cả hai bên: hiển chư nhân tàng chư

dụng 19

 Bài trùng tụng 20

TIẾT IV. BIẾT LUẬT SANH HÓA MỚI CÓ THỂ TIẾN HÓA VÀ

ĐỒNG NHẤT CÙNG TRỜI, LÀ ĐẶNG GIẢI THOÁT 23

Mục 1. Thái Cực 23

Mục 2. Âm dương, Vũ trụ, Thời gian và không gian 24

Mục 3. Tứ tượng 25

Mục 4. Ngũ hành (Tứ tượng hiệp với Thổ ở giữa trung ương

là NGŨ HÀNH) 26

Mục 5. Bát quái 28

Mục 6. Tự do giải thoát là Trung đạo ở trong cuộc biến hóa 29

**CHƯƠNG II** 34

**NHÂN SINH NHỨT QUÁN**

TIẾT I. LỜI NÓI ĐẦU 34

 Mục 1. Cảnh nguy vong của nhân loại hiện thời 34

Mục 2. Làm sao để giải thoát cho con người 35

Mục 3. Các Thánh nhân đã tìm nhiều phương xây dựng loài

người 36

TIẾT II. GIÁ TRỊ CON NGƯỜI 37

Mục 1. Nghĩa con người theo sách Lễ Ký, Đại học 37

Mục 2. Nghĩa con người theo thuyết Vương Dương Minh,

Tuân Tử 39

Mục 3. Nghĩa theo giáo lý Lão Tử Thích Ca 40

Mục 4. Giá trị con người là do người tự tạo 41

TIẾT III. TÁNH LÀ NHÂN BẢN 42

Mục 1. Nghĩa chữ TÁNH, tuyệt đối và tương đối 42

(theo nghĩa chiết tự)

Mục 2. Sanh và tâm hậu thiên (đời) 44

Mục 3. Biến dịch sanh tử 47

Mục 4. Sanh và Tâm Tiên Thiên (đạo) 50

TIẾT IV. Ý HƯỚNG CỦA CÁC TÔN GIÁO VÀ HỌC THUYẾT

VỀ NHÂN SANH 57

Mục 1. Tổng luận 57

1. Về tình trạng giáo thuyết hiện kim 57
2. Về Đạo học Đông Phương và Tây phương 59

Mục 2. Giản lược về giáo lý của các tôn giáo và học thuyết 61

1. Nói về ba giáo Đông phương: THÍCH, LÃO, NHO 61

1/ Phật giáo 61

2/ Lão giáo 63

3/ Nho giáo 64

1. Nói về các tôn giáo mới xuất hiện tại nước

VIỆT NAM 66

1/ Đạo Hòa Hảo 66

 Tổng luận các Đạo họ Minh 66

2/ Đạo Minh Lý 67

3/ Đạo Cao Đài 69

Mục 3. Giản lược các học thuyết Âu tây 71

 1/ Tổng luận về văn minh âu tây 72

 2/ Học thuyết Descattes (1596 – 1650) 71

 3/ Học thuyết của Hégel với sự chuyển biến của nó 74

4/ Học thuyết của Karl Marx 77

5/ Hành động đấu tranb của thuyết Karl Marx

về con người 79

 Mục 4. Lý trí học thuyết ngày nay như thế nào? 83

1. Đạo học và khoa học khác nhau ở căn bản

Đạo Học căn cứ vào Tâm linh và Khoa học

căn cứ vào lý trí 83

1. Kết quả hành động của lý trí học thuyết là tiêu

diệt lẫn nhau 84

 Bài văn vần 86

 **CHƯƠNG III** 91

**ĐẠO PHÁP NHỨT ĐƠN** 91

TIẾT I. THIÊN MẠNG 91

Mục 1. Công dụng củ Đạo Pháp chỉ là nhứt đơn 91

a) Kinh văn 91

 b) Trùng tụng (không có)

Mục 2. Đơn chẳng riêng ngoài Thiên mạng, là Lý tuyệt đối

của Vũ trụ 92

1. Kinh văn 92
2. Trùng tụng 96

Mục 3. Thiên mạng trong người là Bác Nhã 97

1. Kinh văn 97
2. Trùng tụng 102

TIẾT II. ĐẠO TÂM 107

Mục 1. Đạo tâm hướng ngoại, Mất tánh hồn nhiên 107

1. Kinh văn 107
2. Trùng tụng 108

Mục 2. Giữa tâm động và bất động, là hoảng hốt yểu minh 112

1. Kinh văn 112
2. Trùng tụng 113

Mục 3. Ngược dòng Cơ vi, là phương tu nhập thánh 117

1. Kinh văn 117
2. Trùng tụng 118

TIẾT III. HOÀNG CỰC 121

Mục 1. Thượng Đế hữu thể 121

1. Kinh văn 121
2. Trùng tụng (không có bài)

Mục 2. Thượng Đế vô thể 124

1. Kinh văn 124
2. Trùng tụng 128

Mục 3. Hoàng Cực Đại Trung 131

1. Kinh văn 131
2. Trùng tụng (không có bài)

TIẾT IV. PHƯƠNG MÔN TU LUYỆN 137

Mục 1. Tu Kim đơn là hiệp thần khí, nhật nguyệt 137

1. Kinh văn 137
2. Trùng tụng (không có bài)

Mục 2. Tam ngũ hiệp nhất 138

1. Bắc Tây sanh kim tình (phách). Đông Nam sanh

mộc tánh (Hồn) 138

1. Tứ phương qui trung, là Lý là Mồ Kỷ môn,

là Chơn Lý 140

1. Chơn ý xuất hiện trung ương thổ: Vạn thù

qui nhứt bổn 142

Mục 3. Nghĩa Kim đơn theo các quẻ Châu Dịch 143

 **CHƯƠNG IV 147**

**DUNG HÒA NHỨT LÝ** 147

TIẾT I. KHÁI QUÁT 147

 Mục độc nhứt. Thời gian và không gian 147

1. Kinh văn 147
2. Trùng tụng 150

TIẾT II. VŨ TRỤ VÀ CON NGƯỜI 151

Mục 1. Vũ trụ trong màn đêm giới luận 151

1. Kinh văn 151
2. Trùng tụng 155

Mục 2. Sự chi phối của Vũ trụ vào con người 157

1. Kinh văn 157
2. Trùng tụng 161

Mục 3. Dung hòa con người giữa thế giới Vũ trụ 163

1. Kinh văn 163
2. Trùng tụng 167

TIẾT III. NHÂN SINH VÀ CON NGƯỜI 169

 Mục 1. Nhơn sinh trong màn đêm huệ thức 170

1. Kinh văn 170
2. Quán định nhân sinh trên cương vị không gian

hiện hữu của chính nhân sinh 170

1. Quán định nhân sinh trên cương vị thời gian

luân chuyển 171

1. Trùng tụng 173

Mục 2. Tác động nhân sinh trên con người hiện hữu 175

1. Kinh văn 175

1/ Vấn đề tinh thần gồm hai phần: trí thức

và tình cảm 176

2/ Sang khía cạnh vật chất 177

1. Trùng tụng 178

Mục 3. Hiệp hòa con người trong thế giới nhân sinh 180

1. Kinh văn 180

 Quan niệm trên tiêu chuẩn hiệp hòa 181

1. Vấn đề thực hành thứ nhứt được nêu

lên là hiệp hòa, để giải quyết cái màn

đêm u tối của tinh thần nhân loại 182

1. Vấn đề thứ hai là hiệp hòa đề giải

Quyết vấn đề vật chất của nhân loại 183

 b) Trùng tụng 184

TIẾT IV. ĐẠO PHÁP VÀ CON NGƯỜI 186

 Mục 1. Đạo pháp trong màn đêm tâm thức 186

 a) Kinh văn 186

 b) Trùng tụng 190

 Mục 2. Luân động Đạo pháp trên con người thực hữu 191

 a) Kinh văn 191

 b) Trùng tụng 195

 Mục 3. Minh triết con người trong Vũ pháp Đạo học 197

 a) Kinh văn 197

 b) Trùng tụng 202

TIẾT V. QUI KẾT 204

 1/ Trên đối tượng Vũ trụ 206

 2/ Trên đối tượng nhân sinh 206

 3/ Trên đối tượng Đạo pháp 207

 4/ Ba vấn đề Vũ trụ, Nhân sinh và Đạo pháp

trên con người 208

 Mục độc nhứt 211

**CHƯƠNG V**  214

**LINH TINH** 214

TIẾT I. ĐỒ THƠ TRUNG NHỨT 214

TIẾT II. HỒNG–PHẠM CỮU TRÙ 221

 Trù thứ nhất là NGŨ HÀNH 223

 Trù thứ hai là NGŨ SỰ 223

Trù thứ ba là BÁT CHÁNH 224

 Trù thứ tư là NGŨ KỶ 224 Trù thứ năm là HOÀNG CỰC 225

 Trù thứ sáu là TAM ĐỨC 225

Trù thứ bảy là KÊ NGHI 226

 Trù thứ tám là THỨ TRUNG 226

Trù thứ chín là NGŨ PHÚC LỤC CỰC 227

**KẾT LUẬN** 228

TIẾT ĐỘC NHỨT 228

1. Kinh văn 228
2. Trùng tụng 231